

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN THÙY TRANG

**QUÂN ĐỘI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ
GẮN VỚI QUỐC PHÒNG - AN NINH
Ở TÂY NGUYÊN
(1985 - 2013)**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ SỬ HỌC

HUẾ, 2020

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN THÙY TRANG

**QUÂN ĐỘI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KINH TẾ GẮN VỚI QUỐC PHÒNG – AN NINH
Ở TÂY NGUYÊN
(1985 - 2013)**

Ngành: Lịch Sử Việt Nam

Mã số: 92 29 013

LUẬN ÁN TIẾN SĨ SỬ HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

PGS. TS. TRẦN NGỌC LONG

TS. NGUYỄN VĂN HOA

HUẾ, 2020

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu	3
4. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu	4
5. Đóng góp của luận án.....	5
6. Bố cục của luận án.....	5
Chương 1	6
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	6
1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	6
1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về quân đội tham gia xây dựng kinh tế nói chung	6
1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng của quân đội	12
1.1.3. Nhóm các công trình nghiên cứu về các đơn vị quân đội thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng ở Tây Nguyên.....	19
1.2. NHẬN XÉT VỀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	24
1.2.1. Những nội dung đã được các công trình nghiên cứu, giải quyết mà luận án kế thừa	24
1.2.2. Những vấn đề luận án tiếp tục giải quyết.....	26
Chương 2	28
QUÂN ĐỘI THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI CUNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH Ở TÂY NGUYÊN (1985 - 1998).....	28
2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH QUÂN ĐỘI THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI CUNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH Ở TÂY NGUYÊN	28
2.1.1. Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội Tây Nguyên	28
2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên	28
2.1.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	30
2.1.2. Tình hình an ninh - chính trị.....	34

2.1.3. Chủ trương của Đảng về quân đội xây dựng kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh.....	37
2.1.3.1. <i>Giai đoạn trước năm 1985</i>	37
2.1.3.2. <i>Giai đoạn 1985 - 2013</i>	42
2.1.4. Kết quả bước đầu của các đơn vị quân đội xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng ở Tây Nguyên (1973 - 1985).....	49
2.1.4.1. <i>Tiếp quản vùng giải phóng; vừa sản xuất, vừa chiến đấu</i>	49
2.1.4.2. <i>Bước đầu xây dựng kinh tế kết hợp với củng cố, giữ vững quốc phòng - an ninh</i>	52
2.2. BINH ĐOÀN 15 RA ĐỜI, BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG XÂY DỰNG KINH TẾ KẾT HỢP QUỐC PHÒNG - AN NINH (1985 - 1998).....	59
2.2.1. Sự thành lập Binh đoàn 15	59
2.2.2. Khắc phục khó khăn, ổn định bộ máy tổ chức, nhanh chóng đi vào sản xuất kết hợp củng cố quốc phòng - an ninh	61
Chương 3	73
QUÂN ĐỘI ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI QUỐC PHÒNG - AN NINH Ở TÂY NGUYÊN (1998 - 2013)	73
3.1. CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ - QUỐC PHÒNG PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC, MỞ RỘNG ĐỊA BÀN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ (1998 - 2005)	73
3.1.1. Các khu Kinh tế - Quốc phòng hình thành.....	73
3.1.2. Các đơn vị tăng cường phát triển kinh tế, ổn định địa bàn trong các khu Kinh tế - Quốc phòng	75
3.2. CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ - QUỐC PHÒNG ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC DÂN VẬN, ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT (2005 - 2013).....	85
3.2.1. Sự thay đổi về cơ chế quản lý và tổ chức của các đơn vị quân đội kết hợp kinh tế với quốc phòng ở Tây Nguyên.....	85
3.2.2. Tháo gỡ những vướng mắc để phát triển kinh tế, tiếp tục giữ vững quốc phòng - an ninh trên địa bàn.....	87
3.3. MỘT SỐ MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ GẮN VỚI QUỐC PHÒNG - AN NINH Ở TÂY NGUYÊN.....	97
3.3.1. Mô hình Binh đoàn - Tổng Công ty	97

3.3.2. Mô hình khu Kinh tế - Quốc phòng Tây Nguyên	104
3.3.3. Mô hình “Gắn kết”	110
3.3.3.1. “Gắn kết đơn vị và chính quyền địa phương”	110
3.3.3.2. “Gắn kết tổ, đội sản xuất với thôn, buôn”	112
3.3.3.3. “Gắn kết hộ gia đình”	113
Chương 4	118
NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM	118
4.1. NHẬN XÉT.....	118
4.1.1. Kết quả.....	118
4.1.2. Hạn chế.....	132
4.2. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM.....	137
4.2.1. Nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng của Quân đội Nhân dân Việt Nam trong thời kì mới	137
4.2.2. Tăng cường công tác dân vận, gắn bó với cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương; phát huy vai trò của già làng, trưởng bản trong phát triển kinh tế gắn với củng cố hệ thống chính trị trên địa bàn.....	139
4.2.3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức quần chúng trên địa bàn để cùng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao	140
4.2.4. Chủ động, linh hoạt trong sản xuất, kinh doanh để nâng cao hiệu quả tổng hợp kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội và quốc phòng an ninh.	142
KẾT LUẬN	145
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	149
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Quân đội Nhân dân Việt Nam ngay từ khi thành lập đã được Đảng và Lãnh tụ Hồ Chí Minh xác định là “Đội quân chiến đấu, Đội quân công tác, Đội quân sản xuất” - ba chức năng cơ bản, chủ yếu đó đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Trong đó, quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế là sự kế thừa và phát triển kế sách “dựng nước đi đôi với giữ nước”, “kinh tế kết hợp quốc phòng” đã hình thành từ rất sớm và tồn tại xuyên suốt trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Thực tiễn đã cho thấy, dù ở bất cứ hoàn cảnh nào, cùng với việc làm tốt nhiệm vụ bảo vệ thành quả cách mạng, quân đội luôn chủ động, tích cực tham gia lao động sản xuất, xây dựng kinh tế bằng nhiều hình thức, biện pháp phù hợp. Qua đó, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, quân đội bên cạnh nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc đã luôn nêu cao tinh thần tự lực tự cường, tích cực tăng gia sản xuất cải thiện đời sống; tham gia xây dựng hậu phương lớn miền Bắc, căn cứ hậu cần tại chỗ trên các vùng chiến lược, góp phần thực hiện thắng lợi hai chiến lược cách mạng: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Sau ngày đất nước thống nhất, quân đội là lực lượng xung kích, tham gia khôi phục, hàn gắn vết thương chiến tranh, đồng thời triển khai thực hiện các chương trình, dự án xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng trên khắp mọi miền đất nước, chủ yếu là ở các địa bàn khó khăn, miền núi, vùng biên giới, hải đảo. Bước vào thời kỳ đất nước thực hiện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, cùng với nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu quân đội còn được Đảng và Nhà nước tin tưởng giao nhiệm vụ tham gia phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh trên các địa bàn chiến lược.

Tây Nguyên với vị thế tự nhiên án ngữ ngã ba Đông Dương, luôn là địa bàn có vị trí chiến lược hết sức quan trọng của đất nước. Vùng đất này có nhiều tiềm năng, thế mạnh phát triển kinh tế, là vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Đây từng là căn cứ địa vững chãi của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, cũng là nơi ươm náu, hoạt động của nhiều tổ chức phản động. Đánh giá cao tầm quan

trọng của Tây Nguyên, Đảng, Nhà nước và quân đội đã có nhiều kế hoạch chiến lược xây dựng Tây Nguyên thành vùng kinh tế trọng điểm, vững chắc về quốc phòng - an ninh. Tuy nhiên, thực trạng kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên vẫn còn nhiều khó khăn so với các vùng, miền khác của cả nước. Đây cũng là địa bàn rất nhạy cảm về chính trị, các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng sự đói nghèo, vấn đề dân tộc, tôn giáo để xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, kích động biểu tình, bạo loạn, đòi ly khai thành lập cái gọi là “Nhà nước Đê ga tự trị”. Hoạt động tôn giáo trái pháp luật, di cư tự do trên địa bàn diễn biến phức tạp. Trong bối cảnh đó, việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn Tây Nguyên luôn được đặt ra một cách cấp thiết.

Ngay từ năm 1973, sau khi Hiệp định Paris được kí kết, vùng giải phóng hình thành ở Bắc Tây Nguyên, một số đơn vị quân đội đứng chân trên địa bàn này đã được lệnh bám trụ, ở lại làm nhiệm vụ phát triển kinh tế, xây dựng hậu phương tại chỗ, chi viện cho lực lượng chủ lực giải phóng miền Nam. Từ đó đến nay trải qua hơn nửa thế kỷ lao động sản xuất, các đơn vị quân đội thực hiện phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng ở Tây Nguyên đã và đang mang cuộc sống no ấm cho hàng nghìn hộ đồng bào dân tộc thiểu số và nhân dân từ mọi miền đến đây lập nghiệp, hình thành nên hệ thống khu Kinh tế - Quốc phòng vững chãi dọc trên vành đai biên giới giáp Lào và Campuchia. Sự hiện diện của lực lượng quân đội đảm nhận nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển mọi mặt của Tây Nguyên.

Quá trình quân đội tham gia phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên đã để lại nhiều kinh nghiệm quý giá đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết, từ việc nhận thức cho đến quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Trên ý nghĩa đó, tôi quyết định chọn vấn đề “*Quân đội thực hiện nhiệm vụ kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên (1985 - 2013)*” làm đề tài cho luận án tiến sĩ sử học của mình. Đề tài vừa có giá trị khoa học vừa có ý nghĩa thực tiễn.

Về ý nghĩa khoa học, tìm hiểu vấn đề này sẽ làm sáng tỏ những hoạt động cũng như thành tựu, hạn chế trong quá trình quân đội thực hiện nhiệm vụ phát

triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh tại Tây Nguyên; khẳng định mục tiêu của việc quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế không phải kinh doanh đơn thuần mà là góp phần quan trọng củng cố vững chắc thể trận quốc phòng - an ninh tại các địa bàn chiến lược.

Về ý nghĩa thực tiễn, qua việc khảo cứu quá trình quân đội thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên sẽ đúc kết được một số mô hình tiêu biểu, những bài học kinh nghiệm thiết thực phục vụ hữu hiệu cho sự nghiệp xây dựng kinh tế và củng cố thể trận quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên nói riêng và các địa bàn trọng điểm, chiến lược khác trong cả nước hiện nay nói chung.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các đơn vị quân đội thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng - an ninh trên địa bàn Tây Nguyên.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Địa bàn Tây Nguyên, bao gồm các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng.

- Về thời gian: Từ năm 1985 (khi Binh đoàn 15 chính thức được thành lập) cho đến năm 2013 (khi mô hình quân đội thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng ở Tây Nguyên bước đầu hoàn thiện). Tuy nhiên, để đảm bảo tính logic của vấn đề, trong luận án có thể đề cập đến hoạt động của một số đơn vị quân đội chuyên xây dựng kinh tế tại địa bàn Tây Nguyên từ năm 1973.

- Về nội dung: Quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế có rất nhiều loại hình, song, phạm vi nội dung của luận án chỉ tập trung nghiên cứu các đơn vị quân đội chuyên trách làm nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh trên địa bàn Tây Nguyên như Binh đoàn 15, Binh đoàn 16 và một số đơn vị cấp quân khu, cấp tỉnh đội quản lý.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Làm rõ quá trình quân đội thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn Tây Nguyên (1985 - 2013), qua đó góp phần khẳng định tính đúng đắn của mô hình. Cung cấp luận cứ khoa học góp

phần vào việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên nói riêng và các địa bàn biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn trong cả nước nói chung.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, nhiệm vụ của luận án được xác định là:

- Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.
- Làm rõ các yếu tố tác động đến quá trình quân đội thực hiện nhiệm vụ kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên. Khái quát chủ trương của Trung ương Đảng, chính sách của Nhà nước về quân đội tham gia phát triển kinh tế kết hợp củng cố quốc phòng.
- Tái hiện quá trình quân đội thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn Tây Nguyên qua các giai đoạn phát triển từ năm 1985 đến năm 2013.
- Nhận diện các mô hình phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh tiêu biểu trên địa bàn.
- Nhận xét, đánh giá kết quả đạt được và đúc kết một số bài học kinh nghiệm về quá trình quân đội thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn Tây Nguyên (1985 - 2013).

4. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nguồn tư liệu

- Văn kiện của Trung ương Đảng, chỉ thị của Bộ Quốc phòng, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Quân khu 5.
- Các tác phẩm, bài nói và viết của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, quân đội.
- Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Trung tâm lưu trữ Bộ Quốc phòng, Cục Kinh tế - Bộ Quốc phòng, Quân khu 5, Phòng Chính trị Quân khu 7, Binh đoàn 15, Binh đoàn 16...
- Các cuốn lịch sử truyền thống của các đơn vị, địa phương.
- Các luận án, luận văn liên quan đến đề tài.
- Hồi ức của các nhân chứng lịch sử.
- Kết quả khảo sát điền dã.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện luận án, nghiên cứu sinh sử dụng kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp logic là chủ yếu. Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu còn sử dụng một số phương pháp khác như: thống kê, tổng hợp, khái quát, so sánh, phân tích trên cơ sở khảo cứu các nguồn tư liệu văn bản, thực địa và tiếp xúc nhân chứng lịch sử để chọn lọc, khai thác những thông tin có giá trị tin cậy.

5. Đóng góp của luận án

Luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện về quá trình quân đội tham gia phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên (1985 - 2013). Qua đó, góp phần khẳng định tính đúng đắn, sáng tạo và hiệu quả của mô hình này trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên.

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung, nhận thức sâu sắc hơn về truyền thống “Đội quân sản xuất” của Quân đội Nhân dân Việt Nam; đồng thời là tài liệu tham khảo cho những ai quan tâm tìm hiểu về quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế trong thời bình.

Luận án đúc kết được một số bài học kinh nghiệm có giá trị khoa học và thực tiễn, cung cấp dữ liệu có thể tham khảo trong quá trình hoạch định chính sách phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên hiện nay.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm có 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu.

Chương 2. Quân đội thực hiện phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên (1985 - 1998).

Chương 3. Quân đội đẩy mạnh phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên (1998 - 2013).

Chương 4. Nhận xét và một số bài học kinh nghiệm.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Vấn đề quân đội tham gia xây dựng, phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh lâu nay đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Đặc biệt là trong bối cảnh hiện tại, khi mà có không ít ý kiến cho rằng chức năng của quân đội là chiến đấu và huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, quân đội không nên làm kinh tế... thì vấn đề này càng được các nhà nghiên cứu tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Ngay cả khi Binh đoàn 15 - đơn vị quân đội chuyên trách nhiệm vụ xây dựng kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên ra đời, đạt được những thành tựu nhất định thì mô hình này cũng chưa phải đã tạo được sự đồng thuận ngay trong nhận thức của nhiều người.

Chính vì vậy mà liên quan đến chủ đề này đã có khá nhiều công trình, bài viết được công bố; có thể khu trú vào một số nhóm cơ bản sau đây:

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về quân đội tham gia xây dựng kinh tế nói chung

Đặt nền tảng cho việc nghiên cứu vấn đề kết hợp kinh tế với quốc phòng cũng như vai trò của quân đội trong hoạt động tham gia xây dựng kinh tế, đã có nhiều công trình mang tính hệ thống về mặt lý luận, đáng chú ý nhất là cuốn *Học thuyết Mác - Lênin về chiến tranh và quân đội* (Nxb Quân đội Nhân dân, 1975). Công trình khẳng định: Quân đội là tổ chức quân sự của nhà nước xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản lãnh đạo, mang bản chất giai cấp công nhân, gắn bó máu thịt với nhân dân. Do bản chất của chế độ và chức năng quy định nên quân đội không chỉ chiến đấu bảo vệ thành quả cách mạng mà còn có nhiệm vụ tham gia phát triển kinh tế, xây dựng đất nước.

Tại nhiều quốc gia phụ cận, có điều kiện và đặc thù chiến tranh nhân dân tương đồng với Việt Nam, vấn đề quân đội tham gia vào xây dựng kinh tế, củng cố quốc phòng trong thời bình cũng đã sớm được quan tâm, nghiên cứu.

Từ đầu thập niên 50 của thế kỉ XX, khi tình hình đất nước đi vào ổn định, chính quyền Trung Quốc đã thành lập Binh đoàn sản xuất và xây dựng Tân Cương với nhiệm vụ thúc đẩy, phát triển kinh tế, đảm bảo ổn định xã hội và hòa hợp dân

tộc, cũng như củng cố phòng thủ vùng biên giới. Năm 1985, Trung Quốc cho phép quân đội tham gia các hoạt động thương mại trong lĩnh vực dân dụng dưới hình thức các doanh nghiệp nhà nước. Những nội dung này đã được thể hiện trong các công trình: *Vai trò của Quân giải phóng nhân dân trong nền kinh tế và đối ngoại của Trung Quốc* của Bondan O.Szuprowicz (Nxb Quân đội Nhân dân, 1977); *Hoạt động kinh tế của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc* của A.Abadop (Nxb Quân đội Nhân dân, 1998),... Bondan cho rằng: Quân đội Trung Quốc là tổ chức duy nhất trong các tổ chức quân sự trên thế giới, tham gia rộng khắp vào công cuộc phát triển kinh tế và có vai trò đảm bảo sức mạnh kinh tế cho đất nước. Các công trình trên cũng cho biết quân đội Trung Quốc đã và đang tham gia phát triển kinh tế có hiệu quả ở nhiều ngành khác nhau như: giao thông vận tải, công nghiệp dệt, kinh doanh khách sạn, xây dựng nhà ở, công nghiệp nhẹ, viễn thông,... lợi nhuận đóng góp lớn vào ngân quỹ của quân đội Trung Quốc.

Cũng nghiên cứu về quân đội xây dựng kinh tế, luận án *Phát triển các doanh nghiệp quân đội nhân dân Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế* của Vongack Phanthavong (Đại học Kinh tế quốc dân, 2010) tập trung phân tích, làm rõ đặc điểm của các doanh nghiệp quân đội tại Lào.

Vongack Phanthavong phân tích cụ thể sự giống nhau về bản chất của doanh nghiệp quân đội Lào và Việt Nam: đều hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Nhà nước và những quy định của Bộ Quốc phòng; kinh doanh phải đạt hiệu quả, nhiệm vụ quốc phòng phải đảm bảo; có loại hình doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp sản xuất quốc phòng. Tuy nhiên, ở Lào còn có loại hình doanh nghiệp cho thuê và giao khoán chỉ tiêu ngân sách, không có loại hình doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng như Việt Nam; một số doanh nghiệp quân đội Lào có vốn hoặc liên doanh hợp tác với Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan,...

Công trình cũng so sánh: Các doanh nghiệp quân đội ở Lào ra đời từ năm 1984, quá trình phát triển mặc dù đã đạt được một số thành tựu song với số lượng ít, quy mô, cơ cấu nhỏ, mô hình này chưa có nhiều đóng góp cho sự phát triển và hội nhập của đất nước; trong khi đó, các doanh nghiệp quân đội ở Việt Nam đã thực sự trở thành một lực lượng đáng kể và đóng vai trò nhất định trong nền kinh tế quốc dân. Tác giả rút ra kết luận: “*Quân đội Nhân dân Việt Nam luôn luôn nhấn mạnh và tập trung vào vấn đề gắn liền nhiệm vụ kinh tế với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh*

và đã tìm ra được giải pháp rất hiệu quả để thực hiện xuất sắc hai nhiệm vụ đó. Hai giải pháp cơ bản là: Thứ nhất, giao cho một số đơn vị triển khai mô hình quân đội làm nhiệm vụ kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng trên những địa bàn chiến lược; Thứ hai, tập trung các nguồn lực của Nhà nước, quân đội và những lực lượng tại chỗ để xây dựng những khu Kinh tế - Quốc phòng” [180; tr.28].

Một số doanh nghiệp quân đội Lào có vốn đầu tư từ Việt Nam như Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Liên doanh 20 - 1, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Liên doanh dệt nhuộm Lào - Việt Nam,... Đặc biệt, Tổng Công ty phát triển nông lâm - công nghiệp toàn diện (miền Nam) đứng chân trên các tỉnh biên giới Champasac, Attapur, Xêkong, Xalavan, Savanakheth đã mở ra mối quan hệ hợp tác trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh với Việt Nam.

Hiện tượng quân đội tham gia phát triển kinh tế dưới các hình thức khác nhau khá phổ biến ở trên thế giới như tại Đức, Nhật Bản, Malaixia, Indônêxia, Thái Lan, Đài Loan,... Với những đóng góp đã được ghi nhận, quân đội không chỉ là lực lượng tích cực trong xây dựng kinh tế mà còn được xem là phương thức thực hiện chiến lược kinh tế kết hợp quốc phòng tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Nhiều công trình nghiên cứu về kết hợp kinh tế với quốc phòng đã đề cập đến vai trò của Quân đội Nhân dân Việt Nam trong việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược này, có thể kể đến: *Vấn đề kết hợp kinh tế với quốc phòng ở Việt Nam* (Nxb Quân đội Nhân dân, 1980) của Trần Xuân Trường và Nguyễn Anh Bắc; *Mấy vấn đề về bảo đảm kinh tế cho quốc phòng ở nước ta hiện nay* (Nxb Quân đội Nhân dân, 1986) của Nguyễn Đường và Nguyễn Anh Bắc; *Kết hợp kinh tế với quốc phòng ở nước ta hiện nay* (Nxb Quân đội Nhân dân, 2008) của Trần Trung Tín.

Nội dung cơ bản của những công trình trên chủ yếu tập trung phân tích, luận giải tính khách quan của việc kết hợp kinh tế với quốc phòng; mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh; tiến trình kết hợp kinh tế với quốc phòng trong lịch sử dân tộc cũng như các cách thức, đặc điểm của chiến lược kinh tế kết hợp quốc phòng ở Việt Nam. Các công trình đều khẳng định tính tất yếu và đánh giá cao vai trò tích cực của Quân đội Nhân dân Việt Nam trong tham gia phát triển kinh tế gắn với quốc phòng, xây dựng tiềm lực đất nước.

Trong đó, công trình *Kết hợp kinh tế với quốc phòng ở nước ta hiện nay* (Nxb Quân đội Nhân dân, 2008) của Trần Trung Tín đã làm rõ một số nội dung cụ

thể về vai trò, vị trí của quân đội tham gia xây dựng kinh tế đất nước.

Dưới sự trực tiếp chỉ đạo cụ thể và chỉ đạo ngày càng quyết liệt của Đảng Cộng sản Việt Nam, hoạt động tham gia sản xuất của quân đội, trong suốt thời kỳ Cách mạng giải phóng dân tộc đến giai đoạn cả nước đi lên xã hội chủ nghĩa, không chỉ là phương thức thể hiện đúng đắn của chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng, mà còn phải trở thành lực lượng nòng cốt thực hiện chiến lược này. Vì vậy, tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế là một nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa chiến lược lâu dài của quân đội. Để tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ này, quân đội *“phải tìm đúng thế mạnh, xây dựng những lực lượng kinh tế - quốc phòng như là “những quả đấm chiến lược” ở những ngành kinh tế mũi nhọn, ở những vùng lãnh thổ chiến lược. Nói chung, quân đội làm kinh tế là phải chọn việc, chọn nơi, có phương hướng và quy chế rõ ràng, mang lại hiệu quả thiết thực”* [154; tr.22].

Tác giả khái quát những kết quả mà lực lượng quân đội xây dựng kinh tế đã làm được qua 3 loại hình: doanh nghiệp quân đội, đoàn Kinh tế - Quốc phòng, đơn vị thường trực tham gia sản xuất. Những thành tựu ấy đã góp phần khắc phục hậu quả chiến tranh; giữ gìn năng lực sản xuất quốc phòng, nâng cao năng lực chiến đấu cho quân đội; tăng nguồn thu cho ngân sách, cải thiện đời sống bộ đội. Quân đội đã trở thành cầu nối giữa Đảng với đồng bào các dân tộc, củng cố lòng tin của nhân dân vùng sâu, vùng xa vào đường lối chính sách của Đảng, tạo thế trận quốc phòng - an ninh trên địa bàn chiến lược và biên giới.

Tác giả đề cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp quân đội: *“trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt của kinh tế thị trường, vẫn vững vàng bám trụ trên các địa bàn chiến lược, sản xuất ngày càng nhiều sản phẩm cung cấp cho xã hội”* [154; tr.124]. Doanh nghiệp quân đội tham gia xây dựng nhiều lĩnh vực, ngành và các vùng kinh tế trọng điểm của đất nước, tác động sâu sắc đến mọi mặt phát triển của đất nước, góp phần đưa Việt Nam nhanh chóng hội nhập kinh tế thế giới.

Đối với đoàn Kinh tế - Quốc phòng, Trần Trung Tín cho rằng: *“về thực chất đây là những đơn vị quân đội đứng chân trên các địa bàn chiến lược như vùng núi phía Bắc, Tây Nam Bộ, Tây Nguyên,... làm nhiệm vụ xây dựng các khu Kinh tế - Quốc phòng, nòng cốt giúp dân xóa đói giảm nghèo. Bản thân việc đứng chân và hoạt động của các đơn vị này trong việc tạo ra kết cấu hạ tầng cho các cụm dân cư, đã phát triển kinh tế, thúc đẩy mạnh mẽ giao lưu kinh tế - văn*

hóa ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới. Đây là một sự nghiệp mà Đảng và Nhà nước ta hiện nay đang rất quan tâm. Đó cũng là đóng góp của quân đội cho sự nghiệp công nghiệp hóa ở nông thôn nói riêng và trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa của cả nước. Các đoàn Kinh tế - Quốc phòng thực sự là lực lượng nòng cốt để xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân vững chắc trên các địa bàn chiến lược.” [154; tr.269].

Ngoài các công trình kể trên, có khá nhiều bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành đề cập đến hoạt động quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế tại Việt Nam, tiêu biểu:

Trong bài viết *“Kết hợp kinh tế với quốc phòng để xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới”* trên *Tạp chí Cộng sản*, số 12 - 1992, Đoàn Khuê đã đưa ra một số vấn đề cần lưu ý đối với lực lượng quân đội xây dựng kinh tế. Với mục tiêu tăng cường năng lực quốc phòng, hoạt động xây dựng kinh tế của quân đội *“không được để ảnh hưởng đến sức chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của quân đội, tiềm lực quốc phòng của đất nước; không được ảnh hưởng đến bản chất, truyền thống Quân đội Nhân dân Việt Nam”* [114; tr.9]. Đoàn Khuê nhấn mạnh *“quân đội tham gia xây dựng kinh tế phải đạt kết quả và hiệu quả cao. Kết quả và hiệu quả này phải được xem xét một cách tổng hợp vì lợi ích kinh tế và lợi ích quốc phòng an ninh và xã hội”* [114; tr.9], trong đó, *“ở những đơn vị quân đội làm kinh tế đứng chân trên những địa bàn chiến lược, hiệu quả không thể tính theo lỗ lãi đơn thuần, mà phải xem trọng việc tạo nên thế bố trí chiến lược của đất nước về quốc phòng - an ninh và xã hội”* [114; tr.9]. Mặt khác, bài viết đặt ra yêu cầu phải có những cơ chế phù hợp, chính sách cụ thể cho mỗi loại hình xây dựng kinh tế khác nhau của quân đội để có thể phát huy được tiềm năng, thế mạnh, không đi chệch mục tiêu.

Bài viết *“Sản xuất, xây dựng kinh tế quân đội không tách rời đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng”* của Đồng Sĩ Nguyên trên tạp chí *Kinh tế quốc phòng*, số 4 - 2012, đã khái quát quá trình ra đời, phát triển, tổng kết một số đóng góp tiêu biểu của lực lượng sản xuất trong Quân đội Nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ.

Từ những ngày đầu kháng chiến - kiến quốc, quân đội đã vừa chiến đấu vừa tăng gia sản xuất để đảm bảo một phần đời sống cho bộ đội đánh giặc.

Miền Bắc hòa bình, Bộ Quốc phòng đã điều chuyển một lực lượng cán bộ chiến sĩ sang làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế. Một số sư đoàn, trung đoàn tham gia xây dựng các sở sở kinh tế lớn và 29 nông trường khắp miền Bắc. Thực hiện *Nghị quyết Trung ương lần thứ 15* (khóa II), một số đơn vị quân đội đã vào xây dựng hậu phương tại chỗ ở Khu 5, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ. Đến giai đoạn cuối của kháng chiến chống Mỹ, có 15 trung đoàn kinh tế đứng chân tại Tây Nguyên, 5 trung đoàn làm nhiệm vụ ở Bãi Cát Tiên (Đông Nam Bộ), là những căn cứ hậu cần cho chiến trường vừa là lực lượng tiếp quản khi miền Nam giải phóng.

Sau khi đất nước thống nhất, lực lượng quân đội xây dựng kinh tế được biên chế thành 6 binh đoàn và 12 trung đoàn, đóng quân chủ yếu là vùng miền núi, biên giới, ven biển trong cả nước, cùng nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh đồng thời bước đầu thực hiện các chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng. Chiến tranh biên giới bùng nổ, đây là những đơn vị tiên phong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Bước vào công cuộc Đổi mới, lực lượng quân đội sản xuất, xây dựng kinh tế tiếp tục có sự thay đổi về quy mô, phạm vi và phương thức hoạt động, đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng đóng góp cho sự phát triển kinh tế của đất nước, góp phần giữ gìn bình yên Tổ quốc.

Các công trình và bài viết nêu trên đã giải quyết được nhiều vấn đề mang tính lý luận về quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế tại Việt Nam: Đây vừa là chủ trương vừa là giải pháp để thực hiện chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng của Đảng ở hiện tại và tương lai; dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, quân đội hoàn toàn có khả năng phát huy thế mạnh, tiềm năng của mình để phát triển kinh tế, nâng cao năng lực phòng thủ của đất nước; thông qua nhiều loại hình xây dựng kinh tế, Quân đội Nhân dân Việt Nam đã có những đóng góp cho thấy vai trò tích cực, vị trí quan trọng của mình, bước đầu khẳng định sự đúng đắn về chủ trương của Đảng khi để quân đội tham gia triển khai thực hiện chiến lược phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh.

Tuy nhiên, các công trình chưa đề cập nhiều đến hoạt động quân đội tham gia xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh tại các địa bàn chiến lược, biên giới. Đối với đơn vị quân đội Kinh tế - Quốc phòng đứng chân tại vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, các tác giả mới chỉ dừng ở mức nhìn nhận và đánh giá tổng quan, trong khi chính những đơn vị này đã và đang tạo ra

hiệu thành tựu có ý nghĩa, xây dựng các mô hình thực hiện ngày càng hiệu quả hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn cùng cố quốc phòng - an ninh trên các địa bàn chiến lược mà Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng giao phó.

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng của quân đội

Bước vào thời kì công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, trước những thành quả đạt được của lực lượng quân đội xây dựng kinh tế, các nhà nghiên cứu đã có nhiều công trình khai thác vấn đề này, đặc biệt chú trọng đến các doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng và các khu Kinh tế - Quốc phòng.

Doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng là dạng đặc thù của doanh nghiệp quân đội. Loại hình này đã được làm rõ trong một số công trình nghiên cứu sau:

Vũ Thanh Chế trong luận án *Quân đội Nhân dân Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng nền kinh tế đất nước trong tình hình hiện nay* (Học viện Chính trị, 1998) đã đề ra khái niệm doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng¹: Đây là các đơn vị ở nhiều mức độ khác nhau, có tính đặc thù vừa sản xuất kinh doanh, vừa làm nhiệm vụ quốc phòng - an ninh tại vị trí địa lý chiến lược.

Dựa trên những tiêu chí cụ thể, tác giả đã đánh giá tích cực hoạt động của các đơn vị này trong tổ chức sắp xếp dân cư, bố trí lực lượng sản xuất khi đứng chân tại các vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa trong cả nước. Các doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng vừa tận dụng hiệu quả tài nguyên để góp phần giải quyết khó khăn về kinh tế của địa phương và đất nước, vừa là lực lượng vũ trang vững mạnh tại chỗ, trở thành nòng cốt trong việc xây dựng môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, nâng cao dân trí và sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn chiến lược. “*Nền móng vật chất, văn hóa ở các khu kinh tế - xã hội mới do các doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng tạo nên đã góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về di dân xây dựng kinh tế mới*” [72; tr.75].

Nguyễn Xuân Phúc trong luận án *Quản lý nhà nước đối với các Doanh nghiệp Kinh tế quốc phòng* (Đại học Kinh tế quốc dân, 2012) đã khẳng định: “*Sứ*

¹ Vũ Thanh Chế chia các hoạt động của Quân đội Nhân dân Việt Nam thành 4 nhóm cơ bản: quân sự thuần túy, công tác, sản xuất quân sự và sản xuất xây dựng kinh tế. Các doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng là một hình thức thuộc nhóm hoạt động sản xuất tham gia xây dựng kinh tế.

mệnh hiện nay của doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng Việt Nam là phục vụ quốc phòng - an ninh và sản xuất kinh doanh có hiệu quả” [130; tr.45].

Tác giả góp phần làm rõ hơn khái niệm doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng: là doanh nghiệp nhà nước kết hợp thực hiện 2 nhiệm vụ quốc phòng và kinh tế vừa có chức năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công phục vụ quốc phòng, vừa có chức năng sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu lợi nhuận kinh tế.

Tác giả đã nêu lên smột số đặc điểm của doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng: vừa phục vụ quốc phòng - an ninh, vừa kinh doanh có lợi nhuận; không được lựa chọn địa bàn hoạt động và ngành nghề kinh doanh; phải cạnh tranh theo cơ chế thị trường với danh mục sản phẩm vừa do doanh nghiệp tự đề ra vừa do Nhà nước quy định; có thể tổ chức theo mô hình công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên hoặc công ty Cổ phần; chịu sự chi phối của quy luật kinh tế thị trường và quy luật quân sự (là lực lượng dự bị của quân đội, đóng quân trên các địa bàn chiến lược gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh, phải tham gia giải quyết các vấn đề xã hội dù không mang lại hiệu quả kinh tế).

Luận án đánh giá một cách khách quan năng lực cạnh tranh và những đóng góp về kinh tế, xã hội, an ninh - quốc phòng của các doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng; chỉ ra những bất cập cũng như khẳng định vai trò to lớn và tác động trực tiếp của cơ chế quản lý Nhà nước đối với loại hình này.

Tác giả cũng nhận xét riêng về một số doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên: *“Tổng công ty 15, Công ty 16 là những điển hình của doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng có những đóng góp đáng kể trong việc ổn định tình hình chính trị - xã hội, tạo được nhiều việc làm cho người lao động và giúp dân vượt qua khó khăn, xóa đói giảm nghèo, thực hiện chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đóng góp đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình thương, giúp đỡ các vùng bị thiên tai khắc phục hậu quả” [130; tr.78].*

Bên cạnh các doanh nghiệp, các khu Kinh tế - Quốc phòng sau khi ra đời đã trở thành đề tài được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm chú ý.

Năm 2007, Viện khoa học Xã hội Nhân văn Quân sự - Bộ Quốc phòng đã công bố công trình khoa học *Quân đội tham gia xây dựng cơ sở chính trị - xã hội ở các khu Kinh tế - Quốc phòng*. Đề tài đề cập khá chi tiết về khái niệm khu Kinh tế - Quốc phòng và hoạt động của đoàn Kinh tế - Quốc phòng.

Khu Kinh tế - Quốc phòng là một đơn vị kinh tế, một đơn vị quốc phòng, không phải là một đơn vị hành chính của Nhà nước. Mục tiêu của khu Kinh tế - Quốc phòng là đem lại lợi ích cho đồng bào sinh sống ở khu Kinh tế - Quốc phòng trong mối quan hệ với lợi ích của địa phương và cả nước.

Đoàn Kinh tế - Quốc phòng là lực lượng trực tiếp tham gia xây dựng khu Kinh tế - Quốc phòng, chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động trong khu Kinh tế - Quốc phòng. Với hoạt động xây dựng cơ sở chính trị - xã hội tại khu Kinh tế - Quốc phòng, mặc dù có nhiều lực lượng tham gia, chính quyền địa phương giữ vai trò trung tâm, nhưng đoàn Kinh tế - Quốc phòng phải là lực lượng nòng cốt.

Đoàn Kinh tế - Quốc phòng phải xây dựng quan hệ hợp đồng chiến đấu với các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng cùng đóng quân trên địa bàn có khu Kinh tế - quốc phòng để giữ gìn trật tự an ninh vùng biên giới, hải đảo, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia.

Tập trung vào đặc trưng kinh tế của khu Kinh tế - Quốc phòng, luận án *Đầu tư phát triển các khu Kinh tế - Quốc phòng ở Việt Nam hiện nay* của Trần Mạnh Hùng (Đại học Kinh tế quốc dân, 2008) cho rằng: Đây là một bộ phận trong chủ trương xóa đói giảm nghèo và giải quyết vấn đề việc làm thuộc chương trình Mục tiêu quốc gia của Nhà nước. Khu Kinh tế - Quốc phòng không có vị trí địa lý, môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi như khu Kinh tế mở, khu Kinh tế cửa khẩu, khu Chế xuất,...

Khu Kinh tế - Quốc phòng được đánh giá phát triển bền vững khi đáp ứng các nội dung: kinh tế phải tăng trưởng, có hiệu quả và ổn định; giải quyết được các vấn đề xã hội như xóa đói giảm nghèo, xây dựng thể chế, bảo tồn di sản văn hóa dân tộc, củng cố năng lực quốc phòng; đảm bảo vấn đề môi trường, ngăn chặn ô nhiễm, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, sự đa dạng và thích nghi sinh học.

Thông qua quá trình khảo sát, luận án đánh giá chi tiết thực trạng đầu tư vốn vào khu Kinh tế - Quốc phòng, từ đó đề ra giải pháp cho những bất cập trong vấn đề này để tiếp tục phát triển các khu Kinh tế - Quốc phòng Việt Nam.

Trực tiếp nghiên cứu về một mặt hoạt động của đoàn Kinh tế - Quốc phòng, Nguyễn Xuân Đại trong luận án *Đoàn Kinh tế quốc phòng thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay* (Học viện Chính trị, 2017) đã đưa ra

một số quan điểm về chức năng, bộ máy và tổ chức quân sự - kinh tế của đoàn Kinh tế - Quốc phòng. Cụ thể:

Đây là một mô hình tổ chức đặc thù của quân đội, cùng lúc thực hiện 3 chức năng chiến đấu, công tác và lao động sản xuất. Ba chức năng này đều là cơ bản và quan trọng đối với đoàn Kinh tế - Quốc phòng, không thể xem nhẹ chức năng nào, luôn hòa quyện, hỗ trợ cho nhau để đạt mục tiêu kinh tế và quốc phòng. Song, tùy vào tình hình cụ thể, thời điểm cụ thể và đặc điểm, tính chất địa bàn hoạt động mà việc thực hiện chức năng của đoàn Kinh tế - Quốc phòng được thể hiện với mức độ khác nhau, nhưng xét ở phương vị chung thì chức năng công tác và lao động sản xuất nổi lên thường xuyên và phổ biến.

Bộ máy của đoàn Kinh tế - Quốc phòng được tổ chức theo mô hình ba cấp (Đoàn, Công ty, lâm trường, đội sản xuất) hoặc hai cấp (Đoàn, đội sản xuất).

Biên chế quân sự của đoàn Kinh tế - Quốc phòng tùy theo điều kiện cụ thể có thể sắp xếp từ cấp tiểu đoàn đến binh đoàn. Trong 20 đoàn Kinh tế - Quốc phòng của cả nước có 2 đơn vị cấp binh đoàn trực thuộc Bộ Quốc phòng; 5 đơn vị sư đoàn trực thuộc các Quân khu; 5 đơn vị cấp lữ đoàn, 8 đơn vị cấp trung đoàn trực thuộc các Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

Trong đó, một số đơn vị Kinh tế - Quốc phòng có pháp nhân kinh tế (Tổng Công ty, Công ty) là các doanh nghiệp quân đội do Bộ Quốc phòng quản lý. Các đơn vị này sử dụng tên quân sự khi giải quyết các vấn đề quốc phòng và hoạt động quân sự. Khi giải quyết các vấn đề kinh tế (chủ yếu phục vụ xây dựng dự án khu Kinh tế - Quốc phòng do cấp trên có thẩm quyền giao), đơn vị sử dụng địa vị pháp lý và quyền hạn của một doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ công ích theo quy định của pháp luật.

Luận án khẳng định đoàn Kinh tế - Quốc phòng và khu Kinh tế - Quốc phòng cùng tồn tại, phát triển, phụ thuộc vào nhau; không có đoàn Kinh tế - Quốc phòng thực hiện dự án thì không thể gọi là khu Kinh tế - Quốc phòng.

Do nhiệm vụ nghiên cứu, luận án còn phân tích cụ thể, rút ra được đặc điểm của vấn đề dân tộc, tôn giáo tại các khu Kinh tế - Quốc phòng là một trong những nhân tố tác động trực tiếp đến quân đội thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh trên địa bàn chiến lược, biên giới; cũng như trình bày khá tỉ mỉ những thành tựu, hạn chế trong thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà

nước hiện nay của các đoàn Kinh tế - Quốc phòng, trong đó có các đơn vị đứng chân trên địa bàn Tây Nguyên.

Mặc dù góp phần làm sáng tỏ hơn về khái niệm đoàn Kinh tế - Quốc phòng, loại hình xây dựng kinh tế hết sức mới mẻ của quân đội, song quan điểm cho rằng các đơn vị phụ trách các khu Kinh tế - Quốc phòng trong cả nước đều được gọi là đoàn Kinh tế - Quốc phòng của Nguyễn Xuân Đại chưa thật chính xác. Luận án chưa thấy được quy mô, mô hình tổ chức có nhiều điểm khác biệt của các đơn vị quân đội đảm nhận xây dựng khu Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên. Mặt khác, luận án chưa đề cập đến vai trò của yếu tố kinh tế trong việc giải quyết mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo tại địa bàn các khu Kinh tế - Quốc phòng.

Có thể thấy, các công trình nêu trên tiếp tục khẳng định sự đúng đắn của Đảng và Nhà nước khi giao cho quân đội nhiệm vụ tham gia xây dựng, phát triển kinh tế trong thời kì đổi mới. Các công trình đều đã trực tiếp đề cập, làm sáng tỏ các nội dung về doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng, khu Kinh tế - Quốc phòng, đoàn Kinh tế - Quốc phòng như khái niệm, đặc điểm, đặc trưng, chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu,... Không chỉ vậy, có những công trình đã trình bày khá cụ thể thực trạng một số mặt hoạt động của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng trong cả nước với tư cách là một dạng đặc thù của quân đội xây dựng kinh tế; đánh giá tích cực, đưa ra những giải pháp để nâng cao hiệu quả của các loại hình này.

Do lĩnh vực và đối tượng nghiên cứu, các công trình trên chưa đề cập một cách cụ thể phương thức thực hiện nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng, đặc biệt là cách giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa yếu tố kinh tế với yếu tố quốc phòng và ngược lại của quân đội nói chung, ở một số đơn vị Kinh tế - Quốc phòng nói riêng. Mặt khác, do chưa nghiên cứu rõ thực tiễn nên các công trình không thấy được sự linh hoạt của mô hình quân đội xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng ở các địa bàn chiến lược biên giới, từ đó chưa đánh giá một cách khách quan và toàn diện hiệu quả tổng thể kinh tế, chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh mà những đơn vị quân đội này đã mang lại, mà còn nặng về yếu tố kinh tế hoặc chính trị.

Ngoài các công trình kể trên, có nhiều bài viết trên các tạp chí chuyên ngành cũng góp phần cung cấp thêm một số nhận định, đánh giá, bài học kinh nghiệm về hoạt động xây dựng khu Kinh tế - Quốc phòng trên các địa bàn chiến lược của quân đội, điển hình như:

Đăng trên số 12 - 2004 của *Tạp chí Lịch sử quân sự*, bài viết “*Khu Kinh tế - Quốc phòng, một nguồn nội lực của đất nước, nòng cốt giải quyết các vấn đề khó khăn về kinh tế xã hội trên địa bàn chiến lược*” của Hồ Sĩ Hậu khẳng định tính chiến lược và tính ưu việt của các dự án xây dựng khu Kinh tế - Quốc phòng.

Sự bố trí và xây dựng hệ thống khu Kinh tế - Quốc phòng đảm bảo cho việc thống nhất giữa lợi ích phát triển kinh tế với yêu cầu quốc phòng. Các khu Kinh tế - Quốc phòng tạo ra bộ mặt mới cho các khu vực biên giới, tiêu biểu: “*Khu Kinh tế - Quốc phòng Bình đoàn 15 đã trở thành hình mẫu tiêu biểu và cung cấp những kinh nghiệm thực tiễn nhất để Đảng nhân rộng mô hình khu Kinh tế - Quốc phòng với nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội trong vùng dự án nhằm tạo điều kiện cho việc quy hoạch dân cư thành những làng bản, thị tứ, thị trấn ổn định đời sống, kinh tế phát triển*” [103; tr. 9].

Bài viết cũng nêu rõ một số khó khăn trong vấn đề phát triển các khu Kinh tế - Quốc phòng; một số kinh nghiệm cụ thể về phối hợp, gắn kết với chính quyền địa phương và các tổ chức quần chúng. Đặc biệt, bài viết còn lưu ý phải đặt lên hàng đầu vấn đề giải quyết đất đai của các khu Kinh tế - Quốc phòng.

Bài viết “*Bàn về tính đặc thù của khu Kinh tế - Quốc phòng*” của Đỗ Mạnh Hùng và Tạ Minh Tuấn trên số 2 - 2011, *Tạp chí Kinh tế quốc phòng*, đã chỉ ra một số nét khác biệt về mục tiêu đầu tư, nguồn vốn và khả năng thu hồi vốn giữa khu Kinh tế - Quốc phòng và các khu Kinh tế khác.

Đầu tư vào các khu Kinh tế - Quốc phòng thực chất là đầu tư vào dự án phát triển tổng thể, nhằm “*nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào ở các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu vùng xa, tạo điều kiện để đưa các vùng này thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển, hòa nhập vào sự phát triển chung của cả nước, góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội, quốc phòng an ninh*” [109; tr.12]. Trong các mục tiêu phát triển dự án, thì mục tiêu kinh tế phải được đặt ra và giải quyết trong mối quan hệ với đảm bảo quốc phòng - an ninh.

Do đặc thù địa bàn chủ yếu thực hiện ở các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo (các xã đặc biệt khó khăn), dân cư chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số có thu nhập thấp, huy động vốn tại chỗ rất khó, nên nguồn vốn đầu tư cho các khu Kinh tế - Quốc phòng chủ yếu là từ ngân sách nhà nước. Nguồn vốn này dung để tập trung vào xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông thủy lợi, nông nghiệp, đời

sống cộng đồng. Do vị trí địa lý, việc vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc vào các vùng dự án khó khăn và tốn kém, làm tăng thời gian và chi phí đầu tư nên vốn đầu tư vào các khu Kinh tế - Quốc phòng thường lớn hơn so với đầu tư vào các khu vực khác và khả năng thu hồi vốn rất thấp, nếu có thì phải trong thời gian dài.

Trên *Tạp chí Kinh tế Quốc phòng*, số 3 - 2010, Phạm Toàn Thắng đã có bài “*Trao đổi về mô hình kết hợp giữa doanh nghiệp quân đội với đoàn Kinh tế - Quốc phòng*” đề xuất một số vấn đề để có thể kết hợp giữa doanh nghiệp quân đội và đoàn Kinh tế - Quốc phòng nhằm khắc phục những hạn chế, tạo ra sự phát triển bền vững, ổn định và hiệu quả lâu dài của khu Kinh tế - Quốc phòng.

Hoạt động liên kết giữa doanh nghiệp quân đội với đoàn Kinh tế - Quốc phòng có thể thực hiện được trên các lĩnh vực: trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp (cao su, cà phê, điều,...); kinh doanh dịch vụ du lịch. Doanh nghiệp quân đội có thể đầu tư vốn trực tiếp vào một số khu Kinh tế - Quốc phòng có lợi thế (đất đai, nhân lực, vùng có sản phẩm đặc thù,...) và tham gia vào cung cấp dịch vụ 2 đầu cho người dân trong khu Kinh tế - Quốc phòng; mặt khác, tạo điều kiện để thành lập các xí nghiệp sản xuất - xây dựng - dịch vụ của các đoàn Kinh tế - Quốc phòng; tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng trong vùng dự án.

Đoàn Kinh tế - Quốc phòng phải trở thành trung tâm gắn kết giữa doanh nghiệp quân đội với người dân, và doanh nghiệp quân đội cần xác định đây là nhiệm vụ chính trị bên cạnh mục tiêu lợi nhuận. Ngoài ra, để tạo ra sự thành công của mối quan hệ này còn phải được chính quyền địa phương thống nhất trong việc giao đất thực hiện dự án, cần có cơ chế ưu đãi của Nhà nước đối với việc đầu tư vào khu Kinh tế - Quốc phòng.

Phần lớn các bài viết đã đi sâu, làm rõ vấn đề về ưu điểm, hạn chế về quá trình xây dựng khu Kinh tế - Quốc phòng; bước đầu đã cung cấp một số kinh nghiệm đúc kết thực tiễn hoạt động quân đội sản xuất, xây dựng kinh tế trên địa bàn chiến lược, biên giới. Trong phạm vi của mình, các bài viết vẫn chưa chỉ ra được hết những thách thức, khó khăn mà các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng gặp phải khi triển khai hoạt động trên những địa bàn được coi là điểm nóng về chính trị; một số nội dung còn chưa sát với thực tế nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra đối với nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng của quân đội.

1.1.3. Nhóm các công trình nghiên cứu về các đơn vị quân đội thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng ở Tây Nguyên

Với vị trí chiến lược quan trọng về nhiều mặt, Tây Nguyên là khu vực được Đảng, Nhà nước xác định cần có những chính sách đặc thù để phát triển bền vững, củng cố quốc phòng - an ninh. Trong đó, quân đội là lực lượng quan trọng vừa tham gia phát triển kinh tế vừa xây dựng cơ sở chính trị, củng cố địa bàn, bảo đảm quốc phòng - an ninh. Trong quá trình tồn tại và phát triển, các đơn vị quân đội đã cùng với Đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên đạt được những kết quả khả quan trong việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế kết hợp quốc phòng.

Đề cập trực tiếp đến đối tượng nghiên cứu của luận án, có một số công trình đã được xuất bản, do các đơn vị quân đội xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên tổ chức biên soạn.

Từ năm 2008, Binh đoàn 16, đơn vị quân đội xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng chủ lực của Bộ Quốc phòng, đứng chân trên địa bàn Nam Tây Nguyên, lần lượt biên soạn 3 công trình: *Binh đoàn 16 - 10 năm xây dựng và trưởng thành (1998 - 2008)* (Nxb Quân đội Nhân dân, 2008), *Biên niên sự kiện Binh đoàn 16 (1998 - 2013)* (Nxb Quân đội Nhân dân, 2013), *Lịch sử Đảng bộ Binh đoàn 16 (1999 - 2019)* (Nxb Quân đội Nhân dân, 2018). Trong đó, công trình *Lịch sử Đảng bộ Binh đoàn 16 (1999 - 2019)* (Nxb Quân đội Nhân dân, 2018) chủ yếu nêu bật quá trình hình thành và phát triển về tổ chức và hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ Binh đoàn 16 giai đoạn 1999 - 2019. Công trình cũng làm rõ được một số chủ trương, biện pháp nổi bật trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ Binh đoàn đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với quốc phòng và xây dựng Binh đoàn trong sạch, vững mạnh toàn diện. Các công trình này tái hiện chặng đường thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh của Binh đoàn qua những mốc lịch sử của quan trọng. Đặc biệt, các công trình đã cung cấp nguồn tư liệu khá đầy đủ về quá trình các trung đoàn đứng chân trên địa bàn Tây Nguyên vượt qua khó khăn, thách thức để bám trụ, ổn định địa bàn và bước đầu đi vào xây dựng các khu Kinh tế - Quốc phòng ở một trong những vùng sâu vùng xa, vùng biên giới nhạy cảm nhất của đất nước.

Năm 2011, Ban giám đốc Công ty Cà phê 15 đã tổ chức biên soạn cuốn *Công ty Cà phê 15 - Mười lăm năm, một chặng đường (1996 - 2011)*. Công trình

đã cung cấp một số tư liệu về các đơn vị quân đội xây dựng kinh tế thuộc Quân khu 5 tại Đắk Lắk giai đoạn 1985 - 1988, và những thành tựu mà Công ty Cà phê 15 đạt được giai đoạn 2005 - 2011 (sau khi tách khỏi Binh đoàn 15).

Năm 2012, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng cho ra đời cuốn *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Lâm Đồng (1945 - 2010)* (Nxb Quân đội Nhân dân, 2012). Cuốn sách có đề cập đến một số đơn vị quân đội xây dựng kinh tế địa phương cũng như đóng góp của các đơn vị này trong việc xây dựng các khu dân cư mới, tham gia các chương trình xóa đói giảm nghèo, huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ tại đây.

Một số đơn vị xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng trên địa bàn Bắc Tây Nguyên cũng tổ chức biên soạn các công trình, như: *Lịch sử Công ty 72 (1973 - 2013)* (Nxb Quân đội Nhân dân, 2013); *Công ty TNHH MTV 732 - 40 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển (1973 - 2013)* (Nxb Quân đội Nhân dân, 2013); *Lịch sử Công ty 74 (1975 - 2015)* (Nxb Quân đội Nhân dân, 2015). Đây là các đơn vị được xem là tổ chức tiền thân của Binh đoàn 15, ra đời và thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chính vì vậy, đã cung cấp khá nhiều tư liệu về hoạt động xây dựng kinh tế của lực lượng quân đội đứng chân trên địa bàn Bắc Tây Nguyên sau năm 1973 đến trước khi Binh đoàn 15 thành lập. Mặt khác, các công trình này trình bày quá trình hình thành và phát triển của những đơn vị đang hoạt động có hiệu quả nhất của Binh đoàn 15 nên thông qua đó có thể tiếp cận cụ thể hơn trong việc triển khai xây dựng một số mô hình và chính sách dân vận đặc thù theo địa bàn.

Cuốn *Lịch sử Binh đoàn 15 (1985 - 2015)*, (Nxb Quân đội Nhân dân, 2015) là công trình có tính hệ thống nhất, phục dựng quá trình hình thành và phát triển của Binh đoàn 15 tại Bắc Tây Nguyên. Công trình nêu lên các chủ trương, phương châm, biện pháp của Binh đoàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác dân vận qua các giai đoạn. Quá trình đó “*hiện thực hóa mô hình nhiệm vụ sản xuất xây dựng kinh tế gắn với quốc phòng an ninh trên địa bàn*” [67; tr.422]. Công trình cũng tổng kết những thành tựu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh mà Binh đoàn đạt được, góp phần khẳng định vai trò, vị thế của Binh đoàn trong nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng ở địa bàn Tây Nguyên.

Năm 2015, đề tài độc lập cấp Bộ Quốc Phòng *Nghiên cứu kết hợp hoạt*

động kinh tế với quốc phòng của binh đoàn kinh tế trên địa bàn Tây Nguyên do Dương Chí Diễm chủ nhiệm được công bố. Công trình đã đánh giá khái quát kết quả thực hiện nhiệm vụ Kinh tế - Quốc phòng của một số đơn vị quân đội chuyên trách trên địa bàn Tây Nguyên, đồng thời chỉ ra một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện cơ chế hoạt động và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh củng cố quốc phòng của các đơn vị quân đội nói chung trên địa bàn Tây Nguyên.

Các công trình kể trên đã khái quát tương đối có hệ thống quá trình hình thành và phát triển của một số đơn vị quân đội xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên. Tuy nhiên, những công trình này đều được trình bày dưới dạng thông sử, chủ yếu là thống kê thành tích, khái quát quá trình phát triển về mặt tổ chức; chưa thấy được những mặt hạn chế cũng như sự khác nhau của các dự án xây dựng khu Kinh tế - Quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên vì vậy chưa làm rõ tính linh hoạt của mô hình này.

Nghiên cứu tổng quan nhất về vấn đề kết hợp kinh tế với quốc phòng ở Tây Nguyên cho đến nay là công trình *Kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng ở Tây Nguyên giai đoạn 1996 - 2010* của Lê Nhị Hòa (Nxb Chính trị Quốc gia, 2013).

Công trình đã hệ thống lại những quan điểm, chủ trương của Trung ương Đảng cũng như quá trình Đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên triển khai thực hiện chiến lược kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên thời kì 1996 - 2010. Từ đó, đưa ra những đánh giá về thành tựu và hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước; rút ra một số kinh nghiệm bước đầu về kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên.

Trong công trình, Lê Nhị Hoà đã phân tích khá rõ vị trí chiến lược của Tây Nguyên theo 3 phương diện: địa - kinh tế, địa - chính trị, địa - quân sự cùng với những lợi thế mà thiên nhiên ưu đãi cho Tây Nguyên, là “*tiền đề quan trọng để Tây Nguyên phát triển toàn diện, bền vững, thực hiện kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước*” [100; tr.45]. Đồng thời, công trình cũng nêu lên một số nhân tố tác động đến việc kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng ở Tây Nguyên, bao gồm: vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc, vấn đề đạo Tin lành và “Tin lành Đêga”, trình độ dân

trí và năng lực đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, sự chống phá nhiều mặt của các thế lực thù địch, phản động.

Công trình đánh giá cao vai trò của khu Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên *“thực sự đã tạo ra những “điểm sáng” về phát triển kinh tế, văn hóa, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên vành đai biên giới Tây Nguyên, tăng thêm niềm tin của đồng bào đối với Đảng, tô thắm hình ảnh “Bộ đội cụ Hồ” trong lòng đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa biên giới Tổ quốc. Việc tổ chức triển khai các khu Kinh tế - Quốc phòng là một trong những nội dung quan trọng thể hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với yêu cầu bảo đảm và tăng cường khả năng quốc phòng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước trên địa bàn Tây Nguyên”* [100; tr.182 - 183].

Về cơ bản, công trình đã trình bày khá đầy đủ về những thế mạnh, tiềm năng là nhân tố tác động sâu sắc đến việc thực hiện chiến lược kinh tế kết hợp quốc phòng ở Tây Nguyên. Tuy nhiên, công trình chưa chỉ ra được những khó khăn, thách thức mà Tây Nguyên phải đối mặt để phát triển một cách toàn diện, bền vững về kinh tế, ổn định về quốc phòng - an ninh, nhất là vấn đề đời sống nhân dân ở những vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, các căn cứ kháng chiến cũ; chưa thấy được sự chênh lệch về nhiều mặt giữa các bộ phận dân cư ở Tây Nguyên, thực trạng di dân tự do là những nguyên nhân cơ bản dẫn đến hạn chế sự phát triển chung của vùng, là yếu tố mà các thế lực thù địch đang lợi dụng để khoét sâu mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo biến Tây Nguyên luôn là điểm nóng về chính trị - an ninh của cả nước. Làm rõ các vấn đề này sẽ thấy được sự cần thiết phải thực hiện phát triển kinh tế kết hợp quốc phòng ở Tây Nguyên, cũng như giải thích lý do tại sao Đảng sớm có chủ trương đưa một số đơn vị quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế vào Tây Nguyên.

Công trình mới giới thiệu sơ lược về các đơn vị quân đội thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng ở Tây Nguyên, chủ yếu nêu một số thành tựu về chính trị - xã hội của Binh đoàn 15 ở Gia Lai, chưa nhìn thấy sức mạnh, vị trí quan trọng của lực lượng quân đội xây dựng kinh tế ở Tây Nguyên, vốn là tiền đề để Đảng, Nhà nước nhân rộng mô hình này trong cả nước; từ đó chưa đánh giá đúng những tác động tổng thể kinh tế - xã hội, an ninh - chính trị mà mô hình quân đội xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng mang lại cho Tây Nguyên.

Ngoài ra, cũng có rất nhiều bài viết trên các tạp chí khoa học đề cập đến các đơn vị quân đội kinh tế kết hợp quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên.

Đăng trên tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 2 - 2009, bài viết “*Xây dựng khu Kinh tế quốc phòng nhìn từ Binh đoàn 16*” của Mẫn Hà Anh chỉ ra một số vấn đề thực tế cần phải giải quyết để khắc phục khó khăn cho các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng đóng quân trên địa bàn chiến lược. Tác giả nhấn mạnh “*đánh giá hiệu quả kinh tế của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng, không nên quá chú trọng số liệu về lỗ, lãi đơn thuần mà cần nhìn nhận một cách toàn diện hơn, thậm chí phải đề cao ý nghĩa chính trị, xã hội, văn hóa, đến mục tiêu xóa đói, giảm nghèo*” [2; tr.40].

Nguyên Tư lệnh của Binh đoàn 16 - Hà Thiệu với bài viết “*Đề khu Kinh tế quốc phòng Binh đoàn 16 phát triển ổn định, vững chắc*”, trên tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 9 - 2010 không chỉ nêu lên những thành tựu mà Binh đoàn 16 đã đạt được về xây dựng cơ sở hạ tầng, bố trí dân cư, phát triển sản xuất mà còn vạch ra một số hạn chế trong kinh doanh như khai thác không hiệu quả một số vườn cây, tranh chấp đất đai trong vùng dự án... từ đó đưa ra những biện pháp đồng bộ để đảm bảo sự phát triển của Binh đoàn, ổn định và tiếp tục hoàn thiện các dự án khu Kinh tế - Quốc phòng địa bàn Nam Tây Nguyên.

Nguyễn Xuân Sang, nguyên Tư lệnh của Binh đoàn 15, đã có hàng loạt bài viết trên các tạp chí chuyên ngành như “*Binh đoàn 15 đoàn kết, gắn bó mật thiết với đồng bào Tây Nguyên, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc*”, Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 6 - 2004; “*Khu Kinh tế quốc phòng trên địa bàn chiến lược - những vấn đề cơ bản qua 20 năm thực hiện ở Binh đoàn 15*”, Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 8 - 2005,... với nội dung chủ yếu là tổng kết các thành tựu cơ bản, miêu tả một số hoạt động dân vận nổi bật. Nội dung bài “*Tổng Công ty 15 vượt lên khó khăn, phát triển bền vững*” đăng trên tạp chí *Kinh tế Quốc phòng*, số 3 - 2011, Nguyễn Xuân Sang cho biết những chủ trương, biện pháp mà Binh đoàn đã áp dụng để tháo gỡ khó khăn do thị trường cao su nói riêng và tình hình kinh tế cả nước nói chung chịu tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính thế giới. Trong đó, chủ trương mang tính định hướng chung của Binh đoàn là tập trung mọi nguồn lực cho sản xuất kinh doanh; chủ động tăng cường bảo vệ an ninh địa bàn; đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa với những biện pháp dân vận đi vào chiều sâu,

hiệu quả thiết thực. Nhờ những chủ trương, giải pháp đúng hướng mà Binh đoàn 15 tiếp tục đạt được những mục tiêu cơ bản được giao, đảm bảo an ninh địa bàn đứng chân và “*đang ngày càng phát huy hiệu quả tích cực, tạo ra những giá trị phong phú, toàn diện, bền vững về cả chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Qua đó, sự gắn bó giữa quân đội và nhân trong thời kì mới đã được tăng cường, tiềm năng, thế mạnh của địa bàn ngày càng được phát huy, tạo tiền đề cho quá trình mở rộng sản xuất đi đôi với bố trí dân cư, xây dựng toàn diện, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh trên địa bàn chiến lược trọng yếu của đất nước*” [140; tr.17].

Bài viết “*Hiệu quả công tác dân vận trên địa bàn Tây Nguyên từ mô hình “Gắn kết hộ”*”, trên tạp chí *Kinh tế quốc phòng*, số 4 - 2014 của Nguyễn Xuân Đại tập trung đánh giá hiệu quả và ý nghĩa của mô hình “Gắn kết hộ” gia đình trong quá trình phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh trên địa bàn Tây Nguyên và đề xuất một số nội dung để mô hình này tiếp tục phát huy hiệu quả nhằm giải quyết vấn đề về dân tộc, tôn giáo ở Tây Nguyên.

Các bài viết trên đây cung cấp cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về hoạt động của các đơn vị quân đội Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên. Tuy nhiên, do phạm vi, giới hạn của bài viết bởi vậy chưa thật sự nhìn nhận, đánh giá một cách thấu đáo hiệu quả của các hoạt động đó; nhất là vấn đề vận dụng, triển khai rộng các biện pháp dân vận có hiệu quả, phù hợp với các đơn vị kinh tế kết hợp quốc phòng ở Tây Nguyên cũng như các địa bàn chiến lược khác.

1.2. NHẬN XÉT VỀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1.2.1. Những nội dung đã được các công trình nghiên cứu, giải quyết mà luận án kế thừa

Nhìn chung, các công trình, đề tài nghiên cứu về vấn đề quân đội thực hiện chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng là khá đa dạng, phong phú. Những công trình đó đã giải quyết được một số vấn đề cơ bản sau:

Về mặt lý luận, các công trình đã khảo cứu nhiều vấn đề mang tính lý luận về chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng và vai trò của quân đội trong chiến lược này, nhất là đã đưa ra và lý giải các khái niệm “Kinh tế kết hợp quốc phòng”, “doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng”, “khu Kinh tế - Quốc phòng”, “đoàn Kinh tế - Quốc phòng”,... Các công trình đều khẳng định tính khách quan

của nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; làm rõ tính tất yếu của việc Quân đội Nhân dân Việt Nam tham gia nhiệm vụ này, đặc biệt là tại những địa bàn biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa.

Các công trình cũng đưa ra một số đánh giá khái quát về tình hình kết hợp kinh tế với quốc phòng trong cả nước chủ yếu là từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới đến nay; ghi nhận những kết quả quan trọng mà quân đội đạt được trong xây dựng kinh tế; giới thiệu một số mô hình đặc thù như khu Kinh tế - Quốc phòng và doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng mà quân đội triển khai tại các địa bàn chiến lược, biên giới, hải đảo.

Về mặt thực tiễn, một số công trình đã nghiên cứu cụ thể các hoạt động như sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ sở chính trị - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh để nhìn nhận rõ hơn những thành quả mà các đơn vị quân đội xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng tại các địa bàn chiến lược, biên giới đạt được; mặt khác cũng đã bước đầu nêu lên một số bất cập của các mô hình này. Các công trình đã đưa ra được những đề xuất có giá trị để có thể tiếp tục phát huy những ưu điểm, khắc phục nhược điểm ở các mặt cụ thể của lực lượng quân đội xây dựng kinh tế.

Có nhiều công trình đã phân tích, luận giải, làm rõ một số nhân tố tác động quá trình quân đội thực hiện chiến lược phát triển kinh tế kết hợp củng cố quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên như vị trí chiến lược, điều kiện tự nhiên, vấn đề tôn giáo, dân tộc. Đồng thời, nhiều công trình cũng đã phục dựng quá trình hình thành, phát triển, hoạt động của một số đơn vị quân đội cụ thể, trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng ở Tây Nguyên. Những thành tựu, bài học kinh nghiệm được rút ra trong quá trình đó đã khẳng định được sự cần thiết, đúng đắn của việc triển khai chủ trương phát triển kinh tế kết hợp củng cố quốc phòng ở đây.

Nhìn chung, các công trình, bài viết liên quan đến đề tài luận án đã cung cấp nguồn tư liệu quý cũng như những nhận xét đánh giá đa chiều giúp ích cho tác giả trong quá trình thực hiện luận án. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu mang tính chuyên khảo, cho thấy về vai trò, vị trí của quân đội trong việc thực hiện chủ trương kết hợp kinh tế với quốc phòng của Đảng chưa nhiều, đặc biệt là nghiên cứu về những đơn vị đang đóng quân ở các địa bàn chiến lược biên giới, hải đảo. Do sự chi phối của đối tượng, phạm vi nghiên cứu nên cho

đến nay vẫn chưa có một công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống về các đơn vị quân đội thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên.

1.2.2. Những vấn đề luận án tiếp tục giải quyết

Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình liên quan đã công bố, luận án sẽ tiếp tục làm rõ các vấn đề sau:

- Tái hiện một cách hệ thống quá trình quân đội thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên qua từng giai đoạn từ năm 1985 đến năm 2013 theo các vấn đề khoa học của khái niệm “kinh tế kết hợp với quốc phòng, quốc phòng kết hợp kinh tế” mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Chỉ rõ cách thức các đơn vị này vượt qua những khó khăn và đặc thù của địa bàn để tồn tại, phát triển.

- Từ việc tái hiện toàn cảnh quá trình quân đội tham gia phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên trong thời gian qua, tiếp tục làm rõ bản chất các khái niệm “kinh tế kết hợp quốc phòng”, “doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng”, “khu Kinh tế - Quốc phòng”, “đoàn Kinh tế - Quốc phòng”,...

- Làm rõ mối quan hệ mật thiết, chặt chẽ, có tác động qua lại giữa phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh trong việc giải quyết những thách thức mang tính thời sự tại địa bàn chiến lược Tây Nguyên. Từ đó, đánh giá một cách khách quan về quân đội thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh về cả chủ trương và quá trình triển khai ở Tây Nguyên từ năm 1985 đến năm 2013.

- Khẳng định những mô hình có hiệu quả, đem lại những thành tựu to lớn cho các đơn vị quân đội xây dựng kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên bao gồm các mô hình do chủ trương của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng xác định và các mô hình sáng tạo của các đơn vị quân đội xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng tại địa phương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, làm rõ nội dung và ý nghĩa của các mô hình đó.

- Giải quyết được các vấn đề trên, luận án sẽ không chỉ khái quát được những thành tựu mà còn chỉ rõ những hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện chủ trương quân đội tham gia, sản xuất kinh tế trên địa bàn Tây Nguyên. Mặt khác, đúc kết những bài học kinh nghiệm, cung cấp một số dữ liệu có thể

tham khảo trong quá trình hoạch định chính sách phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh trên các địa bàn chiến lược trong cả nước nói chung, Tây Nguyên nói riêng.

Chương 2

QUÂN ĐỘI THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH Ở TÂY NGUYÊN (1985 - 1998)

2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH QUÂN ĐỘI THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH Ở TÂY NGUYÊN

2.1.1. Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội Tây Nguyên

2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên

Tây Nguyên là vùng lãnh thổ nằm ở phía Tây miền Trung Việt Nam, bao gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng nằm trải dài theo phía Nam của dãy Trường Sơn, giáp với các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Lào và Campuchia. Đây là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng cả về chính trị, quân sự, kinh tế và văn hóa - xã hội.

Địa hình Tây Nguyên tương đối phức tạp. Chiếm đến 90% diện tích là đồi núi. Núi và cao nguyên tạo thành những khối phân cắt, cao thấp liên kề nhau làm cho địa bàn sinh sống của cư dân khá phức tạp, đặc biệt các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới bị chia cắt, biệt lập, dẫn đến tình trạng dân cư phân bố thưa thớt, phân tán; vấn đề xây dựng hệ thống giao thông vận tải cũng gặp phải nhiều khó khăn. Phần còn lại là những thung lũng nhỏ nằm xen kẽ đồi núi và cao nguyên, rộng nhất là thung lũng Ayun Pa (Gia Lai) có diện tích 4.000km², tuy hẹp nhưng có phù sa bồi đắp hàng năm nên khá màu mỡ, thuận tiện để phát triển nông nghiệp và phục vụ đời sống nhân dân.

Khí hậu ở Tây Nguyên thuộc loại khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên với nền nhiệt thấp, quanh năm mát mẻ và phân thành mùa khô và mùa mưa rõ rệt. Mùa khô nóng hạn, thiếu nước trầm trọng; mùa mưa nóng ẩm, tập trung 85 - 90% lượng nước của cả năm gây cho sản xuất, đi lại nhiều khó khăn. Khí hậu Tây Nguyên hình thành 3 tiểu vùng: Bắc Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai), Trung Tây Nguyên (Đắk Lắk, Đắk Nông), Nam Tây Nguyên (Lâm Đồng). Trung Tây Nguyên dù thấp hơn về địa hình lại có nền nhiệt cao hơn so với phía Bắc và phía Nam, là nơi thường xuyên xảy ra hạn hán. Những năm gần đây, do rừng bị tàn phá, khí hậu Tây Nguyên thay đổi theo hướng xấu đi, hạn hán trở thành rào

cản rất lớn đối với việc phát triển nông nghiệp, nhất là cây cà phê, tác động tiêu cực đến đời sống của nhân dân.

Tây Nguyên có 4 hệ thống sông chính với chế độ dòng chảy chịu tác động của khí hậu: sông Ba, Srêpok, Xê Xan và Đồng Nai. Sông suối ở Tây Nguyên thường dốc, mùa mưa nước dâng cao, chảy xiết tạo ra nhiều ghềnh thác hùng vĩ, là tiềm năng thủy điện lớn cũng là điều kiện để phát triển du lịch sinh thái. Ngoài ra, Tây Nguyên còn có nhiều hồ nhân tạo, tự nhiên rải khắp, tổng lưu lượng nước mặt là 50 tỷ m³ vừa có giá trị về thủy lợi vừa là những cảnh quan nổi tiếng. Nguồn nước ngầm ở đây tương đối lớn nhưng nằm sâu, giếng khoan trên 100m.

Tài nguyên đất đai của vùng hết sức phong phú. Nổi bật là đất đỏ Bazan, trải rộng từ Tây Kon Tum đến các cao nguyên Pleiku, Đăk Lăk, Lâm Đồng, là yếu tố chủ đạo để Tây Nguyên trở thành một vùng có ưu thế lớn trong phát triển kinh tế nông nghiệp đa dạng với sản phẩm chủ lực như cà phê, cao su, hồ tiêu,... Một số diện tích đất phù sa ven sông thích hợp để trồng cây lương thực. Tuy nhiên, tài nguyên đất ở đây đang bị thoái hóa nghiêm trọng chiếm tới 20% (đất bazan thoái hóa tới 71,7%), diện tích trồng đồi núi trọc cũng chiếm tới 1,4 triệu ha.

Rừng Tây Nguyên giàu về trữ lượng, đa dạng về chủng loại với những cây dược liệu quý giá và hệ thống động vật hoang dã phong phú. Là mái nhà của miền Trung, rừng Tây Nguyên có chức năng phòng hộ rất lớn, là tài nguyên quý giá của quốc gia. Nạn phá rừng bừa bãi tại đây đang dẫn đến nguy cơ làm nghèo kiệt rừng, thay đổi môi trường sinh thái và biến đổi khí hậu không chỉ ở Tây Nguyên mà còn ảnh hưởng đến vùng duyên hải miền Trung.

Đây là khu vực có trữ lượng khoáng sản lớn mặc dù ít chủng loại, đáng kể nhất là quặng bôxít với trữ lượng dự báo khoảng 10 tỷ tấn, chiếm 90% trữ lượng bôxít cả nước, nhưng việc khai thác quặng không hợp lý sẽ ảnh hưởng xấu đến việc phát triển nông - lâm nghiệp của vùng.

Có thể thấy, đặc trưng chung của toàn bộ địa bàn Tây Nguyên là địa hình phức tạp với thế sông núi trùng điệp. Đất đai phù hợp để phát triển cây công nghiệp, đặc biệt là các loại cây có giá trị cao. Điều kiện tự nhiên hiểm trở, nhiều đồi núi, sông suối là thách thức lớn đối với phát triển kinh tế, phân bố dân cư, những nỗ lực để cải thiện đời sống nhân dân và kiểm soát địa bàn của chính quyền các cấp ở Tây Nguyên. Diện tích các xã, buôn, thôn... rộng, mật độ dân cư thưa thớt, xen lẫn

những vườn cây, vườn đồi, kể cả ở các xã thôn ven đô thị. Đường sá đi lại khó khăn, nhất là vào mùa mưa, làm hạn chế việc nắm bắt tình hình địa bàn của cơ quan chức năng các cấp. Mặt khác, là địa bàn có biên giới tiếp giáp Lào và Campuchia, các phần tử xấu, phản động, thế lực thù địch thường lợi dụng Tây Nguyên để tập trung hoạt động bất hợp pháp chống phá chế độ, Nhà nước.

Giải quyết những tác động phức tạp của điều kiện tự nhiên là bài toán khó đối với việc khai thác tiềm năng phát triển kinh tế một cách hiệu quả nhưng vẫn phải bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đồng thời với xây dựng thế trận phòng thủ, an ninh nhân dân vùng biên giới của Tây Nguyên.

2.1.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Cư dân bản địa Tây Nguyên bao gồm những nhóm người thuộc ngữ hệ Nam Á (Ba na, Xơ đăng, Cơ ho, M'ông, Mạ, Giẻ Triêng...) và ngữ hệ Nam Đảo (J'rai, Ê đê, Chu ru, Raglei). Họ đã sinh sống lâu dài trên mảnh đất này với những truyền thống lịch sử ngàn năm, là một nhân tố quan trọng tác động đến việc thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh ở vùng đất này.

Nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo với phương thức canh tác du canh du cư lạc hậu, dẫn đến tổ chức xã hội nhỏ hẹp, phân tán, uy hiếp đến sự sinh tồn của cư dân bản địa và làm phá hoại môi trường sống. Chăn nuôi chiếm một vị trí quan trọng, đặc biệt là nuôi trâu. Săn bắn, hái lượm vẫn giữ một vai trò nhất định trong đời sống hàng ngày của các cư dân ở Tây Nguyên.

Thủ công nghiệp chưa tách khỏi nông nghiệp, không đủ sức tự cung tự cấp. Hoạt động trao đổi hàng hóa còn nhiều hạn chế, chủ yếu bó hẹp trong các khu vực nhất định, chưa tạo ra một tầng lớp thương nhân thực thụ.

Tập quán sản xuất theo kiểu truyền thống, thiếu chuyên môn hóa, trình độ canh tác lạc hậu, chậm tiếp nhận tri thức sản xuất mới, làm lãng phí lao động là biểu hiện chung của cư dân Tây Nguyên.

Nét đặc biệt trong thiết chế xã hội cổ truyền của cư dân bản địa Tây Nguyên là làng (Plei, Kon Đăng, Bôn...) - tổ chức xã hội nhỏ nhất, vận hành theo cơ chế tự quản, mang đậm dấu ấn “công xã nông thôn”. Chịu trách nhiệm quản lý ở mỗi làng là tập thể già làng do già làng, có uy tín nhất trong cộng đồng đứng đầu. Già làng được chọn từ những người cao tuổi, có kinh nghiệm trong cuộc sống, có đạo đức và uy tín trong cộng đồng. Mọi thành viên trong làng đều chịu sự điều khiển của luật

tục. Ở một số nơi, chế độ mẫu hệ còn giữ một địa vị chủ chốt trong gia đình.

Đời sống văn hóa của cư dân bản địa Tây Nguyên hết sức phong phú với tín ngưỡng đa thần hữu linh. Tập tục của đồng bào các dân tộc được hình thành qua quá trình sản xuất, đấu tranh với thiên nhiên, tồn tại bền rễ sâu trong lịch sử phát triển của các dân tộc, trong đó nhiều tập tục cổ hủ mang yếu tố tự ti, biệt lập, khép kín của các công xã thị tộc có giá trị như luật pháp của từng buôn làng vẫn tồn tại, kìm hãm trí tuệ con người, làm cho con người chấp nhận thực tại, sợ thay đổi, thiếu ý chí vươn lên.

Mặc dù đất nước đã đổi mới hơn 30 năm nhưng phương thức sản xuất mang tính tự nhiên, tự cung tự cấp phụ thuộc vào nguồn tài nguyên có sẵn ở Tây Nguyên vẫn duy trì. *“Trải qua bao nhiêu thăng trầm và biến cố của lịch sử, song quan hệ xã hội cơ bản của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên còn mang đậm tính truyền thống và tính cộng đồng bền chặt cùng những mối quan hệ xã hội cổ truyền tốt đẹp được hình thành qua các thời kì lịch sử lâu dài”* [145; tr.10].

Hiểu biết và vận dụng những đặc điểm cơ bản về kinh tế - xã hội cổ truyền của cư dân Tây Nguyên là cơ sở để thực hiện hiệu quả công tác dân vận, xây dựng cơ sở chính trị địa phương trong thời kì Chiến tranh cách mạng, cũng như giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bên cạnh đó, một số dân tộc từ nhiều địa phương do những lý do khác nhau, trong tiến trình lịch sử đã đến đây cùng với đồng bào bản địa khai phá, xây dựng vùng đất này.

Trong các thành phần di dân đến Tây Nguyên, số lượng người Kinh đông nhất. Từ giữa thế kỷ XVII, người Kinh đã có mặt ở Tây Nguyên. Đến thế kỷ XIX, số người Kinh di cư tăng nhanh, trong đó chủ yếu là giáo dân Thiên chúa giáo từ Huế, Quảng Ngãi, Bình Định tránh sự truy nã của triều đình nhà Nguyễn. Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa thời kì thực dân Pháp thống trị, sau là chính quyền Sài Gòn, cũng làm gia tăng mạnh các cuộc chuyển cư của người Kinh đến Tây Nguyên định cư lâu dài. Người Kinh thường sống tập trung chủ yếu ở các thành phố, thị xã, thị trấn, các trục đường giao thông, các xí nghiệp công, nông, lâm nghiệp. Cũng có những làng người Kinh cận kề các làng của cư dân bản địa và một bộ phận nhỏ người Kinh sống xen kẽ ở các làng dân tộc địa phương. Ngoài ra, một bộ phận di dân vào Tây Nguyên không kém phần đông

đảo là đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc chủ yếu từ năm 1954.

Sau ngày giải phóng, Đảng và Nhà nước thực hiện chủ trương chuyển một bộ phận dân cư và lao động từ các vùng đông dân của đất nước đến xây dựng kinh tế mới tại Tây Nguyên. Bộ phận dân cư này trở thành nguồn động lực để cung cấp nguồn lao động có chất lượng cho sự phát triển kinh tế Tây Nguyên. Dân số Tây Nguyên tăng với tốc độ nhanh gây ảnh hưởng lớn đến cơ cấu dân cư của vùng, nhất là luồng di dân tự do ồ ạt đến Tây Nguyên từ năm 1979, gây ra nhiều xáo trộn về xã hội ở đây như vấn đề tranh chấp đất đai, nạn phá rừng, huỷ hoại môi trường sinh thái, nguy cơ đánh mất bản sắc văn hoá các dân tộc Tây Nguyên. Điều này tác động trực tiếp đến việc tổ chức hoạt động cũng như phương thức thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng suốt nhiều thời kì.

Cư dân ở Tây Nguyên đều là những người lao động cần cù, tính tình chất phác, với truyền thống giàu lòng yêu quê hương đất nước từ ngàn xưa. Ý thức bảo vệ cộng đồng dân tộc sâu sắc được tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác đã tạo nên truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường trên mảnh đất Tây Nguyên.

Ngay từ khi thực dân Pháp đặt ách thống trị, cùng nhân dân cả nước, đồng bào Tây Nguyên đã đứng lên đấu tranh. Trong những năm 1895 - 1896, nhân dân An Khê đã tham gia cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng hưởng ứng phong trào Cần Vương cứu nước. Đồng bào Ba Na, Xê Đăng ở Kon Tum đã sát cánh cùng nghĩa quân Bình Định, Quảng Ngãi đánh thực dân Pháp. Tiếp đó, đồng bào Xê Đăng ở Kon Tum liên tục nổi dậy (trong các năm 1901, 1909 và 1914); cuộc đấu tranh chống sưu thuế của nhân dân An Khê, Cheo Reo; nổi bật là cuộc khởi nghĩa của đồng bào Mơ Nông do Nơ Trang Long lãnh đạo, kéo dài 23 năm (1912 - 1935). Đến Cách mạng tháng Tám năm 1945, bằng tinh thần quật khởi, nhân dân Tây Nguyên đã nổi dậy giành được chính quyền dù chưa có sự lãnh đạo trực tiếp của cơ sở Việt Minh và tổ chức Đảng.

Tháng 11 - 1945, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Tây Nguyên. Trong kháng chiến chống Pháp, nhiều buôn làng Tây Nguyên đã trở thành những “làng kháng chiến”, căn cứ du kích chiến đấu kiên cường, là nơi sản sinh nhiều anh hùng dân tộc như Đinh Núp, xã đội trưởng Vừ,... Niềm tin vào cách mạng của nhân dân Tây Nguyên đã làm cơ sở cho tổ chức Đảng nhanh chóng ăn sâu, bén rễ vững chắc tại miền đất này. Từ tháng 7 - 1953, bộ đội chủ lực đã có mặt ở Tây

Nguyên, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị vũ trang địa phương và nhân dân tiến hành hàng trăm trận đánh lớn nhỏ, mở một số chiến dịch, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá huỷ vũ khí và phương tiện chiến tranh của chúng. Đặc biệt, thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên (26 - 1 đến 20 - 7 - 1954) đã góp phần làm nên thắng lợi của chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954 với đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp.

Theo Hiệp định Geneve, tháng 9 - 1954, chính quyền Sài Gòn tiếp quản Tây Nguyên, nhân dân Tây Nguyên phải đổi mặt với sự thống trị của chủ nghĩa thực dân kiểu mới. Chính quyền Sài Gòn đã thi hành những chính sách hết sức phản động để lập các pháo đài “chống cộng”, xây dựng bộ máy chính quyền, lực lượng bảo an, hệ thống tề điệp đến tận từng buôn làng. Quân dân Tây Nguyên đã đoàn kết sát cánh bên nhau vùng lên quật khởi đánh bại các nỗ lực chiến tranh của địch, tích cực củng cố lực lượng, mở rộng vùng giải phóng. Ngày 10 - 3 - 1975, quân dân Tây Nguyên cùng các đơn vị chủ lực tiến công địch ở Buôn Mê Thuột, mở đầu cho Đại thắng mùa Xuân 1975. Đất nước thống nhất, đồng bào Tây Nguyên bắt tay vào công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế - xã hội.

Bước vào thời kì Đổi mới, do vị trí chiến lược và đặc thù ở Tây Nguyên nên Đảng và Nhà nước luôn quan tâm và có nhiều chủ trương, chính sách ưu tiên nhằm từng bước cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ở đây. Mặc dù vậy, nền kinh tế chưa thật sự ổn định, tình hình xã hội Tây Nguyên vẫn còn nhiều vấn đề chưa thể giải quyết.

Dân trí thấp vẫn là tình trạng chung, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đây là một trong những trở ngại chính đối với việc phát triển bền vững Tây Nguyên. Đồng bào sống chủ yếu theo lối tự cung tự cấp, cuộc sống thiếu thốn. Đời sống vật chất của bộ phận dân cư ở các vùng kinh tế mới, di dân tự do và đồng bào các dân tộc tại chỗ ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ kháng chiến cũ còn nhiều khó khăn cũng là thách thức lớn về kinh tế - chính trị. Ở những vùng cao, do địa hình phức tạp, rừng núi hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn, có nơi tách biệt hẳn với các trung tâm nên việc cung cấp hàng hóa bị hạn chế, hiệu quả của các chương trình xóa đói giảm nghèo chưa cao. Cùng với bản chất thật thà, chất phác nên ý thức xã hội và trình độ nhận thức của một bộ phận dân cư còn nhiều hạn chế, dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá.

Tình trạng di dân tự do ở Tây Nguyên diễn biến hết sức phức tạp, gây ra khó khăn trong việc quản lý an ninh - chính trị và đặt ra vấn đề giải quyết việc làm để người dân có thể bám trụ lại lâu dài với miền đất này.

Có thể thấy, *“sự chênh lệch mức sống, trình độ dân trí và điều kiện hưởng thụ văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bào các tộc người tại chỗ và các nhóm dân cư khác không những không thu hẹp mà ngày càng cách xa hơn, đã và đang trở thành vấn đề thách thức trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện bình đẳng giữa tộc đa số với các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên cả trước mắt và lâu dài”* [81; tr.15].

2.1.2. Tình hình an ninh - chính trị

Kể từ sau ngày 30 - 4 - 1975 đến những năm đầu thế kỷ XXI, bằng nhiều thủ đoạn khác nhau, các thế lực thù địch không ngừng gây nên tình trạng bất ổn ở Tây Nguyên, làm cho Tây Nguyên luôn là điểm nóng về an ninh - chính trị.

Sau khi chiến dịch giải phóng Tây Nguyên kết thúc thắng lợi, mặc dù lực lượng cách mạng đã nhanh chóng tiếp quản các vùng giải phóng, xây dựng bộ máy chính quyền, ổn định tình hình địa bàn, nhưng việc giữ gìn trật tự an ninh - xã hội tại đây vẫn gặp vô vàn khó khăn.

Đáng chú ý nhất là các hoạt động chống phá của tổ chức Fulro². Hoạt động của chúng diễn ra hết sức phức tạp, chúng tổ chức lôi kéo, cưỡng bức hàng ngàn thanh niên Chăm, Ê đê, Ja rai, K ho; gây nhiều khó khăn trong xây dựng, củng cố cơ sở chính quyền ở vùng đồng bào dân tộc tại các tỉnh Tây Nguyên.

Trước tình hình đó, Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng đã có những chủ trương vừa mềm dẻo vừa cứng rắn nhằm tiêu diệt Fulro. Đầu năm 1976, phần lớn lực lượng Fulro bị bắt, tập trung cải tạo tại Gia Lai, sau đó trở về sum họp với gia đình. Đầu năm 1977, Trung ương Đảng ban hành *Chỉ thị 04/CT-TW Đẩy mạnh việc giải quyết vấn đề Fulro*, nhiều lãnh đạo cao cấp Fulro bị bắt. Tuy nhiên, khoảng hơn 2.000 tàn quân Fulro đã chạy sang Campuchia, được Chính

² Viết tắt từ P. Front Unifié de Lutte des Races Opprimées - Mặt trận thống nhất đấu tranh của các sắc tộc bị áp bức, là tổ chức chính trị - quân sự của các phần tử phản động trong các dân tộc thiểu số miền Nam Việt Nam (chủ yếu ở Tây Nguyên) nhằm âm mưu chia rẽ, kích động hận thù dân tộc chống lại cách mạng Việt Nam. Fulro chính thức thành lập năm 1965. Tháng 2 - 1969, sát nhập vào chính quyền Sài Gòn. Mỹ đã sử dụng lực lượng Fulro để dựng lên “Chính phủ cách mạng lâm thời cao nguyên Nam Đông Dương”. Sau ngày 30 - 4 - 1975, Fulro tiếp tục hoạt động phá hoại công cuộc xây dựng đất nước, gây nhiều tội ác với nhân dân Tây Nguyên.

phủ Campuchia dân chủ tiếp nhận nuôi dưỡng, sau khi chinh đồn lực lượng đã quay lại chống phá vùng biên giới Việt Nam. Sự đe dọa của Fulro làm tình hình các huyện biên giới như Chư Sê, Đức Cơ, Chư Prông, Sa Thầy (Gia Lai - Kon Tum³), Ea Súp (Đắk Lắk) luôn tiềm ẩn sự bất ổn.

Ở Đắk Lắk, sự kiện thảm sát kinh hoàng nhất mà Fulro gây ra ngày 9 - 2 - 1977 tại buôn Puôr, buôn Cuôr Ta Ra (Buôn Mê Thuật) làm quần chúng nhân dân hoang mang, gây bất ổn định an ninh - chính trị ở Tây Nguyên. Trong hai năm 1977 - 1978, chúng tổ chức hàng trăm vụ tập kích, phục kích, làm chết 376 người, bị thương 318 người, phá hủy, đốt phá nhiều xe cộ, kho hàng, trụ sở. Fulro còn mở rộng hoạt động ra các địa bàn vùng núi phụ cận thuộc tỉnh Phú Khánh (nay là Phú Yên, Khánh Hòa), Đồng Nai, Sông Bé (nay là Bình Phước),...

Khi chiến tranh biên giới Tây Nam bùng nổ, được sự giúp đỡ trực tiếp của Pôn Pốt, Fulro đưa gần 200 quân (chủ yếu là số cầm đầu, chỉ huy) sang lập căn cứ tại biên giới Campuchia, âm mưu thiết lập hành lang Tây Nguyên - Campuchia. Khoảng 1.500 quân Fulro về lại Việt Nam hoạt động, lập thành các toán du kích, đột nhập trung tâm thành phố, thị xã các tỉnh Tây Nguyên để khủng bố, ám sát cán bộ rồi rút sang bên kia biên giới. Chúng tiếp tục các hoạt động lôi kéo kết hợp bắt, cưỡng bức đồng bào thiểu số đi theo chúng.

Tuy nhiên, lực lượng vũ trang các tỉnh Tây Nguyên đã phối kết hợp, đấu tranh làm tan rã hàng chục nhóm Fulro, đưa họ trở về hòa nhập với cộng đồng. Năm 1992, trong tiến trình sử dụng giải pháp chính trị để giải quyết vấn đề Campuchia, tàn quân Fulro mất hết chỗ dựa, phần lớn sang nước ngoài định cư.

Đến năm 2000, Fulro lại gốc đầu dậy ở Tây Nguyên, trở thành một tổ chức cực đoan, hoạt động bằng hình thức kích động, lợi dụng sự ngây thơ của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số, lợi dụng vấn đề tôn giáo để tiến hành chống phá Nhà nước Việt Nam. Chúng sử dụng “Tin lành Đê ga” làm cơ sở chính trị, kêu gọi thành lập “Nhà nước Đê ga độc lập”, mà thực chất là một hình thức tồn tại mới của Fulro để tiếp tục chống phá cách mạng Việt Nam. Các cuộc biểu tình, bạo loạn chính trị do chúng gây ra ở Tây Nguyên năm 2001, 2004 cho thấy tính chất nguy hiểm và phức tạp của tổ chức này.

³ Tên một tỉnh cũ tại Tây Nguyên, dùng trong các giai đoạn tháng 4 - 1950 đến tháng 9 - 1954 và tháng 2 - 1976 đến tháng 10 - 1991 khi chính quyền sát nhập 2 tỉnh Gia Lai với Kon Tum hiện nay.

Vấn đề tôn giáo ở Tây Nguyên cũng tồn tại những mâu thuẫn, xung đột dẫn đến tình trạng bất ổn. Tây Nguyên có 4 tôn giáo chính là Công giáo, Phật giáo, Tin lành và Cao đài, chiếm 34,6% dân số. Số lượng tín đồ tăng nhanh theo tốc độ tăng trưởng dân số. Đáng lưu ý, tín đồ người dân tộc thiểu số tăng lên rất nhanh, chủ yếu theo đạo Công giáo và Tin lành.

Sau ngày giải phóng (1975), đạo Tin lành có 61,5 nghìn tín đồ với 216 chi hội bị Fulro lợi dụng để chống phá chính quyền; một số “tông phái”, chức sắc đã bị đình chỉ hoạt động, đưa đi cải tạo. Từ giữa những năm 80 của thế kỉ XX, Tin lành nhen nhóm trở lại và phát triển nhanh với số lượng tín đồ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ tuyệt đối (khoảng 382 nghìn tín đồ với 91,6 % là đồng bào dân tộc thiểu số). Trong số đó, một bộ phận tín đồ đã bị Fulro lợi dụng, lôi kéo, tham gia “Tin lành Đề ga” tiến hành biểu tình, bạo loạn.

Ngoài ra, ở Tây Nguyên vấn đề dân tộc cũng hết sức phức tạp. Thực hiện “chia để trị”, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ gieo rắc tư tưởng ly khai trong một bộ phận người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, hòng ngăn cản công cuộc thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam. Chúng ra sức tuyên truyền về một “quốc gia tự trị” riêng của “người Thượng Tây Nguyên”. Khi chính quyền cách mạng được thiết lập, đã truy quét và làm tan rã các tổ chức phản động ly khai nhưng trong một bộ phận người dân vẫn tồn tại dai dẳng ảo tưởng về một Tây Nguyên tự trị dành riêng cho “người Thượng”. Đây là nhân tố thuận lợi để chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch kích động tư tưởng hẹp hòi, kì thị dân tộc phục vụ cho âm mưu chống phá cách mạng ở Tây Nguyên.

Dưới thời kì chính quyền Ngô Đình Diệm, hàng vạn giáo dân và đồng bào dân tộc thiểu số miền Bắc (bị lừa gạt, cưỡng ép vào Nam) đã bị đưa đến các vùng đất có tầm quan trọng về quân sự và chính trị ven các trục đường giao thông chính và xung quanh các thị xã, thị trấn. Tiếp theo, chúng còn dựng lên ở đây hàng trăm “Dinh điền” với mục đích hình thành các “pháo đài chống cộng”, không chế đồng bào dân tộc thiểu số.

Đến nay, bởi nhiều nguyên nhân, cơ bản là do công tác quản lý của Nhà nước (cả vĩ mô và vi mô) còn lỏng lẻo, để kinh tế Tây Nguyên phát triển tự phát thời gian dài, vô hình chung đã đẩy một bộ phận người dân tộc thiểu số vào cảnh mất đất sản xuất, phải lùi sâu vào rừng, đời sống khó khăn. Đất đai đối với đồng

bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên không chỉ là vấn đề kinh tế mà còn là vấn đề văn hóa, xã hội, chính trị. Tình trạng tranh chấp đất đai giữa đồng bào bản địa với cư dân mới ảnh hưởng lớn đến niềm tin của đồng bào vào Đảng, Nhà nước, tạo kẽ hở cho các thế lực thù địch chống phá, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Có thể thấy, Tây Nguyên đã luôn là “điểm nóng”, là địa bàn trọng điểm mà các thế lực thù địch đẩy mạnh các hoạt động chống phá, gây mất ổn định an ninh - chính trị. Đặc biệt, những phần tử xấu lợi dụng niềm tin tôn giáo, lợi dụng trình độ dân trí thấp của đồng bào dân tộc, lợi dụng những bất cập, lỏng lẻo trong công tác quản lý nhà nước đối với tôn giáo, cũng như sự hạn chế, yếu kém của hệ thống chính trị cơ sở ở Tây Nguyên, cấu kết với những người đứng đầu các tổ chức, nhóm tôn giáo để liên tục gây ra không ít những xáo trộn phức tạp, tác động lớn đến nhiều mặt của đời sống xã hội ở Tây Nguyên, trong đó, chúng nhắm tới đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số ở những vùng kém phát triển về kinh tế, ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

Tình hình trên đặt ra yêu cầu phải tăng cường lực lượng quân sự khác bên cạnh sự có mặt của các đơn vị chủ lực trên tuyến biên giới chiến lược này, vừa sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống các thế lực phản động, vừa tích cực giải quyết các vấn đề trên bằng việc kết hợp giữa nhiều lĩnh vực, chính trị gắn với kinh tế - xã hội, văn hóa. Cần nhiều hơn những chính sách, chủ trương nhằm nhằm giải quyết thấu đáo vấn đề nâng cao dân trí, ổn định đời sống kinh tế, phát triển văn hóa cho đồng bào Tây Nguyên. Nắm vững vấn đề này, việc quân đội xây dựng kinh tế - xã hội kế hợp hình thành thế trận quốc phòng - an ninh trên địa bàn Tây Nguyên đã được Đảng, Nhà nước chú trọng và triển khai từ rất sớm, ngay khi kháng chiến chống Mỹ chưa kết thúc.

2.1.3. Chủ trương của Đảng về quân đội xây dựng kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh

2.1.3.1. Giai đoạn trước năm 1985

Kế thừa truyền thống “ngụ binh ư nông”, “tĩnh vi dân, động vi binh”, “thực túc binh cường”... của các bậc tiền nhân, trong hai cuộc kháng chiến, lực lượng quân đội đã tham gia sản xuất, phát triển kinh tế kết hợp quốc phòng một cách phù hợp, góp phần khắc phục hậu quả của chiến tranh để lại, xây dựng hậu phương lớn miền Bắc, chi viện cho cách mạng miền Nam.

Ngày 23 - 8 - 1956, Bộ Quốc phòng ra *Nghị định số 030/NĐ thành lập Cục Nông binh*, chuyển gần 8 vạn cán bộ, chiến sĩ sang làm nhiệm vụ sản xuất, xây dựng đất nước. Đây là sự kiện mở đầu cho việc quân đội tham gia lao động sản xuất và xây dựng kinh tế có quy mô, có hệ thống.

Ba sư đoàn kinh tế được thành lập, nhanh chóng tiếp quản, duy trì sản xuất tại các đồn điền của Pháp để lại ở Tây Bắc, từ Điện Biên Phủ xuống Nà Sản, Mộc Châu, qua Thu Cúc (Phú Thọ) về Nghĩa Lộ (Yên Bái) và thành lập mới năm nông trường ở vùng trung du. Ở khu vực Ba Vì, Xuân Mai, Chi Nê (Hoà Bình), Thạch Thành, Lam Sơn (Thanh Hoá), ba sư đoàn vừa phát triển lực lượng, vừa làm kinh tế. Quân đội tham gia xây dựng một số nông trường trải dài từ Bái Thượng quan, Phủ Quỳ (Thanh Hoá) vào đến Tân Ấp (Quảng Bình), mở rộng vùng dân Khu 4 lên trung du, miền núi làm hậu phương chiến lược cho tuyến chi viện vào Nam. Trên biển, sáu đội đánh cá có vũ trang kết hợp đánh bắt, chế biến hải sản với bảo vệ vùng biển vịnh Bắc Bộ từ Quảng Ninh vào Cồn Thoi, Phát Diệm (Ninh Bình). Những hoạt động kinh tế này vừa góp phần tích cực xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa vừa duy trì lực lượng quân sự cần thiết tại các địa bàn trọng điểm quốc phòng.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9 - 1960), *Báo cáo chính trị* nhấn mạnh “*phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, trong xây dựng kinh tế phải thấu suốt nhiệm vụ quốc phòng, cũng như trong củng cố quốc phòng phải khéo léo sắp xếp phù hợp với công cuộc xây dựng kinh tế*” [87;tr.535]. Đây là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt đường lối kết hợp kinh tế với quốc phòng và quân đội xây dựng kinh tế của Đảng.

Ngay sau khi Hiệp định Paris được kí kết (27 - 1 - 1973), Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương chủ trương đẩy mạnh hoạt động sản xuất của các đơn vị quân đội tại một số vùng giải phóng ở miền Nam, trong đó có Bắc Tây Nguyên để tạo nguồn hậu cần tại chỗ, củng cố thế và lực chuẩn bị cho cuộc tiến công giải phóng hoàn toàn miền Nam. Ngày 25 - 6 - 1973, Quân ủy Trung ương ra *Nghị quyết về tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn mới*, nhấn mạnh vấn đề quân đội tham gia sản xuất nhằm tự túc một phần lương thực, thực phẩm và thực hành tiết kiệm trong tiêu dùng. Tiếp đến, Hội nghị lần thứ 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) ban hành *Nghị quyết số 229-NQ/TW, ngày 22 - 1 -*

1974 về nhiệm vụ, phương hướng khôi phục và phát triển kinh tế miền Bắc trong hai năm 1974 - 1975 đặt ra vấn đề cần phải “*tổ chức riêng một lực lượng thích hợp chuyên làm các nhiệm vụ kinh tế, đồng thời tạo điều kiện cho quân đội thường trực tham gia sản xuất*” [88; tr.413]. Đây là cơ sở cho sự ra đời của các lực lượng quân đội chuyên trách tham gia xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng.

Cụ thể hoá chủ trương, quan điểm của Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã có các quyết định quan trọng, một trong số đó là quyết định tổ chức Binh đoàn xây dựng kinh tế 773 (tháng 7 - 1973) tại Tây Nguyên.

Sau khi đất nước thống nhất, để khắc phục hậu quả nặng nề sau 30 năm chiến tranh, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị chỉ đạo hoạt động xây dựng kinh tế của quân đội với mức độ và yêu cầu ngày càng cao.

Ngày 17 - 3 - 1976, Bộ Chính trị ban hành *Nghị quyết số 250-NQ/TW về vấn đề quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế*, trong đó nêu rõ: Đất nước đã hòa bình, nhưng vẫn có những diễn biến phức tạp, Quân đội Nhân dân Việt Nam phải tiến tới chính quy và hiện đại hóa, mặt khác, trong bối cảnh nền kinh tế vốn đã nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh liên tục tàn phá nặng nề, toàn dân đang phải hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng đất nước thì “*việc quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước lại càng là một yêu cầu cơ bản và cấp bách của cách mạng*” [90; tr.68]. Quân đội phải “*sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt là nhiệm vụ chung, nhiệm vụ chiến lược quan trọng bậc nhất của toàn quân. Đồng thời, lao động sản xuất xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước là nhiệm vụ chiến lược rất quan trọng của toàn quân*” [90; tr.71]. Trong đó “*các lực lượng chuyên xây dựng và sản xuất là lực lượng chính của quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế lâu dài. Các đơn vị này vẫn có nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu theo kế hoạch chung, phải dành một tỷ lệ thời gian thích đáng để huấn luyện quân sự và tham gia cùng địa phương nơi đóng quân giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ chính quyền cách mạng, còn phần lớn thời gian thì làm công tác lao động sản xuất, xây dựng kinh tế*” [90; tr.73].

Nghị quyết xác định phương hướng, nhiệm vụ xây dựng kinh tế của quân đội với 5 nội dung: xây dựng vùng kinh tế mới, kết hợp kinh tế với quốc phòng; xây dựng cơ bản; đánh cá, khai thác hải sản, kết hợp bảo vệ vùng biển và vùng

hải đảo; sản xuất và xây dựng công nghiệp quốc phòng cho quân đội và nhân dân; giúp Bạn xây dựng các công trình kinh tế và quốc phòng,

Nghị quyết 250 của Bộ Chính trị trở thành “kim chỉ nam” cho việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh tế của quân đội. Xây dựng kinh tế thực sự trở thành một nhiệm vụ chiến lược, cơ bản, lâu dài của quân đội với mục đích hình thành thế trận bảo vệ đất nước, bằng cả quân sự và kinh tế, từ đất liền đến hải đảo.

Để triển khai mạnh mẽ hơn, cụ thể hơn hoạt động sản xuất kinh tế của quân đội, ngày 5 - 4 - 1976, Tổng cục Xây dựng kinh tế trực thuộc Bộ Quốc phòng được thành lập, có nhiệm vụ lập kế hoạch, chỉ đạo và xây dựng các đơn vị chuyên sản xuất kinh tế của quân đội. Cũng trong tháng 4 - 1976, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng tổ chức Hội nghị cán bộ trung, cao cấp toàn quân nhằm nghiên cứu nội dung nghị quyết về quân đội xây dựng kinh tế. Hội nghị đi đến thống nhất mục tiêu kinh tế lúc này là: đảm bảo một phần nhu cầu của quân đội; tham gia xây dựng một số vùng kinh tế chiến lược, xây dựng giao thông thủy lợi, một số công trình trọng điểm của Nhà nước; góp phần phân bố lao động và dân cư.

Ngày 3 - 8 - 1976, Thủ tướng Chính phủ ra *Quyết định số 315-TTg về việc giao nhiệm vụ cho quân đội xây dựng kinh tế*, quy định Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm về kế hoạch sản xuất và xây dựng của quân đội, chỉ đạo thực hiện theo kế hoạch của Chính phủ phê duyệt; quân đội xây dựng kinh tế phải tuân theo các nguyên tắc, chính sách, chế độ, thủ tục, thể lệ quản lý kinh tế, tài chính hiện hành của Nhà nước.

Với sự chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, một lực lượng lớn quân thường trực chuyển sang tham gia xây dựng kinh tế (cao điểm có khoảng 30 vạn quân được bố trí làm kinh tế ở nhiều dạng khác nhau). Trên các địa bàn chiến lược, Bộ Quốc phòng thành lập các đoàn xây dựng kinh tế làm nhiệm vụ chính trị như: trồng bông ở Thuận Hải, khai thác dầu khí ở Bà Rịa - Vũng Tàu, đánh bắt hải sản ở vùng biển Đông Bắc và Tây Nam, trồng điều, tiêu ở Đông Nam Bộ, phát triển cây công nghiệp ở Tây Bắc...

Ở Tây Nguyên, trên cơ sở lực lượng quân đội đã bố trí tại đây xây dựng kinh tế nông nghiệp kết hợp từ năm 1973, tháng 10 - 1976, Bộ Quốc phòng chính thức ra quyết định thành lập các đoàn kinh tế đứng chân từ Kon Tum cho đến Đắk Lắk, với nhiệm vụ chung là sản xuất nông nghiệp, phát triển chăn nuôi và

chuẩn bị cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển vùng cây công nghiệp dài ngày, từng bước hình thành khu dân cư để ổn định lâu dài, thực hiện chiến lược kinh tế kết hợp quốc phòng trên khu vực này.

Từ cuối thập niên 70 và suốt thập niên 80 của thế kỉ XX, nền hoà bình và sự ổn định của đất nước gặp thách thức lớn, phần lớn các đơn vị quân đội tập trung cho nhiệm vụ chiến đấu, Hội đồng Chính phủ và Bộ Chính trị quyết định chuyển giao một số cơ sở kinh tế do quân đội đang phụ trách sang cho Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Thủy lợi quản lý⁴, giải thể Tổng cục Xây dựng kinh tế. Tuy vậy, lực lượng kinh tế do quân đội quản lý vẫn duy trì với khoảng 10 vạn quân (trên tổng số 1,3 triệu quân), tổ chức thêm một số đơn vị trồng cây công nghiệp, lương thực ở Tây Nguyên và Nam Bộ.

Tiếp đến, *Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 26 - 6 - 1980 về nhiệm vụ quân đội làm kinh tế trong 5 năm 1981 - 1985* của Bộ Chính trị xác định cụ thể nhiệm vụ quân đội xây dựng kinh tế trên tất cả các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, xây dựng cơ bản, hàng không dân dụng, hợp tác kinh tế với Lào và Campuchia. Nghị quyết còn nêu lên một số nguyên tắc trong việc sử dụng lực lượng quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế, trong đó khẳng định nguyên tắc hàng đầu là “*kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ quân sự với nhiệm vụ xây dựng kinh tế. Giao nhiệm vụ làm kinh tế phù hợp với sở trường chuyên môn và khả năng của từng đơn vị*” [91; tr.431].

Tại Tây Nguyên, trước những diễn biến phức tạp ở biên giới, Đảng, Nhà nước nhận thấy cần có sự thay đổi đối với lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế đang đứng chân tại đây, tổ chức một đơn vị vũ trang vững mạnh vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, vừa kết hợp xây dựng kinh tế với quốc phòng đứng chân ở những vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến cũ. Đáp ứng yêu cầu đó, đầu năm 1985, Binh đoàn Xây dựng kinh tế Tây Nguyên mang phiên hiệu Binh đoàn 15 đã ra đời với nhiệm vụ tham gia phát triển cây cao su và xây dựng địa bàn chiến lược trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia - Lào.

⁴ Theo các *Quyết định 42-QĐ/TW* về chuyển giao nhiệm vụ chuyên xây dựng cho các ngành kinh tế ngày 5 - 7 - 1979 của Bộ Chính trị, *Quyết định 273-CP* về chuyển giao các cơ sở quân đội chuyên xây dựng kinh tế sang cho các ngành kinh tế quản lý ngày 23 - 7 - 1979 của Hội đồng Chính phủ.

Sự ra đời của Binh đoàn 15 cùng với một số đơn vị tương đương cấp binh đoàn khác làm nhiệm vụ kinh tế trong giai đoạn này cho thấy sự thay đổi tư duy tầm chiến lược của Trung ương Đảng, Đảng ủy Quân sự Trung ương về quân đội thực hiện phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng, đưa nhiệm vụ sản xuất của Quân đội Nhân dân Việt Nam bước sang giai đoạn mới.

2.1.3.2. Giai đoạn 1985 - 2013

Bước vào những năm cuối của thế kỉ XX đến thập niên đầu thế kỉ XXI, để giải quyết hài hoà nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh thế giới có nhiều sự chuyển biến phức tạp, Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương, chỉ đạo quyết liệt thay đổi phương thức quân đội tham gia thực hiện chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Thời kì này, Tổng cục Kinh tế được tái lập với cơ cấu gọn nhẹ hơn, cùng với sự ra đời của một số đơn vị chuyên xây dựng kinh tế cấp binh đoàn.

Để thực hiện Công cuộc Đổi mới đất nước, *Nghị quyết Đại hội VI* xác định phải “*huy động một phần lực lượng quân đội, sử dụng một phần năng lực công nghiệp quốc phòng vào việc xây dựng kinh tế*” [86; tr.38]. Nhiệm vụ xây dựng kinh tế trở thành một nhiệm vụ chính trị, mang tầm chiến lược mà quân đội phải tiên phong đi đầu để vừa góp phần phát triển kinh tế vừa bảo vệ đất nước, làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch.

Ngày 14 - 3 - 1987, Hội đồng Bộ trưởng ra *Chỉ thị số 260/CT về huy động tiềm lực của quân đội cho sự nghiệp xây dựng Tổ quốc*, khẳng định nhiệm vụ quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế là một nhiệm vụ to lớn, lâu dài và cực kì quan trọng, trong đó yêu cầu chú ý xây dựng vùng kinh tế trung du, miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.

Tháng 6 - 1987, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành *Nghị quyết số 02* xác định rõ quân đội xây dựng kinh tế cần phải tích cực thay đổi để phù hợp với xu hướng phát triển trong đời sống chính trị, kinh tế - xã hội của đất nước. *Nghị quyết* thể hiện lối tư duy mới, tạo ra nền tảng cho sự thay đổi căn bản về chủ trương quân đội xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kì mới.

Hiện thực hoá chủ trương của Đảng, lực lượng quân đội xây dựng kinh tế được sắp xếp vào hệ thống quản lý thống nhất, chuyển từ bao cấp sang hạch toán độc lập để hoạt động hiệu quả hơn trong nền kinh tế thị trường. Quyết định này thể

hiện sự nhạy bén, linh hoạt của Đảng về mặt chủ trương cũng như cách thức tổ chức cho quân đội tham gia sản xuất, xây dựng đất nước, tạo ra cơ sở cho sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp quân đội.

Ngày 3 - 3 - 1989, Hội đồng Bộ trưởng ban hành *Nghị quyết số 22/HĐBT thành lập Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng và Kinh tế* (thay thế cho Tổng cục Kinh tế), “*làm tham mưu và thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế trong quân đội. Đồng thời chấn chỉnh các đơn vị làm kinh tế theo các quyết định mới được Bộ ban hành. Các đơn vị làm kinh tế triển khai theo mô hình tổ chức công ty, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước*” [154; tr.120]. Từ ngày 3 - 3 đến ngày 1 - 6 - 1989, Hội đồng Bộ trưởng ban hành các *Nghị định số 21/HĐBT, Nghị định số 58/HĐBT* thành lập 18 Tổng Công ty, Công ty thuộc Bộ Quốc phòng có nhiệm vụ sản xuất quốc phòng và hoạt động kinh tế theo chế độ hạch toán.

Ngay sau khi ra đời, tổng doanh thu của các doanh nghiệp quân đội đạt 490 tỷ đồng. Đến năm 1995, đạt 3.650 tỷ đồng, tạo ra công việc ổn định cho khoảng 60 nghìn lao động (không thuộc biên chế quân đội) với thu nhập bình quân 490 nghìn đồng/ người/ tháng, bước đầu cho thấy sự đúng đắn của mô hình này.

Để hướng tới hình thành các doanh nghiệp mạnh, có năng lực cạnh tranh về kinh tế, khả năng phòng thủ về quốc phòng và tập trung vào các ngành nghề mà quân đội có điều kiện và thế mạnh, Đảng chỉ đạo Bộ Quốc phòng liên tục sắp xếp lại các doanh nghiệp quân đội theo hướng giảm đầu mối, tinh gọn bộ máy.

Triển khai *Nghị định số 388/HĐBT (20 - 11 - 1991)*, Đảng ủy Quân sự Trung ương ban hành *Nghị quyết số 06/NQ-ĐUQSTW về nhiệm vụ lao động sản xuất và làm kinh tế của quân đội trong tình hình mới* với nội dung trọng tâm là tổ chức lại doanh nghiệp quân đội. Từ tháng 4 - 1995, doanh nghiệp quân đội được quy hoạch, tập trung vào những đơn vị Kinh tế - Quốc phòng và doanh nghiệp kinh tế: đặc biệt khuyến khích những doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực nông lâm nghiệp đứng chân trên một số địa bàn biên giới có ý nghĩa kinh tế kết hợp quốc phòng; chú ý những doanh nghiệp có ngành nghề gắn với chiến lược phát triển kinh tế miền núi, vùng kinh tế mới; hợp nhất những doanh nghiệp giống nhau về ngành nghề trong từng quân khu. Trong đợt này, Bộ Quốc phòng đã giảm từ 233 doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng và doanh nghiệp kinh tế xuống còn 115 đơn vị. Quân khu 5 có số

doanh nghiệp đông nhất với 16 doanh nghiệp, trong đó, có 8 doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng thuộc Tổng Công ty 15 (Binh đoàn 15).

Những thành tựu hết sức nổi bật của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng đứng chân trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên cho thấy tiềm năng của quân đội trong khai phá những vùng hoang hóa biên giới, hải đảo, dân cư nghèo đói, tạo ra những khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng, phát triển về kinh tế ở các địa bàn nhạy cảm về chính trị.

Năm 1998, Chính phủ ban hành *Quyết định số 135/QĐ-TTg, ngày 31 - 7 - 1998 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo bền vững* (gọi tắt là Chương trình 135), xác định quân đội là một lực lượng tham gia, trực tiếp nhận nhiệm vụ xây dựng vùng kinh tế mới ở những nơi có điều kiện, đỡ đầu đón nhận khoảng 100 nghìn hộ dân đến lập nghiệp ở những các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa đất ở biên giới và hải đảo.

Ngày 22 - 8 - 1998, Bộ Quốc phòng thành lập Ban chỉ đạo về xây dựng và triển khai thực hiện các dự án kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh trên các địa bàn chiến lược (gọi tắt là Ban Chỉ đạo 150). Ban Chỉ đạo 150 có nhiệm vụ nghiên cứu một cách tổng thể các hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Binh đoàn 15 trên ba tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk. Từ đó, bắt đầu “*khảo sát tổng thể, nắm toàn bộ thực trạng các khu Kinh tế - Quốc phòng trong cả nước và những địa bàn còn trống, dự trù mọi yếu tố lực lượng, tài chính để đưa vào quy hoạch xây dựng các khu mới*” [159; tr.74].

Nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới, ngày 24 - 12 - 1998, Thủ tướng Chính phủ ký *Quyết định số 249/1998/QĐ-TTg về việc thành lập Tổng cục Công nghiệp quốc phòng và thành lập Cục Kinh tế trực thuộc Bộ Quốc phòng*. Thực chất là tách Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng và Kinh tế thành 2 cơ quan chuyên biệt: Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng quản lý các cơ sở sản xuất công nghiệp phục vụ quốc phòng; Cục Kinh tế quản lý các hoạt động sản xuất, xây dựng kinh tế của quân đội.

Cuối năm 1999, Bộ Quốc phòng đưa ra *Đề án quy hoạch tổng thể quân đội tham gia xây dựng phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu vùng xa gắn với xây dựng các khu quốc phòng - an ninh trên địa bàn chiến lược biên giới, ven biển* (Theo quyết định 135/1998/QĐ-TTg ngày 31 - 7 - 1998 của

Thủ tướng Chính phủ). Ngày 31 - 3 - 2000, đề án chính thức được phê duyệt theo Quyết định số 227/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng thể có 11 khu Kinh tế - Quốc phòng do quân đội chịu trách nhiệm được triển khai trên các địa bàn chiến lược ở biên giới phía Bắc, miền Trung, Tây Nguyên, Đông và Tây Nam bộ từ năm 1999 đến năm 2013.

Mục tiêu của dự án khu Kinh tế - Quốc phòng là *“phát triển kinh tế - xã hội các vùng dự án, góp phần cải thiện và từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, kết hợp bảo đảm quốc phòng - an ninh ở địa bàn chiến lược, biên giới, ven biển, trên cơ sở bố trí lại dân cư theo quy hoạch sản xuất và mục tiêu lâu dài của quốc phòng, an ninh, hình thành nên các cụm xã biên giới, tạo nên vành đai biên giới trong thế trận quốc phòng toàn dân bảo vệ tổ quốc”* [149; tr.2]

Các dự án khu Kinh tế - Quốc phòng thực hiện theo 2 dạng:

Dạng thứ nhất được tổ chức quản lý và thực hiện theo mô hình khu Kinh tế - Quốc phòng của Binh đoàn 15 (chủ đầu tư, thực hiện dự án là các doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng với sự phối hợp cùng các cấp chính quyền địa phương trong việc tổ chức di dân, giao đất, tổ chức sản xuất kinh tế hộ gia đình và tiêu thụ sản phẩm), gồm các khu Kinh tế - Quốc phòng Nam Đắc Lắc - Bình Phước, Quảng Sơn, Khe Sanh, Bù Gia Phúc.

Dạng thứ hai do các đoàn Kinh tế - Quốc phòng phụ trách vùng dự án, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các quân khu (sau khi hoàn thành các mục tiêu cơ bản sẽ bàn giao lại cho địa phương, các đoàn Kinh tế - Quốc phòng tùy vào điều kiện có thể rút đi hoặc ở lại làm nhiệm vụ phục vụ sản xuất cho vùng dự án), gồm các khu Kinh tế - Quốc phòng Bắc Hải Sơn, Mẫu Sơn, Mường Chà, Bảo Lạc, Bình Liêu - Quảng Hà - Móng Cái, Vị Xuyên, Aso - A lưới.

Đoàn Kinh tế - Quốc phòng có 5 nhiệm vụ cơ bản là:

“Một, xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội vùng dự án đã được xác định.

Hai, khai thác tối đa tiềm năng đất đai được giao để sản xuất phục vụ mục tiêu trước mắt và lâu dài, từng bước chuyển dần sang kinh tế hàng hóa với những loại cây công nghiệp, cây đặc sản chăn nuôi, trồng và bảo vệ rừng trong đó tập trung vào các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hóa cao. Đối với những vùng xung yếu địa bàn khó khăn, quân đội trực tiếp tổ chức sản xuất, gắn phát triển sản xuất với quốc phòng - an ninh. Đối với những địa bàn khó khăn

dân chưa có điều kiện tổ chức sản xuất được, quân đội tổ chức sản xuất trên cơ sở đó tiếp nhận dân đến, từng bước ổn định và chuyển dân cho chính quyền địa phương quản lý.

Ba, tiếp nhận nhân dân ở các vùng khác đến và tổ chức bố trí lại dân tại chỗ để phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn dự án.

Bốn, bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái thông qua trồng mới, khoanh nuôi, tái sinh và bảo vệ rừng, sử dụng bền vững, hợp lý các nguồn tài nguyên.

Năm, cải thiện, nâng cao đời sống, phục hồi bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số.” [149; Tr.2].

Đề án năm 1999 của Bộ Quốc phòng đánh dấu việc mở đầu giai đoạn quân đội trực tiếp tham gia mặt trận xóa đói giảm nghèo, xây dựng các khu Kinh tế - Quốc phòng trong cả nước. Đến ngày 21 - 3 - 2002, Thủ tướng Chính phủ ban hành *Quyết định số 43/2002/QĐ-TTg* bổ sung thêm 5 khu Kinh tế - Quốc phòng và mở rộng một số khu đã có.

Sự xuất hiện của mô hình khu Kinh tế - Quốc phòng cùng sự phát triển của các doanh nghiệp quân đội đưa lực lượng sản xuất, xây dựng kinh tế của Quân đội tại các địa bàn chiến lược bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ, sản xuất ngày càng nhiều sản phẩm cung cấp cho xã hội, giúp dân làm giàu, tăng cường khả năng phòng thủ của đất nước, chuẩn bị mọi khả năng sẵn sàng huy động tiềm lực phục vụ công cuộc bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 22 - 4 - 2002, Đảng ủy Quân sự Trung ương ra *Nghị quyết 71/NQ-ĐUQSTW về nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế của quân đội trong thời kì mới*, tiếp tục khẳng định vai trò nòng cốt của lực lượng quân đội trong thực hiện phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh trên những địa bàn chiến lược, ở những vùng biên giới, hải đảo; đồng thời nhấn mạnh cần phải chú ý đến hiệu quả quốc phòng - an ninh tại các khu Kinh tế - Quốc phòng. Mặt khác, nghị quyết nêu rõ chủ trương tiếp tục sắp xếp, đổi mới để phát triển và nâng cao hiệu quả kinh doanh, sức mạnh tổng thể của các doanh nghiệp quân đội. Đây là nghị quyết có ý nghĩa quan trọng định hướng nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế của quân đội, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

Ngày 13 - 3 - 2003, Bộ Quốc phòng xây dựng *Đề án (số 790/BQP) tổng thể sắp xếp doanh nghiệp nhà nước trong quân đội đến năm 2005* với tư tưởng chỉ đạo: sắp xếp doanh nghiệp quân đội thành 2 dạng doanh nghiệp quân đội công ích (thực hiện nhiệm vụ quốc phòng) và doanh nghiệp quân đội hoạt động kinh doanh (nhưng có khả năng chuyển sang chiến đấu hoặc phục vụ chiến đấu trên lĩnh vực của mình). Các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn chiến lược, biên giới, hải đảo thực hiện nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng thuộc dạng doanh nghiệp quân đội công ích.

Một số đơn vị chủ lực của Bộ hoạt động theo mô hình Tổng Công ty như Binh đoàn 15 - Tổng Công ty 15, Binh đoàn 12 - Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn, Binh đoàn 11 - Tổng Công ty Thành An được tổ chức theo dạng lưỡng dụng (bộ máy tổng công ty cũng là bộ máy của binh đoàn quân sự).

Ngày 9 - 8 - 2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành *Quyết định 1391/QĐ-TTg về quy hoạch tổng thể xây dựng và phát triển các khu Kinh tế - Quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo*, dự kiến xây dựng mới thêm 11 khu Kinh tế - Quốc phòng (8 khu trên đất liền và đảo gần; 3 khu trên biển đảo), nâng tổng số khu Kinh tế - Quốc phòng trong cả nước lên 32 khu (trong đó, Tây Nguyên tiếp tục đầu tư 2 Tổng khu Kinh tế - Quốc phòng của Binh đoàn 15, Binh đoàn 16 và 2 khu Kinh tế - Quốc phòng Bắc Lâm Đồng, Quảng Sơn; kết thúc đầu tư khu Kinh tế - Quốc phòng CưMga; mở thêm khu Kinh tế - Quốc phòng Mang Yang ở Gia Lai).

Ngày 24 - 10 - 2011, Bộ Chính trị có *Kết luận số 12-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW (khóa IX) phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011 - 2020*, xác định cần tập trung đảm bảo an ninh nông thôn, tiếp tục tăng cường tiềm lực quốc phòng trên các địa bàn trọng yếu, bố trí thích hợp các đơn vị quân đội làm kinh tế, đảm bảo tính hệ thống của quá trình quân đội tham gia phát triển kinh tế gắn với quốc phòng và an ninh ở Tây Nguyên.

Ngày 25 - 9 - 2012, Đảng ủy quân sự Trung ương ban hành *Nghị quyết số 520-NQ/QUTW về lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng của quân đội đến năm 2020*, nhấn mạnh: “*Tiếp tục đổi mới tư duy về quân đội làm kinh tế, khẳng định sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng là một trong những chức năng, nhiệm vụ chiến lược, lâu dài của quân đội; phấn đấu là một nguồn lực quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu đầy*

mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” [96; tr.3]. Đề đạt được mục đích trên cần “tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục làm cho mọi cán bộ, chiến sĩ nhận thức rõ hơn ý nghĩa, tầm quan trọng và yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng trong giai đoạn hiện nay, phát huy hơn nữa vai trò của quân đội trong việc tham gia phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường quốc phòng - an ninh, nhất là trên các địa bàn chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ; ưu tiên phát triển mạnh các ngành kinh tế biển...” [96; tr.3].

Có thể nói, trong những năm đầu Đổi mới, khi lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế được tổ chức lại, Tây Nguyên tiếp tục là địa bàn được Trung ương Đảng, Đảng uỷ Quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng cho thành lập nhiều đơn vị quân đội thực hiện nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng dưới các loại hình khác nhau, có tính đặc thù như doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng, đoàn Kinh tế - Quốc phòng.

Riêng đối với loại hình doanh nghiệp quân đội, hoạt động kinh doanh hạch toán độc lập theo cơ chế kinh tế thị trường là cần thiết, các đơn vị này có động lực để cải thiện năng lực sản xuất phù hợp trong xu thế hội nhập của đất nước; tạo điều kiện nâng cao sức chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, ứng phó khi có tình huống, tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh trong cả nước, đặc biệt là những địa bàn chiến lược, nhạy cảm. Điều này không làm thay đổi bản chất cách mạng, truyền thống “bộ đội Cụ Hồ” của các đơn vị, ngược lại, ở các doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng “*ý chí quyết chiến quyết thắng, anh dũng chiến đấu, cần cù lao động, tận tụy công tác, thông minh sáng tạo*” [111; tr.52] còn được thể hiện một cách rõ nét hơn.

Sự hiện diện các khu Kinh tế - Quốc phòng, cùng với sự phát triển của lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế đứng chân ở Tây Nguyên từ năm 1985 càng chứng minh cho thấy chủ trương quân đội tham gia phát triển kinh tế trong thời kì mới là hoàn toàn đúng đắn. Đây là mô hình đặc thù mà Đảng và Nhà nước chủ trương xây dựng ở những địa bàn chiến lược, biên giới, hải đảo, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với mục tiêu ổn định chính trị, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Quân đội tham gia thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng là sự tiếp nối truyền thống lịch sử dân tộc, là chiến lược xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đối với từng giai đoạn cách mạng, Đảng đều có những chủ trương, phương hướng và biện pháp cụ thể, thích hợp để tổ chức lực lượng quân đội thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng một cách hiệu quả nhằm giải quyết vấn đề cấp bách và lâu dài của cách mạng.

Tại Tây Nguyên, lực lượng quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng đã có những bước phát triển nhanh chóng về tổ chức, quy mô và đã có những đóng góp quan trọng cho sự hồi sinh của vùng đất này.

Trong bất kì hoàn cảnh lịch sử nào, Đảng và Nhà nước đều duy trì, phát triển lực lượng quân đội làm nhiệm vụ kinh tế kết hợp quốc phòng tại Tây Nguyên. Nên đây là những đơn vị có bề dày lịch sử, gắn bó với chiến trường Tây Nguyên, có nhiều kinh nghiệm thực tiễn đối với nhiệm vụ sản xuất của quân đội, làm nòng cốt cho các khu Kinh tế - Quốc phòng trải khắp biên giới vào đến nội địa. Sự linh hoạt về đổi mới tư duy của Đảng, Nhà nước trong việc tổ chức các lực lượng quân đội xây dựng kinh tế phát triển theo hướng đẩy mạnh kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế và quốc phòng là nhân tố tác động sâu sắc đến quá trình quân đội triển khai nhiệm vụ chiến lược này tại địa bàn Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung.

2.1.4. Kết quả bước đầu của các đơn vị quân đội xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng ở Tây Nguyên (1973 - 1985)

2.1.4.1. Tiếp quản vùng giải phóng; vừa sản xuất, vừa chiến đấu

Sau chiến dịch tiến công Xuân - Hè 1972, với chiến thắng Đắk Tô - Tân Cảnh, Plei Kần (10 - 12 - 1972), quân và dân Tây Nguyên đã giải phóng được một địa bàn chiến lược hết sức quan trọng - ngã ba biên giới. Để bảo vệ vùng đất mới giải phóng, BTL Mặt trận Tây Nguyên và BTL Quân khu 5 quyết định điều động một số đơn vị lên Bắc Tây Nguyên, vừa bảo vệ hành lang của tuyến chi viện chiến lược vừa có nhiệm vụ tăng gia sản xuất để cung cấp lương thực, thực phẩm cho các lực lượng tại chỗ và các chiến trường.

Hiệp định Paris được kí kết (tháng 1 - 1973), vùng giải phóng⁵ tiếp tục được mở rộng từ miền Tây các tỉnh Bắc Khu 5 kéo dài lên các tỉnh Tây Nguyên với diện tích hơn 2 vạn km², nối liền tuyến đường Hồ Chí Minh. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã quyết định xây dựng vùng giải phóng này thành hậu phương trực tiếp, phát triển sản xuất tại chỗ đáp ứng yêu cầu của cuộc kháng chiến trong giai đoạn cuối.

Tháng 7 - 1973, Đoàn xây dựng kinh tế 773 (tương đương Binh đoàn) trực thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu 5 được thành lập, có nhiệm vụ: sản xuất, xây dựng kinh tế, xây dựng vùng căn cứ địa vững mạnh; sẵn sàng bổ sung lực lượng cho các đơn vị chủ lực của Quân khu 5 khi có yêu cầu; phối kết hợp với chính quyền địa phương các tỉnh: Quảng Đà, Quảng Nam, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk bảo vệ hành lang tuyến chi viện chiến lược Trường Sơn 559; làm công tác dân vận trong đồng bào các dân tộc thiểu số, giữ vững an ninh - chính trị địa bàn đóng quân; từng bước mở rộng địa bàn, xây dựng lực lượng để chuẩn bị tiếp quản những vùng giải phóng sau này.

Ngay sau khi thành lập, Đoàn 773 đã nhanh chóng ổn định tổ chức, bắt tay đi vào sản xuất xây dựng kinh tế các vùng mới giải phóng, nhất là ở Bắc Tây Nguyên, tạo ra nguồn lương thực, thực phẩm tại chỗ, biến vùng đất này thành một hậu phương chiến lược về Kinh tế - Quốc phòng. Ngày 20 - 11 - 1973, Đảng ủy Đoàn 773 tổ chức Hội nghị quán triệt và triển khai nhiệm vụ, quyết định thành lập 4 đoàn kinh tế (tương đương cấp trung đoàn): Đoàn 731 làm nhiệm vụ ở Khâm Đức (Quảng Đà), Đoàn 732 làm nhiệm vụ ở Plây Kần (Kon Tum), Đoàn 733 (đến tháng 12 - 1974, đổi phiên hiệu thành Đoàn 746) làm nhiệm vụ ở Đức Cơ, Chư Prông (Gia Lai), Đoàn 734 làm nhiệm vụ ở Đắc Tô, Tân Cảnh sau đó vào Đắc Uy (nay là Đức Hà, Kon Tum).

Ngày 24 - 3 - 1974, Đoàn 773 tiếp nhận thêm Đoàn 2⁶ đóng quân ở vườn Xoài (dinh điền Đức Vinh). Năm 1975, Đoàn lại có thêm Trung đoàn 745⁷ đóng

⁵ Bao gồm các vùng Trao, Trà My, Hiệp Đức, Khâm Đức (Quảng Nam); Buôn Lôi, Hoài Ân (Bình Định); Đắc Pet, Đắc Klon, Plei Kần, Võ Định (Kon Tum); Lệ Thanh, Thanh Giáo, Đức Cơ, Chư Nghé (Gia Lai); Buôn Hồ, Đức Lập (Đắk Lắk)...

⁶ Để tăng cường lực lượng xây dựng kinh tế ở miền Nam, Ủy ban thống nhất Trung ương điều động cán bộ từ các địa phương miền Bắc sắp xếp thành 3 đoàn chi viện cho miền Nam, trong đó, Đoàn 2 được lệnh làm nhiệm vụ trên địa bàn do Bộ Tư lệnh Đoàn 773 quản lý.

quân ở Lệ Thanh (Gia Lai); Đoàn 9 Hà Bắc (đổi tên thành Trung đoàn 760), đóng quân ở đồn điền Đức Lập (Đắc Min, Đắc Lắc).

Ngay khi tiếp nhận địa bàn, các đoàn huy động tối đa sức người, máy móc tổ chức khai hoang, mở rộng diện tích sản xuất. Trung đoàn 732 tiến hành xây dựng đập Đắc Kan, tạo hồ chứa nước gần 1,5 triệu m³, phục vụ cho 200 ha lúa nước của Đoàn và hoạt động sản xuất của đồng bào vùng giải phóng. Trung đoàn 746 còn tham gia làm đường phục vụ chiến dịch Tây Nguyên.

Với những nỗ lực của các chiến sĩ, riêng năm 1975, Đoàn 773 đã cung cấp hơn 4.500 tấn lương thực cho chiến trường. Bắc Tây Nguyên thực sự trở thành căn cứ địa tại chỗ vững chắc trong giai đoạn quyết định của cách mạng miền Nam.

Ngay khi chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi, Đoàn 773 đã gia tiếp quản vùng giải phóng 3 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc, thực hiện chế độ quân quản, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương giữ vững an ninh - chính trị trên địa bàn; tiến hành khảo sát, quy hoạch sơ bộ vị trí đóng quân của 22 đoàn và các đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng trên địa bàn; tổ chức tiếp quản 32 đồn điền của chế độ cũ với diện tích trên 10.000 ha.

Miền Nam hoàn toàn giải phóng, Đoàn 773 tiếp tục bám trụ địa bàn, tiến hành rà phá bom mìn, khai hoang mở rộng diện tích trồng cây lương thực, thực phẩm và tổ chức chăn nuôi hậu cần tại chỗ.

Từ tháng 6 - 1975, Trung đoàn 732 mở rộng diện tích lúa đôi, tiến hành trồng mía. Trong thời gian ngắn, Trung đoàn 745 khai hoang được hơn 1.000 ha đất, nghiên cứu nhân giống các loại cây lương thực, gia súc phù hợp với Tây Nguyên. Trung đoàn 760 nhanh chóng xây dựng cơ sở vật chất, chốt giữ bảo vệ các vùng đất mới giải phóng, đi vào sản xuất cà phê tại đồn điền Đức Lập.

Đến cuối năm 1975, Đoàn 773 đã khai hoang được 11,9 nghìn ha (trong tổng số 16 nghìn ha của toàn lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế cả nước); là đơn vị chủ chốt trong việc trồng trọt, chăn nuôi gia súc và tham gia quy hoạch vùng kinh tế mới ở Tây Nguyên.

Bên cạnh đó, Đoàn 773 còn tham gia bảo vệ biên giới, thực hiện phối hợp chặt chẽ với các đồn biên phòng, lực lượng của Quân khu 5 xây dựng thể trận

⁷ Là phiên hiệu của Trung đoàn Mê Linh được điều động từ Quân khu Việt Bắc vào làm nhiệm vụ phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh ở Tây Nguyên.

phòng thủ vững mạnh ở tuyến trước, đẩy lực lượng Kơ-me Đỏ ra khỏi biên giới Việt Nam, góp phần ổn định tình hình địa bàn. Khi địa bàn Đức Cơ bị quân Kơ-me Đỏ tập kích bằng bộ binh và pháo binh, Ban Chỉ huy Trung đoàn 746 đã nhanh chóng huy động hơn 1.000 công nhân “rào làng chiến đấu” ở khu vực làng Tung - Ia Nan, để bảo vệ địa bàn, ổn định tình hình.

Bên cạnh Đoàn 773, trên địa bàn Tây Nguyên còn có một số đơn vị của Binh đoàn Trường Sơn (Đoàn 559) sau khi hoàn thành nhiệm vụ vận tải cho chiến dịch giải phóng miền Nam, đã để lại một lực lượng khoảng 40 nghìn quân, tổ chức xây dựng các công trình cơ bản, góp phần khôi phục lại cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật cho vùng đất Tây Nguyên.

Ra đời trong những năm tháng ác liệt của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc còn nhiều thiếu thốn, Đoàn 773 đã vượt qua khó khăn hoàn thành nhiệm vụ sản xuất - chiến đấu, trở thành lực lượng nòng cốt tại chỗ của quân đội tham gia xây dựng kinh tế Tây Nguyên trong những năm 1973 - 1975.

2.1.4.2. Bước đầu xây dựng kinh tế kết hợp với củng cố, giữ vững quốc phòng - an ninh

Đến năm 1976, trên diện tích canh tác của Đoàn 773 đã hình thành 12 điểm sản xuất, quản lý 32 đồn điền cao su, cà phê, chè với tổng diện tích gần 11 nghìn ha. Lực lượng của Đoàn lúc bấy giờ là 27 nghìn quân, chiếm hơn 95% quân số tham gia xây dựng kinh tế tại Tây Nguyên. Đoàn 773 là điểm tựa để quân đội tạo dựng, mở mang kinh tế Tây Nguyên.

Tháng 10 - 1976, Bộ Quốc phòng quyết định tổ chức lại Đoàn 773 và tăng cường thêm một số đơn vị mới nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao năng lực phòng thủ quốc gia ở địa bàn chiến lược này.

Trên cơ sở Đoàn 773, bốn đoàn kinh tế (tương đương cấp sư đoàn) được thành lập, do Bộ Tư lệnh Quân khu 5 trực tiếp quản lý, cụ thể: Đoàn 331 trồng cao su ở Đức Cơ, lúa, hoa màu ở Đắc Tô, chè ở Biển Hồ (Gia Lai - Kon Tum); Đoàn 332 xây dựng và khai thác gỗ ở Kông Nà Ngừng (Gia Lai - Kon Tum); Đoàn 333 xây dựng vùng chuyên canh cây lương thực ở Krông Bách (Đắk Lắk); Đoàn 334 làm nhiệm vụ trồng bông ở Thuận Hải (nay là Ninh Thuận và Bình Thuận) sau đó được điều chuyển sang làm nhiệm vụ khác.

Ngoài ra, còn có Trung đoàn 10 khai hoang, trồng cây lương thực ở Yang Măng (Gia Lai - Kon Tum); Sư đoàn 471 xây dựng, quản lý, khai thác gỗ ở Gia Nghĩa (Đắk Lắk); Sư đoàn 352, Trung đoàn 551 làm thủy lợi. Đây là các đơn vị thường trực được điều chuyển sang làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế.

Nhiệm vụ chủ yếu của các đơn vị này là xây dựng các vùng chuyên canh nông, lâm nghiệp, kết hợp chăn nuôi, xây dựng cơ bản, làm công tác thủy lợi, đưa Tây Nguyên trở thành vùng kinh tế trọng điểm về lương thực của cả nước. Mặt khác, các đơn vị còn tham gia thực hiện chính sách dân tộc, giải quyết vấn đề việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số; bám sát tình hình, giữ vững an ninh - chính trị, trật tự trên địa bàn Tây Nguyên.

Khi Bộ Quốc phòng chuyển giao các cơ sở quân đội chuyên xây dựng kinh tế sang cho các ngành kinh tế quản lý, phần lớn các đơn vị ở Tây Nguyên được Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp và các địa phương tiếp quản. Đây chỉ là sự thay đổi về mặt quản lý, các đơn vị có thêm tên gọi kinh tế (nông trường, lâm trường, xí nghiệp) bên cạnh phiên hiệu quân sự, nề nếp sinh hoạt huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu khi có tình huống vẫn được duy trì, tiếp tục tham gia phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên.

Để thực hiện mục tiêu đưa Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh lương thực lớn của cả nước, các đơn vị tiến hành đẩy nhanh việc khai hoang, mở rộng diện tích canh tác, kết hợp phát triển chăn nuôi. Ở một số địa bàn có điều kiện thuận lợi, các đoàn trồng, khai thác cây cao su, cà phê, chè; khai thác gỗ để tạo thêm nguồn thu, chú trọng phát triển các khu chuyên canh nông lâm nghiệp.

Đến năm 1978, hai vùng chuyên canh cây lương thực lớn do quân đội quản lý đã được hình thành ở Tây Nguyên (sau bàn giao cho Bộ Nông Nghiệp):

Vùng Krông Pách - Khánh Dương (Đắk Lắk): do Đoàn 332 quản lý với diện tích tự nhiên 153 nghìn ha, đất trồng trọt 49 nghìn ha. Đoàn đã xây dựng được 7/9 nông trường quy hoạch, khai hoang 8.600 ha, đưa vào canh tác 8.500 ha. Sản lượng năm 1978 đạt khoảng 14 nghìn tấn lương thực với những điển hình năng suất cao như ngô trên 3 tấn/ha, lúa 4 tấn/ha. Đàn gia súc của Đoàn có trên 3.000 bò, 1.000 lợn, 400 trâu. Đặc biệt, lực lượng xây dựng cơ bản của Đoàn tổ chức tương đối đồng bộ gồm 1 trung đoàn khai hoang cơ giới, 1 trung đoàn thủy lợi, 1 trung đoàn cầu đường và 1 trung đoàn sản xuất vật liệu xây

dựng và kiến trúc. Với thời gian ngắn, Đoàn đã *“đã tích lũy được một số kinh nghiệm, đào tạo được một đội ngũ công nhân khá mạnh có thể đảm nhiệm được cả hai nhiệm vụ xây dựng cơ bản và quản lý sản xuất trong vùng”* [24; tr.8].

Vùng Plei Kần - Võ Định - Đức Cơ - La Sơn (Gia Lai - Kon Tum): là vùng lương thực quan trọng ở Bắc Tây Nguyên, Đoàn 331 đã xây dựng 8 nông trường với diện tích khai hoang đến năm 1979 là 8.500 ha, đưa vào canh tác 7.500 ha. Riêng năm 1979, Đoàn sản xuất được 5.941 tấn lương thực, chăn nuôi đàn gia súc có 750 trâu, 527 bò, 837 lợn, cá giống. Vùng có các công trình thủy lợi là hồ Đắc Uy năng lực tưới 2.500 ha, hồ Đắc Kan năng lực tưới 500 ha và đập Ia Hai.

Ngoài ra, còn có khu Măng Giăng (Gia Lai - Kon Tum) của Trung đoàn 10 chủ yếu trồng dưa, sắn, lúa, ngô, khoai; 2 khu lâm nghiệp Kong Nà Ngừng (Gia Lai - Kon Tum) của Đoàn 332 và Gia Nghĩa (Đắk Lắk) của Đoàn 471 chuyên khai thác gỗ và trồng rừng.

Một số đơn vị thuộc Đoàn 331 đứng chân tại Đức Cơ được giao phát triển vườn cây cao su để từng bước định hình khu chuyên canh. Từ 10 ha vườn ươm ban đầu, đến năm 1979, diện tích trồng mới cao su của trung đoàn 702 ở Đức Cơ tăng lên 252 ha. Năm 1980, Trung đoàn 702B đã tổ chức khai thác chế biến 30 tấn cao su mủ tờ, xây dựng phân xưởng chế biến mủ cao su sản lượng trên 100 tấn/năm. Năm 1984 (lúc này Đoàn 331 đã được chuyển về Bộ Nông nghiệp, các trung đoàn ở Đức Cơ sát nhập thành Công ty Cao su Đức Cơ thuộc Tổng cục Cao su), các nông trường trồng mới được gần 14,7 nghìn ha cao su. Nhiều diện tích cao su của Nông trường 701, 702 đi vào khai thác, chế biến, tạo ra được sản phẩm; sản lượng mủ cao su của Công ty tăng 4,1% so với thời kì trước.

Để nâng cao năng suất, tạo điều kiện phát triển cà phê, các đoàn tiến hành hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa, xây dựng các khu chuyên canh cà phê như Khu cà phê hợp tác Việt - Bun (Gia Lai - Kon Tum) của Đoàn 331, Khu cà phê hợp tác Việt - Tiệp ở Chư Păn (Gia Lai - Kon Tum) của Đoàn 359, Khu cà phê hợp tác Việt - Xô ở Krông Búc (Đắk Lắk) của Đoàn 417. Đến tháng 9 - 1981, 5 nông trường cà phê Ia Grai, Ia Sao, Eah Đing, 705, 49 của quân đội hội đủ điều kiện để trồng, khai thác và chế biến cà phê xuất khẩu.

Các đơn vị quân đội còn tham gia làm đường, công trình thủy lợi khắp Tây Nguyên, chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng ở các vùng chuyên canh. Năm

1979, các đơn vị bàn giao 3 công trình lớn là hồ Krông Búc (Đắk Lắk), Iazun Hạ (Gia Lai - Kon Tum), Krông Bách thượng (Đắk Lắk) cho Bộ Thủy lợi.

Đồng thời với việc hình thành các khu sản xuất công nông nghiệp liên hiệp, các đơn vị còn tiến hành công tác dân vận với mục tiêu thu hút đồng bào dân tộc trên địa bàn đứng chân cùng tham gia lao động sản xuất.

Đối với dân cư tại chỗ, các đơn vị chia thành các đội công tác, thực hiện phương châm cơ bản *Bốn cùng* “*bám đội lợi đồng; cầm tay chỉ việc; đi từng ngõ, gõ từng nhà; ăn không bữa, ngủ không giường*” về từng buôn làng, cùng đồng bào dân tộc thiểu số, chung sống với đồng bào, vừa đẩy mạnh sản xuất tự túc vừa hướng dẫn cho đồng bào địa phương cùng tham gia phát triển vườn cây, xây dựng nhà cửa. Nhờ đó, các đơn vị đã tuyển dụng được một số đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ vào lao động trong các nông trường, xí nghiệp.

Năm 1983, tại Nông trường 701 xuất hiện hình thức khoán chăm sóc, chống cháy cây cao su cho 116 gia đình ở làng Bò và 83 lao động người dân tộc đã nhận làm hợp đồng lao động thời vụ cho nông trường. Hiện tượng tuy nhỏ nhưng phản ánh được thành quả dân vận của đơn vị. Mặc dù số lượng đồng bào trở thành lao động cho các nông trường còn ít, nhưng đã tạo nên cơ sở cho mối quan hệ gắn bó giữa nông trường với địa phương, là bước đệm cho nhiệm vụ xây dựng địa bàn trong chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Trong cơ cấu tổ chức của các đơn vị, bên cạnh các nông trường, lâm trường, xí nghiệp còn có bệnh viện, trường học... Đoàn 333 có bệnh viện C18, trạm xá, trường bồi túc văn hóa, trường y tá phục vụ đời sống, đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của cán bộ và nhân dân địa phương. Nông trường 701 còn có trường cấp 1 và nhà trẻ. Từ năm 1982 - 1983, các làng công nhân xuất hiện. Điều kiện sinh sống của người lao động được chăm lo, là bước đầu để họ gắn bó với vườn cây, với nghề, sau là với vùng đất Tây Nguyên.

Từ những hoạt động dân vận cùng thành quả sản xuất ban đầu kết hợp với việc đầu tư vào xây dựng cơ bản, một số cụm dân cư bắt đầu xuất hiện dọc tuyến đường giao thông, bên cạnh các vườn cây. Tại đây, các đơn vị duy trì thực hiện chế độ tuần tra canh gác; vừa đảm bảo trật tự an ninh khu vực, an toàn sản xuất vừa chống lại sự xâm nhập của các thế lực phản động.

Mặc dù thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế nhưng các chế độ công tác, sinh hoạt, huấn luyện quân sự hàng ngày của các nông trường quân đội đều tuân theo điều lệnh và kế hoạch. Các đơn vị đều tổ chức các đội vệ binh, đội tự vệ thực hiện việc chấp hành kỷ luật, tổ chức huấn luyện quân sự theo chương trình quy định của Bộ Quốc phòng. Ngày 26 - 7 - 1987, Tiểu đoàn tự vệ của Nông trường 732 ra đời có nhiệm vụ *“huấn luyện sẵn sàng triển khai phương án chiến đấu khi có tình huống xảy ra; bảo vệ an ninh trật tự nội bộ; hỗ trợ các đội bảo vệ sản xuất, cây trồng”* [11; tr.35]. Đây là cơ sở để các trung đoàn luôn sẵn sàng làm nhiệm vụ chiến đấu, bảo vệ biên cương của Tổ quốc.

Từ cuối năm 1977, tình hình xung đột biên giới diễn ra hết sức phức tạp và ác liệt, các đơn vị triển khai lực lượng tham gia phục vụ chiến đấu và đưa thương binh, liệt sĩ về nước. Đoàn 702 tổ chức 1 đại đội thông tin phục vụ các đơn vị chủ lực, 2 đại đội trực tiếp cùng Sư đoàn 307 và Trung đoàn 95 chiến đấu trên chiến trường Campuchia.

Các đoàn luôn bố trí lực lượng chốt chặn ở khu vực biên giới ngăn cản vượt biên trái phép, chặn sự xâm nhập của các đối tượng nước ngoài tìm cách về móc nối với các tổ chức phản động trong nước. Các đơn vị phối hợp với lực lượng vũ trang trên địa bàn tham gia truy quét Fulro, các thế lực phản động, góp phần giữ gìn trật tự an ninh ở Tây Nguyên.

Các cơ sở sản xuất nông lâm nghiệp được hình thành, lao động có năng suất. Từ 1976 - 1981, các đơn vị đã khai hoang 18 nghìn ha, tiến hành canh tác trên 14 nghìn ha, sản lượng lương thực đạt 10 nghìn - 14 nghìn/năm; 150 - 200 tấn chè xuất khẩu, riêng năm 1979 đạt 30 nghìn tấn; xây dựng được 850 nghìn m² nhà các loại, 174 km đường Trường Sơn, 615 km đường tại các khu chuyên canh; ổn định sản xuất ở 13 nông trường, 6 lâm trường với 2.100 hộ gia đình.

Các nông trường, xí nghiệp quân đội trong thời kì “biệt phái”, dưới sự lãnh đạo của các ngành kinh tế được đầu tư vốn, điều chỉnh phương hướng sản xuất, một số đơn vị như Nông trường 732, Công ty Cao su Đức Cơ bước đầu kinh doanh hiệu quả.

Công tác dân vận của các đơn vị có những thành quả nhất định, bước đầu thu hút một bộ phận đồng bào cùng tham gia sản xuất, định canh định cư, phát

triển kinh tế, văn hóa - giáo dục từ đó hình thành nên những xóm làng ổn định, xuất hiện các điểm, cụm dân tập trung trên tuyến biên giới.

Tuy nhiên, việc thành lập quá nhiều đơn vị đứng chân trên 1 địa bàn, tạo ra những khó khăn về mặt tổ chức, làm “phình” to bộ máy không cần thiết, không đủ cán bộ quản lý, gây ra chòng chéo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Trình độ về kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý kinh tế của đại bộ phận cán bộ, chiến sĩ thiếu hụt về cả lý luận và thực tiễn. Lực lượng lao động so với yêu cầu nhiệm vụ còn thiếu, lao động phổ thông chiếm tỷ lệ cao. Một bộ phận cán bộ có tư tưởng “được nuôi”, trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. Trang thiết bị yếu kém, không đồng bộ. Việc chế biến chưa tận dụng được công suất máy, không tận thu sản phẩm phụ, bảo quản kém, hư hao lãng phí nhiều dẫn đến hậu quả năng suất lao động thấp, hiệu quả kinh tế không cao, nhiều đơn vị làm ăn lỗ, mất phương hướng trong sản xuất, không tìm được giống cây phù hợp với thổ nhưỡng.

Hiệu quả kinh tế không đủ sức đảm bảo công ăn việc làm cho cán bộ *“thiếu cả cái ăn, cái mặc, chỗ ở và phương tiện đi lại... phải dùng nổi quân dụng để nấu cháo phục vụ số lượng lớn người bị sốt rét”* [62; tr.33]; mặt khác do khả năng chăm lo cho đồng bào dân tộc tại chỗ của các đơn vị còn hạn chế nên dẫn đến tình trạng các điểm dân cư hình thành chậm. Thêm vào đó, chính sách đãi ngộ với bộ đội kinh tế còn nhiều bất cập không tạo được động lực lao động. Diễn biến tư tưởng của một bộ phận cán bộ, chiến sĩ có nhiều biểu hiện tiêu cực, ngại gần bó lâu dài với đơn vị, với vùng đất Tây Nguyên; tâm lý chuyển ngành, chuyển vùng chờ phục viên ngày càng phổ biến.

Chính sách vận động đồng bào tham gia sản xuất ở một số nơi chưa được quan tâm thực hiện. *“Đây là một thiếu sót hết sức nghiêm trọng và phổ biến ở Plei Kần cũng như ở Đức Cơ, ở công trình Drei - lin. Đối với đơn vị làm công trình Drei - lin được tỉnh khen và ủng hộ rất nhiều nhưng cũng chưa quán triệt và thực hiện đầy đủ về quan hệ với nhân dân dân tộc tuy không có gì vi phạm”* [140; tr.9]. Xuất hiện *“tình trạng ta giữ đất, giữ rừng không làm gì hết, trong lúc đó đồng bào dân tộc không có đất, có rừng, phải đi khai hoang, phá rừng làm rẫy”* [140; tr.9]. Chính vì vậy *“cần phải bằng mọi hình thức để đồng bào trong khu vực nông nghiệp, lâm trường có công ăn việc làm, đời sống hàng ngày càng khá, tổ chức xã hội ngày càng đẹp”* [142; tr.10].

Tháng 4 - 1984, Hội nghị bàn giải quyết tháo gỡ khó khăn cho các đoàn kinh tế ở Tây Nguyên do Bộ Quốc phòng tổ chức, đã xác định cần phải nhanh chóng khắc phục vấn đề đời sống của cán bộ, công nhân quốc phòng biệt phái, đảm bảo y tế, giáo dục - văn hóa để kích thích sản xuất và khuyến khích công nhân quốc phòng gắn bó với địa phương. Hội nghị đưa ra hướng giải quyết là phải đảm bảo các mặt hàng thiết yếu, bổ sung vào những chính sách và thông tư của Bộ, tổ chức đoàn kiểm tra việc thực hiện các chỉ thị giải quyết đời sống khó khăn cho cán bộ, phát hiện và kịp thời xử lý những trường hợp vi phạm chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng với bộ đội kinh tế.

Mặt khác, nhận thấy cần tập trung xây dựng 1 đơn vị chủ lực, lấy hiệu quả kinh tế làm chính để giải quyết vấn đề tổ chức sản xuất cho đồng bào dân tộc tại chỗ, dân di cư, ngày 20 - 2 - 1985, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kí *Quyết định số 68/CT Quyết định thành lập Binh đoàn xây dựng kinh tế Tây Nguyên* phiên hiệu Binh đoàn 15 trực thuộc Bộ Quốc phòng. Từ đây, quá trình quân đội thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên bước sang một giai đoạn mới với quy mô lớn, hình thức hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào giai đoạn cuối, một số đơn vị quân đội xây dựng kinh tế đã có mặt ở Bắc Tây Nguyên. Đối mặt với nhiệm vụ còn rất mới mẻ, các đơn vị vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, vừa sản xuất nên gặp rất nhiều khó khăn. Mặc dù vậy, các đơn vị vẫn hoàn thành nhiệm vụ giữ vững hậu phương, tiếp quản vùng giải phóng, chi viện cho tiền tuyến.

Bước sang giai đoạn 1976 - 1985, dù đã đạt một số kết quả đáng khích lệ, bám trụ vững chắc trên địa bàn, nhưng do tình hình biên giới chưa ổn định nên nhiệm vụ cơ bản của lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế vẫn tập trung bảo đảm quốc phòng - an ninh là chủ yếu, chưa tạo ra được những điển hình kinh tế xuất sắc, còn mang tính hỗ trợ. Tuy vậy, lực lượng quân đội ở Tây Nguyên giai đoạn này đã hình thành nền tảng về tổ chức cho sự ra đời của Binh đoàn 15, đồng thời, tạo ra một số điều kiện thuận lợi tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng của các đơn vị quân đội đứng chân trên địa bàn Bắc Tây Nguyên giai đoạn tiếp theo.

2.2. BINH ĐOÀN 15 RA ĐỜI, BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG XÂY DỰNG KINH TẾ KẾT HỢP QUỐC PHÒNG - AN NINH (1985 - 1998)

2.2.1. Sự thành lập Binh đoàn 15

Sau khi chiến tranh biên giới Tây Nam kết thúc, Đảng bộ và nhân dân các tỉnh Tây Nguyên ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, phục hồi sản xuất, ổn định đời sống nhưng vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Tại các xã biên giới, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số hầu như bị tách biệt khỏi sự phát triển chung của đất nước. Tiềm năng của vùng hầu như không được khai thác đúng mức để phát triển kinh tế. Mật độ di dân tự do đến Tây Nguyên ngày càng cao. Đến cuối năm 1998, dân số Tây Nguyên vào khoảng 4 triệu người, tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 4,71%, lực lượng lao động có mặt tại đây cũng tăng nhanh từ 1,2 triệu (năm 1989) lên 2,1 triệu (năm 1998). Tuy nhiên, nguồn lao động này chủ yếu còn giản đơn, nên thực tế chưa thể đóng góp nhiều để Tây Nguyên phát triển xứng đáng với tiềm năng thế mạnh. Tỷ lệ đói nghèo ở đây vẫn ở mức cao nhất cả nước (21% năm 1999). Mật độ dân số vẫn còn thấp (72 người/km năm 1999). Đặt ra vấn đề phải *“gắn quy hoạch phát triển vùng lãnh thổ với quy hoạch dân cư đảm bảo khai thác có hiệu quả các tiềm năng về tự nhiên và con người”* [82; tr.45], trong bối cảnh các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách gây bất ổn tại địa bàn Tây Nguyên.

Lúc này rất cần một đơn vị quân đội mạnh đứng chân trên khu vực trọng yếu này đủ sức vừa sẵn sàng chiến đấu, thực hiện chiến đấu; vừa kết hợp xây dựng kinh tế với quốc phòng, nhất là để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên.

Các đơn vị quân đội chuyên xây dựng kinh tế dưới hình thức nông trường, lâm trường, xí nghiệp đứng chân tại Tây Nguyên bước đầu đạt được một số thành tựu nhất định nhưng hoạt động nhỏ lẻ, phân tán ở sâu trong nội địa, quản lý không tập trung thống nhất, hiệu quả kinh tế thấp. Mô hình này cần phải thay đổi đáp ứng sự đòi hỏi của nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, hiệu quả không chỉ về kinh tế mà cả về chính trị, nhất là tại địa bàn chiến lược như Tây Nguyên.

Ngày 5 - 2 - 1985, Hội đồng Bộ trưởng ban hành *Quyết định số 47/CT về việc giao nhiệm vụ cho quân đội tham gia xây dựng kinh tế Tây Nguyên* với mục tiêu *“đưa bộ đội lên Tây Nguyên trồng 3 vạn héc ta cao su, kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, tạo ra môi trường mới, sinh thái mới,*

nhANH chóng phủ xanh đất trống đồi trọc, góp phần cùng địa phương định canh, định cư người dân tộc, xây dựng dân cư xã hội mới, từng bước giảm đói nghèo, ổn định cuộc sống” [43; tr.19]. Quyết định này được xem như là một bước đột phá của Đảng, Nhà nước về vai trò của quân đội trong chủ trương phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên.

Ngày 20 - 2 - 1985, Binh đoàn Xây dựng kinh tế Tây Nguyên mang phiên hiệu Binh đoàn 15 được thành lập, đứng chân trên địa bàn 9 huyện, thị, gồm 28 xã, phường, thị trấn của tỉnh Gia Lai - Kon Tum, Bình Định và Attapur (Lào). Đây là đơn vị chuyên trách kết hợp kinh tế với quốc phòng cấp binh đoàn đầu tiên của quân đội kể từ ngày thống nhất đất nước.

Được thành lập trên cơ sở các nông trường, xí nghiệp quân đội “biệt phái” ở Tây Nguyên, tiếp quản địa bàn sản xuất của các Đoàn 331, 332, 333 trước đây vốn tập trung trồng cây lương thực, Binh đoàn 15 có nhiệm vụ chuyển sang trồng cao su nhằm “*trồng cây chiến lược để trồng người chiến lược*”, “*kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với xây dựng căn cứ Tây Nguyên*” [43; tr.22].

Binh đoàn quản lý 34 cơ sở, trong đó các đơn vị sản xuất bao gồm: Đoàn 385 (gồm 6 Nông trường 701, 702, 703, 704, 705, 706 chuyên trồng cao su và một số xí nghiệp); Nông trường 732 chuyên trồng lúa nước; Lâm trường 714, 715 khai thác gỗ. Ngoài ra có các xí nghiệp phục vụ chế biến, cung ứng hàng hóa, vật tư... và 2 trung đoàn xây dựng cầu đường. Đầu năm 1988, Binh đoàn 15 tiếp nhận 2 đơn vị sản xuất chuyên trồng cà phê là Nông trường 352 và 712⁸.

Trong tiến trình sắp xếp các đơn vị kinh tế của quân đội thành các doanh nghiệp, ngày 3 - 4 - 1989, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kí *Quyết định số 75/QĐ-QP về nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty miền Trung* (Binh đoàn 15) trực thuộc Quân khu 5, chịu sự quản lý hành chính kinh tế Nhà nước của Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng và Kinh tế. Quyết định cung cấp tư cách pháp nhân kinh tế cho Binh đoàn 15 để chuyển sang kinh doanh độc lập, thực hiện phương thức hạch toán. Từ đây, trong quá trình hoạt động, Binh đoàn

⁸ Là 2 đơn vị được điều chuyển từ Quân khu 5: Đoàn 352 (Nông trường 352) thành lập ngày 12 - 11 - 1985, đứng chân trên 2 huyện Krông Buk và CưMGA (Đắk Lắk) với quy mô 1.040 ha đất tự nhiên; Nông trường 487 (Nông trường 712) thành lập tháng 4 - 1986, đứng chân trên địa bàn huyện Ia Grai (Gia Lai) có quy mô 964 ha đất tự nhiên.

sử dụng đồng thời 2 con dấu - 2 tên gọi: con dấu quân sự - Binh đoàn 15 và con dấu dân sự - Tổng Công ty miền Trung.

Như vậy, trong bối cảnh đất nước chuyển mình, Binh đoàn 15 được thành lập, đánh dấu sự quay trở lại của lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế với những đổi thay căn bản về quy mô, tổ chức, vừa có phiên hiệu quân sự, vừa có tư cách pháp nhân kinh tế. Sự tồn tại và phát triển của Binh đoàn 15 có thể xem như “phép thử” có tính định hướng cho việc giải quyết vấn đề kết hợp kinh tế với quốc phòng trên những địa bàn chiến lược.

2.2.2. Khắc phục khó khăn, ổn định bộ máy tổ chức, nhanh chóng đi vào sản xuất kết hợp củng cố quốc phòng - an ninh

Đảm nhận “*sản xuất kinh doanh cây cao su kết hợp với kinh doanh tổng hợp cả trồng trọt chăn nuôi, sản xuất lâm nghiệp trên các địa bàn kết hợp kinh tế với quốc phòng tại Tây Nguyên*” [36; tr.1], trong những năm đầu thành lập, Binh đoàn 15 tập trung vào xây dựng hệ thống vườn cây dọc biên giới, xem đây là nền tảng cơ bản nhất để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Theo phương châm “định hình sớm từng nông trường, từng công ty, không làm phân tán”, Đoàn 385 nhận nhiệm vụ xây dựng công trình cao su Đức Cơ với diện tích trồng mới 10 nghìn ha trên phạm vi 7 xã giáp biên giới. Nông trường 732 tiếp tục chăm sóc, mở rộng 2 vùng chuyên canh lúa đã có và bước đầu trồng cao su, xây dựng khu nông - lâm nghiệp Sa Thầy với diện tích trồng trọt 3.000 - 3.500 ha, và một số công trình thủy lợi. Năm 1988, Binh đoàn mở rộng diện tích cà phê vùng Krông Búc - CưMga (Đắk Lắk) và Ia Grai (Gia Lai) tại Nông trường 352 và 712.

Các đội sản xuất nhanh chóng khai hoang, trồng mới với khẩu hiệu “đặt cây trước khi đặt nhà”; chăm sóc các vườn cây, chủ động gieo vườn nhân. Ngô, khoai, lúa... được trồng xen canh để giải quyết vấn đề lương thực tại chỗ, tiết kiệm chi phí vận chuyển và tạo điều kiện chăm sóc cây công nghiệp dài ngày.

Trên các diện tích cao su kiến thiết, các đội chế biến thuộc xí nghiệp của nông trường cùng Binh đoàn chịu trách nhiệm khai thác. Các đơn vị thường xuyên đầu tư dây chuyền sản xuất tại các cơ sở này, tăng cường nâng cao kỹ thuật cho người lao động. Giữa năm 1994, Binh đoàn xây dựng nhà máy chế biến mủ tạp và nhà máy chế biến cao su số 2 với công suất 2.500 tấn/năm.

Tại các Nông trường 702, 704, 701, chính sách khoán đầu mầm cao su đã đem lại hiệu quả nhất định. Mức độ khoán được nâng cao dần như khoán theo công việc, khoán sản phẩm, khoán theo hàng cây. Năm 1990, Xí nghiệp chế biến đã khoán trọn khâu cho lao động gắn với trả lương theo sản phẩm cuối cùng. Năm 1991, Nông trường 701 được Binh đoàn chọn thí điểm phương án khoán gọn (đào hố, chăm sóc, khai thác), đưa vật tư, chính sách của người lao động vào đơn giá lương khoán. Với chính sách này, lương công nhân tăng lên cùng trách nhiệm với vườn cây, đảm bảo sản lượng và chất lượng sản phẩm.

Đến năm 1992, Binh đoàn giao đất, giao ruộng, đấu thầu vườn cây cho cán bộ, công nhân, đồng bào địa phương. Đồng thời, các đơn vị khuyến khích người lao động trồng cao su tiểu điền bằng nguồn vốn Binh đoàn cho vay hoặc đứng ra vay. Nông trường 732 chủ động xây dựng hộ gia đình trở thành đơn vị sản xuất tự chủ về mọi mặt, tiến hành chia đất cư trú để các gia đình tự túc lương thực. *“Từng gia đình sẽ có đất vườn, đất ruộng để tăng gia sản xuất, bảo đảm đời sống và trồng cao tiểu điền bằng vốn vay của Nông trường. Ngoài ruộng bắt buộc phải nhận để đảm bảo lương thực, các hộ gia đình có thể nhận khoán theo định mức nộp 33% sản phẩm sau thu hoạch cho Nông trường, trong đó 24% thu bằng hiện vật. Với đàn trâu bò, Nông trường tiếp tục tiến hành đấu thầu, cho người lao động được trả chậm số tiền nợ khi mua lại trâu bò của Nông trường theo lãi suất nông trường”* [12; tr.46]. Chính sách của Binh đoàn và các đơn vị đã tác động kích thích tính tích cực tự chủ của kinh tế hộ gia đình.

Đến năm 1993, hoạt động sản xuất của Binh đoàn đã “tiền tệ hoá” các khâu, đi vào ổn định theo quy chế doanh nghiệp, hoàn thành *“điều chỉnh định mức vườn cây, đảm bảo hợp lý giữa thực hiện khoán với thu nhập và các thủ tục, giao nhiệm vụ dứt điểm giữa nông trường và người lao động”* [66; tr.130].

Các hoạt động giao khoán kết hợp phát triển kinh tế hộ gia đình bảo đảm hài hòa ba lợi ích: Nhà nước, tập thể và người lao động; cùng với việc chuyển đổi cơ chế đã trở thành đòn bẩy kinh tế đã khuyến khích cán bộ, công nhân hăng hái lao động sản xuất; tạo việc làm, thu nhập ổn định trên cơ sở phát huy thế mạnh đất đai, giữ chân lực lượng đội thời cơ mở rộng sản xuất.

Trong thời kì này, các đơn vị cũng có tổ chức một số hoạt động kinh tế quy mô vừa và nhỏ, chủ yếu để hỗ trợ cho việc trồng cây cao su như chăn nuôi, chăm sóc, khai thác rừng, sản xuất phân bón, nhận thầu xây dựng...

Đội chăn nuôi của các nông trường phát triển đàn gia súc, gia cầm vừa giải quyết vấn đề lương thực vừa tạo nguồn phân bón tại chỗ cho vườn cây thời gian đầu. Năm 1992, Nông trường 732 xây dựng mô hình “chăn nuôi tập thể gắn với chăn nuôi hộ gia đình” nhằm tăng cường hiệu quả chăn nuôi.

Về lâm nghiệp, được sự cho phép của Chính phủ, Lâm trường 714, 715 tiến hành khai thác rừng, khai thác, chế biến gỗ để xuất khẩu, liên doanh liên kết trao đổi vật tư, tạo ra nguồn vốn đầu tư cho nhiệm vụ sản xuất cao su, phục vụ xây dựng cơ bản và góp phần giải quyết chính sách cho cán bộ và giúp đỡ những gia đình công nhân khó khăn. Sau khi rừng Tây Nguyên đóng cửa, đơn vị chuyển sang làm nhiệm vụ xây dựng đường dây 500KV từ Bắc vào Nam qua địa phận đóng quân, tiếp tục khai thác gỗ tại Lạc Xao (Lào).

Xí nghiệp xây dựng 711 (sau chuyển thành Công ty xây lắp 711) không chỉ đảm nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng của các đơn vị trong Binh đoàn mà còn nhận thầu các công trình dân sinh có giá trị.

Ngày 22 - 12 - 1994, Binh đoàn 15 thành lập nhà máy chế biến phân KOMIX, chủ yếu là khai thác bùn, sản xuất các loại phân bón sinh hóa hữu cơ phục vụ chăm sóc các loại cây công nghiệp, không chỉ cung cấp cho các đơn vị, mà còn hướng ra đáp ứng nhu cầu thị trường.

Đi liền với triển khai dự án phát triển vườn cây, các làng công nhân cũng được xây dựng nhằm đảm bảo công tác chăm sóc, bảo vệ thành quả kinh tế. Mặt khác, các đơn vị cũng tổ chức định canh định cư một cách hệ thống cho nhân dân 9 xã dọc biên giới (Sa Thầy 3 xã, Chư Pả 3 xã, Chư Prông 3 xã) thành các điểm, cụm dân cư. Từ đây các khu dân cư có tổ chức ra đời, gắn với các khu sản xuất tập trung của nông trường, đội sản xuất.

Cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi và các công trình văn hoá - giáo dục cũng được Binh đoàn quy hoạch đầu tư gắn liền địa bàn của các nông trường. Đường cấp phối đến các nông trường cùng hệ thống nhà kho, xưởng chế biến được làm mới. Công trình thủy điện Ia Kren cùng hàng trăm hồ đập thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn các đơn vị được Binh đoàn hết sức quan tâm chú trọng.

Đến năm 1998, các đơn vị đều có hệ thống bệnh xá, nhà trẻ, trường học chăm sóc, phục vụ hàng nghìn con em công nhân, đồng bào địa phương.

Đến năm 1987, 3 khu dân cư tập trung lớn Đức Cơ, Yên Thế và Plei Kần của Binh đoàn 15 cơ bản hình thành với 24 điểm, cụm dân cư, 1.718 hộ gia đình. Đến năm 1991, các khu dân cư được mở rộng tại các huyện Đức Cơ và xây dựng thêm một số cụm ở Ngọc Hồi.

Thực hiện nhiệm vụ chính trị trọng tâm, cán bộ, chiến sĩ các đơn vị tiên hành công tác dân vận với phương thức “cầm tay chỉ việc”, “cùng ăn, cùng ở”. Các đội sản xuất vừa chăm sóc vườn cây vừa vận động đồng bào tại chỗ, nhất là người dân tộc thiểu số nhận khoán của đơn vị, khuyến khích đồng bào định canh định cư, xây dựng đời sống mới trong các khu dân cư.

Nông trường 701 là đơn vị tiên phong trong vận động đồng bào dân tộc thiểu số vào làm cao su. Năm 1986, Đội 711 - đội công nhân dân tộc tại chỗ đầu tiên của nông trường được thành lập. Sau đó, Xí nghiệp chế biến cũng thành lập Đội 4 theo mô hình này. Đây là 2 đội sản xuất đầu tiên có 100% công nhân là đồng bào dân tộc thiểu số. Các đội người dân tộc được ưu tiên cả về vật chất và tinh thần, giúp ổn định cuộc sống, tiếp thu khoa học kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh. Từ năm 1992, các hộ gia đình thuộc đội này được triển khai thí điểm trồng cao su tiểu điền bằng vốn vay *Chương trình 327/CT*. Tuy diện tích, số hộ dân tộc thiểu số vào làm công nhân cho Binh đoàn lúc này chưa nhiều nhưng đã phản ánh thực tế hiệu quả tích cực của hoạt động dân vận do các đơn vị triển khai, cũng là động lực để đồng bào tin tưởng vào cách thức làm kinh tế mới.

Nhờ những biện pháp hết sức tích cực, năm 1990, đã có 356 công nhân dân tộc thiểu số tham gia lao động tại các đơn vị thuộc Binh đoàn 15. Đến năm 1995, vận động được 163 hộ định canh định cư, đưa thêm 220 hộ đồng bào dân tộc tham gia nhận khoán cao su ở các nông trường trên địa bàn Đức Cơ. Mặt khác, Binh đoàn còn tiếp nhận 262 hộ gia đình dân tộc Mường từ lòng hồ sông Đà vào Nông trường 732, góp phần thực hiện chương trình di dân của Chính phủ.

Những năm 90 thế kỉ XX, các cụm dân cư với hệ thống công trình phục vụ sản xuất, đời sống bố trí liên hoàn ở dọc vành đai biên giới Bắc Tây Nguyên đã từng bước đã khá ổn định. Tại các khu dân cư này, các tổ chức quần chúng như

Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... tích cực hoạt động để xây dựng hệ thống chính trị, góp phần xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân.

Trong quá trình hoạt động, các đơn vị hết sức chú trọng hỗ trợ phát triển kinh tế cho địa phương. Công trình đập nước Đắc Kan, đường cấp phối Phước Thiện đi làng Núi (Ia Grai, Gia Lai) 11km, đường giao thông huyện Sa Thầy (Kon Tum) dài 11 km, đường cấp phối huyện Đắc Tô (Kon Tum) 8km, đường đất Măng Đen (Kon Long, Kon Tum) 7km, đường nhựa Kon Blong (Kon Tum) 2km... được mở rộng, nâng cấp. Năm 1992, nhà máy thủy điện Ia Krel 400 KW hoạt động, đưa điện về với những buôn, bản vùng sâu vùng xa. Bệnh viện 15 và bệnh xá các đơn vị thường xuyên tổ chức khám chữa bệnh, nhiều đợt tiêm chủng cho đồng bào dân tộc thiểu số. Hàng năm, các đơn vị đều tiến hành giao đất cho nhân dân địa phương, trợ cấp lương thực, xây nhà tình thương cho hàng chục gia đình. Những hoạt động trên giúp các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo, tri ân của Đảng, Nhà nước; tạo ra mối liên hệ với chính quyền địa phương, là nền tảng chính trị, động lực bảo đảm thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của các đơn vị tại vùng Bắc Tây Nguyên.

Ngay từ cuối năm 1986, Hội đồng Bộ trưởng ra *Quyết định số 284/CT quy định thêm nhiệm vụ sản xuất nông, lâm nghiệp và bổ sung nhiệm vụ tham gia hợp tác kinh tế với Lào và Campuchia* cho Binh đoàn 15. Thông qua hoạt động hợp tác với nước Bạn, Binh đoàn có cơ sở để hình thành thể bảo vệ Tổ quốc từ xa, củng cố quốc phòng dọc biên giới ba nước Đông Dương.

Năm 1987, Trung đoàn 674 (từ Binh đoàn 11 điều chuyển về) đứng chân ở ngã ba Lạc Xao, tỉnh Bô Ly Khăm Xay (Lào) ngoài nhiệm vụ khai thác gỗ thông, sửa chữa nâng cấp đường 8A từ Lào về Hà Tĩnh còn giúp nhân dân Lào định canh định cư, phát triển sản xuất; xây dựng trường học, bệnh xá, xây dựng bản làng; giúp Bạn củng cố cơ sở chính trị.

Năm 1988, công trình thủy lợi ở Lào được đơn vị đầu tư xây dựng với tổng số vốn 807 triệu đồng và nghĩa trang tưởng nhớ các liệt sĩ tỉnh Attapư. Tháng 8 - 1991, Binh đoàn nhận thầu với Công ty Vông Đon (Lào), thi công 3 nông trường trồng cà phê, cao su, thuốc lá, chăn nuôi trên diện tích 28,3 ha.

Năm 1991, Binh đoàn 15 kí kết một số văn bản hợp tác với tỉnh Ratanakiri (Campuchia). Ngày 29 - 4 - 1991, tiếp tục kí Nghị định thư xây dựng một số

công trình phúc lợi nhà trẻ, trường học, bệnh xá tại huyện Đôn Mia (Campuchia) mới thành lập giáp biên giới Việt Nam, giúp Ban làm 20 km đường sắt, 403 km đường cấp phối, 2 cầu bê tông, 2 ngầm qua suối, 20 cống thoát nước, đắp đập chứa 20 nghìn m³ khối nước, xây dựng 1.032 m² nhà cấp 4.

Quá trình hợp tác giữa các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng với Lào và Campuchia tiến hành trên nguyên tắc đối ngoại, hợp tác, liên doanh sản xuất, khai thác tài nguyên, cùng nước bạn ổn định biên giới, góp phần thắt chặt mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa ba nước Đông Dương.

Là đơn vị chuyên trách xây dựng kinh tế nhưng vẫn phải đảm bảo nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, Binh đoàn 15 luôn chú trọng xây dựng, phát triển lực lượng tự vệ cơ động. Quân số của lực lượng này được tuyển chọn từ số cán bộ, chiến sĩ của các nông trường, xí nghiệp; là người trực tiếp sản xuất, công tác trên những bản làng, thường xuyên tiếp xúc với đồng bào, chính quyền cơ sở, nắm tình hình vừa tuyên truyền, vận động đồng bào chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn phá hoại cách mạng của các thế lực thù địch.

Lực lượng tự vệ ra đời cùng sự thành lập của đơn vị, đến năm 1992, mỗi nông trường có 1 đại đội tự vệ, số lượng từ 100 đến 120 người do Giám đốc Nông trường làm Đại đội trưởng.

Ngày 28 - 10 - 1993, Bộ Quốc phòng ra *Quyết định số 690/QP về việc chấn chỉnh tổ chức biên chế Binh đoàn 15*, cho phép Binh đoàn tăng cường biên chế một số sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ làm lực lượng nòng cốt để thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện dự bị động viên và khôi phục lực lượng thời chiến.

Ngày 14 - 6 - 1994, 2 Tiểu đoàn bộ binh trực thuộc Binh đoàn 15 được thành lập, trang bị vũ khí tiêu chuẩn, cán bộ được đào tạo tại các trường quân sự, chính trị chính quy. Trong thời bình, quân số của 2 tiểu đoàn vẫn tiến hành sản xuất dưới sự quản lý của các nông trường, công ty, xí nghiệp, cơ quan. Khi có nhu cầu chuyển sang nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và huấn luyện chiến đấu, các tiểu đoàn do Tư lệnh Binh đoàn chỉ huy mọi mặt. Đây là những đơn vị có nhiệm vụ cơ động, sẵn sàng chiến đấu của Binh đoàn, đồng thời tổ chức huấn luyện

thường xuyên cho lực lượng tự vệ và giáo dục cán bộ nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của các thế lực thù địch.

Năm 1994, lực lượng tự vệ các Nông trường 701, 703, Công ty cà phê 15 tổ chức huấn luyện với các phương án hợp đồng chiến đấu, bảo vệ địa bàn. Năm 1995, 2 Tiểu đoàn bộ binh cơ động 15 tổ chức huấn luyện đợt diễn tập BG94 cụm xã, phường thuộc 2 huyện Đức Cơ (Gia Lai) và Ngọc Hồi (Kon Tum).

Chế độ tuần tra canh gác, trực chiến được duy trì trên toàn bộ khu vực đóng quân của các đơn vị. Hệ thống sở chỉ huy và thông tin luôn ở trạng thái sẵn sàng chiến đấu. Tháng 7 - 1991, Nông trường 701 trực tiếp quản lý sân bay dã chiến Đức Cơ nhằm phục vụ yêu cầu nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu trên địa bàn.

Các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng luôn duy trì liên lạc và phương án tác chiến cùng các lực lượng vũ trang địa phương và Quân khu 5. Từ tháng 4 đến tháng 8 - 1992, lớp huấn luyện về hiệp đồng phương án bảo vệ an ninh địa bàn của các đơn vị với địa phương được mở nhằm tạo sự thống nhất giữa các lực lượng, đảm bảo trật tự trị an vùng biên giới. Năm 1993, Đại đội tự vệ thuộc 6 nông trường quân đội đứng chân ở Bắc Tây Nguyên tham gia tập huấn với lực lượng địa phương.

Các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng còn tổ chức lực lượng phối hợp chặt chẽ với Quân khu 5 và các tỉnh truy quét Fulro và các lực lượng phản động khác trên địa bàn Tây Nguyên. Trong năm 1986, 25 đợt truy quét được các đơn vị tổ chức tham gia, kết hợp giải quyết nhiều vụ việc vượt biên trái phép trên địa bàn.

Có thể thấy, song song với xây dựng kinh tế, thực hiện công tác dân vận, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng vẫn đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trên địa bàn Tây Nguyên cùng với các đơn vị vũ trang địa phương, Quân khu 5.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, sự chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Quốc phòng, đến năm 1995, Binh đoàn 15 căn bản đã ổn định bộ máy. Hoạt động sản xuất có hiệu quả rõ rệt với tổng diện tích vườn cây 7.394 ha (cao su 6.814 ha, cà phê 480 ha, lúa nước 100 ha). Việc kinh doanh của các đơn vị ngày càng đi vào chiều sâu, tổng giá trị sản lượng tăng đều hằng năm, lợi nhuận ngày càng cao (năm 1991 đạt gần 16 tỷ, nộp ngân sách 558 triệu đến năm 1993 đạt 36,1 tỷ, nộp ngân sách 4,2 tỷ đồng). Đây là nguồn nội lực để Binh đoàn triển khai kế hoạch mở rộng diện tích cao su trên quy mô lớn ở các huyện biên giới.

Từ năm 1995, cùng với việc phát triển diện tích 20 nghìn ha cao su, kết hợp bố trí các cụm dân cư dọc theo hành lang biên giới trên địa bàn huyện Đức Cơ và một phần địa bàn huyện Ia Grai (Gia Lai), các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng bắt tay vào xây dựng các dự án phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng mới trên tuyến hành lang biên giới rộng từ 10 - 15km dọc theo từ ngã ba Đông Dương thuộc huyện Ngọc Hồi (Kon Tum) đến huyện Đức Lập (Đắk Lắk).

Các dự án đều là vùng đất trống, đồi núi trọc và rừng nghèo kiệt, điều kiện thổ nhưỡng chỉ phù hợp với cây công nghiệp; thuộc các huyện vùng sâu, vùng xa, sát biên giới; hệ thống cơ sở hạ tầng cực kì yếu kém, xa trung tâm; trước kia là căn cứ địa cách mạng, nay là nơi Fulro có điều kiện tụ họp, hoạt động chống phá chính quyền; dân cư thưa thớt, chủ yếu là đồng bào dân tộc ít người, đời sống cực khổ, các hủ tục lạc hậu còn duy trì, đông gia đình chính sách. Điển hình như xã Moray (Kon Tum) có 300 hộ gia đình thì 200 hộ thuộc diện chính sách, bởi đây từng là căn cứ địa trong kháng chiến, diện tích là 158.200 ha với 60 km đường biên giới với Campuchia, dân số 1.550 người dân tộc ở 7 làng.

Với ưu tiên hàng đầu là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư trong vùng, nhất là đồng bào dân tộc ít người; hình thành cơ sở để đảm bảo an ninh - quốc phòng, xây dựng tuyến phòng thủ vững chắc; những dự án này có ý nghĩa rất quan trọng về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh tại vùng biên giới Bắc Tây Nguyên.

Ngày 5 - 4 - 1996, Bộ Quốc phòng ra *Quyết định số 401/QĐQP* đổi tên doanh nghiệp của Binh đoàn 15 thành Tổng Công ty 15 (GENERAL 15) thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng vùng biên giới 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia.

Các công ty, nông trường, xí nghiệp trực thuộc Binh đoàn chuyển thành 8 doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng thực hiện hạch toán độc lập, bao gồm: Công ty 72 (sát nhập Công ty Đức Cơ, Nông trường 701, Xưởng chế biến cao su số 1), Công ty 75 (sát nhập Nông trường 706, 707), Công ty 715 (sát nhập Công ty lâm nghiệp 715, Xí nghiệp cao su 15, Công ty dịch vụ vật tư), Công ty Cà phê 15 (Nông trường 352, 712), Công ty 74 (Nông trường 703 trước đây), Công ty 732 (Nông trường 732 trước đây), Công ty Bình Dương (Công ty dịch vụ thương mại 15 trước đây), Công ty 715 (Công ty xây lắp 711 trước đây).

Sự kiện đánh dấu bước phát triển quan trọng của Binh đoàn. Với cơ cấu tổ chức gọn nhẹ hơn, linh hoạt hơn, các đơn vị sản xuất của Binh đoàn, nay là các doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng đã đủ điều kiện pháp lý, tăng cường sức mạnh để thực hiện các dự án xây dựng “vành đai xanh” kết hợp quy hoạch dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh ở vùng phen dậu biên giới.

Tổng thể dự án Kinh tế - Quốc phòng Bắc Tây Nguyên được phân chia cụ thể. Ở Gia Lai, vùng dự án huyện Đức Cơ (5 xã) được mở rộng và giao cho các Công ty 72, 74, 75; vùng dự án địa bàn xã Ia Grai (7 xã) giao cho các Công ty 74, 715; vùng dự án Chư Prông (1 xã) giao cho Công ty Bình Dương, sau chuyển sang cho Trung đoàn kinh tế 710 (thành lập ngày 20 - 10 - 2003). Ở Kon Tum, vùng dự án xã Moray, huyện Sa Thầy giao cho Công ty 78 (thành lập ngày 22 - 7 - 1997); vùng dự án huyện Ngọc Hồi giao Công ty 732 thực hiện.

Vượt qua rất nhiều khó khăn thách thức, sau 3 năm triển khai các dự án, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng đạt được những thành tựu hết sức khả quan.

Về kinh tế, đến năm 1997, diện tích cao su đạt 15.651 ha, năm 1998 là 22.651 ha, thực sự hình thành một vùng chuyên canh cây cao su, cây công nghiệp có giá trị lớn về kinh tế của cả nước tại Bắc Tây Nguyên.

Từ năm 1995 - 1997, bình quân mỗi năm tổng doanh thu của các đơn vị đạt 176,4 tỷ đồng, nộp ngân sách 17,1 tỷ đồng; riêng năm 1998 đạt hơn 179 tỷ đồng, nộp ngân sách 18,4 tỷ, giá trị tăng thêm 70.974 triệu đồng. Bình quân thu nhập của người lao động năm 1995 là 402 nghìn đồng, năm 1997 là 560 nghìn đồng, đến năm 1998 tăng lên 600 nghìn đồng. Giai đoạn này, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng tại Bắc Tây Nguyên tiếp nhận và giải quyết việc làm cho khoảng 16.500 hộ dân cư, trong đó có khoảng 6.500 hộ đồng bào dân tộc ít người tham gia phát triển cao su cho các công ty.

Về xã hội, cải thiện rõ rệt các điều kiện hạ tầng ở Đức Cơ và Ngọc Hồi, góp phần nâng cao một bước cơ bản đời sống của bà con dân tộc trong vùng.

Về quốc phòng - an ninh, những thành quả về kinh tế, xã hội là tiền đề cơ bản để giải quyết các vấn đề an ninh trên tuyến biên giới như phát triển lực lượng dân quân tự vệ, nâng cao trình độ dân trí cho người dân... nhờ đó an ninh vùng dự án được giữ vững, nhân dân yên tâm sản xuất, gắn bó với quê hương.

Các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng đã tạo dựng nên một vùng cao su, cà phê lớn ở Tây Nguyên, chạy dọc theo biên giới từ Kon Tum đến Gia Lai và xuống Đắk Lắk, vừa hình thành thế bố trí chiến lược cho nhiệm vụ bảo vệ an ninh và giữ gìn biên giới, vừa khẳng định chủ quyền biên giới Tổ quốc. Mặt khác, thông qua các dự án Kinh tế - Quốc phòng ở Bắc Tây Nguyên, cho thấy hoạt động phát triển kinh tế của quân đội có thể tạo cơ sở xóa đói giảm nghèo cho nhân dân ở những vùng điều kiện khó khăn, từ đó giải quyết những vấn đề xã hội, chính trị, hình thành thế phát triển bền vững, lâu dài cho địa phương.

Từ mô hình của Binh đoàn 15, Đảng chỉ đạo Bộ Quốc phòng nhanh chóng xây dựng Binh đoàn 16 đứng chân ở Nam Tây Nguyên để thực hiện phát triển kinh tế củng cố quốc phòng tại địa bàn này. Ngày 8 - 12 - 1998, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ký *Quyết định số 1788/1998/QĐ-BQP thành lập Binh đoàn 16 trực thuộc Bộ Quốc phòng* có nhiệm vụ xây dựng các khu kinh tế kết hợp quốc phòng, khu dân cư xã hội trên địa bàn vùng sâu, vùng xa dọc tuyến biên giới từ phía Nam Đắk Lắk đến phía Bắc Bình Phước.

Có thể thấy, với sự nỗ lực cố gắng không ngừng, Binh đoàn 15 đã làm thức dậy một vùng biên với nhiều tiềm năng phát triển. Những thành quả hết sức nổi bật về kinh tế cùng những khu dân cư mới mọc lên từ nội địa ra sát vùng biên, bố trí với thế chiến lược phòng thủ địa bàn. Một bộ phận đông bào dân tộc thiểu số được vận động định canh định cư, cùng lao động với dân cư mới, cùng sinh hoạt tạo nên thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc cho địa phương. Lực lượng quân đội làm nhiệm vụ phát triển kinh tế với quốc phòng đã kết hợp với chính quyền các cấp, lực lượng vũ trang trên địa bàn giữ gìn trật tự an ninh, truy quét các lực lượng phản động, bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng.

Những thành quả này xuất phát từ sự đổi mới trong nhận thức của Binh đoàn 15 về thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế kết hợp củng cố quốc phòng - của quân đội: lấy việc nâng cao hiệu quả kinh doanh để tác động trực tiếp đến hoạt động quy hoạch, phát triển dân cư - xã hội, từ đó hình thành thế trận lòng dân, giữ gìn an ninh - quốc phòng trên địa bàn chiến lược.

Sự ra đời của Binh đoàn 16, đơn vị Kinh tế - Quốc phòng chủ lực thứ hai tại địa bàn Tây Nguyên không đơn thuần là sự tăng cường về lực lượng, về năng lực sản xuất của quân đội mà quan trọng là để xóa đói giảm nghèo cho nhân dân,

nâng cao khả năng phòng thủ xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân trên địa bàn biên giới nhạy cảm Nam Tây Nguyên. Từ đây các khu Kinh tế - Quốc phòng được hình thành, hoạt động quân đội xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng ở Tây Nguyên và cả nước nói chung bước sang giai đoạn phát triển mới.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Với những đặc thù của vùng cao nguyên biên giới, khí hậu khắc nghiệt, đời sống nhân dân nghèo nàn lạc hậu, hạ tầng cơ sở yếu kém, thêm vào đó, hậu quả chiến tranh để lại hết sức nặng nề, nhất là tàn quân Fulro thường xuyên chống phá, thì Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng mà Đảng và Nhà nước từ rất sớm đã chọn để triển khai chủ trương quân đội tham gia phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh.

Từ năm 1973, sau khi có mặt và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng Bắc Tây Nguyên trở thành hậu phương tại chỗ chi viện cho chiến trường miền Nam, góp phần hoàn thành sự nghiệp thống nhất Tổ quốc, lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế tại đây đã tiếp tục ở lại, bám trụ địa bàn. Trải qua nhiều thăng trầm trong điều kiện đất nước khủng hoảng, hoạt động của các đơn vị quân đội chuyên xây dựng kinh tế trên địa bàn Tây Nguyên mặc dù chưa có hiệu quả kinh tế - xã hội rõ nét, nhưng đã bước đầu hình thành nên các khu chuyên canh nông lâm nghiệp, từng bước gắn hoạt động sản xuất với công tác dân vận, đảm bảo an ninh - quốc phòng trên vùng biên giới, xây dựng nền móng cho sự ra đời mô hình kinh tế kết hợp quốc phòng trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên ở giai đoạn tiếp theo.

Cùng với công cuộc Đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có nhiều thay đổi trong chủ trương quân đội xây dựng kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh. Sản xuất kinh doanh có hiệu quả từng bước đã trở thành mục tiêu chính của các đơn vị quân đội xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng. Tại Tây Nguyên, Đảng, Nhà nước tin tưởng quân đội với những lợi thế của mình có thể tận dụng được những điều kiện thuận lợi, khắc phục khó khăn để làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội của vùng đất này, tạo thế phòng thủ trên vùng phen dậu của đất nước.

Giai đoạn 1985 - 1998, Binh đoàn 15, đơn vị quân đội Kinh tế - Quốc phòng chủ lực đầu tiên trên địa bàn Tây Nguyên đã hoàn thành những chỉ tiêu được giao về kinh tế, thành công bám trụ trên địa bàn được giao, từng bước hình

thành “vành đai xanh” bảo vệ cho tuyến biên giới của đất nước. Hoạt động sản xuất, công tác dân vận của các đơn vị trực thuộc Binh đoàn 15 đã tạo ra những thay đổi lớn cho nhân dân trên địa bàn Tây Nguyên, tạo ra bước phát triển nhảy vọt trong việc thực hiện nhiệm vụ kết hợp phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh; hình thành nên các khu Kinh tế - Quốc phòng đầu tiên trong cả nước. Đây thực sự là hiện tượng mới trong chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng tại Việt Nam, là tiền đề Đảng, Nhà nước nâng cao vai trò nòng cốt của quân đội trong chủ trương xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước tại những địa bàn chiến lược, biên giới, vùng sâu, vùng xa, hải đảo.

Năm 1998, Binh đoàn 16 được thành lập, cùng Binh đoàn 15 khép chặt tuyến biên giới quan trọng của đất nước phía Tây Nam, là sự kiện thúc đẩy quá trình quân đội thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên và cả nước nói chung bước sang giai đoạn mạnh mẽ hơn.

Chương 3

QUÂN ĐỘI ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI QUỐC PHÒNG - AN NINH Ở TÂY NGUYÊN (1998 - 2013)

3.1. CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ - QUỐC PHÒNG PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC, MỞ RỘNG ĐỊA BÀN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ (1998 - 2005)

3.1.1. Các khu Kinh tế - Quốc phòng hình thành

Từ cuối thế kỉ XX, kinh tế ngày càng giữ vị trí quan trọng trong quan hệ quốc tế, có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp, tạo sự ổn định chính trị của mỗi nước. Cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển như vũ bão cùng với xu thế toàn cầu hóa đang đưa lại những thời cơ lịch sử cũng như thách thức cho các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Sau hơn 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, nhân dân Việt Nam đã gặt hái được những thành tựu hết sức to lớn và toàn diện. Chính trị ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện với thu nhập bình quân đầu người lên tới 1.130 USD/năm/người, quốc phòng - an ninh giữ vững, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị cấp cao APEC (2006) và gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) ngày 11 - 1 - 2007, mở ra kỷ nguyên hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, đầu thế kỉ XXI, các thế lực thù địch được sự giúp sức của chủ nghĩa đế quốc đã tập hợp lực lượng trở về nước hoạt động, âm mưu lợi dụng các vấn đề về tôn giáo, dân tộc, “tự do dân chủ nhân quyền” để lôi kéo mua chuộc, kích động, nhằm chia rẽ đoàn kết nội bộ, làm xói mòn lòng tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước, “phi chính trị hóa quân đội”. Nguy hiểm hơn cả, chúng tuyên truyền chủ trương hình thành những vùng miền riêng biệt, hòng lập ra các “Nhà nước ly khai” ở “ba Tây”: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ; mưu toan chuyển hóa từ bên trong, gây áp lực từ bên ngoài, buộc Việt Nam phải chấp nhận, tuân theo những “giá trị” do chúng áp đặt.

Ở Tây Nguyên, Fulro sử dụng đạo Tinh lành để vận động quần chúng; xây dựng lực lượng, tuyên truyền thành lập “Nhà nước Đê Ga độc lập” (bao gồm các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và một phần tỉnh Bình Phước); tổ chức các đợt

biểu tình, bạo loạn chính trị, đòi ly khai ở Tây Nguyên. Nghiêm trọng nhất là vào tháng 2 - 2001 và tháng 4 - 2004, Fulro không chỉ công khai kích động biểu tình mà còn tổ chức cho đồng bào thiểu số vượt biên sang Campuchia, lập trại tị nạn nhằm quốc tế hóa vấn đề ở Tây Nguyên. Mặc dù Việt Nam đã xử lý kịp thời, song vẫn chưa thể chấm dứt hoàn toàn sự tồn tại của Fulro. Bên cạnh đó, tình trạng di dân tự do, cư trú bất hợp pháp trên địa bàn cũng diễn ra phức tạp.

Nhiều vấn đề nhạy cảm cần phải nhanh chóng giải quyết để củng cố quốc phòng - an ninh ở vùng biên giới. Vì vậy, từ năm 1998, trong quá trình cho ra đời của các khu Kinh tế - Quốc phòng do quân đội quản lý trên cả nước, Đảng, Chính phủ và Bộ Quốc phòng đặc biệt dành sự quan tâm cho các dự án ở Tây Nguyên, nhất là địa bàn do Binh đoàn 16 phụ trách.

Sau khi Binh đoàn 16 thành lập, các cơ sở sản xuất của đơn vị dưới hình thức nông trường, xí nghiệp lần lượt ra đời. Đứng chân tại Tây Nguyên gồm: ở huyện Đắc Rlấp⁹ (Nam Đắc Lắc) có Trung đoàn 720 làm nhiệm vụ ở xã Quảng Tín, Trung đoàn 726 làm nhiệm vụ ở xã Quảng Đức; tại huyện Ea Súp (Tây Đắc Lắc) có Trung đoàn 737 (thành lập ngày 27 - 12 - 2000) đứng chân ở xã Ia Tmốt, Trung đoàn 739 (thành lập ngày 27 - 12 - 2000) làm nhiệm vụ ở xã Ea Bung, Trung đoàn 736 (thành lập ngày 10 - 9 - 2001) và Trung đoàn 725 (thành lập ngày 19 - 9 - 2003) hoạt động ở xã Ia Lốp.

Ngày 18 - 4 - 2000, Bộ Quốc phòng ban hành *Quyết định số 575/2000/QĐ-BQP về việc thành lập Công ty 16 thuộc Binh đoàn 16*, cấp tư cách pháp nhân kinh tế để Binh đoàn hoạt động dưới dạng doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng.

Trong giai đoạn này, Tổng thể khu Kinh tế - Quốc phòng Binh đoàn 15 ở Bắc Tây Nguyên tiếp tục được mở rộng, phát triển thêm khu Kinh tế - Quốc phòng CưMga ở Đắc Lắc do Công ty Cà phê 15 trực tiếp quản lý (từ năm 2002).

Ở Nam Tây Nguyên, 3 dự án Kinh tế - Quốc phòng mới được tổ chức quản lý sản xuất thực hiện theo mô hình của Binh đoàn 15, cụ thể:

Binh đoàn 16 phụ trách 2 dự án: khu Kinh tế - Quốc phòng Nam Đắc Lắc - Bình Phước, là dự án lớn nhất theo *Quyết định 277/QĐ-TTg* (tổng vốn đầu tư khoảng 1.270 tỷ đồng) với diện tích tự nhiên 233.613 ha, chạy dọc 300 km đường biên giới, qua 3 xã Quảng Trực, Quảng Tín, Đăkbuso của huyện Đắc Rlấp, Đắc

⁹ Đến năm 2004, thuộc tỉnh Đắc Nông.

Lắk (nay là Đắk Nông); khu Kinh tế - Quốc phòng Ea Súp (thành lập theo *Quyết định số 2041/QĐ-BQP* ngày 7 - 8 - 2001; phê duyệt, mở rộng theo *Quyết định số 1606/QĐ-BQP* ngày 7 - 8 - 2003) có 26 km đường biên giới tiếp giáp Campuchia, diện tích đất tự nhiên là 29.169 ha thuộc 5 xã của huyện Ea Súp, Đắk Lắk.

Công ty 53¹⁰ phụ trách dự án khu Kinh tế - Quốc phòng Quảng Sơn với diện tích tự nhiên 9.041 ha thuộc xã Quảng Sơn, huyện Đắk Nông, Đắk Lắk (nay là Đắk Nông).

Từ đây, hệ thống các khu Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên được hình thành từ Bắc vào Nam. Các đơn vị bước vào giai đoạn đẩy mạnh phát triển các khu Kinh tế - Quốc phòng với mục tiêu hàng đầu là giúp dân xoá đói giảm nghèo, giải quyết những vấn đề dân cư, dân tộc, tôn giáo tại các điểm nóng chính trị, nâng cao khả năng phòng thủ quốc gia tại tuyến biên giới giáp Lào và Campuchia.

3.1.2. Các đơn vị tăng cường phát triển kinh tế, ổn định địa bàn trong các khu Kinh tế - Quốc phòng

Về sản xuất kinh doanh, các dự án Kinh tế - Quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên đều tập trung vào trồng, chăm sóc và chế biến các loại cây công nghiệp có giá trị xuất khẩu cao.

Tại Bắc Tây Nguyên, Binh đoàn 15 tiếp tục chăm sóc, mở rộng diện tích cao su trên các vùng dự án mới kết hợp khai thác các vườn cây trong giai đoạn kiến thiết. Năm 2001, Binh đoàn nghiên cứu trồng các loại cây khác như hồ tiêu, hạt điều, bông, nguyên liệu làm giấy tại những nơi điều kiện phù hợp, duy trì những vùng chuyên canh trồng lúa 2 vụ. Các vùng dự án đều có xí nghiệp chế biến thuộc công ty phục vụ khâu thành phẩm sau khi thu hoạch. Năm 2004, Binh đoàn hoàn thiện nhà máy chế biến cao su số 3 thuộc khu vực Ia Grai.

Điểm đáng chú ý ở Binh đoàn 15 trong giai đoạn này là đưa phát triển kinh tế hộ gia đình trở thành chủ trương lớn, bên cạnh hoạt động sản xuất tập trung. Binh đoàn thành lập Ban kinh tế hộ gia đình, hỗ trợ vay vốn cho người lao động, đưa kinh tế rừng kết hợp với kinh tế gia đình, thực hiện mô hình VACR, khoán rừng cho người lao động chăm sóc, khai thác.

¹⁰ Là đơn vị kinh tế Nông trường 53, thành lập năm 1989, thuộc Binh đoàn 12 - Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn. Đến năm 1996, Nông trường 53 được chuyển đổi thành doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng với tên gọi mới là Công ty 53.

Ở Nam Tây Nguyên, Công ty 53 (Binh đoàn 12) tiếp tục chăm sóc, chế biến cà phê tại khu Kinh tế - Quốc phòng Quảng Sơn. Năm 1999, Công ty tiến hành vay vốn mở rộng diện tích, với mục tiêu kinh doanh cà phê xuất khẩu.

Bộ Tư lệnh Binh đoàn 16 với tinh thần *“xem các dự án Kinh tế - Quốc phòng là một “chiến dịch tiến công”, mỗi thời kì sinh trưởng của cây trồng là “một trận đánh”* [68; tr.44], đã chỉ đạo Trung đoàn 720 nhanh chóng khai hoang trồng 2 loại cây chủ lực là cà phê và hồ tiêu ở 2 xã Quảng Tín, Đắc But So; Trung đoàn 726 trồng cà phê và dành một diện tích thổ nhượng thích hợp trồng cao su ở Quảng Trục. Năm 2000, sau khi nhận vùng dự án Ea Súp, các trung đoàn ở đây tập trung trồng điều cao sản, bông vải kết hợp khoanh nuôi rừng.

Tại Đắc Lắc, dân cư thưa thớt nên thực trạng xâm chiếm đất đai trái phép hết sức phổ biến. Trước thực trạng này, Bộ Tư lệnh Binh đoàn 16 đã xây dựng chính sách hạn điền ưu tiên cho người dân nhận khoán vườn cây ngay trên diện tích đã xâm canh từ trước (mỗi lao động (hộ) từ 2 - 3 ha cao su, từ 0,5 - 1 ha hồ tiêu). Diện tích xâm canh (từ năm 1997 trở lại đây) vượt mức phù hợp điều kiện phát triển cây trồng theo mục tiêu dự án thì bố trí cho các lực lượng khác nhận khoán.

Ngoài ra, nếu diện tích xâm canh đang trồng cây công nghiệp ngắn ngày thì bàn giao nguyên trạng cho đơn vị tổ chức sản xuất lại theo mục tiêu dự án; nếu diện tích xâm canh trồng các cây công nghiệp dài ngày thì áp dụng 2 hình thức: *“Một là, đối với cây công nghiệp phù hợp mục tiêu dự án mà dân đồng ý thì trả lại phần kinh phí đầu tư cho dân và giao lại cho dân nhận khoán lâu dài hoặc hợp tác liên doanh, liên kết. Hai là, đối với diện tích cây công nghiệp không phù hợp mục tiêu dự án để bố trí lại sản xuất hoặc không tham gia liên kết, hợp tác thì giữ lại nguyên trạng, cho phép dân tự sản xuất nhưng phải tuân thủ một số quy định của chính quyền sở tại, của chủ dự án trong vùng quy hoạch”* [68; tr.50].

Chính sách hạn điền linh hoạt của Binh đoàn 16 đã xoá bỏ được tình trạng xâm canh, giải phóng quỹ đất một cách tích cực, tạo ra động lực thúc đẩy nhanh chóng việc xây dựng hệ thống vườn cây của đơn vị; vẫn đảm bảo cho hoạt động sản xuất của nhân dân, phát huy được thế mạnh sẵn có của vùng dự án.

Đến năm 2004, Bộ Tư lệnh Binh đoàn 16 triển khai phương thức “Khoán gọn, khoán lâu dài, khoán triệt để”, các trung đoàn áp dụng khoán theo thời gian: cây cà phê, cây điều cao sản 20 năm, cây cao su 30 năm, cây hồ tiêu 15 năm.

Đối với các vấn đề chính trị - xã hội, các đơn vị chủ động đẩy mạnh công tác dân vận để giải quyết, cùng các cấp chính quyền nhanh chóng ổn định tình hình các vùng dự án mới.

Ở Nam Tây Nguyên, cùng với quá trình giải phóng quỹ đất, Binh đoàn 16 còn tham gia ổn định cuộc sống cho các luồng di dân theo kế hoạch của Nhà nước đồng thời với sắp xếp lại một bộ phận dân di cư tự do, trái phép từ các tỉnh thành trong cả nước đến địa phương.

Tại khu Kinh tế - Quốc phòng Ea Súp, các trung đoàn lần lượt tiếp nhận, cung cấp đất thổ canh, thổ cư cho 500 hộ dân lòng hồ Cửa Đạt, Thường Xuân (Thanh Hóa) tái định cư và 300 hộ dân kinh tế mới Bến Tre. Ngày 1 - 12 - 2004, Bộ Tư lệnh Binh đoàn 16 ban hành *Chỉ thị về việc khai hoang cấp đất thổ canh cho hộ dân trong vùng dự án kinh tế - quốc phòng Ea Súp*, nêu rõ:

Về quy hoạch vị trí cấp đất cho hộ dân phải liền vùng, liền thửa, liền canh, liền cư thuận tiện cho sản xuất và sinh hoạt, thuận nhất là một địa điểm. Trường hợp thực sự khó khăn (không khắc phục nổi) thì mới phân chia thành 2 địa điểm. Mỗi hộ được 1 ha. Một số đội quỹ đất canh tác không còn (kể cả quỹ đất dự kiến năm 2005) thì được phép quy hoạch cả vườn cây (chưa khai hoang) để có đủ đất cấp cho dân. Nhất thiết không để dân thiếu đất.

Về khai hoang đất, các trung đoàn có trách nhiệm khai hoang để cấp cho dân. Trường hợp chưa khai hoang kịp thì các trung đoàn phải tổ chức cắm mốc và tiến hành bàn giao trên thực địa. [68; tr.151].

Trên địa bàn Đắk Lắk, hiện tượng đồng bào dân tộc Mông di cư tự do từ các tỉnh phía Bắc vào phá rừng làm rẫy xảy ra hầu khắp các huyện trong tỉnh, một số bị dụ dỗ bỏ tiền mua đất làm nhà trái phép, sống chui lủi trốn chạy chính quyền. Trước tình hình đó, cán bộ, chiến sĩ các Trung đoàn 720, 726 và địa phương cùng vận động đồng bào Mông về khu Kinh tế - Quốc phòng Đắk Lắk tổ chức lại cuộc sống. Trong quá trình tiếp nhận, cán bộ, chiến sĩ các trung đoàn đã chăm lo chu cấp mọi nhu cầu thiết yếu cho từng gia đình, từng người, bước đầu tạo ra sự tin tưởng cho đồng bào đối với đơn vị. Khi các hộ dân về khu vực dự án đã phân bổ (Trung đoàn 726 đảm nhận 135 hộ, Trung đoàn 720 đảm nhận 177 hộ) lãnh đạo và chỉ huy các trung đoàn đã trực tiếp chỉ đạo sắp xếp nơi ăn, chốn ở và cấp đất theo quy định để nhân dân bước vào lao động sản xuất.

Cuối năm 2002, đồng bào Mông trong tỉnh về cơ bản đã tập trung trong khu Kinh tế - Quốc phòng Đắk Rlấp với 1.986 nhân khẩu. Không chỉ tổ chức tái định cư, các đơn vị còn giúp đồng bào ổn định mọi mặt đời sống, sản xuất để gắn bó lâu dài với vùng dự án. Trung đoàn 720 ưu tiên khoán cho các hộ đồng bào thiếu số tại chỗ, nhất là đối với đồng bào Mông bằng hình thức nhận khoán vườn cây trên cơ sở đơn vị đầu tư vốn, hướng dẫn kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm.

Đến cuối năm 2005, trên địa bàn quản lý của các đơn vị thuộc Binh đoàn 16 ở Đắk Nông đã có 833 hộ lao động nhận khoán, trong đó hộ địa phương và hộ người Mông là 375 hộ (Trung đoàn 720: 288 hộ, Trung đoàn 726: 87 hộ); hộ công nhân là 458 hộ (Trung đoàn 720: 236 hộ, Trung đoàn 726: 222 hộ). Khu Kinh tế - Quốc phòng Ea Súp có 1.247 hộ và người lao động nhận khoán, trong đó hộ kinh tế mới là 524 hộ (Trung đoàn 736: 162 hộ, Trung đoàn 737: 218 hộ, Trung đoàn 739: 144 hộ); hộ công nhân là 723 hộ (Trung đoàn 736: 274 hộ, Trung đoàn 737: 275 hộ, Trung đoàn 739: 174 hộ). Đây là kết quả bước đầu có ý nghĩa cực kì quan trọng, đối với sự phát triển vững chắc của khu vực hết sức nhạy cảm (giáp Campuchia), góp phần đưa các chương trình, chính sách định canh, định cư của Đảng và Nhà nước đến với người dân biên giới.

Ở Bắc Tây Nguyên, các khu dân cư của Binh đoàn 15 đã ổn định, đời sống ngày càng được cải thiện. Những cụm dân cư Đức Cơ, Sa Thầy phát triển lên trình độ cao. Ở Đức Cơ, riêng Công ty 72 đã có 12 điểm dân cư gắn với địa bàn quản lý của 12 đơn vị sản xuất cây cao su, với 2 trường phổ thông, 2 trường mầm non, 15 nhà trẻ. Ngày 7 - 6 - 2002, Công ty 732 tổ chức bàn giao các khu dân cư trên địa bàn xã Sa Loong cho chính quyền huyện Ngọc Hồi quản lý với 378 hộ với tổng số 1.426 nhân khẩu, kèm theo các công trình giao thông, đất thổ cư, đất canh tác. Đây là một bước phát triển chung của Công ty và Binh đoàn. Sau khi bàn giao, Công ty 732 không đảm nhiệm chức năng quản lý hành chính ở các khu dân cư, chỉ quản lý lực lượng lao động của công ty ở các khu dân cư này.

Ở những vùng dự án mới, Bộ Tư lệnh trực tiếp đến chỉ đạo các công ty làm nhà cho người dân, bám dọc trục đường; tổ chức làm hệ thống mương máng dẫn nước; đỡ đầu cho các hộ vay vốn phát triển kinh tế gia đình với lãi suất thấp.

Sau khi nhận khoán, trong 3 năm đầu của giai đoạn kiến thiết cơ bản trên diện tích được giao, các công ty miễn tất cả các khoản thu cho các hộ. Đối với

những hộ gia đình địa phương nhận khoán không đạt sản lượng kế hoạch, các công ty có nhiều chủ trương phù hợp tiếp tục khuyến khích bà con sản xuất. Hàng năm, các đơn vị luôn có những khoản trợ cấp khó khăn, trợ cấp giáp hạt với hàng tấn lương thực cho đồng bào.

Từ năm 2001, Binh đoàn 15 thực hiện công thức “Suối - dân - quân”. Theo công thức này, toàn bộ vùng đất thấp ven suối nơi trồng cà phê, cao su thuận lợi về nước tưới (tính từ mép nước lên 100m - 150m dọc suối) đều được các công ty ưu tiên nhường cho dân, coi như là đất của dân. Các đội sản xuất chủ yếu trồng cao su, cà phê từ phía trên. Đây là nguyên tắc “bắt di bắt dịch”. Hàng năm, Binh đoàn rà soát đất canh tác cho đồng bào dân tộc tại chỗ theo quy định của Chính phủ (lấy cơ sở là buôn làng). Năm 2004, có 11 hộ gia đình nhận khoán nhưng thiếu đất canh tác, 61 hộ nằm trong vùng dự án không nhận khoán không có đất canh tác, Binh đoàn ưu tiên giao đất khai hoang và đỡ đầu để giúp các hộ này trồng cây, phát triển sản xuất theo quy hoạch của Binh đoàn.

Nhờ có nhiều biện pháp cụ thể, tiến trình thực hiện các dự án Kinh tế - Quốc phòng tại địa bàn Bắc Tây Nguyên đã đi đúng tiến độ, hạn chế được sự tranh chấp đất đai vốn là vấn đề mà các thế lực thù địch luôn lợi dụng để tuyên truyền chống phá cách mạng.

Đến năm 2001, riêng huyện Đức Cơ đã có 87% số hộ đồng bào tại chỗ tham gia làm cao su, cà phê cùng các công ty. Năm 2003, Binh đoàn có 8 khu dân cư tập trung ở Công ty 732, Công ty 78, Công ty 715, Công ty 72, Công ty 74, Công ty 75, Công ty Bình Dương và hàng trăm điểm dân cư mới trên các vùng sâu, vùng xa thu hút 8.885 hộ gia đình với 15 nghìn lao động và hàng vạn nhân khẩu ăn theo. Trong đó, có khoảng 4.030 hộ với gần 20 nghìn nhân khẩu và 3.352 lao động là đồng bào dân tộc địa phương, chiếm 50% lực lượng, quản lý 5.644 ha cao su, cà phê của Binh đoàn. Trên các cụm, điểm dân cư này có 120 nhà trẻ, nhà mẫu giáo, 15 trường tiểu học và trung học cơ sở, 3 khu vui chơi, gần 5.000 m² trạm xá khu vực cùng với hàng loạt công trình như giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình văn hóa như nhà rông, sân bóng...

Việc ổn định tình trạng di dân, vận động đồng bào vào sản xuất tập trung, kết hợp với chủ trương phát triển kinh tế hộ gia đình đã góp phần tích cực xóa đói, giảm nghèo, khắc phục đáng kể tập quán sản xuất, canh tác du canh, du cư,

phá rừng làm nương rẫy của đồng bào dân tộc thiểu số. Người lao động và gia đình gắn bó với lợi ích sản xuất đã có mặt trên một vùng rộng lớn hàng vạn héc ta nơi biên giới. Từng bước được chăm lo về nơi ăn, chốn ở, điều kiện học tập, chữa bệnh nên đồng bào ngày càng yên tâm sinh sống, làm việc. Đó là nguồn lực vô cùng quý giá cho yêu cầu phát triển và bảo vệ mảnh đất Tây Nguyên cả về trước mắt và lâu dài, góp phần ổn định an ninh trật tự, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, giữ vững biên cương Tổ quốc.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả xây dựng cơ sở chính trị, Binh đoàn 15 phối hợp chính quyền địa phương các cấp phát triển kinh tế theo phương thức: Binh đoàn hỗ trợ vốn - Chính quyền chỉ đạo kiểm tra - Nhân dân thực hiện. Năm 1997, để thắt chặt quan hệ quân dân, Binh đoàn tổ chức cho 8 xã, 1 phường, 1 thị trấn, 3 thôn làm lễ kết nghĩa với các công ty, đội sản xuất của Binh đoàn.

Năm 1998, thực hiện *Chỉ thị số 58/CP* của Chính phủ về công tác dân vận, Binh đoàn đưa ra chủ trương: Binh đoàn gắn với tỉnh, huyện - Công ty, xí nghiệp gắn với huyện xã - Đội sản xuất gắn với bản làng, là nền móng của mô hình dân vận “Gắn kết”. Đây là mô hình tích cực, mang tính thiết thực đối với việc quân đội thực hiện phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng tại Tây Nguyên.

Từ tháng 7 - 2001, các công ty của Binh đoàn 15 lần lượt tổ chức kết nghĩa giữa các đội sản xuất với thôn làng. Trong lễ kết nghĩa, hai bên thống nhất cam kết các nội dung trong chương trình hoạt động về mọi mặt đời sống sản xuất, chính trị. Đến tháng 8 - 2001, Công ty 72 hoàn thành tổ chức kết nghĩa giữa 12 đội sản xuất với 12 thôn, làng thuộc 3 xã biên giới của huyện Đức Cơ (Ia Pnôn, Ia Nan, Ia Dom); tháng 10 - 2001, Công ty 732 đã tổ chức kết nghĩa cho 8/9 đội sản xuất với các thôn bản thuộc 2 xã Sa Long và Rời Kơi của huyện Ngọc Hồi. Do bố trí các cụm, điểm dân cư gắn kết, đan xen giữa các bản, làng nên đến năm 2003, 100% các công ty, đội sản xuất của Binh đoàn đã kết nghĩa với 130 thôn, bản.

Mô hình “Gắn kết” của Binh đoàn là cơ sở để đơn vị cùng cấp ủy, chính quyền địa phương nâng cao thực lực hệ thống chính trị, củng cố hơn nữa mối quan hệ gắn bó giữa Binh đoàn, các xí nghiệp, công ty với chính quyền tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk; với các huyện xã trong địa bàn như Ngọc Hồi, Đức Cơ, Ia Grai, Chư Prông, Sa Thầy ngày càng bền chặt. Mô hình “Gắn kết” này nhanh chóng được rút kinh nghiệm và áp dụng rộng rãi.

Tại Nam Tây Nguyên, thực hiện *Chỉ thị số 313/TC* ngày 10 - 5 - 2004 của Tư lệnh Binh đoàn 16, Trung đoàn 725 đã xây dựng quy chế cụ thể về mối quan hệ kết nghĩa giữa các tổ chức đoàn của đơn vị với chi đoàn thôn, bản, ấp, địa phương. Trung đoàn 737 tổ chức cho các đội sản xuất kết nghĩa với buôn B1, B2, C của xã Ia Mốt, thường xuyên giao lưu với thôn 13, 14 xã Ya Rve. Năm 2005, Trung đoàn 736 kết nghĩa với xã Xuân Khao, xã Ea Rốc, cùng với Trung đoàn 725 phối hợp củng cố mối quan hệ gắn bó với chính quyền huyện Ea Súp.

Ngoài ra, cán bộ, chiến sĩ các đơn vị thường xuyên góp quỹ Đền ơn đáp nghĩa, quỹ Phúc lợi, quỹ Giúp đỡ phụ nữ nghèo, ủng hộ đồng bào lũ lụt trong cả nước. Tổ chức Công đoàn và Phụ nữ của các đơn vị hỗ trợ cho các gia đình có hoàn cảnh neo đơn, khó khăn bằng những sổ tiết kiệm, giúp đỡ địa phương xây dựng nhà rông văn hóa, khu vui chơi cho trẻ em. Các tập thể già làng, trưởng bản hàng năm được đơn vị tổ chức đi thăm Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bệnh viện 15, 16 cùng các bệnh xá thường xuyên tổ chức khám chữa bệnh, phòng bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho đồng bào dân tộc thiểu số. Các đơn vị xây dựng hàng trăm nhà tình nghĩa, thăm hỏi tặng quà cho các gia đình thuộc diện chính sách ở địa phương. Binh đoàn 15 nhận phụng dưỡng trọn đời 14 mẹ Việt Nam Anh hùng, hưởng ứng cuộc vận động “*Cả nước ủng hộ nhân dân Cuba*” với hàng chục tấn gạo, tham gia làm công trình quốc gia đường 14. Năm 2002, Binh đoàn xây dựng 1 nhà máy thủy điện, 2 trạm thủy điện công suất lớn phục vụ thắp sáng cho đồng bào Tây Nguyên, 3 trạm phát sóng truyền hình ở biên giới, hàng trăm km đường giao thông, đường dẫn điện, hệ thống nước thải cho 2 nhà máy chế biến cao su của Công ty 72 và 75 thực hiện giữ gìn môi trường sinh thái.

Các hoạt động trên tạo ra ấn tượng tốt đẹp, củng cố lòng tin của nhân dân giành cho các đơn vị; tăng cường thêm tình cảm giữa đơn vị với chính quyền địa phương; phát huy truyền thống người lính “Bộ đội Cụ Hồ” trong thời bình.

Bên cạnh đó, để củng cố mối quan hệ với Lào, thực hiện Nghị định thư đã ký, tháng 6 - 2000, Thường vụ Đảng ủy Binh đoàn 15 đã tổ chức lực lượng làm nhiệm vụ giúp Lào xây dựng nông trường cà phê Hữu Nghị.

Trước những diễn biến phức tạp của địa bàn, lực lượng vũ trang cơ động và lực lượng tự vệ được các đơn vị quân đội Kinh tế - Quốc phòng trên địa bàn Tây

Nguyên đẩy mạnh xây dựng theo hướng ngày càng chính quy, hiện đại, tăng cường khả năng chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu,

Trên cơ sở 2 tiểu đoàn cơ động trước đây, ngày 12 - 3 - 2002, Trung đoàn bộ binh dự bị động viên 72/KTT Binh đoàn 15 được thành lập, khung thường trực gồm: Tiểu đoàn bộ binh dự bị động viên, Đại đội phòng không 12,7 ly, Đại đội cối 82 ly, Đại đội ĐKZ 82 ly. Công ty 74 xây dựng Tiểu đoàn bộ binh dự bị động viên 2 và Đại đội thông tin trực thuộc Trung đoàn. Công ty 75 xây dựng Tiểu đoàn bộ binh dự bị động viên 3 và Đại đội trinh sát thực thuộc Trung đoàn. Bệnh viện 15 xây dựng Đội quân y trực thuộc Trung đoàn.

Trung đoàn có nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, đảm bảo lực lượng tại chỗ không để sản xuất đình trệ, gián đoạn hoặc bỏ trống địa bàn; sẵn sàng động viên công nghiệp (trang bị, phương tiện, cơ sở vật chất) cho trạng thái chiến đấu trong mọi tình huống. Ngoài ra, Trung đoàn còn huấn luyện quân sự, giáo dục nâng cao cảnh giác phòng chống “Diễn biến hòa bình” cho người lao động, cùng với chính quyền, nhân dân địa phương giữ gìn an ninh - chính trị, trật tự an toàn, xã hội trên vùng biên giới.

Đối với lực lượng tự vệ, là *“lực lượng chiến đấu tại chỗ để bảo vệ an ninh chính trị, an ninh trật tự và bảo vệ tài sản Nhà nước, tính mạng và tài sản của nhân dân, góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân trên địa bàn”* [71; tr.34], Binh đoàn 15 tổ chức theo 3 cấp: Đại đội, Trung đội, Tiểu đội dưới sự chỉ huy trực tiếp của Giám đốc các công ty, chỉ huy cao nhất là Tư lệnh Binh đoàn. Mỗi công ty tổ chức 1 đại đội tự vệ tại chỗ và các trung đội, tiểu đội tự vệ cơ động. Các đơn vị trực thuộc như bệnh viện, xí nghiệp... tổ chức cấp trung đội, tiểu đội. Toàn Binh đoàn có 15 cơ sở tự vệ có biên chế vũ khí.

Các lực lượng này tổ chức luyện tập theo kế hoạch hàng năm với các phương án tác chiến bảo vệ đơn vị, phòng chống cháy nổ, bảo vệ sản xuất phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng đơn vị và tham gia công tác huấn luyện, diễn tập hội thao quốc phòng. Thực tiễn qua 2 đợt diễn tập trên quy mô toàn Quân khu PT02 (2002), HN04 (2004) có thực binh, cho thấy lực lượng dự bị động viên và tự vệ cơ động nhanh của Binh đoàn 15 có khả năng đáp ứng và hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu được giao .

Ở Nam Tây Nguyên, do tính phức tạp của địa bàn, Bộ Tư Lệnh Binh đoàn 16 đề ra 4 quy định về bảo đảm chính trị, trật tự an toàn trong vùng dự án Kinh tế - Quốc phòng Ea Súp khi ra vào vùng dự án:

1. Công dân ra vào phải có chứng minh thư, giấy giới thiệu của chính quyền cấp xã trở lên và chấp hành mọi quy chế của đơn vị chủ quản.

2. Nghiêm cấm các hành vi làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn trong khu vực.

3. Công dân đi lại trên đường trong đêm phải có đèn và không đi trong rừng. Những người mang vũ khí làm nhiệm vụ phải biết mật khẩu quy định và phải trả lời chính xác khi gặp lực lượng tuần tra trong khu vực.

4. Công dân trong vùng dự án khi ra ngoài phải có giấy giới thiệu hoặc giấy ra vào do Trung đoàn cấp; Các lực lượng tham gia xây dựng vùng dự án phải thực hiện việc đăng kí người, phương tiện, trang thiết bị và phải chấp hành quy chế biên giới và mọi quy định của cơ quan chủ quản [68; tr.134].

Bên cạnh việc duy trì chế độ trực chỉ huy, trực ban, công tác tuần tra, rà soát các đối tượng tạm trú, tạm vắng, cư trú bất hợp pháp, bảo đảm an toàn khu vực đóng quân, khu dân cư cũng như khu vực sản xuất được các đơn vị tăng cường. Các binh đoàn chủ động phối hợp với cơ quan chức năng trong và ngoài quân đội để nắm chắc tình hình hoạt động của thế lực phản động, tăng cường các biện pháp giáo dục chính trị hiệu quả; xây dựng các phương án tác chiến, hợp đồng chiến đấu, công tác canh phòng với lực lượng vũ trang trên địa bàn.

Trong các đợt bạo loạn tháng 2 - 2002 và tháng 10 - 2004, tại các huyện Đức Cơ (Gia Lai), Ngọc Hồi (Kon Tum) các lực lượng phản động xúi dục, kích động, một số bà con dân tộc đòi lại đất, có cả diện tích đã trồng cao su, gây nên tình hình căng thẳng, phức tạp. Lúc giá cao su lên cao, lực lượng phản động đã kích động dụ dỗ đồng bào vào lô nhặt mủ đất, ngang nhiên bóc mủ tạp và đổ mủ nước, gây khó khăn trong công tác quản lý sản phẩm và ảnh hưởng trầm trọng đến an ninh địa bàn. Các công ty lập tức tổ chức lực lượng vận động bao gồm Bí thư Đảng Ủy, Phó Giám đốc chính trị xuống các điểm nóng gặp gỡ chính quyền, bà con; định hướng tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ; huy động lực lượng tự vệ bảo vệ vườn cây; vận động nhân dân không vượt biên, không biểu tình; giải quyết các vấn đề khi mới nhen nhóm ở thôn làng. Đồng thời, Binh đoàn 15 chủ động

điều hành Ban chỉ huy thống nhất cấp ủy, phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương, bộ đội biên phòng tăng cường tuần tra, ngăn chặn các hoạt động vượt biên và xâm nhập biên giới trái phép, thực hiện nghiêm lệnh của Bộ Tư lệnh Quân khu 5. Vì vậy, trong 120 làng bản của 24 xã Binh đoàn 15 đứng chân vẫn giữ vững sự ổn định, không có lao động, đồng bào tham gia bạo loạn.

Hai ngày 10 và 11 - 4 - 2004, ở huyện CưMga, huyện Krông Ana xảy ra những vụ gây rối trật tự mang tính bạo loạn chính trị, một số đối tượng phản động dụ dỗ, lôi kéo, dọa ép một số đồng bào dùng máy cày, công nông, mang theo gậy gộc, đất đá kéo vào trung tâm huyện lỵ đập phá, cướp bóc lương thực, thực phẩm, xô xát với nhân dân trong vùng và tấn công người thi hành công vụ. Nắm được tình hình, Bộ Tư lệnh Binh đoàn 16 chỉ đạo các trung đoàn tại các vùng dự án ở Đắk Lắk, Đắk Nông phối hợp chặt chẽ với Đảng bộ, chính quyền và lực lượng vũ trang địa phương tuyên truyền đối với hộ đồng bào các dân tộc, nhất là lực lượng thanh niên, làm cho đồng bào nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn chống phá gây mất ổn định của bọn phản động. Nhờ đó, tại các khu Kinh tế - Quốc phòng của Binh đoàn 16 không xảy ra tình trạng biểu tình, bạo loạn.

Nhìn chung, trong những năm 1996 - 2005, vượt qua nhiều thách thức, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng của quân đội ở Tây Nguyên đã tạo ra bước đột phá mới trong việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế kết hợp quốc phòng.

Về sản xuất, Binh đoàn 15 - Tổng Công ty 15 và nhiều đơn vị tại Bắc Tây Nguyên tiếp tục là những doanh nghiệp quân đội hoạt động hiệu quả. *“Tính đến năm 2004, Binh đoàn đầu tư trồng được 25.000 ha cao su, 2.500 ha cà phê, diện tích lúa nước 2 vụ: 90 ha. Tổng sản phẩm hàng năm đạt 6.458 tấn mùn cao su quy khô, 3.731 tấn cà phê nhân xô, 810 tấn thóc thô. Do sự phát triển bền vững, tính đến nay (2005) tổng doanh thu của Binh đoàn đạt 1.941 tỷ đồng, nộp ngân sách 178,6 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 92 tỷ đồng, lương bình quân của người lao động đạt 819.166 đồng/người/tháng...”* [67; tr.366].

Tại các cơ sở thuộc Binh đoàn 16 ở Nam Tây Nguyên, chủ trương tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình đã mang lại tác dụng “lấy ngắn nuôi dài”, các đơn vị ổn định, bước đầu đi vào sản xuất kinh doanh. Nổi bật như Trung đoàn 720, trong một thời gian ngắn (từ tháng 3 đến đầu tháng 9 - 2000), đã trồng mới được 140 ha cà phê, 4 ha hồ tiêu; đến năm 2002, diện tích khai hoang tăng

thêm 841 ha, trồng mới thêm 468,82 ha cà phê, 6 ha hồ tiêu, 250,5 ha điều cao sản. Trong 2 năm 2003 - 2004, Trung đoàn đã thu được 2.939,4 tấn sản phẩm (cà phê là 2.914 tấn, điều là 20 tấn, hồ tiêu 5 tấn), giá trị sản xuất đạt 23 tỷ đồng, nộp ngân sách 946 triệu đồng. Vùng dự án Kinh tế - Quốc phòng Ea Súp do đang còn phải giải quyết nhiều vấn đề nan giải nên chưa có hiệu quả kinh tế.

Về xây dựng các khu Kinh tế - Quốc phòng, đến năm 2005, Binh đoàn 15 đã xây dựng 6 khu Kinh tế - Quốc phòng tại các huyện Đức Cơ, Ia Grai, Chư Prông (Gia Lai), Ngọc Hồi, Sa Thầy (Kon Tum), Cư Mga (Đắk Lắk) cơ bản hoàn thiện, phát triển vững chắc về kinh tế, ổn định về chính trị trên địa bàn Bắc Tây Nguyên. Ở Nam Tây Nguyên, 2 khu Kinh tế - Quốc phòng Đắk Rlấp (Đắk Nông), Kinh tế - Quốc phòng Ea Súp (Đắk Lắk) của Binh đoàn 16, khu Kinh tế - Quốc phòng Quảng Sơn (Đắk Nông) của Công ty 53 (Binh đoàn 12) đã định hình, tạo nên diện mạo mới cho vùng biên giới Tây Nam. Tất cả các khu Kinh tế - Quốc phòng đều được bố trí dọc tuyến biên giới, gắn liền với vườn cây, các cụm dân cư và hệ thống cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm thống nhất tạo nên hành lang phòng thủ vững chắc, bảo vệ biên cương của Tổ quốc.

Là giai đoạn đẩy mạnh thực hiện định canh, định cư, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của người lao động, các công ty, trung đoàn đều tập trung phát triển kinh tế hộ gia đình làm chỗ dựa cho dân lập nghiệp kết hợp với hoạt động dân vận đúng hướng nên địa bàn của các đơn vị quản lý đều ổn định, ý thức giác ngộ chính trị của người lao động và đồng bào các dân tộc ngày càng được nâng cao. Đây là thành quả lớn nhất mà các đơn vị quân đội xây dựng kinh tế và các khu Kinh tế - Quốc phòng mang lại cho Tây Nguyên.

3.2. CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ - QUỐC PHÒNG ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC DÂN VẬN, ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT (2005 - 2013)

3.2.1. Sự thay đổi về cơ chế quản lý và tổ chức của các đơn vị quân đội kết hợp kinh tế với quốc phòng ở Tây Nguyên

Bất chấp sự thất bại, các thế lực thù địch ở Tây Nguyên vẫn tiếp tục tăng cường hoạt động, tổ chức cài cắm, phát triển lực lượng bằng các thủ đoạn ngày càng tinh vi hơn. Vấn đề này ảnh hưởng rất lớn đến an ninh quốc gia. Mặt khác, đói nghèo cùng những tập tục lạc hậu trong nhân dân đang dần được xóa bỏ, đời sống vật chất tinh thần của các buôn làng Tây Nguyên khởi sắc rõ rệt song vẫn

chưa theo kịp với sự phát triển chung của cả nước. Thực trạng đó đòi hỏi các đơn vị kinh tế của quân đội cũng cần phải điều chỉnh cách thức thực hiện nhiệm vụ và cải thiện năng lực sản xuất.

Đầu tháng 7 - 2005, Binh đoàn 15 chính thức trực thuộc Bộ Quốc phòng, Đảng bộ Binh đoàn cũng chuyển về trực thuộc Đảng ủy Quân sự Trung ương.

Ngày 1 - 7 - 2005, Công ty Cà phê 15 được điều chuyển về Quân khu 5, tiếp tục quản lý khu Kinh tế - Quốc phòng CưMga (Đắk Lắk) tách từ Tổng thể khu Kinh tế - Quốc phòng của Binh đoàn 15. Đến năm 2011, Công ty tiếp nhận Đoàn Kinh tế - Quốc phòng 53 (trước là Công ty 53 - Binh đoàn 12) cùng khu Kinh tế - Quốc phòng Quảng Sơn, hình thành thể đứng chân trên 12 xã của 7 huyện, thành phố thuộc 3 tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông.

Để ổn định vùng nội địa tiếp giáp giữa Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, ngày 2 - 12 - 2009, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 ra *Quyết định số 1661/QĐ-TL* điều động đoàn Kinh tế - Quốc phòng Bắc Lâm Đồng¹¹ về trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng “*nhằm thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc vừa xây dựng củng cố thế trận quốc phòng - an ninh vừa bảo vệ các địa bàn có lợi thế về quốc phòng*” [21; tr.709].

Từ năm 2008, một số công ty của Binh đoàn 15 phụ trách các dự án Kinh tế - Quốc phòng lớn trên địa bàn Bắc Tây Nguyên và Công ty Cà phê 15 của Quân khu 5 lần lượt chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên. Ngày 11 - 6 - 2009, Công ty 16 cũng chuyển sang hoạt động theo hình thức này. Ngày 4 - 11 - 2011, Bộ Quốc phòng ra *Quyết định số 4262/QĐ-BQP về việc chuyển Tổng Công ty 15 thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con*, với vốn điều lệ 3.500 tỷ đồng, là doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng - an ninh.

Như vậy, bước sang giai đoạn này, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên đã có một số thay đổi về mặt quản lý, mô hình quản lý kinh doanh. Binh đoàn 15 - Tổng Công ty 15 được Bộ Quốc phòng chọn để thí điểm xây dựng “bộ máy lưỡng dụng” kinh tế - quân sự. Những sự thay đổi này chủ

¹¹ Đoàn Kinh tế - Quốc phòng Lâm Đồng được thành lập từ năm 2003 theo Quyết định của Bộ Quốc phòng trực thuộc Công ty 7/5 - Bộ Quốc phòng và đóng quân tại xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, có nhiệm vụ xây dựng khu Kinh tế - Quốc phòng trên địa bàn 12 xã của các huyện Bảo Lâm, Lâm Hà, Đức Trọng.

yếu tạo điều kiện để các đơn vị cơ cấu lại bộ máy sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, tạo ra nguồn lực để tiếp tục mở rộng các khu Kinh tế - Quốc phòng.

Các khu Kinh tế - Quốc phòng đã định hình dọc biên giới từ Kon Tum cho đến Đắk Nông tiếp tục được mở rộng, nhằm giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội trên địa bàn, phát triển lực lượng giữ gìn an ninh địa bàn, tiếp tục di dân đến định cư các vùng trắng dân sâu trong nội địa ra đến biên giới.

3.2.2. Tháo gỡ những vướng mắc để phát triển kinh tế, tiếp tục giữ vững quốc phòng - an ninh trên địa bàn

Tại các khu Kinh tế - Quốc phòng có các doanh nghiệp quân đội đứng chân, duy trì sản xuất theo mô hình tập trung sản xuất gắn với chế biến và phát triển kinh tế hộ gia đình vẫn là hướng phát triển chủ yếu. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện của mỗi khu Kinh tế - Quốc phòng, các đơn vị có sự điều chỉnh riêng.

Ở Bắc Tây Nguyên, Binh đoàn 15 tiến hành thanh lý các vườn cây cao su 1984 - 1985, phối hợp với địa phương tiếp tục mở rộng diện tích cây trồng tại các vùng dự án. Binh đoàn chủ động tháo gỡ khó khăn cho các Công ty Bình Dương, 75, 78, dự án ở Ia Grai thoát khỏi tình trạng lở kéo dài, tiếp tục tiến độ được giao. Năm 2010, Binh đoàn xây dựng nhà máy chế biến cao su số 4 - Công ty 715, đầu tư xưởng chế biến cà phê xuất khẩu.

Mặt khác, dựa trên chính sách chung của Binh đoàn, các công ty có chính sách khoán, phát triển kinh tế hộ gia đình riêng cho địa bàn. Công ty 732 thực hiện khoán đối với lao động dân tộc Kinh từ 2,3 đến 2,5 ha/lao động, với người dân tộc thiểu số từ 1,9 đến 2,2 ha/lao động. Với các đội có cà phê, Công ty căn cứ vào diện tích cà phê để giảm cao su theo tỷ lệ thuận cho từng lao động. Năm 2008, Công ty tiến hành rà soát, lập quy hoạch khu dân cư, cấp cho 86 hộ công nhân chưa có đất ở, những trường hợp độc thân đang ở tập thể, ở nhà và những người đã lập gia đình nhưng vẫn ở chung để phát triển kinh tế hộ gia đình.

Để tiếp tục hỗ trợ hoạt động sản xuất chung của Binh đoàn, Công ty 711 đây nhận thầu những công trình có giá trị ngoài quân đội. Các Công ty 72, 732 mở rộng kinh doanh xăng dầu. Nhà máy vi sinh KOMIC giảm giá thành sản phẩm để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Ở Nam Tây Nguyên, thực hiện *Kết luận 390* của Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương, năm 2006, Binh đoàn 16 chuyển toàn bộ các dự án ở khu vực Bù Đăng

(Bình Phước), Đắc Nông, Ea Súp (Đắk Lắk) từ tổ chức sản xuất tập trung sang ưu tiên phát triển kinh tế hộ gia đình. Các trung đoàn đóng vai trò “bà đỡ” cho sản xuất của các hộ, làm dịch vụ 2 đầu cho dân. Đồng thời, Binh đoàn cũng đầu tư xây dựng các phân xưởng, nhà máy sơ chế cà phê, điều ở các khu vực Đắc Nông và Ea Súp.

Từ năm 2007, Binh đoàn 16 liên kết với các công ty ngoài quân đội như doanh nghiệp tư nhân Tân Mai, Phước Lộc Thọ, chuyển toàn bộ diện tích điều cao sản của các Trung đoàn 725, 736, 737, 739 sang trồng rừng nguyên liệu giấy (cây keo), cao su. Năm 2009, Trung đoàn 726 cũng khoanh vùng một số diện tích cao su không hiệu quả sang trồng rừng nguyên liệu giấy. Trung đoàn 720 mở rộng diện tích trồng lúa nước, từ năm 2010, chuyển một số diện tích điều, chè sang trồng cao su. Đồng thời, các trung đoàn cũng tiến hành quy hoạch lại vườn cây, xóa nợ, điều chỉnh mức khoán cho người lao động.

Sau khi điều chuyển về Quân khu 5, Công ty Cà phê 15 tiếp tục bám trụ với cây cà phê. Để vượt qua khó khăn về mặt tài chính, đơn vị thực hiện nhiều biện pháp huy động vốn, bỏ cấp nông trường, xây dựng 19 đội sản xuất trực thuộc. Năm 2009, Công ty tổ chức hợp tác với Công ty cổ phần FITO Hooc Môn mở xưởng sản xuất phân vi sinh. Năm 2010, sau khi tiếp nhận khu Kinh tế - Quốc phòng Quảng Sơn, Công ty mở rộng diện tích cây cà phê, ca cao, chè, hồ tiêu... cùng với tăng cường đầu tư vốn vào cơ sở hạ tầng, làm thủy lợi ở đây. Những biện pháp trên đã đưa hoạt động sản xuất của công ty ổn định trở lại.

Ở Lâm Đồng, đoàn Kinh tế - Quốc phòng Bắc Lâm Đồng tổ chức 3 đội sản xuất trồng cà phê ở các huyện Di Linh (2 xã), Lâm Hà (2 xã), Đam Rông (8 xã) với diện tích 118.800 ha thuộc vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn, là địa bàn sinh sống của 34 dân tộc với 1550 hộ. Các đội sản xuất vừa xây dựng vườn cây, vừa thực hiện chuyển giao công nghệ, giúp dân xóa đói giảm nghèo. Đến năm 2013, diện tích cây trồng của đoàn đã có 6,5 ha cà phê; 1,5 ha điều; 0,5 ha chuối; trồng mới 1.600 cây cà phê kết hợp khoanh nuôi bảo vệ 380 ha rừng. Đoàn còn đầu tư mở 1 cửa hàng xăng dầu để tăng thêm nguồn thu cho đơn vị.

Về chính trị - xã hội, mặc dù sản xuất gặp khó khăn, song các khu dân cư của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên lại có bước phát triển.

Thực hiện dự án *Tăng cường tri thức trẻ tình nguyện đến công tác tại các khu Kinh tế - Quốc phòng năm 2005* (gọi tắt là Chương trình 174), một lực

lượng lớn thanh niên trí thức trẻ đã có mặt tại các đoàn Kinh tế - Quốc phòng cùng cán bộ, chiến sĩ của các đội sản xuất trực tiếp giúp đỡ các hộ gia đình phát triển kinh tế - văn hoá và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở. Tại khu Kinh tế - Quốc phòng Lâm Đồng, các đội viên thanh niên trí thức trẻ đã giúp nhân dân dựng lại hàng chục ngôi nhà sau lũ quét tại xã Phi Liêng; áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, hướng dẫn cho dân ghép chồi cà phê (diện tích ban đầu 0,5 ha) và ủ phân vi sinh từ vỏ cây cà phê (sản lượng ban đầu được 1 tấn); tham gia nạo vét 6 km kênh mương; xây dựng thành công các mô hình vườn ươm cây keo tai tượng, trồng rau sạch tại đơn vị, tiến hành nhân rộng cho nhân dân vùng dự án... Sự có mặt của lực lượng trí thức trẻ có ý nghĩa thực tiễn rất lớn đối với các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng bổ sung nguồn lao động trẻ, có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, giúp đẩy nhanh tiến bộ và hiệu quả triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn khu Kinh tế - Quốc phòng, nhất là tại các đơn vị có quy mô nhỏ và mới thành lập như đoàn Bắc Lâm Đồng.

Ở Bắc Tây Nguyên, số lượng đội công nhân đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng tăng nhanh (Đội 11 của Công ty 74, Đội 13 của Công ty 75, Đội 711 của Công ty 72, làng Hle của Công ty Bình Dương... đều là người dân tộc; Đội 10, Đội 11 của Công ty 732 đa số là người dân tộc bản địa). Đây là cơ sở quan trọng làm xuất hiện những thôn bản của đồng bào dân tộc thiểu số có đời sống văn hóa tiêu biểu như làng Mới (Công ty 74), làng Nel (Công ty 75), làng Chang (Công ty 72)... là tín hiệu khả quan biểu hiện sự thay đổi của các khu dân cư biên giới.

Tại Nam Tây Nguyên, ở khu Kinh tế - Quốc phòng Ea Súp, 7 điểm sản xuất gắn với 7 đội của Trung đoàn 737 cùng với các cụm dân cư của đồng bào di dân hình thành nên 2 xã với 14 thôn mới, giao cho địa phương quản lý hành chính. Năm 2007, Trung đoàn 737 tiếp tục vận động 68 hộ với 568 nhân khẩu là đồng bào dân tộc thiểu số huyện Krông Ana định canh định cư, thu hút 145 đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ nhận khoán của đơn vị ở huyện Ea Súp. Đến năm 2013, khu Kinh tế - Quốc phòng Ea Súp đã hình thành 24 cụm điểm dân cư với tổng số 2.688 hộ với 12 nghìn nhân khẩu (trong đó có 6291 lao động của các đơn vị).

Khu Kinh tế - Quốc phòng Đắc Rlấp trở thành nơi sinh sống ổn định cho 2.099 hộ đồng bào tại chỗ và 1.748 hộ công nhân. Trung đoàn 720 đã thêm đưa 312 hộ đồng bào Mông, 414 hộ di cư tự do tái định cư, thu hút 374 lao động tại

chỗ và 454 hộ giao nhận khoán của đơn vị, thực hiện thành công công trình lúa nước cấp cho đồng bào Mông 600 m² /khẩu. Đây là thành quả rất đáng khích lệ trong bối cảnh Binh đoàn 16 đang gặp khó khăn khi phải vừa chuyển đổi phương thức sản xuất, vừa chuyển đổi giống cây trồng.

Nhờ những chính sách dân vận có hiệu quả, các cụm điểm dân cư ngày càng đông đúc hơn, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” được triển khai rộng khắp thông qua các hoạt động thường niên của Hội Phụ nữ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên một cách đồng bộ.

Phát triển mô hình “Gắn kết” ở giai đoạn này trở thành phong trào lớn, được thực hiện với yêu cầu rất chặt chẽ, đa dạng hơn về hình thức. Hoạt động dân vận này thực sự đã trở thành điểm tựa để giữ vững an ninh - chính trị tại các vùng dự án.

Không chỉ duy trì chế độ họp định kỳ, giữa cấp binh đoàn với tỉnh, huyện mà còn thành lập các Ban chỉ đạo thống nhất có sự tham gia của đại diện 2 bên nhằm nhanh chóng phối hợp, giải quyết các vấn đề nảy sinh trên địa bàn. Riêng Binh đoàn 15 đã thành lập Ban chỉ đạo thống nhất cấp huyện ở 2 địa bàn trọng điểm là Đức Cơ (2006) và Ia Grai (2007). Giữa cấp công ty, trung đoàn với các xã cũng ra đời các Tiểu ban chỉ đạo thống nhất với mục đích trên, điển hình như Trung đoàn 720 với chính quyền xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức (Đăk Nông).

Các Công ty, trung đoàn tiếp tục tạo mọi điều kiện để đội sản xuất kết nghĩa với buôn làng tại địa bàn đứng chân. Với phương châm “Hướng về đội sản xuất, thôn làng và từng hộ gia đình” nhiều điển hình kết nghĩa hiệu quả đã xuất hiện ở Công ty 72 (Đội 1, Đội 3, Đội 15, Đội 16). Năm 2007, Trung đoàn 725 cùng chính quyền đã tổ chức kết nghĩa Đội 1 với buôn Bana của đồng bào dân tộc tại xã Ia Lốp. Chính nhờ quá trình trao đổi làm việc với các buôn kết nghĩa, các đội sản xuất luôn nắm bắt tình hình để có những hành động giải quyết kịp thời, điển hình như Trung đoàn 737 đã xử lý nhanh chóng hiện tượng truyền đạo trái phép tại điểm dân cư đội sản xuất 7 - thôn 14 của đồng bào dân tộc Dao.

Mô hình “Gắn kết” ngày càng phát triển, đi sâu đến từng hộ gia đình - tế bào của xã hội. Tại Công ty 74, từ quá trình hướng dẫn các công đoạn kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác cao su mà hộ đồng bào Kpuih Vân ở làng Đo, xã Ia Dok cùng hộ công nhân Dương Văn Quyết ở thôn Ia Kênh, xã Ia Klai đã xây dựng mối đoàn kết mật thiết, giúp cho đời sống của 2 gia đình được nâng cao

đáng kể. Đây là nền tảng để Binh đoàn 15 sáng tạo nên mô hình “Gắn kết hộ”. Năm 2006, Binh đoàn 15 đưa mô hình này trở thành chủ trương dân vận trọng yếu với phương châm “Gắn kết hộ, giữa hộ công nhân là lao động người Kinh với hộ đồng bào dân tộc thiểu số”. Đến năm 2013, Binh đoàn 15 đã có 2.060 cặp hộ gắn kết, trong đó có không ít hộ đồng bào dân tộc thiểu số không phải là người lao động của Binh đoàn. Trung đoàn 737 của Binh đoàn 16 gây dựng kết nghĩa thành công với tổ 5 thôn 14 của xã Ia Rvê, buôn M’Tha xã Ea Rôk, từ đó gắn kết 25 hộ đồng bào dân tộc với các gia đình công nhân của trung đoàn.

“Gắn kết hộ” nhanh chóng được các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên học hỏi và nhân rộng. Mô hình này là điểm sáng dân vận *“đem lại thành công không chỉ trong phạm vi các cặp gia đình mà còn có ý nghĩa lớn trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh hiện nay”* [8; tr.181].

Ngoài ra, các binh đoàn, công ty còn tham gia các chương trình “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới”; phối hợp với Đài truyền hình Trung ương, truyền hình quân đội và địa phương làm phim tuyên truyền, tổ chức chiếu phim tại các làng xã biên giới; tổ chức các đoàn văn công trong và ngoài quân đội về phục vụ cho cán bộ, chiến sĩ người lao động và nhân dân trên địa bàn đứng chân; duy trì thường xuyên các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, tổ chức thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, ủng hộ kinh phí xây dựng nghĩa trang liệt sĩ, quỹ khuyến học, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo... Nổi bật như: Trung đoàn 720 tiếp nhận và nuôi dưỡng 5 cháu trẻ mồ côi dân tộc Mông ở Cư Mga về sinh sống trong cộng đồng dân cư thuộc vùng dự án Kinh tế - Quốc phòng của đơn vị. Đoàn Kinh tế - Quốc phòng Bắc Lâm Đồng dù còn nhiều khó khăn nhưng cũng đã cùng địa phương thường xuyên tổ chức khám, cấp thuốc cho nhân dân, hỗ trợ hơn 78 triệu đồng để xây dựng trường mẫu giáo tại vùng dự án. Năm 2005, Binh đoàn 16 cho xây dựng bệnh xá ở các trung đoàn, phục vụ khám chữa bệnh, cấp phát thuốc cho đồng bào dân tộc trên địa bàn đơn vị đứng chân.

Nhìn chung, công tác dân vận ở các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng Tây Nguyên giai đoạn này đã có sự thay đổi *“đúng hướng và phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, với nhiều nội dung, hình thức đa dạng, phong phú và đạt hiệu quả thiết thực, sát hợp với đặc thù, tình hình, nhiệm vụ của từng vùng dự án, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị trung tâm”* [95; tr.8]. Chính điều này đã tạo

ra sự đột phá vào mục tiêu ổn định đời sống vật chất, tinh thần của dân cư ở các khu Kinh tế - Quốc phòng, làm cơ sở để đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

Với quan điểm “bảo vệ Tổ quốc từ xa, từ sớm”, Bộ Quốc phòng tiếp tục chỉ đạo Binh đoàn 15 triển khai xây dựng một số dự án Kinh tế - Quốc phòng tại Nam Lào, Đông Bắc Campuchia.

Để thực hiện dự án Nam Lào, ngày 19 - 7 - 2006, Công ty Hợp tác quốc tế 385 (Đoàn 385) thành lập với nhiệm vụ: trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến, kinh doanh cây cao su, cà phê, lâm thổ sản; khoanh nuôi bảo vệ rừng; xây dựng cơ sở hạ tầng...; giúp Ban xây dựng các nông trường trồng cây công nghiệp dọc theo trục đường 18B từ biên giới Việt Nam đến tỉnh Champasack với diện tích khoảng 10.000 ha; thu hút lao động tại chỗ vào nông trường; tham gia xóa đói giảm nghèo cho nhân dân trong vùng dự án; làm dịch vụ 2 đầu và kinh doanh có lãi.

Ngày 16 - 3 - 2007, Đoàn 385 nhận thêm nhiệm vụ xây dựng cụm bản Văng Tắt, huyện Xản Xay (Áptapur) với mục tiêu: phát triển cơ sở hạ tầng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giúp dân xóa đói giảm nghèo, giữ vững trật tự an ninh trên tuyến biên giới Việt Nam - Lào.

Địa bàn của Đoàn 385 cùng nằm trên tỉnh Áptapur nhưng 2 vùng lại cách xa hàng trăm km. Ngôn ngữ bất đồng, phong tục, tập quán xa lạ, thủ tục xuất nhập cảnh, vận chuyển hàng hóa phục vụ đời sống và thực hiện nhiệm vụ đều không thuận lợi. Tính chất, đặc thù công việc của Đoàn tại 2 vùng lại khác nhau. Đặc biệt, dự án xây dựng cụm bản Văng Tắt gặp khó khăn hơn: địa hình vùng biên giới hiểm trở, cao 1.200 m so với mực nước biển, về mùa mưa thường bị chia cắt với các vùng phụ cận từ 1 đến 2 tháng, cơ sở hạ tầng yếu kém, dân trí thấp, tình hình an ninh phức tạp. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tư lệnh, linh hoạt áp dụng một số mô hình kinh tế, dân vận của Binh đoàn 15 tại Tây Nguyên, Đoàn 385 đã đạt được một số thành tựu đáng chú ý.

Sau khi hoàn thành các thủ tục giao đất, Đoàn bước đầu khai hoang, vận chuyển cây giống, phân bón từ Việt Nam sang để đầu tư mạnh vào cây cao su. Đến năm 2009, diện tích cao su của Đoàn là 737,7 ha cao su, cho thấy cây cao su Việt Nam hoàn toàn có khả năng phát triển tốt trên thổ nhưỡng của Lào. Bên cạnh đó, Đoàn còn khai hoang, vận chuyển giúp nhân dân Lào trồng 186 ha cây bờ lờ.

Đoàn đã tuyển lao động người Lào cùng tham gia trồng cao su. Đến năm 2009, có 500 lao động người Lào với mức lương trung bình 900.000 kíp/người (tương đương 1,8 triệu VNĐ) trong đội hình Đoàn 385. Đoàn 385 còn tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc cao su, cung cấp giống lúa, đậu cho hàng trăm đồng bào dân tộc Lào để trồng xen canh lương thực, cải thiện đời sống.

Ở Chămpasắc, 4 cụm bản dân cư đầu tiên được hình thành. Đoàn đã đầu tư 100 tỉ kíp (200 tỉ VNĐ) xây dựng các công trình giao thông với hơn 41 nghìn km đường miền núi, kênh mương, đập hồ, hệ thống cấp thoát nước sạch, nhà văn hóa, trường học, bệnh xá.

Bộ Tư lệnh Binh đoàn thường xuyên xây dựng mối quan hệ mật thiết với chính quyền tỉnh Áptapur. Hai bên gặp mặt, trao đổi về các vấn đề kinh tế, an ninh, xã hội thông quan việc tổ chức tham quan mô hình phát triển sản xuất của Binh đoàn 15 tại Tây Nguyên. Năm 2007 - 2008, Đoàn 385 tặng tỉnh Áptapur 40.000 cây giống xà cừ, 20 tấn gạo; tặng quà cho nhân dân và học sinh cụm bản Văng Tắt; tặng máy tính, bàn học, vô tuyến cho trường Dân tộc nội trú Áptapur; tổ chức khám chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí cho hàng nghìn lượt người dân.

Đối với dự án Đông Bắc Campuchia, ngày 9 - 10 - 2009, Binh đoàn giao cho Công ty 72 triển khai xây dựng dự án, cùng với một số đơn vị khác phối hợp thực hiện. Công ty 72 nhanh chóng tổ chức khảo sát, quy hoạch, lập dự án trồng cao su trồng mới 2.000 ha cao su, phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh Ratanakiri. Ngày 3 - 11 - 2009, Binh đoàn ra *Quyết định số 487/QĐ-TCT* chính thức giao cho Công ty 72 khảo sát thêm 5000 - 7000ha đất tại tỉnh Struntreng và Ratanakiri.

Ngày 20 - 10 - 2010, Đảng ủy Công ty 72 ra *Nghị quyết số 71-NQ/ĐUVề việc thực hiện nhiệm vụ hợp tác đầu tư phát triển cao su tại Campuchia* với nội dung chủ yếu: thành lập Ban chỉ đạo nhiệm vụ, tổ chức đội công tác sang trực tiếp làm việc với địa phương, các quân khu bạn để xây dự án; tiến hành khảo sát, quy hoạch lập dự án trên địa bàn các tỉnh thuộc Quân khu 1, Quân khu 5 của Campuchia với diện tích 5.000 - 7.000 ha; tổ chức nắm bắt, thâm nhập các đối tượng trong và ngoài quân đội trực tiếp là Quân khu 1, Quân khu 5 Quân đội Hoàng gia Campuchia; xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, hữu nghị với chính quyền, nhân dân địa phương và Quân đội Hoàng gia Campuchia; thường xuyên báo cáo mọi mặt với Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Binh đoàn tiến độ của dự án.

Ngày 5 - 11 - 2010, đoàn cán bộ đầu tiên của Công ty 72 lên đường sang khảo sát đất trồng tại huyện Đônmiá, tỉnh Ranatakini, chính thức mở đầu cho giai đoạn đầu tư vào Campuchia của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên.

Ngày 3 - 7 - 2011, Văn phòng đại diện Công ty 72 tại tỉnh Ratanakiri thành lập (theo *Quyết định số 2334/QĐ-BQP*); 3 ngày sau, Văn phòng đại diện của Binh đoàn 15 tại thủ đô Phnôm Pênh thành lập (theo *Quyết định 2406/QĐ-BQP*). Các văn phòng có nhiệm vụ trực tiếp làm việc với chính quyền các cấp của Campuchia để xúc tiến đầu tư và kinh doanh trên địa bàn được giao. Tiếp theo đó, ngày 24 - 6 - 2013, Bộ Quốc phòng ban hành loạt quyết định thành lập Chi nhánh Công ty 72, Chi nhánh Công ty 74, Chi nhánh Tổng Công ty 15 để trực tiếp làm nhiệm vụ trên vùng dự án ở Campuchia. Sau khi ổn định cơ cấu lãnh đạo, Công ty 74 thành lập 3 đội sản xuất (4K, 5K, 6K) bắt đầu thực hiện trồng cây cao su ở đất Campuchia, đưa dự án hợp tác Kinh tế - Quốc phòng ở Campuchia vào giai đoạn hiện thực.

Tại Nam Tây Nguyên, ngày 15 - 10 - 2012, Đảng uỷ Binh đoàn 16 đã thông qua *Nghị quyết lãnh đạo nhiệm vụ quý IV năm 2012* xác định thành lập một công ty mới làm nhiệm vụ ở Campuchia. Binh đoàn đã tích cực, chủ động phối hợp với các đối tác ở Campuchia khảo sát, chuẩn bị chuyển nhượng đất để xây dựng dự án Kinh tế - Quốc phòng tại Mundunkiri. Ngày 28 - 3 - 2013, Chi nhánh Công ty 16 Mundunkiri được thành lập. Ngày 10 - 6 - 2013, Đảng uỷ Binh đoàn đã ra *Nghị quyết số 9T/NQ-ĐU về chuyên đề lãnh đạo thực hiện dự án trồng công công nghiệp tại Campuchia*, nhằm đưa dự án trở thành bước vào giai đoạn hiện thực. Tuy nhiên, do sự phức tạp của vấn đề Campuchia, dự án đã chưa thể triển khai.

Các dự án hợp tác Kinh tế - Quốc phòng ở Lào và Campuchia đều là những dự án có ý nghĩa lớn và mục tiêu quan trọng về quốc phòng - an ninh, không đặt nặng vấn đề hiệu quả kinh tế, chủ yếu là để “*phát triển kinh tế xã hội trên các vùng trọng điểm chiến lược, góp phần đảm bảo quốc phòng - an ninh, không để các thế lực thù địch thâm nhập và tổ chức hoạt động phá hoại, giữ vững tuyến biên giới phen dậu của Tổ quốc và củng cố mối quan hệ truyền thống hữu nghị Việt Nam - Campuchia*” [92; tr.1]. Các dự án tại Campuchia triển khai chậm do tính chất và điều kiện địa bàn hết sức phức tạp. Tuy nhiên, các dự án này hết sức cần thiết đối với việc ổn định tình hình chính trị vùng biên giới nhạy cảm này.

Để hoàn thành nhiệm vụ quốc phòng trên một địa bàn chiến lược quan trọng, các đơn vị quân đội Kinh tế - Quốc phòng phải luôn duy trì trạng thái chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng.

Ngày 4 - 4 - 2006, Sư đoàn bộ binh dự bị động viên 16 trực thuộc Binh đoàn 16 được thành lập theo *Quyết định số 54/2006/QĐ-BQP*, có nhiệm vụ “*tổ chức, quản lý, huấn luyện các đơn vị dự bị động viên trực thuộc trong thời bình và thời chiến, đảm nhiệm trên địa bàn Tây Nguyên. Phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương, bộ đội biên phòng bảo vệ vững chắc địa bàn, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong khu vực, tổ chức chống bạo loạn lật đổ, bảo vệ các mục tiêu trọng yếu được giao... Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là chính sách dân tộc và tôn giáo của Đảng và Nhà nước...*” [69; tr.46]. Tổ chức biên chế của Sư đoàn gồm: Ban Chỉ huy; các Phòng, Ban chuyên môn, nghiệp vụ; Trung đoàn 1, Trung đoàn 2, Trung đoàn 3 và các phân đội trực thuộc.

Ngày 7 - 4 - 2006, Trung đoàn Bộ binh 72/KTT của Binh đoàn 15 đảm đương thêm nhiệm vụ “*quản lý dân quân dự bị và các phương tiện kỹ thuật dự bị động viên của tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk và Đắk Nông. Tổ chức động viên huấn luyện trong thời bình, khi có chiến tranh động viên lực lượng, phương tiện kỹ thuật phục vụ chiến đấu và trực tiếp tham gia chiến đấu trên các chiến trường theo mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng*” [66; tr.430]. Đến ngày 5 - 6 - 2010, dựa trên tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của Trung đoàn BB72/KTT, Sư đoàn dự bị động viên 15 chính thức thành lập, là đơn vị thường trực sẵn sàng chiến đấu của Binh đoàn 15 trực tiếp đứng chân tại vùng sâu vùng xa, sát biên giới Việt Nam - Campuchia.

Với đặc thù đơn vị, đoàn Kinh tế - Quốc phòng Bắc Lâm Đồng duy trì khung thường trực với 49 chiến sĩ (trong đó có 16 sĩ quan, 30 quân nhân chuyên nghiệp, 3 hạ sĩ quan). Lực lượng chiến sĩ tại các đội sản xuất cũng là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp để đảm bảo tình trạng sẵn sàng chiến đấu.

Đối với lực lượng tự vệ, nhờ làm tốt công tác giáo dục, huấn luyện, quản lý chặt chẽ, chính vì vậy mà hoạt động của lực lượng này tại các đơn vị “*đã thực sự là nòng cốt trong các hoạt động tác chiến trị an; phối hợp hoạt động của cấp ủy, chính quyền địa phương và các lực lượng vũ trang bảo vệ an ninh chính trị,*

trật tự, an toàn xã hội, an ninh biên giới, bảo vệ tài sản của Nhà nước, quân đội, tính mạng và tài sản của nhân dân” [68, tr.44].

Tại Binh đoàn 15, các đội sản xuất đều có lực lượng vừa dự bị vừa tự vệ sẵn sàng làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh trên địa bàn.

Lực lượng tự vệ cũng được thành lập tại các đơn vị của Binh đoàn 16: Đại đội 2 - Nông trường 720; Đại đội 3 - Nông trường 726; Đại đội 4 - Xí nghiệp 736; Đại đội 5 - Xí nghiệp 737; Đại đội 6 - Xí nghiệp 739. Các đại đội tự vệ có nhiệm vụ: *“Sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc bảo vệ địa phương, cơ sở. Phối hợp với các lực lượng bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của nhân dân, của Nhà nước trên địa bàn... Vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước...” [69; tr. 48].*

Trên cơ sở Đại đội tự vệ 75 và Đại đội 5 (thành lập từ năm 1992), Công ty Cà phê 15 xây dựng ba đại đội tự vệ trực thuộc, làm nòng cốt cho việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Mỗi đội sản xuất là một tiểu đội tự vệ tham gia trực chiến, sẵn sàng chiến đấu.

Các đơn vị đều đặn thực hiện trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu ở các cấp; quản lý chặt chẽ đối tượng đối tác hợp tác kinh doanh, không để địch cài cắm, móc nối, chống phá; phối hợp với bộ đội biên phòng tuần tra canh gác, chống vượt biên, xâm nhập biên giới trái phép; cùng với lực lượng công an quản lý, kiểm tra nhân khẩu, hộ khẩu, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn đứng chân. Trong cuộc bầu cử Quốc hội khóa XII ở Tây Nguyên, nhờ xây dựng kế hoạch tác chiến cho từng cấp, nên không có hiện tượng biểu tình, bạo loạn xảy ra trên địa bàn đứng chân của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng

Giai đoạn 2005 - 2013, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên đã cơ bản hoàn thiện về tổ chức và phương thức thực hiện các nội dung trong nhiệm vụ được giao. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, công tác dân vận trở thành phương thức chủ đạo, nổi bật với những sáng tạo, đổi mới, có ý nghĩa lớn đối với việc phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh. Nhờ đó, đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sĩ, người lao động và nhân dân trên địa bàn tiếp tục được cải thiện rõ rệt, thu nhập ngày càng cao, là nhân tố

quan trọng đảm bảo cho sự ổn định của các khu Kinh tế - Quốc phòng cũng như việc giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn Tây Nguyên và tuyến biên giới quốc gia.

Hệ thống khu Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên ổn định là nhân tố tác động tích cực đến tình hình kinh tế - xã hội, an ninh chính trị của địa phương nói riêng và chiến lược kinh tế kết hợp quốc phòng trong cả nước nói chung. Đây là cơ sở để các đơn vị quân đội Kinh tế - Quốc phòng bước vào giai đoạn hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên.

3.3. MỘT SỐ MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ GẮN VỚI QUỐC PHÒNG - AN NINH Ở TÂY NGUYÊN

Quân đội tham gia sản xuất kinh tế không phải là hiện tượng mới trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam. Trải qua gần nửa thế kỷ đảm nhận nhiệm vụ chiến lược trên vùng đất chiến lược, các đơn vị quân đội Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên đã có nhiều cách thức để thích nghi, vững vàng bám trụ và đáp ứng những yêu cầu nhiệm vụ đặt ra theo từng giai đoạn, từ đó hình thành nên một số nét đặc thù để thực hiện phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh. Trong đó, nổi bật nhất là thiết chế Binh đoàn - Tổng Công ty, khu Kinh tế - Quốc phòng và mô hình dân vận “Gắn kết”.

3.3.1. Mô hình Binh đoàn - Tổng Công ty

Ở Tây Nguyên, số lượng đơn vị quân đội tham gia phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng khá đông đảo, tổ chức ở nhiều quy mô khác nhau, với những loại hình đa dạng. Trong đó, Binh đoàn 15 - Tổng Công ty 15, Binh đoàn 16 - Công ty 16 là những đơn vị Kinh tế - Quốc phòng chủ lực của Bộ Quốc phòng. Đến năm 2013, quy mô tổ chức của các đơn vị này đã phát triển đến tầm cao, đứng chân ổn định trên địa bàn rộng lớn, trở thành hình mẫu của quân đội tham gia phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh tại vùng chiến lược. Thiết chế vận hành này nổi bật lên những vấn đề sau:

Về tổ chức bộ máy, ở cấp Binh đoàn - Tổng Công ty các đơn vị xây dựng một bộ máy thống nhất về quân sự và sản xuất đảm nhiệm song song nhiệm vụ trên 2 lĩnh vực kinh tế và quốc phòng.

Xét về tổ chức quân sự, Binh đoàn 15 và Binh đoàn 16 là cấp tổ chức cao nhất của lực lượng quân đội xây dựng kinh tế (tương đương với quân đoàn). Đội

hình Binh đoàn biên chế nhiều đơn vị từ cấp đại đội đến cấp sư đoàn, đảm nhận các nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu.

Lực lượng sản xuất tại các binh đoàn chủ yếu biên chế theo quy mô sư đoàn, trung đoàn. Các đơn vị sản xuất tồn tại độc lập với nhau, cùng cấp, cùng nhiệm vụ nhưng đóng quân ở các địa bàn khác nhau. Cán bộ, chiến sĩ thuộc các đơn vị này là người lao động trực tiếp tham gia sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, chăm sóc khai thác rừng, xây dựng, chế biến nông sản, làm công tác dân vận. Mặt khác, họ cũng là những chiến sĩ thuộc Đại đội tự vệ của Công ty, thường xuyên được huấn luyện chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ địa bàn.

Trực tiếp làm nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu là lực lượng dự bị động viên của các binh đoàn, có thời điểm tổ chức thành sư đoàn bộ binh chính quy với khung thường trực là sĩ quan chuyên nghiệp. Các đơn vị này chuyên trách nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu cho cán bộ, công nhân trong toàn binh đoàn và lực lượng tự vệ của địa phương. Các đơn vị dự bị động viên có khả năng hợp đồng chiến đấu với các lực lượng vũ trang trên địa bàn, dưới sự chỉ đạo của các cơ quan chức năng hoàn thành nhiệm vụ an ninh - quốc phòng được giao.

Trụ sở của các đơn vị được xây dựng theo chuẩn doanh trại quân đội, có chế độ trực ban, trực chiến, trực chỉ huy... có kế hoạch chiến đấu hàng năm, trong nhiều tình huống, tham gia tập huấn quân sự với địa phương, quân khu, được trang bị vũ khí theo tiêu chuẩn, tuân thủ kỷ luật quân đội hết sức nghiêm ngặt.

Xét về tổ chức kinh tế, Binh đoàn 15 và Binh đoàn 16 là các doanh nghiệp quân đội, thực hiện hạch toán độc lập, tùy thuộc vào tình chất nhiệm vụ, các đơn vị được xây dựng theo mô hình Tổng Công ty hoặc Công ty.

Bộ máy Tổng Công ty 15 là mô hình quản lý lớn về mặt kinh tế, bao gồm nhiều công ty có quy mô cùng hoạt động trên lĩnh vực nông nghiệp, trong đó quyền chi phối, điều hành thuộc về Tổng Công ty 15. Tổng Công ty 15 đưa ra chỉ tiêu kế hoạch, các công ty tổ chức điều hành, thực hiện trong toàn đơn vị theo từng tháng, quý, cả năm. Hàng năm tiến hành kiểm tra, nghiệm thu, thanh toán. Các kế hoạch có thể thay đổi phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ.

Các đơn vị trực tiếp sản xuất (Công ty 72, 73, 74, 732, 75, 715,...) thuộc Tổng Công ty 15 cũng là doanh nghiệp quân đội, có pháp nhân kinh tế hoạt động độc lập nhưng vẫn duy trì sự quản lý thống nhất tập trung của Tổng Công ty. Những công

ty này đảm đương nhiều dự án Kinh tế - Quốc phòng lớn, gắn bó lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, nhằm nâng cao sức cạnh tranh trong sản xuất kinh doanh.

Mặc dù tổ chức quân sự tương đương nhưng do quy mô sản xuất chưa lớn, đặc thù nhiệm vụ quốc phòng hết sức nặng nề nên Binh đoàn 16 hoạt động dưới dạng mô hình kinh doanh Công ty với các đơn vị sản xuất là các nông trường, xí nghiệp quốc doanh. Đây là các hình thức phát triển trung gian thời kì chuyển đổi từ bao cấp sang hạch toán, ưu điểm của các hình thức này là phù hợp với địa bàn biên giới, phù hợp với ngành nghề mà các đơn vị tham gia. Việc áp dụng mô hình này cho thấy hoạt động của Binh đoàn 16 nói chung và các trung đoàn đứng chân trên địa bàn Nam Tây Nguyên chưa đặt nặng vấn đề hiệu quả kinh tế.

Bên cạnh đó, vẫn có một số đơn vị hạch toán phụ thuộc như các nhà máy chế biến, đoàn Kinh tế - Quốc phòng,... Dù hạch toán phụ thuộc hay độc lập đều chịu sự lãnh đạo trực tiếp và chi phối hoạt động của Tổng công ty, Công ty.

Hai tổ chức trên có trách nhiệm riêng biệt, nhưng lại được đặt một cách đan xen, lồng ghép trong một thực thể. Tổng công ty 15 - Binh đoàn 15, Công ty 16 - Binh đoàn 16 là một tổ chức thống nhất, trong đó, đội hình quân sự làm nòng cốt, tất cả các hoạt động đều tuân thủ chặt chẽ “kỷ luật thép” của quân đội, khi có mệnh lệnh sẽ hoàn toàn trở thành đơn vị vũ trang chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Pháp nhân kinh tế chỉ dùng trong giao dịch với đối tác trong sản xuất kinh doanh.

Bộ máy lãnh đạo cấp Binh đoàn - Tổng Công ty gồm: Tư lệnh Binh đoàn kiêm Tổng giám đốc, Phó tư lệnh kiêm Chính ủy, các đơn vị trực thuộc chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Bộ Tư lệnh Binh đoàn. Phòng chính trị, phòng tham mưu - các cơ quan đặc thù của quân đội định hướng toàn bộ hoạt động; bên cạnh đó còn một số phòng ban như kế toán, tiền lương làm nhiệm vụ hạch toán về mặt kinh tế, phòng kỹ thuật chỉ đạo các kế hoạch sản xuất. Các phòng ban phụ trách 1 mảng công việc khác nhau. Tương tự, bộ máy ở công ty cũng tổ chức như trên.

Đội sản xuất là bộ phận thể hiện rõ sự thống nhất, tính lưỡng dụng của bộ máy này; thể hiện sự giữ gìn, phát huy 3 chức năng thuộc về bản chất truyền thống của Quân đội Nhân dân Việt Nam - “Đội quân chiến đấu, Đội quân công tác, Đội quân sản xuất”. Cán bộ, chiến sĩ ở đội sản xuất là quân nhân trong thời chiến, nay trong thời bình vừa lao động trên mặt trận kinh tế, vừa làm công tác dân vận, chính là sự tiếp nối của chính sách “Ngụ binh ư nông” thời kì hiện đại.

Về tổ chức sản xuất, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên đều sản xuất tập trung kết hợp phát triển kinh tế hộ gia đình. Trong đó, Binh đoàn 15 đã hình thành mô hình: Tổng Công ty - Công ty - Đội sản xuất - Hộ gia đình, tạo ra sự gắn bó chặt chẽ giữa kinh tế tập thể và kinh tế hộ gia đình.

Kinh tế tập thể là hoạt động sản xuất tập trung, bao gồm tất cả hoạt động kinh doanh cấp Tổng Công ty, Công ty theo quy định của Bộ Quốc phòng. Đây là hình thức sản xuất đã được các đơn vị quân đội chuyên xây dựng kinh tế sử dụng để xây dựng các nông - lâm trường ở Tây Nguyên thời kì trước Đổi mới. Tuy nhiên, do sự chi phối của các điều kiện lịch sử, phương hướng sản xuất dàn trải, không có trọng tâm nên lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế thời kì đó chưa phát huy được hết tiềm năng đất đai, con người, chưa thể tạo ra sức mạnh kinh tế thực sự cho các đơn vị.

Ngay trong giai đoạn đầu mới thành lập, hoạt động sản xuất tập trung của Binh đoàn 15 có 2 nội dung chủ đạo: một là, đầu tư có chiều sâu cho hoạt động chăm sóc, khai thác, chế biến cao su, với mục tiêu thu về lợi nhuận thực tế; hai là, chú trọng xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông vận tải đủ sức phục vụ yêu cầu sản xuất, nhu cầu dân sinh vừa đáp ứng yêu cầu về quốc phòng - an ninh, đảm bảo sự tồn tại lâu dài, có tính lưỡng dụng cao.

Các vườn cây được xây dựng liên hoàn với các làng công nhân trở thành các cụm, điểm dân cư mới, được bố trí xen kẽ, hòa mình vào các làng bản của đồng bào dân tộc tại chỗ, kết hợp với đầu tư mạnh vào cơ sở hạ tầng “điện đường trường trạm” tạo nên các khu dân cư lớn, hình thành tuyến biên giới “mềm” trên vùng phen dậu. Dân cư ở đây vừa lao động sản xuất vừa sinh sống tập trung, là điều kiện để cùng chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, xây đắp tình đoàn kết trong cộng đồng, nâng cao ý thức bảo vệ thành quả lao động của gia đình và đơn vị, góp phần tạo nên hình ảnh một vùng biên nhộn nhịp, phát triển.

Lợi ích kinh tế tập thể không chỉ đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất mà quan trọng đó là động lực để đơn vị thu hút lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ chiến sĩ, đồng bào địa phương. Có một thực tế là Tổng Công ty 15 và Tổng Công ty Cao su Việt Nam cùng kinh doanh trên 1 địa bàn, cùng sản xuất sản phẩm cao su nhưng Tổng Công ty 15 cũng như các đơn vị thành viên đều chi trả các khoản bảo hiểm, các khoản phụ cấp quốc phòng - an

ninh, trách nhiệm độc hại cho các lực lượng phục vụ, nhất là ưu tiên toàn bộ cho đồng bào dân tộc thiểu số còn Tổng Công ty Cao su thì không. Năng lực kinh tế còn là điều kiện để Binh đoàn chủ động triển khai xây dựng, đầu tư các dự án Kinh tế - Quốc phòng; là cơ sở để thực hiện các chính sách xóa đói giảm nghèo và nâng cao năng lực phòng thủ quốc phòng của đơn vị và địa phương.

Kinh tế hộ gia đình ra đời với mục tiêu lấy ngắn nuôi dài, đáp ứng nhu cầu tự túc một phần lương thực để bám trụ với cây công nghiệp. Trong quá trình phát triển, thấy được tiềm năng của kinh tế hộ gia đình, Binh đoàn 15 đã xây dựng thành hướng sản xuất lớn. Dưới sự hướng dẫn của cán bộ, các gia đình sau khi nhận đất lựa chọn giống cây, mô hình thích hợp (chủ yếu là VACR), tạo thành một hệ thống sản xuất trên mảnh đất thuộc quyền sở hữu của mình. Binh đoàn và các công ty, trung đoàn có vai trò “bà đỡ” giúp dân làm kinh tế hộ trên mọi mặt từ vay vốn, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp phân bón cho đến làm dịch vụ 2 đầu. Lợi ích từ kinh tế hộ gia đình hoàn toàn thuộc về người dân, chính vì vậy có tác dụng rất lớn trong việc nâng cao đời sống vật chất của người dân. Gia đình trở thành đơn vị sản xuất nhỏ nhất, gắn bó chặt chẽ với đơn vị, là cơ sở để xây dựng ý thức quốc phòng cho người dân với quyết tâm bảo vệ mảnh đất mình đang sống, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Quân đội.

Hoạt động tập trung sản xuất của Tổng Công ty, các công ty đưa đến hiệu quả kinh tế lớn, vừa phục vụ trực tiếp cho quốc phòng, vừa có ý nghĩa rất lớn với sự tồn tại của đơn vị. Kinh tế hộ gia đình là phương thức tốt nhất để khai thác tối đa tiềm năng tài nguyên, nguồn nhân lực cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững và lâu dài của địa phương nơi các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng đứng chân.

Mô hình Tổng Công ty - Công ty - Đội sản xuất - Hộ gia đình của Binh đoàn 15 tạo ra sự gắn bó chặt chẽ giữa kinh tế chính và kinh tế phụ “*giúp cho mỗi người dân, mỗi cơ sở điều kiện để tổ chức sản xuất trên diện tích đất đai mình quản lý, sử dụng hết lao động hiện có trong từng hộ, từng đơn vị để tạo thêm nhiều sản phẩm hàng hóa nâng cao đời sống của dân cư*” [49; tr.4].

Trong lực lượng quân đội đảm nhận nhiệm vụ phát triển kinh tế - quốc phòng hiện nay, chỉ có các đơn vị ở Tây Nguyên mới tổ chức hoạt động sản xuất tập trung kết hợp phát triển kinh tế hộ gia đình, lợi ích kinh tế gắn liền với việc xây dựng, quản lý địa bàn. Bởi vậy có thể xem đây là đặc thù sản xuất, điểm mới

trong cách thức quân đội thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh ở các địa bàn chiến lược, biên giới.

Về loại hình, các đơn vị vừa là các doanh nghiệp quân đội vừa là các binh đoàn Kinh tế - Quốc phòng.

Trong chủ trương Đảng và Nhà nước hiện nay, quân đội xây dựng kinh tế theo 3 loại hình: doanh nghiệp quân đội, đoàn Kinh tế - Quốc phòng và các đơn vị thường trực tăng gia sản xuất. Ở mỗi loại hình, mục tiêu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đặt ra và cách thức tổ chức bộ máy ở những mức độ khác nhau. Trong đó, loại hình doanh nghiệp quân đội và đoàn Kinh tế - Quốc phòng lại được phân chia thành nhiều dạng khác nhau để đảm nhận những nhiệm vụ cụ thể hơn.

Các đơn vị quân đội thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế kết hợp củng cố quốc phòng ở Tây Nguyên đã vận dụng cả 3 loại hình trên vào cách thức tổ chức của mình, để nâng cao hiệu quả nhiệm vụ được giao, tận dụng tối đa mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở tại địa bàn. Binh đoàn 15, Binh đoàn 16 đều là các doanh nghiệp quân đội thuộc loại hình doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng, đồng thời cũng trực tiếp xây dựng, quản lý các khu Kinh tế - Quốc phòng lớn ở Tây Nguyên thông qua các đơn vị sản xuất cũng là các doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng hoặc là các trung đoàn Kinh tế - Quốc phòng. Sư đoàn dự bị động viên trực thuộc Binh đoàn 15, 16 là các đơn vị thường trực, nhiệm vụ chính là huấn luyện, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, nhưng luôn dành thời gian thích hợp để tham gia lao động sản xuất, tự túc một phần lương thực.

Cùng tổ chức 3 loại hình nhưng ở Binh đoàn 15 và Binh đoàn 16 có sự khác nhau về cách vận dụng các loại hình nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trên những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội - chính trị khác nhau.

Binh đoàn 15 - Tổng Công ty 15 nhấn mạnh hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp, đặt ra yêu cầu phải có lợi nhuận, lấy sức mạnh kinh tế để giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội, an ninh - quốc phòng. Cùng hoạt động theo thiết chế Binh đoàn - Tổng Công ty trong lực lượng quân đội xây dựng kinh tế hiện nay còn có các đơn vị Binh đoàn 11 - Tổng Công ty Thành An, Binh đoàn 12 - Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn, Binh đoàn 18 - Tổng công ty Hải Âu, tuy nhiên Binh đoàn 15 - Tổng Công ty 15 là đơn vị duy nhất có đội hình sử dụng đầy đủ tất cả loại hình quân đội tham gia phát triển kinh tế theo chủ trương

của Đảng, Nhà nước và cách tổ chức hoạt động cũng phải bao quát nhiều mặt từ kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá đến quốc phòng - an ninh để tạo thế chiến lược cho địa bàn đứng chân. Đến nay, Binh đoàn 15 vẫn là hình mẫu của việc quân đội sản xuất, kinh doanh có hiệu quả gắn với địa bàn đặc thù. Mô hình của Binh đoàn 15 đã được rút kinh nghiệm và đang triển khai nhân rộng ở các Quân khu 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9, bước đầu thu được nhiều kết quả khả quan.

Ra đời muộn, có sự kế thừa mô hình của Binh đoàn 15, nhưng Binh đoàn 16 chú trọng xây dựng các khu Kinh tế - Quốc phòng do trung đoàn quân sự đứng chân. Thiết chế Binh đoàn - Công ty ở Binh đoàn 16 tạo ra trên cơ sở Đảng và Nhà nước đã cân đối, đánh giá tiềm năng thế mạnh của vùng đất này so với Bắc Tây Nguyên, để đơn vị vẫn có sự chủ động kinh doanh vừa sản xuất duy trì lực lượng, vừa đủ sức tác chiến đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ quốc phòng trên các địa bàn chiến lược Đây là tiền đề để Đảng xây dựng nhiều dự án kinh tế kết hợp với quốc phòng ở những địa bàn có ít điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế như dự án Mẫu Sơn (Quân khu 1); Mường Chà, Mường Tè (Quân khu 2)...

Nhìn chung, thiết chế Binh đoàn - Tổng Công ty (Công ty) có tính linh hoạt cao, phù hợp với đơn vị quân đội ở tất cả các mức tổ chức quân sự và kinh tế. Tùy vào tiềm năng và yêu cầu của địa bàn để chọn lọc sử dụng các yếu tố của thiết chế nhằm tăng cường tích lũy, phát triển quy mô sản xuất hiệu quả trên các vùng chiến lược. Điển hình như Công ty Cà phê 15 (tương đương sư đoàn), đây là đơn vị tách ra từ Binh đoàn 15, sau khi được điều động về Quân khu 5 vẫn tiếp tục duy trì, phát triển theo mô hình của Binh đoàn 15, đến nay công ty vẫn đảm bảo hoàn thành chức năng của doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng, mặt khác, xây dựng khá hiệu quả 2 khu Kinh tế - Quốc phòng CưMga và Quảng Sơn.

Vấn đề cần được chú ý nhất, quyết định đến sự tồn tại của đơn vị Kinh tế - Quốc phòng xây dựng theo mô hình trên là phải chọn lựa đúng đắn phương thức sản xuất. Dù sản xuất tập trung hay kinh tế hộ gia đình thì cũng phải giúp cho nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc địa phương biết làm kinh tế vượt qua đói nghèo, có được sự no ấm, hạnh phúc, lấy lợi ích kinh tế làm động lực để người dân bám trụ với địa bàn. Chỉ khi kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, thì mới có thể xây dựng và củng cố vững chắc được “thế trận lòng dân”.

Mô hình quân đội phát triển kinh tế kết hợp quốc phòng ở Tây Nguyên được tạo dựng trên cơ sở đặc điểm địa bàn, đã kiểm nghiệm thông qua trình “vừa làm vừa rút kinh nghiệm” của Binh đoàn 15, Binh đoàn 16 và đang tiếp tục được hoàn thiện. Từ mô hình này, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên đang dần thay đổi nhận thức về nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh ở địa bàn chiến lược, biên giới, hải đảo vùng sâu, vùng xa. Mặt khác, mô hình cũng khẳng định được sức mạnh và vai trò chiến lược của quân đội trong mặt trận sản xuất kinh tế, xây dựng đất nước.

3.3.2. Mô hình khu Kinh tế - Quốc phòng Tây Nguyên

Theo *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Khu Kinh tế - Quốc phòng là “vùng lãnh thổ và dân cư thuộc các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa trên địa bàn chiến lược, biên giới, ven biển, được đầu tư xây dựng phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh theo Quyết định số 277/QĐ - TTg ngày 31 - 3 - 2000 của Thủ tướng Chính phủ; do quân đội đảm nhiệm, lấy đơn vị Kinh tế - Quốc phòng làm nòng cốt. [56; tr.568].

Chủ trương xây dựng các khu Kinh tế - Quốc phòng của Đảng, Nhà nước trong giai đoạn đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước là sự tiếp nối truyền thống “ngụ binh ư nông”, “động vi binh, tĩnh vi dân”..., đặc biệt là chính sách đồn điền của các triều đại phong kiến Việt Nam.

Mô hình khu Kinh tế - Quốc phòng chính thức ra đời năm 1998. Đến năm 2013, cả nước đã xây dựng 22 khu Kinh tế - Quốc phòng với nhiều quy mô khác nhau, trên địa bàn 1000 xã (trong tổng số 2612 xã) thuộc diện nghèo đói của cả nước, điển hình như khu kinh tế - quốc phòng Bắc Lâm Đồng bao gồm các xã thuộc diện “nghèo đói bền vững” hàng đầu của cả nước.

Tây Nguyên là nơi mô hình này xuất hiện sớm nhất trong cả nước, là cơ sở để nhân rộng ra nhiều địa bàn chiến lược Đông Bắc, Tây Bắc và Tây Nam Bộ, vậy nên từ nghiên cứu các khu Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên có thể rút ra một số nét đặc trưng chung của mô hình này như sau:

Các khu Kinh tế - Quốc phòng đặt ra mục tiêu phát triển về kinh tế ở những nơi thuộc vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có địa hình hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt, cơ sở hạ tầng kém phát triển, là địa bàn sinh sống chủ yếu của đồng bào dân tộc thiểu số. Ở các địa bàn này, trình độ dân trí thấp, sản xuất phụ thuộc

vào điều kiện tự nhiên nên đời sống của bà con ở đây rất cực khổ, tỉ lệ đói nghèo cao, phong tục tập quán lạc hậu. Không chỉ vậy, địa bàn có các khu Kinh tế - Quốc phòng còn là những vị trí mang tính chiến lược về quốc phòng, nhạy cảm về chính trị. Tại đây, các thế lực thù địch không ngừng lợi dụng sự nghèo đói của đồng bào, các vấn đề dân tộc, tôn giáo, âm mưu sử dụng chiến lược “Diễn biến hòa bình” tạo nên sự mất ổn định, chống phá cách mạng Việt Nam.

Ngoại trừ một vài khu Kinh tế - Quốc phòng nằm ven biển, đa số các khu Kinh tế - Quốc phòng đều phát triển nông - lâm nghiệp. Đối với lĩnh vực kinh tế này, tài nguyên đất được coi là điều kiện cơ bản, tuy nhiên thực tế đất đai để xây dựng khu Kinh tế - Quốc phòng chủ yếu là các vùng đất trống, đồi núi trọc, rừng nghèo kiệt. Để được cấp đất, các đơn vị quân đội phải có sự cho phép của Nhà nước, địa phương; đất phải cấp thành nhiều lần, qua nhiều giai đoạn. Điều này dẫn đến đất đai trở thành vấn đề nan giải của các khu Kinh tế - Quốc phòng, tạo nên nhiều khó khăn để phát triển kinh tế, nhất là làm tình trạng thiếu đất sản xuất cho nhân dân, đặc biệt là dân di cư diễn ra khá phổ biến.

Khu Kinh tế - Quốc phòng được tạo dựng trong sự gắn bó hết sức chặt chẽ với người dân, bao gồm cả nhân dân địa phương và dân di cư. Một số khu Kinh tế - Quốc phòng được xây dựng ở những địa bàn trắng dân, như huyện Ea Súp (Đắk Lắk). Đối với các nơi này thì vấn đề đặt ra hàng đầu là phải đưa dân đến đây sinh sống ổn định, bám trụ lâu dài, xây dựng thành các điểm, cụm dân cư, từ đó quy hoạch để hình thành các đơn vị hành chính cơ sở mới cho địa phương.

Các khu Kinh tế - Quốc phòng trong cả nước đều do Bộ Quốc phòng làm chủ đầu tư, các đơn vị quân đội trực tiếp đóng quân ở khu vực được giao *“nhiệm vụ làm chỗ dựa cho dân phát triển kinh tế và lập nghiệp, từ đó củng cố thế trận quốc phòng dọc tuyến biên giới. Để hoàn thành nhiệm vụ, các đơn vị phải phối hợp với chính quyền địa phương sắp xếp bố trí dân cư, chống du canh, du cư, tham gia xây dựng chính quyền cơ sở, địa bàn trong vùng dự án thành khu vực kinh tế - văn hóa xã hội ổn định, phát triển về mọi mặt”* [64; tr.120].

Việc quản lý hành chính tại các khu Kinh tế - Quốc phòng vẫn do chính quyền địa phương đảm nhận. Sau khi dự án hoàn thành, quân đội sẽ rút quân, chỉ để lại đơn vị phụ trách quản lý cơ sở kinh tế. Chính vì vậy, các đơn vị quân đội phải luôn chủ động xây dựng mối liên hệ mật thiết với chính quyền địa phương

trong quá trình triển khai xây dựng, phát triển khu Kinh tế - Quốc phòng, không gây sự chông chéo về mặt quản lý và tạo điều kiện cho chính quyền nắm địa bàn.

Từ những đặc điểm trên có thể thấy bản chất của khu Kinh tế - Quốc phòng mang nặng tính quốc phòng hơn tính kinh tế. Hoạt động kinh tế của các đơn vị đứng chân hoàn toàn không nhằm mục tiêu lợi nhuận mà là để nâng cao tiềm lực phòng thủ quốc gia tại chỗ, lấy việc thay đổi bộ mặt dân sinh trên địa bàn làm nền tảng để hình thành thể trận quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân.

Do điều kiện lịch sử, quy mô, tổ chức nên mô hình khu Kinh tế - Quốc phòng ở đây có một số nét khác biệt so với những nơi khác:

Thứ nhất, ở Tây Nguyên có các Tổng thể khu Kinh tế - Quốc phòng được xây dựng trên quy mô lớn.

Trong các khu kinh tế - quốc phòng đang được xây dựng, xét về quy mô số lượng và vốn đầu tư, chỉ có hai dự án do Binh đoàn 15 và Binh đoàn 16 phụ trách ở Tây Nguyên đã trở thành Tổng thể khu Kinh tế - Quốc phòng.

Tổng thể khu Kinh tế - Quốc phòng bao gồm nhiều khu Kinh tế - Quốc phòng liên kề nhau, dưới sự chỉ đạo của 1 tổ chức, đơn vị quân đội nhằm đảm bảo mục tiêu chung. Các khu Kinh tế - Quốc phòng tùy vào điều kiện cụ thể áp dụng phương thức sản xuất khác nhau, loại hình đơn vị trực tiếp quản lý khác nhau, có khả năng hỗ trợ cho nhau về vốn, nhân lực để duy trì thông qua cấp lãnh đạo cao nhất. Tuy nhiên, các khu kinh tế - quốc phòng trong tổng thể này tồn tại độc lập và có tính tự chủ ở một mức độ nhất định.

Phạm vi của Tổng thể khu Kinh tế - Quốc phòng Binh đoàn 15 và Binh đoàn 16 trải rộng qua 4 tỉnh Tây Nguyên từ Kon Tum cho đến Đắk Nông, chủ yếu là địa bàn sát dọc đường biên giới (Binh đoàn 15 có 400km giáp Lào và Campuchia, Binh đoàn 16 có 500km giáp Campuchia). Đến năm 2013, Tổng thể khu Kinh tế - Quốc phòng Binh đoàn 15 gồm 5 khu Kinh tế - Quốc phòng đã định hình, phát triển ổn định gồm Moray, Sa Thầy, Ngọc Hồi (Kon Tum); Đức Cơ, Nam Chư Prông thuộc tỉnh Gia Lai); Tổng thể khu kinh tế - quốc phòng Binh đoàn 16 đi từ cuối huyện Chư Prông (Gia Lai) đến huyện Lộc Ninh (Bình Phước) cũng đã tạo dựng được 3 khu Kinh tế - Quốc phòng trên địa bàn Nam Tây Nguyên là Ea Súp (Đắk Lắk); Tuy Đức, Quảng Tín (Đắk Nông).

Đây là những dự án có quy mô vốn lớn nhất cả nước: khu Kinh tế - Quốc phòng Bình đoàn 15 có tổng số vốn đầu tư 619,7 tỷ (vốn ngân sách 91,7 tỷ; vốn vay 370 tỷ; vốn tự có 158 tỷ), khu Kinh tế - Quốc phòng Bình đoàn 16 có tổng số vốn đầu tư 1.270 tỷ (vốn ngân sách 638,9 tỷ; vốn vay 631,1 tỷ;).

Các khu Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên đều phát triển trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp, chủ yếu trồng các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị cao. Mặc dù giống nhau về mục tiêu lâu dài, nhưng các khu Kinh tế - Quốc phòng có sự khác nhau về phương hướng trước mắt. Đa số các khu Kinh tế - Quốc phòng do Bình đoàn 15 quản lý đều tập trung vào làm kinh tế, lấy hiệu quả kinh tế để giải quyết các vấn đề xã hội - chính trị, quốc phòng - an ninh. Trong khi đó, các khu Kinh tế - Quốc phòng của Bình đoàn 16 đảm nhận chủ yếu giải quyết vấn đề dân cư, xây dựng địa bàn, hoạt động sản xuất kinh tế của đơn vị mang tính bổ trợ. Sự khác nhau này xuất phát từ nhiều nguyên nhân như điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư, lịch sử và quá trình hình thành đơn vị.

Thứ hai, các đơn vị trực tiếp xây dựng khu Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên là các doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng.

Các đơn vị trực tiếp đứng chân tại các khu Kinh tế - Quốc phòng trong cả nước chịu sự quản lý của Quân khu hoặc Bộ Chỉ huy quân sự địa phương, riêng ở Tây Nguyên, phần lớn các khu Kinh tế - Quốc phòng lại do các doanh nghiệp quân đội theo thiết chế Bình đoàn - Tổng công ty (Công ty) quản lý trực tiếp.

Vì là những doanh nghiệp nhà nước nên các đơn vị này phải thực hiện hạch toán độc lập, đặt ra yêu cầu phải kinh doanh hiệu quả, có lợi nhuận thực tế, sản xuất hàng hoá có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời đây cũng là điều kiện để các đơn vị tự chủ được nguồn vốn, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm, đáp ứng mức cao hơn phục vụ cho mọi mặt cuộc sống của dân cư trên địa bàn dự án. Mặt khác, tại những khu Kinh tế - Quốc phòng do doanh nghiệp quản lý đều thực hiện tập trung sản xuất trên quy mô lớn, là cơ sở để tạo công ăn việc làm ổn định cho hàng ngàn lao động. Đây cũng chính là một biểu hiện trong nhận thức mới về mối quan hệ giữa kinh tế và quốc phòng.

Các dự án của Bình đoàn 15 là cơ sở thực tiễn cho ra đời mô hình khu Kinh tế - Quốc phòng trên cả nước. Sau khi việc xây dựng các khu Kinh tế - Quốc phòng trở thành chủ trương lớn của Đảng, thì ở Tây Nguyên, các doanh nghiệp

Kinh tế - Quốc phòng tiếp tục quản lý các khu Kinh tế - Quốc phòng đã ổn định, mặt khác xây dựng các khu Kinh tế - Quốc phòng mới. Từ đây xuất hiện những doanh nghiệp quản lý hơn 1 khu Kinh tế - Quốc phòng ví dụ như Tổng Công ty 15 quản lý 5 khu, Công ty 16 quản lý 4 khu, Công ty Cà phê 15 quản lý 2 khu.

Ở Tây Nguyên, cũng có những khu Kinh tế - Quốc phòng không do doanh nghiệp quản lý như tại khu Kinh tế - Quốc phòng Bắc Lâm Đồng. Khác với doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng, các đoàn Kinh tế - Quốc phòng không có pháp nhân kinh tế, có nghĩa là không đặt mục tiêu về lợi nhuận kinh doanh, chính vậy chủ yếu tập trung giúp dân phát triển kinh tế, làm công tác xây dựng dựng cơ sở chính trị tại địa bàn, quy hoạch dân cư. Đây là mô hình quản lý được áp dụng rộng rãi tại phần lớn các khu Kinh tế - Quốc phòng trong cả nước.

Có thể thấy, các khu Kinh tế - Quốc phòng muốn hoàn thành mục tiêu đặt ra, cần trải qua nhiều giai đoạn phát triển, vì vậy các đơn vị đứng chân tại đây phải xây dựng lộ trình phù hợp với mỗi giai đoạn đó. Đoàn Kinh tế - Quốc phòng là tổ chức nhỏ, phù hợp với các địa bàn không được tự nhiên ưu đãi, điều kiện dân cư phức tạp, chưa đủ điều kiện sản xuất quy mô lớn. Khi hội tụ đủ những yếu tố về khách quan và chủ quan, có thể cấp pháp nhân kinh tế cho các đoàn Kinh tế - Quốc phòng trở thành doanh nghiệp để đảm nhiệm hoạt động sản xuất tập trung tại các khu Kinh tế - Quốc phòng.

Thứ ba, phương thức sản xuất ở các khu Kinh tế - Quốc phòng tại Tây Nguyên khá đa dạng, linh hoạt hướng tới hiệu quả mang tính tổng thể.

Quá trình hình thành, phát triển của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên cho ra đời phương thức sản xuất kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế tập thể và kinh tế hộ gia đình.

Sau khi rút kinh nghiệm, Bộ Quốc phòng triển khai các đoàn Kinh tế - Quốc phòng trực tiếp xây dựng các khu Kinh tế - Quốc phòng trong cả nước dưới hình thức chủ yếu là giúp dân phát triển kinh tế hộ gia đình. Kinh tế hộ gia đình không đòi hỏi nhiều về nguồn vốn đầu tư lớn, nhân lực, cơ sở nhà xưởng, chế biến nên rất phù hợp cho những đơn vị Kinh tế - Quốc phòng quy mô nhỏ triển khai xây dựng trên những địa bàn mới có nhiều khó khăn, chưa có điều kiện để tổ chức sản xuất tập trung. Ở Tây Nguyên, các khu Kinh tế - Quốc phòng Bắc Lâm Đồng, Quảng Sơn đều phát triển theo hướng này.

Các khu Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên do Binh đoàn 15 quản lý từ quy mô tổ chức đến trình độ phát triển đều đã ở mức độ cao, mang tính bền vững nên vừa sản xuất tập trung vừa phát triển kinh tế hộ gia đình. Cả 2 phương thức sản xuất kết hợp chặt chẽ với nhau, bổ trợ cho nhau, tạo ra nguồn hàng ổn định cung cấp cho thị trường, phát triển kinh tế hàng hóa. Cũng chính vì vậy, những khu Kinh tế - Quốc phòng này phải nhất thiết do các doanh nghiệp đảm đương, xem phát triển kinh tế là nhiệm vụ chính trị trọng tâm để giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa yếu tố kinh tế và yếu tố quốc phòng.

Mặc dù được xây dựng theo mô hình của Binh đoàn 15 nhưng do vấn đề “đất - dân” phức tạp cùng với điều kiện khí hậu Nam Tây Nguyên vô cùng khắc nghiệt, Binh đoàn 16 chưa đủ điều kiện để tổ chức sản xuất tập trung quy mô lớn như Bắc Tây Nguyên, yếu tố quốc phòng ở đây cũng được đặt cao hơn nên Binh đoàn chỉ phát triển sản xuất tập trung trong chừng mực nhất định, nguồn lực chủ yếu để giúp người dân sản xuất, ổn định cuộc sống bám địa bàn kết hợp sử dụng các biện pháp dân vận làm nền tảng để thực hiện nhiệm vụ. Thực tế, Binh đoàn 16 đã đạt được những thành tựu lớn trong giải quyết vấn đề dân cư, ổn định tình hình an ninh - chính trị trên địa bàn, xây dựng được hệ thống cơ sở hạ tầng cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh sống của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

Dù phát triển kinh tế tập thể hay kinh tế hộ gia đình, thì người dân cũng được quan tâm, chăm sóc, được hưởng thụ đời sống vật chất, tinh thần tốt hơn trước. Đó là động lực để họ gắn bó chặt chẽ, lâu dài với khu Kinh tế - Quốc phòng. Đạt được những kết quả đó, các đơn vị quân đội xây dựng kinh tế đều đã giải quyết thành công mối quan hệ giữa phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh, hoàn thành cơ bản nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó.

Khu Kinh tế - Quốc phòng là mô hình đặc thù, cách thức xây dựng kinh tế chỉ có ở Quân đội Nhân dân Việt Nam. Mô hình này có ý nghĩa rất lớn đối với phát triển kinh tế, thực hiện xóa đói giảm nghèo cho nhân dân vùng biên giới, vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Vì vậy, xây dựng, duy trì và phát triển khu Kinh tế - Quốc phòng rất quan trọng, đó là quá trình phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

Các khu Kinh tế - Quốc phòng Tây Nguyên xuất hiện gắn với sự ra đời và phát triển của các đơn vị quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh tại đây, có thể khẳng định mô hình này ở Tây Nguyên

đã được kiểm nghiệm theo nhiều giai đoạn thăng trầm của lịch sử. Mặc dù mức độ phát triển chưa thật đồng đều, còn có một số hạn chế, nhưng các đơn vị quân đội xây dựng khu kinh tế - quốc phòng ở Tây Nguyên đang thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chiến lược mà Đảng, Nhà nước tin tưởng giao phó. Thông qua các dự án này *“quân đội đã thực sự là lực lượng xung kích giải quyết có hiệu quả các vấn đề kinh tế - xã hội ở những vùng khó khăn trong quá trình xây dựng đất nước, góp phần làm thất bại âm mưu chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam, bảo vệ biên giới và chủ quyền vùng biển Tổ quốc, ngăn ngừa và làm thất bại âm mưu chống phá từ bên trong của các thế lực thù địch”* [136; tr.176].

3.3.3. Mô hình “Gắn kết”

Do yêu cầu xây dựng, củng cố thể chiến lược cho địa bàn, cán bộ chiến sĩ các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên phải bám trụ với địa bàn có đặc thù dân cư đa dạng, phức tạp. Từ đó, các đơn vị đã tạo ra mô hình “Gắn kết” với phương châm *“ Binh đoàn gắn với tỉnh huyện - Công ty gắn với huyện, xã - Đội sản xuất gắn với buôn làng ”* để cùng với chính quyền địa phương thắt chặt mối quan hệ phối hợp trên nhiều lĩnh vực, tạo cơ sở để đưa hoạt động dân vận đi vào thực tiễn cuộc sống của người dân với mô hình “Gắn kết hộ gia đình”.

3.3.3.1. “Gắn kết đơn vị và chính quyền địa phương”

Với mục tiêu *“xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết quân dân, giữ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi để đơn vị cùng với Đảng bộ và nhân dân địa phương đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội và đảm bảo quốc phòng trên địa bàn trong tình hình tương đối phức tạp như hiện tại”* [63; tr.210], mô hình “Gắn kết đơn vị với chính quyền địa phương” ra đời. Không dừng lại ở việc trao đổi bằng văn bản, áp đặt mệnh lệnh từ trên xuống, mô hình đã cụ thể hoá cơ chế phối hợp giữa các cấp lãnh đạo của đơn vị với cấp uỷ, chính quyền địa phương về việc thực hiện phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng tại địa bàn chiến lược Tây Nguyên.

Hoạt động “Gắn kết” được thực hiện thống nhất bằng những quy chế có nề nếp rõ ràng. Định kì, Binh đoàn và cấp uỷ, chính quyền địa phương tổ chức các hội nghị giao ban trao đổi tình hình, xác định kế hoạch phối hợp cùng giải quyết các vấn đề nhiệm vụ kinh tế - quốc phòng của Binh đoàn và nhiệm vụ chính trị - xã hội của địa phương đặt ra. Giữa các công ty với các xã đứng chân duy trì chế độ

thông tin thông qua Hội nghị liên tịch tổ chức hàng quý, để giám sát tình hình và nhanh chóng đưa ra biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực. Các đội sản xuất xây dựng mối quan hệ chặt chẽ trong hoạt động mọi hoạt động với các thôn, làng để giải quyết kịp thời và dứt điểm những vấn đề phát sinh.

Các Ban chỉ đạo thống nhất ở cấp Binh đoàn - Tỉnh, huyện; Tiểu ban chỉ đạo thống nhất ở cấp Công ty, Trung đoàn - huyện, xã được thành lập cho thấy cơ chế hoạt động đã “ăn sâu bén rễ” trong ý thức của mỗi cá nhân lãnh đạo. Tại các ban, tiểu ban này, phạm vi trách nhiệm của đơn vị, địa phương được phân chia rõ ràng ở tất cả các khâu, tránh hoạt động chồng chéo, cũng như tạo cơ sở để giải quyết những bất đồng trong việc tổ chức khai thác tài nguyên, xây dựng cơ sở chính trị địa bàn và công tác quản lý hành chính tại các khu Kinh tế - Quốc phòng. Thực tiễn cho thấy, địa bàn nào sự gắn kết này mạnh thì quá trình giao đất, quy hoạch dự án sẽ triển khai thuận lợi, các khu dân cư sẽ nhanh chóng ổn định.

Mô hình này có ý nghĩa rất lớn đối với việc giúp chính quyền địa phương cũng như đơn vị Kinh tế - Quốc phòng chủ động tăng cường, thắt chặt mối quan hệ với ý thức, trách nhiệm đầy đủ đối với việc xây dựng Tây Nguyên phát triển bền vững, tạo thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ở địa bàn biên giới.

Đối với đơn vị Kinh tế - Quốc phòng, đây là hoạt động có ảnh hưởng lớn đến việc triển khai nhiệm vụ chiến lược. Qua đó, đơn vị tìm được sự đồng cảm, thấu hiểu của địa phương đối với hoạt động quản lý đất đai được Đảng, Nhà nước cấp để tổ chức sản xuất tập trung, xây dựng dự án Kinh tế - Quốc phòng. Đồng thời, cung cấp các dữ liệu cho chính quyền địa phương về quy hoạch dân cư, hệ thống cơ sở hạ tầng, hệ thống chính trị cơ sở để chính quyền có khả năng duy trì và phát triển những thành quả mà đơn vị đã dày công xây dựng.

Đối với chính quyền địa phương, thông qua mô hình “Gắn kết” việc nắm bắt, kiểm soát địa bàn sẽ được sâu sát hơn, nhất là tại các thôn buôn ở vùng sâu, vùng xa. Từ đó, tạo điều kiện cho chính quyền theo dõi tiến trình phát triển của các dự án Kinh tế - Quốc phòng do quân đội triển khai, chuẩn bị cơ sở để tiếp nhận các khu, điểm dân cư mới vào hệ thống hành chính của địa phương.

Chiến lược phát triển kinh tế kết hợp củng cố quốc phòng tại Tây Nguyên đòi hỏi nhiều lực lượng cùng tham gia, phối hợp, trong đó quân đội và chính quyền địa phương đóng vai trò rất quan trọng. Mô hình “Gắn kết” cùng các

chính sách dân vận khác do các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng tại Tây Nguyên đề ra không chỉ thắt chặt thêm nữa mối quan hệ với chính quyền địa phương, mà còn để duy trì thành quả lao động sản xuất, xây dựng địa bàn của đơn vị. Qua đó, cho thấy nhận thức cao độ của các đơn vị về bản chất nhiệm vụ, cũng như tiến trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.3.3.2. “Gắn kết tổ, đội sản xuất với thôn, buôn”

Xuất phát từ yêu cầu thực tế cần nắm bắt tình hình địa bàn, vận động, hướng dẫn đồng bào địa phương trồng, chăm sóc cây cao su, cà phê của đội sản xuất; nhu cầu tiếp nhận khoa học kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản xuất của các thôn, buôn; cùng sự tất yếu gắn kết giữa đơn vị quân đội với đơn vị hành chính cơ bản của địa phương, mô hình “Gắn kết tổ, đội sản xuất với thôn, buôn” đã ra đời và phát triển hết sức nhanh chóng.

Mô hình gắn kết ở đây là giữa đội sản xuất với thôn, buôn mà đội đó đứng chân, cùng trồng, chăm sóc trên một diện tích cao su, cà phê, lúa,... Các đội sản xuất và thôn, buôn tổ chức lễ kết nghĩa với sự chủ trì của các công ty, binh đoàn.

Nội dung, hoạt động “Gắn kết” được được xây dựng cụ thể, đó là *“thực hiện tổ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, mọi quy định của địa phương và đơn vị; không theo đạo “Tin lành Đê Ga”, không bỏ sản xuất, không nghe lời kẻ xấu xu nịnh, lừa gạt, ép buộc đi biểu tình hoặc vượt biên trái phép ra nước ngoài; tích cực tham gia sản xuất; đoàn kết quân dân, tương trợ lẫn nhau. Mọi vướng mắc, tồn tại giữa cá nhân với đơn vị đều phải báo cáo với chính quyền, đơn vị để cùng phối hợp tháo gỡ và giải quyết theo thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp. Hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau về cây giống, con giống, kỹ thuật sản xuất, chăn nuôi, giúp dân xóa đói giảm nghèo. Phối hợp giữ gìn ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, chống lại mọi hành vi vi phạm pháp luật và các tệ nạn xã hội; tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục thông báo tình hình, giao lưu văn hóa, văn nghệ thể dục, thể thao cùng nhau xây dựng cuộc sống văn hóa mới ở khu dân cư, xây dựng địa bàn giàu về kinh tế vững về chính trị, mạnh về quốc phòng an ninh”* [67; tr.114 - 115].

Từ chương trình chung, các đội sản xuất xây dựng kế hoạch riêng, có nghị quyết hàng tháng, hàng quý. Đội sản xuất thường xuyên trao đổi thông tin với các thôn, buôn kết nghĩa để tự đề ra những hoạt động phù hợp với tình hình.

Trong các ngày lễ, tết, mỗi đội sản xuất đều trích ra một ngày lương để thăm hỏi, tặng quà bà con các thôn, buôn; thường xuyên giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao ở khu dân cư. Qua đó, trao đổi thông tin về tình hình phát triển kinh tế, đời sống sinh hoạt của nhân dân, góp phần bài trừ các hủ tục mê tín, dị đoan, thực hiện nếp sống mới, vận động bà con vào làm công nhân của các đơn vị.

Năm 2013, 100% đội sản xuất, cơ quan của Binh đoàn 15 đã kết nghĩa với 149 thôn buôn trên địa bàn Bắc Tây Nguyên. Tại các khu Kinh tế - Quốc phòng ở Nam Tây Nguyên, sau khi ổn định dân cư, không chỉ các đội sản xuất kết nghĩa với các buôn, làng của đồng bào mà còn đẩy mạnh kết nghĩa giữa các tổ chức Đoàn thanh niên trên địa bàn, củng cố nền tảng cơ sở chính trị tại địa phương.

Thông qua mô hình này, bên cạnh việc giúp nhau cùng sản xuất, cùng lao động, vận động đồng bào dân tộc thiểu số nhận khoán của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng, các đội sản xuất cùng các tổ chức quần chúng đã góp phần xóa bỏ tình trạng “trắng đảng, trắng đoàn” ở các buôn, làng, gây dựng cơ sở chính trị vững chắc của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng trên địa bàn; giúp bộ máy chính quyền từ xã đến buôn, làng từng bước được củng cố, hoạt động có nhiều tiến bộ, phương pháp điều hành được đổi mới, linh hoạt hơn, kịp thời nắm bắt, giải quyết mọi vướng mắc trong nhân dân. *“Các đội sản xuất, các hộ gia đình công nhân của Binh đoàn cư trú đan xen với thôn, làng của đồng bào dân tộc địa phương và những cánh rừng cao su, cà phê, hồ tiêu bạt ngàn xanh tốt, trở thành phen dậu bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới của Tổ quốc”* [141; tr.47].

3.3.3.3. “Gắn kết hộ gia đình”

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các đơn vị thường xuyên tiếp nhận các đoàn di dân do Nhà nước tổ chức, chủ yếu từ các tỉnh phía Bắc, nơi có điều kiện tự nhiên, khí hậu, phong tục tập quán có nhiều điểm khác biệt so với Tây Nguyên. Khi đến đây, những hộ gia đình này thường gặp không ít khó khăn trong việc thích nghi, ổn định đời sống. Trong khi đó, điều kiện đời sống vật chất tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn cũng còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí còn nhiều hạn chế, các phong tục tập quán lạc hậu còn được lưu giữ, các thế lực phản động luôn sử dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để khoét sâu, chia rẽ mối đoàn kết “Kinh - Thượng”. Những vấn đề đó đặt ra cho những người lính xây dựng kinh tế thách thức rất lớn trong việc hướng dẫn, giúp

đỡ giúp người dân có thể sinh cơ lập nghiệp trên vùng đất mới cũng như thay đổi cách sống, cách suy nghĩ của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Cần phải có một quá trình vận động tỉ mỉ, bền bỉ của cán bộ, chiến sĩ các đơn vị quân đội Kinh tế - Quốc phòng với sự thấu hiểu tường tận về truyền thống của các dân tộc.

Ngay khi có mặt ở Tây Nguyên, lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế đã áp dụng được một số biện pháp dân vận, thành công trong việc bám đất, bám dân, và thuyết phục được một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số tham gia sản xuất cùng đơn vị. Cùng với quá trình thay đổi nhận thức về nhiệm vụ xây dựng kinh tế của quân đội tại các đơn vị, hoạt động dân vận cũng có sự đổi mới. Các cán bộ, chiến sĩ lấy hiệu quả kinh tế thực tế đi liền những “đóng góp chí tình” để làm đồng bào dân dần hiểu được việc làm của bộ đội và tham gia, ủng hộ, làm theo bộ đội. Các “làng quân nhân” trở thành những “nơi hội tụ văn minh văn hóa” làm hạt nhân của các khu dân cư trong thể quy hoạch đan xen với làng bản của đồng bào dân tộc. Với bản chất của người lính cụ Hồ, nhiều công nhân người Kinh đã được nhận làm con nuôi của các già làng, trưởng bản. Điều này đã mở ra điều kiện để hình thức kết nghĩa, vốn là hoạt động thuộc về truyền thống của Quân đội Nhân dân Việt Nam, xâm nhập mạnh hơn đến hộ gia đình.

Đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân, từ năm 2006, trên địa bàn Bắc Tây Nguyên, Binh đoàn 15 đã tổ chức rút kinh nghiệm mô hình “Gắn kết hộ” điển hình ở Công ty 74, sau đó nhân rộng ra quy mô toàn Binh đoàn.

Thông qua mô hình “Gắn kết hộ”, hộ công nhân người Kinh và hộ đồng bào dân tộc thiểu số địa phương đã có nhiều hình thức giúp đỡ nhau trong mọi mặt cuộc sống. Hộ công nhân người Kinh giúp hộ đồng bào dân tộc thiểu số địa phương áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăm sóc, thu hoạch cây cao su, cây cà phê, trồng lúa nước, chăn nuôi gia súc, gia cầm để tăng thu nhập, xóa bỏ tập tục lạc hậu, chăm sóc cuộc sống, cùng nhau xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số địa phương tạo điều kiện để hộ công nhân người Kinh cùng sinh sống ổn định trên địa bàn, làm quen với phong tục tập quán, khí hậu thổ nhưỡng của Tây Nguyên, giúp bảo vệ vườn cây, tài sản của đơn vị... *“Sự gắn kết giữa các hộ không chỉ trong sản xuất mà còn diễn ra trong đời sống sinh hoạt hằng ngày; những hộ gắn kết thường xuyên thăm hỏi, gặp mặt, giao lưu trao đổi kinh nghiệm trong cuộc sống. Các hộ công nhân người*

Kinh luôn gần gũi, động viên hộ đồng bào dân tộc thiểu số địa phương từng bước xóa bỏ mặc cảm để hòa động trong cuộc sống lao động sản xuất, biết chia sẻ những tâm tư, nguyện vọng, suy nghĩ với nhau” [141; tr.46].

Từ 30 cặp hộ gắn kết ban đầu năm 2006, đến năm 2013, trên địa bàn do Binh đoàn 15 quản lý đã có hơn 1.985 cặp hộ, với trên 4.000 lao động, trong tổng số 4.312 hộ, với trên 6.000 lao động là đồng bào dân tộc thiểu số đang làm việc ở hầu hết các công ty, xí nghiệp của Binh đoàn tổ chức gắn kết. Đáng chú ý trong đó có nhiều cặp gắn kết mà hộ đồng bào dân tộc thiểu số địa phương không phải người lao động của Binh đoàn. Từ đây cũng xuất hiện thêm hình thức hộ đồng bào dân tộc thiểu số miền Bắc di cư vào Tây Nguyên gắn kết với hộ đồng bào dân tộc thiểu số địa phương; đội trưởng đội sản xuất gắn kết già làng, trưởng bản.

Như vậy, xuất phát từ nguyện vọng, nhu cầu trực tiếp của các hộ gia đình cùng chung sống trong các khu dân cư, mô hình “Gắn kết hộ” ra đời *“không phải bằng mệnh lệnh hành chính mà xuất phát từ tình cảm, từ nền tảng văn hóa, truyền thống “tương thân, tương ái” của dân tộc với với ý nghĩa chính trị, tính nhân văn sâu sắc” [141; tr.46].*

“Gắn kết hộ” trở thành một hình thức “dân vận khéo” được nhiều đơn vị quân đội học tập và triển khai. Hoạt động này đã mang lại những hiệu quả thiết thực trên tất cả các mặt về chính trị - xã hội, kinh tế và an ninh - quốc phòng.

Về chính trị - xã hội, hộ công nhân trở thành cầu nối chuyển tải những nội dung về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến đồng bào thiểu số một cách đầy đủ nhất, khéo léo nhất, dễ hiểu nhất. Đồng thời, thông qua cuộc sống hàng ngày để nâng cao nhận thức, giúp cho đồng bào tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và chính quyền địa phương. Mặt khác, thông qua mô hình “Gắn kết hộ”, đời sống văn hóa của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số địa phương ngày càng thay đổi tích cực, những phong tục tập quán truyền thống tốt đẹp mang bản sắc dân tộc được giữ gìn và phát huy, các tập tục lạc hậu từng bước được đẩy lùi, thay bằng nếp sống văn hóa mới.

Về kinh tế, các hộ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, phá bỏ vườn tạp để trồng cao su, cà phê, hạt điều, đạt hiệu quả cao hơn, trồng rau xanh cải thiện bữa ăn, khai thác tài nguyên rừng hợp lý. Nhờ mô hình “Gắn kết hộ” mà nhiều hộ đồng bào dân tộc thiểu số địa phương không những thoát nghèo mà còn vươn lên

làm giàu với thu nhập 200 đến 300 triệu đồng mỗi năm từ kinh tế vườn đồi, chăn nuôi. Đến năm 2013, có 80% hộ công nhân trên địa bàn Bình đoàn 15 quản lý đã có nhà xây, xe máy, phương tiện sản xuất riêng, không còn hộ đói nghèo.

Về quốc phòng - an ninh, các hộ công nhân tuyên truyền cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số địa phương hiểu rõ những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch để nâng cao tinh thần cảnh giác trước các hoạt động của lực lượng phản động đội lốt tôn giáo “Tin lành Đề ga”, không vượt biên trái phép... cùng phối hợp bảo vệ an ninh, chính trị, trật tự an toàn, xã hội. Các cặp hộ gắn kết chủ động phản ánh cho cấp ủy, chỉ huy đơn vị và chính quyền địa phương về các vấn đề liên quan đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương. Nhờ đó, tình hình địa bàn các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng đứng chân và sản xuất những năm qua luôn ổn định, góp phần xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc.

Có thể thấy *“khi thực hiện gắn kết hộ công nhân người Kinh với hộ đồng bào dân tộc thiểu số địa phương thì mọi vướng mắc của đồng bào mà lâu này chính quyền địa phương và các đơn vị mong muốn giúp mà chưa giúp được, thì các hộ đã giúp được nhau, kể cả áp dụng kỹ thuật trong chăn nuôi, trồng trọt, vận động vào làm việc trong công ty, đến đưa con tới trường, đưa con đi khám bệnh, bỏ các hủ tục lạc hậu...”* [139; tr.163].

Phát huy phương châm dân vận truyền thống “Bốn cùng”: *Bám đội lợi đồng - Cầm tay chỉ việc - Đi từng ngõ, gõ từng nhà - Ăn không bữa, ngủ không giường*; “Ba cùng”: *Nghe dân nói - Nói dân hiểu - Làm cho dân tin*; mô hình “Gắn kết” của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng Tây Nguyên đã củng cố hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa quân đội với chính quyền địa phương, với từng hộ gia đình, cùng hướng đến việc khai thác toàn diện nhân lực, tài nguyên tại chỗ để phát triển khu Kinh tế - Quốc phòng vững chắc trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên.

Từ mục đích, nội dung, hình thức của các mô hình này, có thể khẳng định đây cũng là một phương thức phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh mang lại hiệu quả cao, trên cơ sở phát huy truyền thống đoàn kết bao đời của cộng đồng các dân tộc Việt Nam để chống lại sự chia rẽ của kẻ thù, chống lại sự phân hóa giàu nghèo, chống lại sự phân biệt, kì thị dân tộc, góp phần nâng cao

chất lượng cuộc sống của đồng bào, tạo thế trận lòng dân an ninh nhân dân, bảo vệ Tổ quốc trên vành đai biên giới.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Từ năm 1998, hệ thống khu Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên nhanh chóng được định hình, phát triển về cả số lượng và chất lượng, đem lại tác động nhiều mặt, có ý nghĩa tích cực đối với sự phát triển của mảnh đất Tây Nguyên. Sự hiện diện của các đơn vị quân đội xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng ở Tây Nguyên là một trong những nhân tố giúp nhanh chóng dập tắt, ổn định tình hình tại đây trong những đợt bạo loạn chính trị mà các thế lực phản động tạo ra.

Đến năm 2013, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng đã cơ bản hoàn thiện đội hình, tiếp tục đẩy mạnh tiến độ xây dựng các dự án vành đai biên giới, giữ vững vai trò tiên phong trên mặt trận xóa đói giảm nghèo, giúp dân làm giàu, củng cố chắc chắn “thế trận lòng dân”. Uy tín và thương hiệu của Binh đoàn 15, Binh đoàn 16 và một số đơn vị Kinh tế - Quốc phòng khác không chỉ được nâng tầm trên mặt trận kinh tế, mà quan trọng đã trở thành hình mẫu của bộ đội xây dựng Kinh tế - Quốc phòng với việc tạo ra sự vận hành về tổ chức bộ máy, về thực hiện công tác dân vận để thực hiện ngày càng hiệu quả hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng trên địa bàn chiến lược.

Nhìn chung, mặc dù có một số hạn chế về tốc độ phát triển song không thể phủ nhận những thành quả rất lớn mà các đơn vị quân đội Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên đã làm được trong việc tạo ra sự thay đổi mọi mặt đời sống đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và giữ gìn sự ổn định tại vùng đất, vùng chiến lược, vùng xung yếu của Tổ quốc.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT

Bước vào thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Quân đội Nhân dân Việt Nam tiếp tục giữ vai trò tiên phong có mặt ở những miền đất xa xôi, còn nghèo nàn, lạc hậu của đất nước, tham gia phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh tại những địa bàn chiến lược, trong đó có Tây Nguyên.

Lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế có mặt trên vùng đất Tây Nguyên từ rất sớm, ngay khi cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc còn diễn ra hết sức ác liệt. Năm 1985, Binh đoàn xây dựng kinh tế đầu tiên mang phiên hiệu Binh đoàn 15 được thành lập, mở ra thời kì phát triển mới của các đơn vị quân đội làm nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn Tây Nguyên. Trải qua nhiều thăng trầm, phát huy tinh thần và phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ” trên mặt trận sản xuất, các đơn vị quân đội Kinh tế - Quốc phòng như Binh đoàn 15, Binh đoàn 16, Công ty Cà phê 15, các đoàn Kinh tế - Quốc phòng... đã tạo ra những thành quả có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển toàn diện của vùng đất Tây Nguyên, được xem là hình mẫu để Đảng, Nhà nước nhân rộng trên phạm vi cả nước. Song bên cạnh đó vẫn còn bộc lộ một số hạn chế cần được xem xét đánh giá một cách khách quan để khắc phục, tiến tới hoàn thiện mô hình quân đội thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng trên các địa bàn chiến lược.

4.1.1. Kết quả

Vừa trực tiếp xây dựng các khu Kinh tế - Quốc phòng, vừa sản xuất kinh doanh, các đơn vị quân đội đã chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; được nhân dân tin yêu và chính quyền địa phương ủng hộ, đánh giá cao. Thực tiễn cho thấy, các dự án Kinh tế - Quốc phòng của quân đội đảm nhiệm đã và đang phát huy toàn diện hiệu quả về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh cũng như đối ngoại trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên. Điều này được thể hiện trên một số điểm như sau:

Thứ nhất, hoạt động sản xuất của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ngày càng đạt hiệu quả cao, đáp ứng được nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng trên địa bàn chiến lược.

Giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống Mỹ, là đơn vị đầu tiên của quân đội làm lực lượng chủ chốt chuyên xây dựng kinh tế đứng chân trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên, Đoàn 773 đã hoàn thành nhiệm vụ cung cấp một phần lương thực cho các lực lượng tại chỗ cũng như chuẩn bị sức người, sức của, góp phần chi viện cho các lực lượng giải phóng miền Nam. Song song với đó, đơn vị đã bước đầu thực hiện công tác dân vận có hiệu quả giữ vững vùng giải phóng; cùng với các lực lượng khác xây dựng, bảo vệ, đảm bảo giao thông trên tuyến vận tải chiến lược 559 thông suốt và an toàn.

Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi, Đoàn 773 nhanh chóng cùng với các lực lượng khác tiếp quản các đô thị, một số đồn điền cũ, duy trì việc làm cho 1.278 công nhân, không để lãng phí nguồn lực. Nhờ đó, góp phần ổn định tình hình Tây Nguyên nói chung cũng như hoạt động sản xuất trên địa bàn đơn vị đứng chân nói riêng, tạo ra một bàn đạp cho các đơn vị chủ lực xuất phát tiến công, góp phần làm nên thắng lợi của Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Sau ngày đất nước giải phóng cho đến thập niên 80 của thế kỷ XX, lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế tiếp tục bám trụ lại những vùng đất bị chiến tranh tàn phá nặng nề, tháo gỡ bom mìn còn sót lại, góp phần nhanh chóng khôi phục Tây Nguyên. Thời kì này, các Đoàn 331, 332, 333 đã xây dựng và định hình nên những vùng chuyên canh lương thực lớn trên địa bàn, đảm bảo tự túc lương thực, tạo ra nguồn thu cho quân đội, góp phần giảm bớt sức ép đối với ngân sách nhà nước, duy trì quân số thường trực đáng kể tại Tây Nguyên, để kịp thời giải quyết những xung đột biên giới Tây Nam, *“nhiều nông trường, lâm trường quân đội là những đơn vị đầu tiên chiến đấu chặn địch ở biên giới và sau đó, nhiều đơn vị đã đi thắng từ nông, lâm trường ra mặt trận”* [154; tr.125]. Các nông trường, lâm trường của quân đội với các hoạt động sản xuất, bảo vệ địa bàn, chiến đấu chống lại sự xâm nhập nội địa của các thế lực phản động, truy quét Fulro đã góp phần giữ vững thành quả cách mạng, tạo nên hình ảnh về một vùng kinh tế mới Tây Nguyên đầy tiềm năng, là cơ sở cho các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng tiếp tục phát triển trong giai đoạn sau.

Bước vào thời kì Đổi mới, trước những thách thức của nền kinh tế thị trường, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Bắc Tây Nguyên đã phát huy tính chủ động, sáng tạo, tổ chức lại sản xuất, tinh gọn bộ máy, thực hiện đổi mới mạnh

mẽ cơ chế kinh doanh theo tiến trình chung của đất nước. Đối mặt với việc chuyển hẳn sang chế độ hạch toán kinh doanh với đầy đủ các nghĩa vụ kinh tế, lại cùng song song triển khai nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và phát triển dân cư - xã hội, các đơn vị đã bắt kịp thời cơ, phát triển hoạt động sản xuất tập trung với tốc độ nhanh, trở thành những doanh nghiệp mạnh, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế và ngân sách cho Nhà nước. Đến năm 2013, giá trị sản xuất năm 2013 chỉ riêng Tổng Công ty 15 đã đạt 2.279 tỷ đồng; doanh thu 1.234,7 tỷ đồng; nộp ngân sách 248,7 tỷ đồng; lương bình quân 6 triệu đồng/người/tháng. Đa số các đơn vị đều có kết quả sản xuất tăng trưởng đều hàng năm. Điển hình như Công ty 732, đã đạt doanh thu 805 tỷ (gấp 6,8 lần năm 2012), lợi nhuận 154,2 tỷ (gấp 10,33 lần năm 2012), nộp ngân sách 59,7 tỷ (gấp 4,9 lần năm 2012), lương bình quân của người lao động là 5.570 triệu đồng. Quá trình hình thành thể bố trí kinh tế kết hợp với quốc phòng tại địa bàn Bắc Tây Nguyên đã tạo ra mô hình đặc thù để quân đội phát huy hết tiềm năng thế mạnh của mình, làm tốt vai trò nòng cốt trong xây dựng các dự án Kinh tế - Quốc phòng trên phạm vi cả nước.

Đóng quân ở tại các huyện vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng trước đây, thực tế địa bàn đứng chân của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên không có nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế, ngược lại còn khó khăn về nhiều mặt nhưng sau hơn nửa thế kỷ, các đơn vị quân đội tham gia sản xuất kinh tế gắn với củng cố quốc phòng đã tạo dựng được *“một vùng đất Tây Nguyên rộng lớn từ chỗ còn hoang sơ, nay đã phát triển mạnh với hàng ngàn hecta cà phê, cao su đã đến kỳ thu hoạch”* [154; tr.100].

Ở Bắc Tây Nguyên, địa bàn đứng chân của Binh đoàn 15 trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn của Tây Nguyên. Tổng diện tích vườn cây của toàn binh đoàn đến năm 2013 là 42.432 ha cao su, 709 ha cà phê và hơn 85 ha lúa nước; có 4 nhà máy chế biến mủ cao su công suất 28 nghìn tấn/năm cùng 1 nhà máy chế biến phân vi sinh công suất 10 nghìn tấn/năm.

Trên các dự án Kinh tế - Quốc phòng Nam Tây Nguyên, dù điều kiện tự nhiên vô cùng nghiệt ngã, những bàn tay “khai sơn phá thạch” của cán bộ, chiến sĩ Binh đoàn 16, Công ty cà phê 15 đã và đang phủ xanh vùng đất hoang sơ này.

Ở khu Kinh tế - Quốc phòng CuMga và Quảng Sơn, Công ty cà phê 15 đã trồng được 1.174,1 ha cà phê kinh doanh, 84,3 ha cao su, 250 ha, trở thành điểm sáng kinh doanh cà phê của Quân khu 5.

Tại khu Kinh tế - Quốc phòng Đắk Rlấp, diện tích 1.499,9 ha cây công nghiệp (trong đó cà phê 497 ha, điều cao sản 399,9 ha, cao su 603 ha và 267 ha lúa nước) của Trung đoàn 720, 726 đang cho lợi nhuận hàng trăm triệu đồng mỗi năm. Các Trung đoàn 725, 736, 737 đã biến vùng đất cằn cỗi của vùng dự án Ea Súp vốn chỉ có những rừng le và khoọc (những loại cây chịu được hạn hán, khô khát sống được), không có dân sinh sống thành những vườn cây công nghiệp với diện tích 6.049,18 ha, bước đầu tạo ra sức sống kì diệu trên mảnh đất tưởng chừng đã bị chiến tranh phá nát mầm sống.

Hoạt động kinh tế của các đơn vị quân đội đã tác động tích cực đến các địa phương Tây Nguyên trên nhiều mặt.

Về kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất của các đơn vị quân đội đã và đang góp phần rất lớn làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương, từ kinh tế nông nghiệp thuần túy sang kinh tế hàng hoá. Từ sản xuất manh mún, nhỏ lẻ trong các gia đình nay đa số nhân dân địa phương đã tham gia nhận khoán, làm công nhân quốc phòng của các binh đoàn, công ty trong những khu sản xuất tập trung quy mô, phát triển kinh tế hộ gia đình hướng tới mục tiêu lâu dài là tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị đáp ứng nhu cầu thị trường. Các huyện Đức Cơ, Chư Pả, Chư Prông (Gia Lai), Moray, Sa Thầy (Kon Tum) từng là nơi nghèo nhất của cả nước, mang trên mình nhiều vết thương của chiến tranh, nhưng đã “thay da đổi thịt”, khoác lên mình diện mạo mới đầy sức sống với những vườn cao su, cà phê thẳng tắp, chạy dài cùng đường biên giới phía Tây của đất nước, trở thành vùng động lực phát triển kinh tế Tây Nguyên.

Các doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng Tây Nguyên đang tạo ra và duy trì việc làm lâu dài cho hàng ngàn lao động, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn cùng lượng lớn dân di cư trong cả nước đến với Tây Nguyên. Từ năm 2004, các khu Kinh tế - Quốc phòng Tây Nguyên tiếp nhận nhiều thanh niên, tri thức trẻ, góp phần giải quyết tình trạng sinh viên ra trường thất nghiệp, phân bổ lực lượng lao động có trình độ về các vùng miền khó khăn trong cả nước.

Về chính trị, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng tạo ra mối quan hệ mật thiết dựa trên lợi ích kinh tế đến từng hộ gia đình, lấy việc giải quyết vấn đề vật chất làm điều kiện để tác động đến ý thức chính trị của nhân dân; từ đó củng cố các mối quan hệ chính trị - xã hội, góp phần xây dựng cơ sở chính trị tại địa phương.

Lợi nhuận kinh tế được các đơn vị sử dụng để phục vụ phát triển của địa phương vì vậy đã tạo ra sự đồng thuận và uy tín đối với nhân dân, chính quyền các cấp, thay đổi nhận thức về hoạt động kinh tế của quân đội trên địa bàn Tây Nguyên, từ đó ủng hộ, tạo điều kiện cho các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

Về quốc phòng - an ninh, thông qua hoạt động xây dựng kinh tế, các đơn vị đã tạo ra nguồn lực để giải quyết các vấn đề nhạy cảm trên địa bàn, duy trì sự có mặt của lực lượng vũ trang tại các địa bàn chiến lược, ổn định vành đai biên giới, góp phần nâng cao năng lực gìn giữ quốc phòng của đất nước. Dù phải đảm nhiệm địa bàn rộng với nhiều khu Kinh tế - Quốc phòng nhưng cán bộ, chiến sĩ các đơn vị đều nắm bắt được tình hình an ninh, diễn biến tâm lý của nhân dân địa phương.

Nhìn chung, hoạt động sản xuất của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên đã phát huy được thế mạnh tài nguyên của vùng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương, xây dựng Tây Nguyên theo hướng phát triển bền vững. Qua đây cũng khẳng định sự tham gia trực tiếp của quân đội trên mặt trận kinh tế là để đảm bảo quốc phòng, không chỉ làm kinh tế đơn thuần. Các doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng thực sự là hạt nhân trong việc đảm bảo an ninh - xã hội, củng cố tiềm lực quốc phòng của đất nước trong thế bố trí chiến lược mới với sự kết hợp phát triển kinh tế bền vững tại miền núi.

Thứ hai, các đơn vị đã quy hoạch, bố trí lại các điểm, cụm dân cư kết hợp xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối đồng bộ, phục vụ tốt các nhu cầu thiết yếu của nhân dân vùng biên giới, tạo ra những bộ mặt nông thôn mới trên những vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng.

Theo thống kê dựa trên báo cáo của Cục Kinh tế - Bộ Quốc phòng, đến cuối năm 2013, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên đã xây dựng được số lượng lớn các công trình phục vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục của địa phương: hơn 1.632 km đường giao thông các loại, nối liền những thôn bản xa xôi đến các trục đường lớn; 337 hồ đập giếng, 7 trạm biến áp,

3 công trình thủy điện lớn, 4 trạm tiếp sóng truyền hình cùng hàng trăm km đường điện hạ thế, trung thế mang ánh sáng văn minh đến tận làng bản.

Tất cả các đơn vị đều có bệnh xá quy mô hàng chục giường bệnh chăm sóc y tế miễn phí cho cán bộ, nhân dân địa phương; Binh đoàn 15 và 16 có 2 bệnh viện trung tâm, cùng 2 phân viện được xây dựng dưới mô hình quân dân y kết hợp, có trang bị hiện đại, đồng bộ. Các đơn vị của Binh đoàn 15 có 195 nhà trẻ, mầm non, 27 Trường Tiểu học và Trung học cơ sở đảm bảo công tác chăm sóc giáo dục, nâng cao dân trí cho con em cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trên địa bàn.

Các công trình xây dựng trong tổng thể quy hoạch của địa bàn, tính lưỡng dụng cao, có tác dụng nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo ra môi trường sống ổn định cho nhân dân địa phương, vừa đảm bảo phục vụ yêu cầu sản xuất, nhu cầu dân sinh; vừa đáp ứng yêu cầu về quốc phòng - an ninh trên địa bàn đứng chân.

Thông qua chất lượng và số lượng của hệ thống cơ sở hạ tầng, cho thấy sự đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và sự phân bổ vốn hợp lý của các đơn vị, thể hiện nỗ lực nhằm bước cải thiện hệ thống giáo dục, chăm sóc y tế, phục vụ an sinh xã hội cho cuộc sống của nhân dân. Đặc biệt, sự chú trọng vào các công trình thủy lợi đã góp phần quan trọng giải quyết vấn đề thiếu nước sinh hoạt, sản xuất trầm trọng cho nhân dân trên địa bàn Tây Nguyên vào mùa khô.

Quá trình triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất của các đơn vị đã làm cho các khu dân cư nhanh chóng được hình thành và ổn định. Trên dọc tuyến biên giới từ Ngọc Hồi, Kon Tum đến Nam Chư Prông, Binh đoàn 15 đã tạo dựng được 130 điểm dân cư có hệ thống cơ sở vật chất khá hoàn thiện. Từ Nam Tây Nguyên, Binh đoàn 16 bố trí được 62 đội sản xuất gắn với 59 cụm dân cư theo quy hoạch và tiến độ phát triển sản xuất. Những khu Kinh tế - Quốc phòng mới ở Moray (Kon Tum), Cư Mga (Đắk Lắk) và Quảng Sơn (Đắk Nông), từng là “ốc đảo” nội địa mỗi mùa mưa, đã trở thành địa bàn sinh sống ổn định của hơn 2.869 hộ gia đình với 6.679 khẩu, đa số là người dân tộc thiểu số.

“Sự ra đời của các cụm, điểm dân cư của các nông trường, các công ty, đội sản xuất đan xen với các bản làng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn với các tuyến giao thông, các cơ sở y tế... khi cần thiết có thể phục vụ hiệu quả cho quốc phòng - an ninh đã tạo thành các khu vực, các tuyến thể hiện rõ rệt sự kết

hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng, kết hợp các lực lượng vũ trang thường trực bảo vệ thường xuyên, vững chắc biên giới” [66; tr.32].

Bên cạnh đó, các đơn vị cũng đã tổ chức định canh, định cư cho đồng bào đồng bào từ các tỉnh di dân đến các khu Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên. Theo báo cáo của các đơn vị, từ khi thành lập cho đến năm 2013, Binh đoàn 15 đã đón nhận được 16.943 hộ từ khắp mọi miền đến các khu Kinh tế - Quốc phòng ở Bắc Tây Nguyên; Binh đoàn 16 đỡ đầu, sắp xếp và tổ chức cuộc sống cho trên 2000 hộ từ Bến Tre, Thanh Hoá, đồng bào người Dao di cư tự do vào khu vực Krông Ana, Krông Nô và vùng dự án Ea Súp, đưa 485 hộ đồng bào người Mông di cư tự do vào ổn định tại khu Kinh tế - Quốc phòng Đắk Ráp; Công ty cà phê 15 quy hoạch, sắp xếp cho khoảng 397 hộ dân (trong đó có 310 hộ là dân di cư) vào khu Kinh tế - Quốc phòng Quảng Sơn, 930 hộ dân (trong đó có 12 hộ đồng bào tại chỗ) vào khu Kinh tế - Quốc phòng Cư Mga.

Tại các bản di dân, định cư mới, các đơn vị đã cơ bản cấp đủ đất thổ cư, giúp nhân dân xây dựng nhà cửa, làng xóm và tạo mọi điều kiện để đồng bào gắn bó với quê hương mới. Lực lượng thanh niên lập nghiệp đến với các vùng dự án Kinh tế - Quốc phòng được các đơn vị sử dụng nguồn vốn tự có để xây dựng mô hình làng công nhân lập nghiệp với giá trị trên 23 tỷ đồng. Đến năm 2013, đã có 1.406 hộ gia đình thanh niên ổn định cuộc sống với mức hỗ trợ 15 - 20 triệu đồng/hộ. Các mô hình gắn kết được tạo ra mang nhiều ý nghĩa nhân văn, góp phần tích cực giúp đồng bào di cư hoà nhập cuộc sống với cư dân bản địa.

Hoạt động phát triển dân cư - xã hội của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên đã giữ chân lực lượng sản xuất trên vành đai biên giới tạo nguồn lực phát triển kinh tế, nâng cao mật độ và chất lượng dân cư tại các huyện thị ở biên giới. Từ đây hình thành nên nhiều đơn vị hành chính địa phương cấp huyện, thị, phường, thôn tại các khu Kinh tế - Quốc phòng như thôn Đèo, Đắc Măng (Quảng Sơn, Đắk Nông), xã Iloi, xã Ia R'vê (Easúp, Đắk Lắk); một số huyện, thị trấn tại Đức Cơ (Gia Lai), Sa Thầy (Kon Tum)... được mở rộng.

Thứ ba, thông qua các hoạt động sản xuất, dân vận, các đơn vị Kinh tế - quốc phòng đã nâng cao mọi mặt đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số trên vành đai biên giới.

Vượt qua những khó khăn, rào cản về phong tục, tập quán, nếp sống và văn hoá đặc thù, cán bộ, chiến sĩ xây dựng kinh tế Tây Nguyên đã giúp đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao nhận thức về phương thức canh tác, có thêm tư liệu sản xuất, cải thiện điều kiện sống, từng bước xoá đói giảm nghèo.

Bằng hiệu quả kinh tế kết hợp cùng những chính sách dân vận phù hợp với đặc điểm địa bàn, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên đã thu hút được đông đảo đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương cùng tham gia sản xuất với đơn vị. Đây là mục tiêu cũng là giải pháp hàng đầu để thay đổi cách sống, cách nghĩ của đồng bào. Số lượng người dân trở thành lao động của các đơn vị ngày càng đông hơn. Đến năm 2013, có khoảng 4.500 hộ đồng bào dân tộc thiểu số nhận khoán sản xuất trong các đơn vị của Binh đoàn 15, Binh đoàn 16 thu hút được 1.245 hộ. Trở thành công nhân của các binh đoàn, công ty, người dân có công việc ổn định, đóng bảo hiểm, phụ cấp đầy đủ, được chăm lo mọi mặt đời sống. Phần lớn các gia đình có người làm công nhân, nhận khoán của các đơn vị đều thoát nghèo, nguồn thu nhập ngày càng cao.

Bên cạnh đó, các đơn vị đã chăm lo mọi mặt để đồng bào dân tộc tại địa phương phát triển kinh tế hộ gia đình. Trong quá trình sản xuất, cán bộ chiến sĩ các đơn vị một mặt hướng dẫn tận tâm, tỉ mỉ giúp bà con nhanh chóng tiếp thu kỹ thuật chăm sóc cây trồng, mặt khác, tích cực chủ động khai hoang, tiến hành giao những mảnh đất tốt, thuận tiện về giao thông thuỷ lợi, hỗ trợ vốn, giống, bao tiêu sản phẩm để đồng bào phát triển vườn cây gia đình.

Ở Bắc Tây Nguyên, thời điểm cao su được giá, các hộ thu hàng trăm triệu đồng mỗi năm, cá biệt có những hộ thu vài tỷ mỗi vụ. Ở những “làng cao su triệu phú” như làng Plei Chan (xã Ia Pnôn, Đức Cơ) của Công ty 72, làng Poong (xã Ia Dok, Đức Cơ), làng Rơ Mah Chiu (huyện Chư Sê) của Công ty 75, làng Mít Chép (xã Ia O, Ia Grai), làng Tung Chúc (xã Ia Khai, Ia Grai) của Công ty 715... nghèo đói chỉ còn là hoài niệm, đồng bào đua nhau làm giàu, các ruộng rẫy, con trâu, con bò không còn là thước đo cho sự giàu có, mà “bây giờ nhà nào có nhiều cao su, cà phê, hồ tiêu mới là giàu”.

Tại vùng dự án khu Kinh tế - Quốc phòng Ea Súp, sau khi được cấp đất sản xuất, thu nhập và đời sống của đồng bào cải thiện rõ rệt. Theo điều tra, bình quân 1 ha đất trồng cây ngắn ngày như lúa, bắp, sắn, mía hoặc trồng cỏ nuôi

bò... mỗi năm bà con thu lãi được 70 triệu. Xã Ia R'vê (mới thành lập năm 2006) có 1.800 hộ với 6.500 nhân khẩu thì có hơn 28% hộ đã thoát nghèo; tỷ lệ nghèo từ 100% xuống còn 72%. Nổi bật, có hơn 20 hộ tại xã Ia R'vê đang phát triển kinh tế hộ gia đình với mô hình trang trại “trồng trọt kết hợp chăn nuôi” mỗi năm có tổng thu nhập hơn 1 tỷ đồng.

Đời sống vật chất của đồng bào tại khu Kinh tế - Quốc phòng được nâng cao, các tập quán canh tác lạc hậu bị loại bỏ, nạn du canh du cư, phá rừng làm nương rẫy không còn diễn ra phổ biến. Việc bố trí xen kẽ các lao động người Kinh và đồng bào dân tộc thiểu số cùng sống và lao động trong các khu dân cư tập trung cũng góp phần xoá bỏ dần những hủ tục ma chay, cưới hỏi, khám chữa bệnh của đồng bào, chung tay cùng nhau xây dựng đời sống văn hoá mới.

Sự thay đổi về cách làm ăn sinh sống đã kéo theo nhận thức tích cực của đồng bào về các vấn đề chính trị - xã hội trên địa bàn. Hơn ai hết, đồng bào dân tộc tại chỗ là công nhân hoặc nhận khoán của các binh đoàn, công ty là lực lượng dân vận tích cực, là những nhân tố chính trong việc xây dựng bản, làng văn hóa, đẩy lùi đói nghèo và các tập tục lạc hậu; đồng thời là hạt nhân trong việc giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội tại địa phương. Điều này đã góp phần tạo được niềm tin yêu, gắn bó giữa cấp ủy, chính quyền và nhân dân các địa phương đối với các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng; tạo cơ sở để xây dựng thể trận lòng dân ngày càng vững chắc.... Nhiều lao động trẻ và già làng, trưởng bản đã trở thành hạt nhân nòng cốt trong xây dựng phong trào thi đua, xây dựng các thôn buôn, cụm dân cư với thể trận phòng thủ quốc phòng toàn dân.

Các đơn vị quan tâm, chú trọng nâng cao trình độ dân trí kết hợp với tôn trọng và giữ gìn bản sắc văn hoá các đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương. Hệ thống giáo dục từ nhà trẻ, mầm non, các trường cấp 2, cấp 3 đến trường trung cấp nghề đều dạy đồng thời bằng cả tiếng Kinh và tiếng dân tộc. Tại các nhà trẻ, mẫu giáo trên các bản làng, 100% cô giáo là người đồng bào dân tộc thiểu số. Cán bộ chiến sĩ các đơn vị cũng chủ động học tiếng dân tộc phục vụ cho công tác dân vận, bám sát địa bàn; thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu văn hoá, biểu diễn công chiêng Tây Nguyên, xây dựng nhiều nhà Rông tại các bản làng.

Chính sách ưu tiên đối với việc phát triển kinh tế - xã hội - văn hoá - giáo dục của đồng bào dân tộc thiểu số không phải là điểm mới trong chủ trương của

Đảng, tuy nhiên, tại các dự án Kinh tế - Quốc phòng do quân đội đảm nhiệm ở Tây Nguyên, các đơn vị đã thực hiện một cách triệt để, sáng tạo và toàn diện vì vậy đã đạt được hiệu quả cao trên mọi mặt.

Về kinh tế - xã hội, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng tại Tây Nguyên đã thực sự trở thành điểm tựa để hàng nghìn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ lập nghiệp, vươn lên xoá đói giảm nghèo bằng giải pháp cơ bản, lâu dài nhất. Từ đó, tích cực cải thiện phong tục tập quán lạc hậu của đồng bào, góp phần rút ngắn chênh lệch về đời sống kinh tế - xã hội giữa các tộc người, giữa các vùng, miền.

Về an ninh - chính trị, các chính sách của các đơn vị đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ đã giải quyết được những vấn đề mang tính lịch sử trên địa bàn như: vấn đề đất đai, vấn đề bất bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. Đồng bào hết sức tin tưởng cán bộ chiến sĩ, nhờ đó, các vùng dự án do quân đội phụ trách, dù ở các vùng xa xôi, hẻo lánh nhưng các phần tử phản động không thể ngang nhiên truyền đạo, lôi kéo đồng bào dân tộc thiểu số biểu tình, các hoạt động sinh hoạt tính ngưỡng trái phép nhanh chóng được ngăn chặn.

Trong cuộc bạo loạn chính trị ở các tỉnh Tây Nguyên, không chỉ không tham gia biểu tình mà còn có nhiều đồng bào người dân tộc thiểu số tại chỗ đã tích cực tham gia vận động bà con, góp phần cùng bộ đội và chính quyền địa phương nhanh chóng ổn định tình hình.

Có thể thấy, chủ trương quân đội tham gia sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh đã tích cực giải quyết vấn đề dân tộc ở Tây Nguyên. Chủ trương này khi được nhận thức đúng đắn và triển khai thực hiện có hiệu quả thì nó không chỉ tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc mà còn góp phần không nhỏ hiện thực hoá, nâng cao hiệu quả các chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước, loại bỏ dần một trong những nguyên nhân tiềm ẩn gây mất ổn định chính trị - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Thứ tư, thông qua công tác tuyên truyền, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng đã trở thành cầu nối giữa Đảng với đồng bào vùng sâu, vùng xa, củng cố lòng tin của đồng bào vào đường lối, chính sách của Đảng, tạo thế trận quốc phòng - an ninh trên tuyến biên giới.

Trong 10 năm, từ 2003 đến 2013, riêng ở Bắc Tây Nguyên, các đơn vị đã tổ chức tuyên truyền hơn 3000 buổi cho hơn 175.096 lượt người về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá và quốc phòng - an ninh của địa phương, nhiệm vụ xây dựng nên quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và âm mưu thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

Là lực lượng trực tiếp tổ chức sản xuất, phát triển văn hoá - xã hội tại các thôn bản, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng có điều kiện để bám sát nhân dân trong tất cả các hoạt động đời sống, tinh thần. Tận dụng lợi thế đó, cán bộ, chiến sĩ đã tích cực, kiên trì và sử dụng nhiều biện pháp tuyên truyền, vận động người dân tin theo, ủng hộ, chia sẻ khó khăn, thuận lợi, giúp đỡ các binh đoàn, công ty hoàn thành nhiệm vụ, không phá rừng, buôn lậu, vượt biên, trực tiếp đưa chủ trương trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với đồng bào vùng sâu vùng xa đến từng hộ dân trên địa bàn.

Các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng cấp binh đoàn chủ động tổ chức những Đội công tác 123 chuyên trách công tác dân vận. Mặt khác, duy trì và hình thành cơ chế phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang khác trên địa bàn thông, cùng chính quyền địa phương tích cực tham gia củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở ngày càng vững mạnh. Đồng thời với việc xoá bỏ tình trạng “trắng dân”, các đơn vị đã tích cực xây dựng tổ chức cơ sở đảng, đoàn, hội tại vùng biên giới; phát huy được tối đa vai trò của các tổ chức quần chúng trong các khu dân cư để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống và nề nếp sinh hoạt...

Hoạt động tuyên truyền của cán bộ, chiến sĩ các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng không chỉ thắt chặt hơn nữa tình đoàn kết quân - dân mà còn củng cố mối liên kết với chính quyền địa phương thực hiện các mục tiêu đã đề ra, ngày càng phát triển vùng dự án.

Thứ năm, việc duy trì các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng tại Tây Nguyên đã tạo ra nền tảng vững chắc cho xây dựng, tăng cường tiềm lực, thế trận quốc phòng - an ninh bảo vệ biên giới.

Không chỉ kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế trong các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá, dân cư, các đơn vị đã tích cực bố trí lực lượng trên các hướng quan trọng ở vành đai biên giới thông qua việc tổ chức xây dựng lực lượng tự vệ, dự bị động viên ngày càng mạnh. Các

binh đoàn, công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng được giao; tham gia huấn luyện cho lực lượng dân quân tự vệ của địa phương; chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, lực lượng vũ trang cùng đóng quân trên địa bàn để xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, khu vực biên giới.

Để kịp thời đối phó với âm mưu của các thế lực thù địch, hàng năm, các đơn vị chủ động đề ra các kế hoạch trong phòng chống vượt biên, quấy rối, bạo loạn trên địa bàn, cũng như các biện pháp xử lý tình huống xảy ra, phân công trực chỉ huy và tổ chức lực lượng giải quyết bạo loạn, trong đó chỉ huy chung là Giám đốc công ty, chỉ huy lực lượng là Bí thư Đảng ủy - Phó Giám đốc chính trị. Các địa bàn chia theo xã có lực lượng phân công phụ trách cụ thể.

Ngoài ra, các đơn vị thường xuyên phối hợp với các lực lượng vũ trang nắm chắc tình hình địa bàn, sẵn sàng chiến đấu, xử lý có hiệu quả tình huống về quốc phòng - an ninh xảy ra; phát huy vai trò của lực lượng nòng cốt trong khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa... Nhờ đó đã phát hiện kịp thời và tham gia giải quyết một số vụ bạo loạn cùng nhiều vụ gây mất ổn định chính trị đảm bảo góp phần giữ vững địa bàn chiến lược, bảo vệ chủ quyền của đất nước, ngăn ngừa mọi yếu tố tác động tiêu cực đến quá trình phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng ở Tây Nguyên.

Thứ sáu, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên đã tìm ra được nhiều phương thức thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả, góp phần khẳng định sự đúng đắn về mặt chủ trương của Đảng và Nhà nước khi để quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế.

Lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế ở Tây Nguyên không chỉ xuất hiện sớm mà còn đông về số lượng, đa dạng về hình thức so với các địa bàn khác trên cả nước, từ đó, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ. Những kinh nghiệm này có tác dụng lớn đối với sự phát triển của lực lượng quân đội chuyên trách nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng.

Ngay từ khi đến với vùng đất Tây Nguyên, lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế trên cơ sở thế mạnh, tiềm năng của vùng đã định hình hướng sản xuất hiệu quả. Trong điều kiện chiến tranh chưa kết thúc nhưng Đoàn 773 đã phát triển trồng cây công nghiệp dài ngày kết hợp thâm canh cây lương thực, đồng thời bước đầu quy hoạch ranh giới địa lý rõ ràng cho các đơn vị sản xuất.

Ví dụ như khu nông nghiệp thuộc Đoàn 331 quản lý nằm trong phạm vi đất đai thuộc 5 huyện và 2 xã, bao gồm: khu Plei Kần (Sa Thầy), Đắc Uy (Đắc Tô) và thị xã Kon Tum, La Sơn (Măng Giang) và thị xã Plei Ku, Đức Cơ, Chư Nghé (Chư Pa) và Chư Prông. Từ năm 1976, các sư đoàn kinh tế đề ra phương hướng xây dựng khu kinh tế nông lâm nghiệp toàn diện, với cây trồng chủ lực là cao su, cà phê, coi đó là hoạt động chủ yếu và lâu dài cho sự phát triển của đơn vị.

Thực tế đã chứng minh lựa chọn này của các đơn vị là đúng đắn và bước đầu các đơn vị đã hoàn thành tốt phương hướng này. Tuy nhiên, do vấn đề gắn kết giữa kinh tế và quốc phòng chưa được đặt ra một cách nghiêm túc, hoạt động kinh tế và quốc phòng còn rời rạc, chưa hỗ trợ cho nhau, còn xem nhẹ tác động của yếu tố kinh tế, dẫn đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chưa được như mong muốn.

Sau khi ra đời, Binh đoàn 15, Binh đoàn 16 cùng các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng khác trên địa bàn Tây Nguyên đã kế thừa nền tảng mà lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế ở Tây Nguyên trước năm 1985 để lại, lần lượt giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, không chỉ tìm ra được mô hình phát triển thích hợp cho bản thân mà còn góp phần tạo ra định hướng chung của nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng của Đảng, Nhà nước.

Chính hoạt động của các đơn vị quân đội xây dựng kinh tế ở Tây Nguyên đã góp phần hình thành khái niệm “quân đội chuyên xây dựng kinh tế” để phân biệt với các lực lượng làm kinh tế khác trong quân đội. Đây là lực lượng quân đội có nhiệm vụ trực tiếp tham gia sản xuất kinh tế kết hợp giải quyết các vấn đề xã hội - chính trị trên địa bàn chiến lược. Và cũng từ đây, cơ cấu tổ chức đặc thù của một đơn vị quân đội chuyên làm kinh tế từng bước được xây dựng. Lực lượng này không tách khỏi đội hình Quân đội Nhân dân Việt Nam, cán bộ chiến sĩ được hưởng chế độ như các lực lượng vũ trang khác, vì vậy vẫn phải đảm đương tốt nhiệm vụ quốc phòng. Tuy nhiên, nguồn vốn đầu tư cho quân đội xây dựng kinh tế không nằm trong ngân sách quốc phòng, các đơn vị phải tập trung sản xuất, có lợi nhuận; chịu sự chi phối của quy luật phát triển kinh tế vậy nên các đơn vị đó cần có tư cách pháp nhân kinh tế phù hợp để thuận lợi kinh doanh.

Hoạt động của các lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế ở Tây Nguyên đã không chỉ cho thấy tiềm năng mà còn là cả vai trò tất yếu của quân đội trong việc tham gia phát triển kinh tế tại các địa bàn chiến lược, vùng sâu vùng xa,

biên giới hải đảo, vốn là những nơi mà các doanh nghiệp kinh tế đơn thuần không thể đến được, tham gia giải quyết tình trạng di dân từ các nơi lên vùng kinh tế mới, tạo dựng cơ sở hạ tầng cho địa bàn đứng chân.

Các dự án Kinh tế - Quốc phòng mà các đơn vị quân đội triển khai ở Tây Nguyên là các dự án mang tầm chiến lược. Từ xây dựng các vùng chuyên canh cây công nghiệp trên địa bàn chiến lược, vừa phủ xanh đất trống, đồi núi trọc vừa xây dựng phen dậu vững chắc cho tuyến biên giới Tổ quốc; xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống của dân cư xã hội; góp phần giải quyết vấn đề đồng bào dân tộc thiểu số định canh, định cư, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, trực tiếp tham gia mặt trận xóa đói giảm nghèo. Hiện nay, các khu Kinh tế - Quốc phòng chính là nội dung trọng tâm của chủ trương kết hợp xây dựng kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn chiến lược.

Nhiều đơn vị Kinh tế - Quốc phòng tiêu biểu ở Tây Nguyên như Binh đoàn 15, Binh đoàn 16, Công ty cà phê 15 góp phần định hình cho mô hình khu Kinh tế - Quốc phòng trong cả nước thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Không chỉ có mô hình của Binh đoàn 15 mà sự thay đổi về phương thức sản xuất của Binh đoàn 16 trên địa bàn Tây Nguyên đã cho thấy nhiều cách thức tổ chức sản xuất khác nhau trong các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng tại Tây Nguyên, rút ra một số bài học kinh nghiệm để Bộ Quốc phòng, các quân khu tổ chức các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng một cách sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với từng địa bàn. Công ty 16 - Binh đoàn 16 dù không đạt được hiệu quả kinh tế cao như Binh đoàn 15 nhưng đời sống của người dân tại địa bàn được nâng cao, vẫn có thể bám trụ với thu nhập ổn định, đó là một thành tựu về kinh tế cần phải hiểu đúng từ thực tiễn của những đơn vị Kinh tế - Quốc phòng như Binh đoàn 16. Mặt khác, các chính sách, các mô hình dân vận cụ thể tại các đơn vị vừa giúp đạt hiệu quả kinh tế vừa lại có thể giải quyết rất tốt vấn đề an ninh - chính trị. Đây cũng có thể xem là thành tựu của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên.

Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư ở Lào và Campuchia của Binh đoàn 15 cũng có tác động không chỉ phát triển mối quan hệ hợp tác giữa ba nước Đông Dương mà còn hình thành thế bảo vệ đất nước từ xa.

Mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên góp phần khẳng định Quân đội nhân dân Việt Nam luôn

hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu trong bất kì đội hình nào, đồng thời cũng có khả năng sản xuất, xây dựng kinh tế hiệu quả bằng nhiều hình thức thích hợp, vừa góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội ở địa phương vừa nâng cao năng lực phòng thủ của quốc gia.

4.1.2. Hạn chế

Các khu Kinh tế - Quốc phòng do các đơn vị quân đội tại Tây Nguyên tạo dựng nên đã và đang là điểm sáng về kinh tế - xã hội, văn hoá - giáo dục, an ninh - quốc phòng trong cả nước. Tuy nhiên, trình độ phát triển của các khu Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên chưa thật đồng đều, còn bộc lộ một số hạn chế sau:

Thứ nhất, một số địa bàn chiến lược ở Tây Nguyên đã được củng cố về an ninh - quốc phòng nhưng còn kém về chiến lược phát triển kinh tế.

Hoạt động sản xuất của các đơn vị quân đội Kinh tế - Quốc phòng có tác động rất lớn đến nhiệm vụ quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên. Tuy nhiên, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, tại một số khu Kinh tế - Quốc phòng vẫn đề phát triển kinh tế đã bộc lộ nhiều hạn chế, chưa đạt được mục tiêu đặt ra, nhất là ở các đơn vị mới thành lập, có lực lượng lớn là sĩ quan chuyên nghiệp, không nhiều kinh nghiệm về quản lý kinh tế.

Tại Nam Đắk Lắk, các khu Kinh tế - Quốc phòng được xây dựng từ năm 1999, ngay từ đầu đã tập trung vào trồng cao su với diện tích 4020 ha (trong đó, trồng mới 4000 ha) và cà phê với diện tích 5.757 ha (trong đó, trồng mới 4000 ha). Dự án được triển khai trong thời điểm cao su bắt đầu mất giá trên thị trường, thậm chí tại Đông Nam bộ còn xuất hiện tình trạng người dân chặt bỏ cây cao su. Thực tế trong các cuộc họp của Chính phủ đã có một số ý kiến đề nghị xem xét lại vấn đề này nhưng thực tiễn các trung đoàn vẫn triển khai trồng diện tích cao su lớn ở Nam Tây Nguyên, dẫn đến không đạt được hiệu quả kinh tế như mong muốn. Mặc dù sau đó Binh đoàn 16 đã có sự thay đổi về loại hình cây trồng, chuyển từ cao su sang trồng rất nhiều loại cây khác, với nhiều biện pháp tháo gỡ khó khăn, song “do quá trình điều tra, khảo sát vùng dự án chưa kỹ, chọn đất thâm canh một số loại cây công nghiệp chưa phù hợp, triển khai nóng vội nên chất lượng một số vườn cây không được như mong muốn, việc triển khai phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng cũng như chuyển đổi phương thức khoán cho dân chăm sóc vườn cây còn chậm” [147; tr.40].

Mặt khác, đối với việc trồng cà phê, thì phải ưu tiên hàng đầu làm tốt vấn đề thủy lợi. Tuy nhiên, từ xây dựng dự án cho đến khi thực hiện, vấn đề thủy lợi ở đây không thực sự được đầu tư đồng bộ. Cả toàn bộ dự án khu Kinh tế - Quốc phòng từ Nam Đắc Lắc đến Bình Phước chỉ đề ra việc xây dựng 19 công trình đập thủy lợi vừa và nhỏ cùng 150 giếng nước khoan, trong khi đây là “chảo lửa” hạn hán của cả nước. Chi phí cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng nói chung (bao gồm cả làm thủy lợi) chỉ khoảng 73,4 tỷ đồng trên tổng số 1.270 tỷ đồng cho toàn bộ dự án này. Điều này dẫn đến hiện trạng cây cà phê không thể sinh trưởng tốt, ảnh hưởng đến sự phát triển chung của toàn bộ dự án.

Hiện tượng tương tự cũng xảy ra tại vùng dự án Ea Súp. Đến năm 2012, trong tổng số 6.049,18 ha cây trồng ở khu Kinh tế - Quốc phòng này có 3.373,88 ha thuộc diện tích khoanh nợ, gần như không có khả năng thu hồi vốn. Chất lượng vườn cây yếu kém nên mặc dù đã có nhiều nỗ lực thay đổi phương thức sản xuất, cơ cấu cây trồng, các trung đoàn tại khu Kinh tế - Quốc phòng Ea Súp đều không thể kinh doanh có lãi.

Nguyên nhân hàng đầu là do Binh đoàn 16 đã quá tập trung vào phát triển dân cư, vấn đề cải tạo điều kiện địa bàn để xây dựng kinh tế chưa được quan tâm đúng mức. Điều kiện tự nhiên ở đây rất khắc nghiệt, thường xuyên hạn hán, nhưng các công trình thủy lợi chỉ được xây dựng trên quy mô nhỏ, chính vì vậy, hiện tượng thiếu nước còn diễn ra hết sức phức tạp. Hàng năm, 50% diện tích tình trạng cây trồng của đơn vị và các hộ đồng bào mất trắng hoặc bị sụt giảm năng suất do hạn hán. Có thời điểm, các đơn vị phải sử dụng xe chở nước sinh hoạt để cung cấp cho dân và cán bộ chiến sĩ. Sản xuất và đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn, trong khi tại vùng dự án Ea Súp có đến 80% là dân di cư từ nơi khác đến, từ đó dẫn đến hiện trạng người dân không có động lực để bám trụ lâu dài với vùng dự án Ea Súp, là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các khu dân cư ở đây hình thành chậm so với các khu Kinh tế - Quốc phòng khác.

Chính vì sản xuất không hiệu quả, không có lợi nhuận nên một số các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng tại Nam Tây Nguyên phải dựa vào sự bao cấp của Nhà nước, từ đó không tạo nên sự linh động trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Dù không phủ nhận những hiệu quả mà các đơn vị làm được trong việc ổn định tình hình xã hội, giúp nhân dân tái định cư, phát triển sản

xuất, bảo vệ thành công vùng biên giới nhạy cảm của Tổ quốc, nhưng đối với địa bàn chiến lược như Nam Tây Nguyên, và quy mô đầu tư rất lớn mà Nhà nước dành cho các dự án Kinh tế - Quốc phòng ở đây thì việc cần phải nhanh chóng tìm được phương hướng sản xuất phù hợp để các đơn vị có thêm nguồn thu, nâng cao khả năng thu hồi vốn, giữ chân lực lượng sản xuất là hết sức cấp bách.

Thứ hai, quá trình thực hiện nhiệm vụ Kinh tế - Quốc phòng ở một số đơn vị có biểu hiện nóng vội, đốt cháy giai đoạn.

Trong quá trình thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, đa số các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên đều được Bộ Quốc phòng xây dựng theo mô hình của Binh đoàn 15. Trên thực tế, các đơn vị này đều đạt được nhiều thành tựu khi tổ chức sản xuất tập trung; mặc dù vậy, vẫn có một số trường hợp do áp dụng rập khuôn các mô hình của Binh đoàn 15 mà không tính đến những điều kiện khác biệt về địa bàn nên đã gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất, xây dựng địa bàn.

Binh đoàn 15 được thành lập trên cơ sở các đơn vị tiền thân đã có mặt ở Tây Nguyên từ năm 1973. Binh đoàn thừa kế những diện tích vườn cây cao su khá rộng, có nhiều diện tích đã bước vào giai đoạn kiến thiết của các Đoàn 331, 332, 333 trước đây, mặc dù các vườn cây này không phát triển ổn định song về cơ bản đã định hình. Đây là điều kiện để Binh đoàn 15 nhanh chóng mở rộng quy mô sản xuất. Trong khi đó Binh đoàn 16 và một số đơn vị Kinh tế - Quốc phòng khác là những đơn vị thành lập mới hoàn toàn, cán bộ chủ yếu được điều chuyển từ Binh đoàn 15, Quân khu 5, Quân khu 7 về nên chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về quản lý kinh tế tại địa bàn. Cơ sở cũng được xây dựng mới hoàn toàn, vì vậy cần có thời gian để mở rộng quy mô sản xuất.

Mặt khác, vùng Bắc Tây Nguyên có điều kiện tự nhiên khí hậu, thổ nhưỡng thuận lợi hơn rất nhiều so với Nam Tây Nguyên. Dân cư ở đây cũng phân bố tập trung hơn, chính vì vậy mà Binh đoàn 15 có điều kiện thuận lợi cơ bản để thu hút lực lượng lao động cho hoạt động sản xuất tập trung. Trong khi đó, Nam Tây Nguyên, đặc biệt là huyện Ea Súp là nơi mùa khô thường xuyên bị hạn hán đe dọa hàng năm, đất đai cằn cỗi, địa hình phức tạp, với nhiều diện tích rừng nghèo kiệt, hoang hóa. Trước khi các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng có mặt, địa bàn này còn tách biệt với hệ thống cơ sở hạ tầng vô cùng yếu kém, dân cư rất thưa thớt,

nhiều vùng “trắng dân”. Yêu cầu giải quyết vấn đề dân cư ở địa bàn của các đơn vị này là cấp thiết, bởi không có dân thì không thể tổ chức sản xuất tập trung.

Vừa phải tổ chức sản xuất tập trung, vừa phải tiến hành sắp xếp dân cư đã tạo nên áp lực không nhỏ đối với cán bộ, chiến sĩ các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng tại Nam Tây Nguyên. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc các đơn vị này sản xuất kinh doanh không hiệu quả.

Vấn đề thu hút đồng bào vào làm việc ở các cơ sở sản xuất của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Nam Tây Nguyên cũng cho thấy sự nóng vội. Trong khi hoạt động sản xuất của Binh đoàn đang còn được nhà nước trợ cấp lại nhanh chóng vận động nhân dân vào cùng sản xuất. Kết quả, khi không thấy hiệu quả, người dân không có động lực để bám trụ với đơn vị, hiện tượng một bộ phận dân bỏ sản xuất, tiếp tục duy trì những phương thức sản xuất cũ vẫn còn.

Có thể thấy, áp dụng mô hình sản xuất tập trung từ Binh đoàn 15 cho Binh đoàn 16 và các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng khác trong giai đoạn mới thành lập là nguyên nhân cơ bản làm giảm sút hiệu quả kinh tế của các đơn vị này.

Ngay tại Binh đoàn 15, một số đơn vị cũng có sự nóng vội về phát triển quy mô sản xuất mà không suy xét đến điều kiện của địa bàn. Các dự án mới ở Chư Prông, Ia Grai đã có những giai đoạn lâm vào tình trạng dậm chân tại chỗ, gặp rất nhiều khó khăn khi triển khai sản xuất tập trung, dẫn đến tình trạng thua lỗ trong một số giai đoạn. Khi mở rộng sản xuất sang Campuchia, cũng do nóng vội, chưa đánh giá đúng tình hình nên Công ty 75 của Binh đoàn đã mua đất nhưng không thể tổ chức sản xuất, dẫn đến hiện tượng đất bỏ hoang, lãng phí nguồn lực của Binh đoàn.

Hạn chế này cho thấy tầm quan trọng, vai trò hết sức cần thiết của việc nghiên cứu, thí điểm sản xuất về thế mạnh của địa bàn, nắm bắt tình hình dân cư để hạn chế sự ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, cũng như cần phải xây dựng kế hoạch phát triển cụ thể, nhất là quá trình vận động dân cư để có thể giúp các dự án Kinh tế - Quốc phòng phát triển bền vững.

Thứ ba, sự phối hợp với chính quyền địa phương một số nơi còn chưa tạo được sự đồng thuận, nhất là vấn đề giao đất để triển khai xây dựng, mở rộng các dự án Kinh tế - Quốc phòng.

Đất đai là vấn đề cốt lõi đối với sự phát triển ổn định của các khu Kinh tế - Quốc phòng. Đây là một vấn đề phức tạp, nhạy cảm, trong đó, việc bàn giao đất giữa chính quyền địa phương với các đơn vị quân đội theo dự án Nhà nước đã thông qua là cả một quá trình lâu dài, cần sự đồng thuận, thấu hiểu của các bên.

Nhờ tuân thủ các nguyên tắc đã được phê duyệt trong các dự án giao đất để xây dựng các khu Kinh tế - Quốc phòng nên giữa địa phương và đơn vị không xảy ra xung đột trong quá trình bàn giao đất. Tuy nhiên, ở một số các dự án của Binh đoàn 16 thì ngay khi vừa triển khai đã gặp khó khăn trong việc giao đất giữa chính quyền địa phương tỉnh Đắk Lắk và Bình Phước. Đất địa phương cấp không đủ đáp ứng, trong khi dự án lại quy hoạch diện tích rất lớn. Chính vì vậy, đã dẫn đến tình trạng dân di cư đến nhưng đơn vị không có đất thổ cư để giao cho dân hoặc không đủ đất để tổ chức sản xuất, ảnh hưởng đến tiến trình xây dựng và phát triển chung của dự án.

Để khắc phục tình trạng này, tạo điều kiện cho các khu Kinh tế - Quốc phòng phát triển bền vững việc đầu tiên là phải cấp đủ đất cho dân, đồng thời với những biện pháp, chính sách hỗ trợ ban đầu, quản lý chặt chẽ diện tích đất đã cấp, không để hiện tượng dân bán đất đã được cấp... Muốn làm được điều này phải huy động được sự tham gia của chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, đặc biệt phải phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, những người có uy tín trong thôn, buôn.

Ngoài ra, phần lớn các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng tại Tây Nguyên vẫn còn một số tồn tại phổ biến chung, chưa thể khắc phục được như cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; khả năng cạnh tranh của đơn vị còn thấp; chưa áp dụng được nhiều thành quả khoa học công nghệ trong sản xuất; hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cao và áp dụng chuyển giao công nghệ mới để xoá nghèo bền vững cho đồng bào nhiều nơi còn chậm; khả năng đào tạo nguồn nhân lực còn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị; việc tổ chức bộ máy kinh tế ngày càng “phình to”; vấn đề giải quyết nợ xấu, tranh chấp đất quốc phòng ở một số đơn vị đang cản trở hiệu quả thực hiện nhiệm vụ...

Nguyên nhân của một số hạn chế trên có cả do khách quan và chủ quan. Khách quan là do chính sách của Đảng và Nhà nước đối với hoạt động sản xuất của lực lượng quân đội xây dựng kinh tế nói chung còn nhiều bất cập; diễn biến

địa bàn phức tạp bởi sự chống phá của các thế lực thù địch; điểm xuất phát, trình độ dân trí thấp, tốc độ dân di cư tăng nhanh, vượt khả năng kiểm soát và đầu tư của Trung ương và các địa phương. Chủ quan là do kinh nghiệm, trình độ nhận thức của một số cán bộ cơ sở còn yếu kém và quá trình nhiệm vụ thực hiện chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng của quân đội trong thời kì mới đang còn trong giai đoạn vừa làm vừa rút kinh nghiệm...

4.2. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Việt Nam đang trong thời kì đẩy mạnh Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước theo chiến lược phát triển bền vững, thực hiện công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, Quân đội Nhân dân Việt Nam được Đảng, Nhà nước tin tưởng giao cho triển khai chiến lược kinh tế kết hợp quốc phòng trên các địa bàn biên giới, ven biển, vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn, có vị trí chiến lược xung yếu nhằm phát triển kinh tế - xã hội nhằm xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Đây là chủ trương đúng đắn, thể hiện sâu sắc sự quán triệt và thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng, phù hợp với thế mạnh và chức năng của quân đội trong tình hình mới, trong đó, xây dựng các khu Kinh tế - Quốc phòng là nhiệm vụ rất nặng nề và đang trở thành nhiệm vụ chính trị trọng tâm của các đơn vị. Mặc dù khó khăn, gian khổ, còn có hạn chế nhưng duy trì, phát triển mô hình các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở địa bàn chiến lược là cần thiết, có ý nghĩa chiến lược lâu dài.

Từ quá trình thực hiện, những thành tựu và hạn chế của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

4.2.1. Nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng của Quân đội Nhân dân Việt Nam trong thời kì mới

Từ khi được thành lập, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên luôn quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, các nghị quyết lãnh đạo của Đảng uỷ Quân sự Trung ương, vận dụng sáng tạo vào tình hình thực tiễn của đơn vị, của địa bàn.

Dù là các đơn vị sản xuất, xây dựng kinh tế nhưng nhiệm vụ chính trị cơ bản lâu dài của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng vẫn là “lấy phát triển dân cư - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng là trọng tâm, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh là nhiệm vụ then chốt”. Cấp uỷ các đơn vị và các tổ chức Đảng cơ sở phải là

hạt nhân trong việc xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện về chính trị, tư tưởng; thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo Điều lệ Đảng, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ, biên chế tổ chức của đơn vị quân đội làm nhiệm vụ Kinh tế - Quốc phòng, xây dựng đội ngũ đảng viên gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.

Trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, cán bộ chỉ huy các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng cần nhận thức được yêu cầu về giá trị sản xuất, kinh doanh phải gắn với các yêu cầu chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh để *“mỗi bước phát triển kinh tế là một bước tăng cường củng cố tiềm lực quốc phòng và tiềm lực quốc phòng được tăng cường là điều kiện đóng góp môi trường ổn định, tạo cơ sở thuận lợi cho kinh tế phát triển nhanh chóng và bền vững”* [5; tr.351]. Hiệu quả kinh tế trước tiên phải dành cho người dân hưởng thụ, không phải làm giàu cho các đơn vị. Việc xây dựng các công ty, trung đoàn, đội sản xuất phải gắn kết chặt chẽ với lợi ích của địa phương, từng hộ gia đình. Ngay trong các hoạt động chính trị - xã hội, các đơn vị cũng phải xem xét yếu tố kinh tế, không được xem nhẹ các vấn đề tiết kiệm, đặc biệt là phải sử dụng đúng nguồn vốn, đúng chế độ, khai thác tối đa những nguồn lực có sẵn để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ.

Cùng với phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng các khu dân cư, nhất là ở địa bàn các xã biên giới, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng luôn phải giữ vị thế vững vàng của đơn vị chủ lực để tạo thế trận quốc phòng trên địa bàn chiến lược. Trong khi làm kinh tế, phải duy trì nề nếp sinh hoạt quân sự, luôn ở tư thế sẵn sàng nhận nhiệm vụ chiến đấu và chiến đấu có hiệu quả. Phát huy tối đa thế mạnh của tổ chức quân sự trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế được giao.

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, các nhiệm kỳ, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy các cấp đòi hỏi phải có sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm để xây dựng những phương án sản xuất, chính sách khoán đem lại hiệu quả thiết thực, không chỉ đảm bảo đời sống cho người lao động mà còn tạo ra tinh thần phấn khởi, hăng say lao động, cống hiến cho tập thể. Mặt khác, trên cơ sở điều kiện khách quan, chủ quan, xét đến các yếu tố địa bàn, kinh tế vùng, kinh tế ngành, đặc điểm địa lý và tính chất mùa vụ, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng phải luôn nhạy bén kịp thời điều chỉnh nguồn vốn tập trung theo hướng ưu tiên cho cây trồng chủ lực. Đồng thời, phải ưu tiên xây dựng những công trình mũi nhọn, then chốt ở trên từng địa bàn, từng

công ty, đảm bảo phù hợp quy hoạch vườn cây với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương, chiến lược an ninh - quốc phòng trên vành đai biên giới.

4.2.2. Tăng cường công tác dân vận, gắn bó với cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương; phát huy vai trò của già làng, trưởng bản trong phát triển kinh tế gắn với củng cố hệ thống chính trị trên địa bàn.

Trong bối cảnh lực lượng hoạt động phân tán ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, thì công tác dân vận của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng đã được tiến hành một cách linh hoạt, sâu rộng, toàn diện, đồng bộ trong tất cả các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội. Thông qua công tác dân vận, các đơn vị trực tiếp xoá đói giảm nghèo, xây dựng các khu Kinh tế - Quốc phòng vững mạnh trên địa bàn. Làm tốt công tác dân vận còn tạo ra cơ sở quan trọng để các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng khai thác nguồn lực tại chỗ, đảm bảo cho quá trình phát triển kinh tế và bảo vệ thành quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Nhận thức rõ vấn đề trên, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng đã chú trọng tăng cường và thường xuyên đổi mới phương thức tiến hành dân vận phù hợp với tình hình thực tế địa bàn và tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ của một đơn vị quân đội Kinh tế - Quốc phòng. Mục tiêu của các hoạt động dân vận ưu tiên tập trung vào việc tháo gỡ những khó khăn, bất cập mới nảy sinh; những yếu tố cản trở sự hồi sinh và phát triển của vùng đất mang tính đặc thù và giàu tiềm năng Tây Nguyên.

Quá trình triển khai xây dựng các khu Kinh tế - Quốc phòng với mục tiêu hàng đầu xoá đói giảm nghèo cho dân, các đơn vị đã và đang quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất cho bà con sản xuất, sinh sống. Tuy nhiên, công tác dân vận vẫn cần có sự vận dụng điều chỉnh, phù hợp với luật tục của dân làng. Việc phối hợp, gắn kết giữa các đơn vị với chính quyền địa phương theo phương châm “Bình đoàn gắn với tỉnh huyện, Công ty gắn với huyện xã, Đội sản xuất gắn với thôn làng” cần phải được quán xuyên nghiêm túc. Thông qua các hội nghị, các cuộc họp giao ban, những vấn đề nảy sinh liên quan đến quốc phòng - an ninh, tình hình trật tự trị an được giải quyết kịp thời, hiệu quả, từ đó góp phần tạo ra mối liên hệ quân và dân kết thành một khối bảo vệ biên cương của Tổ quốc.

Thực tế cho thấy, phương thức dân vận của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên là hoàn toàn phù hợp với tình hình đặc điểm của địa bàn. Đại đa số bà con dân tộc trong các khu Kinh tế - Quốc phòng do quân

đội quản lý hiểu biết và thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước, không nghe lời kẻ xấu, không theo Fulro, Tin lành Đê Ga, đạo Hà Mòn, không tham gia biểu tình, vượt biên. Đây là thắng lợi to lớn trong công tác dân vận, vận động quần chúng của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng Tây Nguyên. Để phát huy điều đó, cần phải lưu ý về mối quan hệ giữa công tác dân vận và phát triển kinh tế. Hiệu quả của hoạt động kinh tế và công tác dân vận là các nhân tố hàng đầu quyết định đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, vì vậy cần phải được xây dựng các phương án thực hiện thống nhất để 2 hoạt động này có thể hỗ trợ nhuần nhuyễn cho nhau, không được tách rời nhau, không được xem nhẹ nhân tố nào. Nhất là tại các khu Kinh tế - Quốc phòng gặp nhiều hạn chế, khó khăn trong phát triển kinh tế thì phải thực hiện dân vận tốt, dân vận tốt giúp phát huy được sức mạnh kinh tế.

4.2.3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức quần chúng trên địa bàn để cùng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao

Chặng đường phát triển trải qua nhiều bước thăng trầm, có lúc khó khăn tưởng chừng không vượt qua được, nhưng đến nay các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng tại Tây Nguyên đã từng bước phát triển, bảo đảm hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh gắn với củng cố quốc phòng - an ninh. Đạt được điều đó chính là nhờ các đơn vị đã đặc biệt chú trọng đến chiến lược phát triển con người.

Quản lý hàng nghìn lao động thuộc nhiều vùng quê, nhiều dân tộc khác nhau, làm việc trong điều kiện còn rất thiếu thốn, khó khăn về cả vật chất và tinh thần, trong sự tác động khắc nghiệt của khí hậu và phức tạp của tình hình an ninh, chính trị, xã hội, thì việc quan tâm chăm lo yếu tố con người là vấn đề có tính chất vừa cơ bản vừa cấp thiết đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi đơn vị và sự ổn định phát triển của nhiệm vụ nói chung. Vì vậy, xác định “tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với nâng cao đời sống cho người lao động” cùng với duy trì sản xuất ổn định, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng phải thường xuyên chăm lo, nâng cao đời sống cho người lao động, phải trong đó, tạo việc làm, đảm bảo thu nhập thường xuyên ngày càng cao là điều kiện hàng đầu để người lao động yên tâm gắn bó với làng bản, với đơn vị.

Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng không chỉ đào tạo lại và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ mà

còn chú trọng bồi dưỡng cả kiến thức quân sự, bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp. Thông qua việc đào tạo và đào tạo lại, các đơn vị luôn có được nguồn cán bộ kế cận và kế tiếp dồi dào đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

Các binh đoàn, công ty phải năng động đưa ra nhiều biện pháp hay nhằm động viên nhân dân địa phương nỗ lực vươn lên, khắc phục mọi khó khăn, khai thác mọi tiềm năng, lợi thế để ổn định sản xuất, làm giàu một cách chính đáng, từng bước thay đổi căn bản đời sống vật chất và thần.

Đảm bảo các điều kiện thiết yếu của đời sống cho cán bộ, lao động và nhân dân địa phương; xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng; đáp ứng các yêu cầu về ăn ở, nguồn nước sạch, điện thắp sáng, khám chữa bệnh, học hành ngày càng đầy đủ hơn..., các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng phải coi đây là yếu tố cơ bản để nhân dân có được cuộc sống “an cư lạc nghiệp” trên vành đai biên giới. Cần phải chú trọng xây dựng các khu dân cư tập trung theo quy hoạch với những quan hệ tập thể lành mạnh, tiến bộ, ổn định và có sự cải thiện theo thời gian. Các cụm dân cư phải được xem như là một xã hội thu nhỏ trong quá trình gắn bó hài hòa giữa phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội.

Tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng cần phải đặc biệt coi trọng vai trò hạt nhân lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng cũng như vai trò hỗ trợ của các tổ chức quần chúng (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ). Phải biết phát huy tối đa sức mạnh của các tổ chức này trong sản xuất và đời sống của các khu dân cư với những hoạt động được định hướng có nề nếp, hiệu quả. Đây cũng là một trong những yếu tố chính tạo ra sức mạnh tổng hợp để sản xuất kinh doanh gắn với sẵn sàng chiến đấu và xây dựng nền quốc phòng vững mạnh. Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ phải chủ động tổ chức tập huấn cho cán bộ đoàn thể, làm nòng cốt trong việc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu nhân các ngày lễ lớn, văn nghệ quần chúng... Mặt khác, các tổ chức quần chúng phải biết vận động các hội viên tích cực xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh, thực hiện tốt kế hoạch hóa gia đình, ổn định đời sống cho nữ công nhân có điều kiện học tập nâng cao trình độ văn hóa và chuyên môn. Thông qua các tổ chức Hội, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng vận động cán bộ, công nhân viên, đồng bào phát triển tăng gia sản xuất, tự túc lương thực, thực phẩm tại chỗ.

Đây là bài học kinh nghiệm quý giá về phát huy nguồn nội lực - nhân tố con người một khi được phát huy cao thì thật sự trở thành yếu tố đảm bảo cho sự ổn định và phát triển trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với quốc phòng ở các địa bàn chiến lược. Phải làm cho mỗi người dân là một người lính bảo vệ quê hương, mảnh đất của họ; mỗi làng bản là một trận địa phòng thủ vững chắc. Đây cũng chính là sự kế thừa, phát triển tư tưởng “lấy khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc” trong điều kiện, hoàn cảnh lịch sử mới.

4.2.4. Chủ động, linh hoạt trong sản xuất, kinh doanh để nâng cao hiệu quả tổng hợp kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội và quốc phòng an ninh.

Binh đoàn 15 - Tổng Công ty 15, Binh đoàn 16 - Công ty 16 và các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng khác đứng chân ở Tây Nguyên được định hướng hoạt động phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và của Tây Nguyên nói riêng. Chính vì vậy, các đơn vị phải chủ động xây dựng chiến lược kinh doanh, mở rộng và phát triển thị trường trong và ngoài nước, tích cực tham gia hội nhập kinh tế không chỉ đáp ứng mục tiêu lợi nhuận mà còn làm cơ sở để giải quyết vấn đề việc làm, thu nhập cho người lao động, phát triển dân cư - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn trên địa bàn đứng chân; từng bước tạo cho địa bàn biên giới Tây Nguyên phát triển mạnh về cả kinh tế, chính trị - xã hội và tạo cơ sở vững chắc cho việc bảo vệ biên cương của Tổ quốc.

Trên cơ sở yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ngày càng cao, tình hình khu vực, thế giới chuyển biến liên tục và đánh giá đúng thực tế năng lực, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng, đặc biệt là hai đơn vị chủ công Binh đoàn 15, 16 đã thường xuyên tổ chức xây dựng, điều chỉnh lại các phương án khoán sản phẩm với các định mức kinh tế, kỹ thuật sát với thực tế điều kiện sản xuất cụ thể; qua đó xây dựng đơn giá tiền lương phù hợp, tác động tốt tới người lao động. Các công ty của Binh đoàn 15 đã xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm, gắn với kế hoạch 5 năm một cách cụ thể, chú trọng phát huy lợi thế của từng đơn vị, yêu cầu của từng địa bàn, từng dự án, mở rộng địa bàn hoạt động và ngành nghề sản xuất, kinh doanh đảm bảo phát triển hợp lý.

Chất lượng và giá thành là những yếu tố quyết định sống còn của sản phẩm. Để có được những sản phẩm có thể đứng vững trên thị trường, cần phải có sự đầu tư cần thiết về kỹ thuật. Nằm về yêu cầu trên, các đơn vị Kinh tế - Quốc

phòng đã quan tâm đồng bộ tới việc xây dựng thương hiệu sản phẩm; nâng cao trình độ kỹ thuật, kỹ năng cho người lao động và đầu tư các thiết bị công nghệ, nhất là các nhà máy, xí nghiệp chế biến, bảo quản sản phẩm từ mủ cao su.

Chính nhờ những phương hướng trên nên mặc dù địa bàn sản xuất chủ yếu là vùng sâu vùng xa, vùng biên giới, nơi đã bị bom đạn, chất độc hóa học của quân đội xâm lược tàn phá nặng nề; nguồn lao động và điều kiện cơ sở hạ tầng thiếu thốn, lạc hậu song các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên vẫn bảo toàn được nguồn vốn; sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và các quy định của Nhà nước, Bộ Quốc phòng; đứng vững trong cơ chế thị trường, tự hạch toán và tạo ra các điều kiện thuận lợi hơn để phát triển sản xuất, mở rộng thị trường.

Việc đổi mới giải pháp kinh doanh thực sự là động lực quan trọng để đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định, từng bước cải thiện thu nhập và đời sống cho hơn hàng nghìn lao động người dân tộc địa phương, dân di cư từ nơi khác đến. Ngược lại, việc tích cực giải quyết những vấn đề thiết thực về xã hội như tổ chức tiếp nhận đồng bào địa phương vào làm việc tại các cơ sở, giải quyết hài hoà vấn đề đất ở, đất sản xuất cho người dân địa phương, nhân rộng các hình thức, biện pháp dân vận, nhất là mô hình “Gắn kết hộ”, đã có tác dụng tích cực tạo ra môi trường ổn định để đơn vị phát triển sản xuất, đẩy mạnh kinh doanh.

Trong bối cảnh đất nước hiện nay, các đơn vị cần chú ý đến việc tìm kiếm thị trường mới ở nước ngoài, hướng ra xuất khẩu, tìm thêm nhiều đầu ra cho sản phẩm. Các đơn vị phải cẩn trọng trong việc lựa chọn đối tác kinh doanh, đa dạng hoá đối tác đồng thời với đa dạng hoá sản phẩm nhằm hạn chế tác động tiêu cực của thị trường giá cả, nâng cao khả năng cạnh tranh và uy tín của doanh nghiệp.

Khi đánh giá về hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Binh đoàn 15, Binh đoàn 16 nếu chỉ xem xét về hiệu quả kinh tế thì chưa thật đầy đủ và khách quan mà đặt trong tổng thể khái niệm kinh tế gắn với quốc phòng mới thấy hết hiệu quả sản xuất kinh doanh của Binh đoàn 15, Binh đoàn 16 đã ảnh hưởng tích cực lớn thế nào đến địa bàn chiến lược Tây Nguyên. Chính vì vậy, thường xuyên linh hoạt, chủ động phát triển kinh tế để nâng cao hiệu quả tổng hợp về chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng là một bài học có ý nghĩa thiết thực trong điều kiện hiện nay đối với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 4

Nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng, trách nhiệm trên mặt trận “xây dựng kinh tế”, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng đứng chân trên đất Tây Nguyên đã phát huy vai trò nòng cốt xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn chiến lược này.

Sự hiện diện của các đơn vị quân đội Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên đã làm tăng cường lực lượng xung kích tham gia xoá đói giảm nghèo, giải quyết hiệu quả các vấn đề kinh tế - xã hội những vùng khó khăn, củng cố và xây dựng mối quan hệ gắn bó quân dân trong thời kì mới, góp phần làm thất bại âm mưu chia rẽ, chống phá từ bên trong của các thế lực thù địch, tạo nên khối đại đoàn kết thống nhất các dân tộc Việt Nam bảo vệ biên giới, chủ quyền của Tổ quốc.

Các đơn vị quân đội Kinh tế - Quốc phòng về cơ bản đã hoàn thành các mục tiêu chung về phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, góp phần nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc tại chỗ và tiếp nhận nhân dân từ khắp nơi trên mọi miền đất nước đến đây sinh cơ lập nghiệp; hình thành nên hệ thống các khu dân cư tập trung, tạo điều kiện phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng - an ninh ở trong các khu Kinh tế - Quốc phòng dọc tuyến biên giới đất liền Tây Nguyên.

Quá trình quân đội thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế gắn với quốc phòng ở Tây Nguyên là quá trình phát triển, từng bước hoàn thiện nhận thức kết hợp kinh tế với quốc phòng; khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước về vấn đề quân đội làm kinh tế. Mô hình Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên là cơ sở để nhân rộng ra nhiều địa bàn chiến lược khác như Đông Bắc, Tây Bắc và Tây Nam Bộ.

Những bài học được đúc rút từ quá trình triển khai thực hiện các dự án Kinh tế - Quốc phòng của quân đội tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng cũ ở Tây Nguyên đã góp phần làm phong phú thêm kinh nghiệm về thực tiễn xây dựng chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng trong cả nước, bổ sung lý luận để khẳng định sự đúng đắn của Đảng trong chủ trương quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế đất nước trong thời kì mới.

KẾT LUẬN

1. Mảnh đất Tây Nguyên nghèo khó nhưng giàu tiềm năng là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhận thức điều đó, trong quá trình lãnh đạo công cuộc Đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước rất quan tâm đến việc xây dựng Tây Nguyên trở thành điểm sáng về thực hiện chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng của cả nước.

Ngay từ khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước chưa kết thúc, Đảng ủy Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng đã thành lập và duy trì một lực lượng quân đội đứng chân trên địa bàn Tây Nguyên vừa sản xuất, vừa chiến đấu, xây dựng hậu phương tại chỗ chuẩn bị hoàn thành công cuộc giải phóng miền Nam khi thời cơ xuất hiện. Chính lực lượng này là cơ sở và tiền đề cho việc ra đời các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng về sau. Lực lượng quân đội chuyên sản xuất, xây dựng kinh tế đã song hành cùng nhân dân tại chỗ nỗ lực khắc phục hậu quả chiến tranh sau ngày giải phóng, hình thành nên những vùng kinh tế mới, phát huy tiềm năng thế mạnh của Tây Nguyên đối với sự nghiệp phát triển đất nước.

Năm 1985, trước đòi hỏi của thực tiễn, Binh đoàn xây dựng kinh tế Tây Nguyên (Binh đoàn 15) được thành lập, với nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên. Sự ra đời của Binh đoàn 15 đã đưa quá trình phát triển của lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế sang trang mới. Cùng với quá trình sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị quân đội tham gia sản xuất kinh tế trong cả nước, nhiều đơn vị với quy mô và thời điểm khác nhau như Binh đoàn 16, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng cấp quân khu, cấp tỉnh đã lần lượt ra đời trên mảnh đất Tây Nguyên. Những đơn vị này cùng với Binh đoàn 15 đã triển khai xây dựng các khu Kinh tế - Quốc phòng, trong đó có 4 khu Kinh tế - Quốc phòng có nhiệm vụ sản xuất gắn với các doanh nghiệp. Được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng, chính quyền địa phương các cấp tạo điều kiện giúp đỡ, với sự nỗ lực vượt qua khó khăn của cán bộ chiến sĩ, người lao động, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh vùng Tây Nguyên, góp phần hiện thực hoá các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và Quân đội đối với nhân dân các dân tộc tại Tây Nguyên.

2. Sự hiện diện của các đơn vị quân đội Kinh tế - Quốc phòng ngót một phần ba thế kỷ qua đã góp phần làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội và giữ vững quốc phòng - an ninh tại địa bàn chiến lược Tây Nguyên.

Phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng đã tạo cơ sở ban đầu về đất đai, nơi ăn, chốn ở và việc làm cho người lao động và nhân dân địa phương. Từ đó, cung cấp các dịch vụ và hướng dẫn người lao động, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ nhận khoán diện tích đất để tiến hành trồng cây đồng thời phát triển kinh tế hộ gia đình. Địa bàn hoạt động của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng đã trở thành những điểm thu hút hàng nghìn lao động từ nhiều miền quê của đất nước, góp phần thực hiện chương trình điều chỉnh lao động, phân bố dân cư xây dựng các khu vực kinh tế mới. Với các kết quả đạt được, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng đã góp phần làm chuyển biến cơ bản cơ cấu kinh tế tại Tây Nguyên, đặc biệt là đã làm thay đổi phương thức tập quán sản xuất của nhân dân các xã vùng sâu, vùng xa, giúp đồng bào định cư, định cư gắn bó làm giàu với vườn cây cao su, cà phê.

Quá trình quân đội thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng tại Tây Nguyên đã cho ra đời nhiều khu Kinh tế - Quốc phòng mà tại đó người dân được đáp ứng đầy đủ những nhu cầu thiết yếu của đời sống vật chất và tinh thần; góp phần xây dựng nông thôn mới trên địa bàn miền núi, biên giới. Điều đáng ghi nhận là mặc dù xây dựng cuộc sống văn minh, tiến bộ nhưng những nét văn hóa đặc sắc đậm đà bản sắc các dân tộc ở Tây Nguyên vẫn tiếp tục được gìn giữ và phát huy. Hơn thế nữa, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng đã tạo ra sự thay đổi to lớn trong nhận thức của nhân dân trên địa bàn, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân đã được tạo lập vững chắc trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên. Tại đây, chính nhân dân chứ không phải ai khác, đã trở thành lực lượng bảo vệ vững chắc thành quả lao động sản xuất và cuộc sống “an cư lạc nghiệp” của tập thể, gia đình và cá nhân họ.

Cùng với thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên của Đảng, Nhà nước, sự hiện diện của các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng tại vùng đất này đã góp phần làm thất bại âm mưu dùng chiến lược “Diễn biến hòa bình” để gây ra tình trạng bất ổn định, chống phá chế

độ của các thế lực phản động, bảo vệ vững chắc sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam, tăng cường năng lực phòng thủ quốc gia trên khu vực biên giới.

3. Quá trình quân đội tham gia phát triển kinh tế gắn với quốc phòng ở Tây Nguyên đã đúc kết nên một số kinh nghiệm, góp phần tô thắm truyền thống của Quân đội Nhân dân Việt Nam - một đội quân chiến đấu, công tác, sản xuất và hình ảnh “bộ đội cụ Hồ” trong thời bình. Quá trình đó cũng cung cấp những dữ liệu cần thiết, góp phần vào việc thực hiện chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng tại các địa bàn chiến lược trong cả nước nói chung, Tây Nguyên nói riêng. Mô hình Kinh tế - Quốc phòng của Binh đoàn 15, Binh đoàn 16 và các đơn vị khác tại Tây Nguyên đã được nhân rộng ra tại nhiều địa bàn chiến lược của cả nước.

Với những kết quả đạt được từ nhận thức sự đúng đắn giữa kinh tế với quốc phòng, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng của quân đội đã tạo ra được một nền tảng cơ sở vật chất, dân cư, lực lượng vũ trang đảm bảo cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng tương đối vững chắc ở địa bàn, góp phần đưa vùng đất Tây Nguyên giàu tiềm năng này phát triển ổn định, bền vững. Đó là thành quả của cả một quá trình xây dựng và phát triển từng bước của mỗi cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên, người lao động tại các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên.

Mặt khác, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên cũng đã tạo ra nhiều mô hình thực hiện nhiệm vụ linh hoạt, đa dạng. Qua đó, phát huy được sức mạnh nội lực của quân đội, tận dụng được mọi tiềm năng của điều kiện tự nhiên, dân cư - xã hội trên địa bàn cùng tham gia phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên.

Từ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên cũng như kết quả đạt được cho thấy kinh nghiệm về tổ chức sản xuất kinh doanh, về phát triển dân cư - xã hội, về công tác dân vận, xây dựng địa bàn, về nhận thức đúng đắn khái niệm kinh tế gắn với quốc phòng đã được vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa bàn trong từng giai đoạn lịch sử. Điều này có ý nghĩa hết sức to lớn không chỉ đối với các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng mà còn là những bài học quý giá để Đảng, Nhà nước, quân đội có thể định hướng triển khai phát triển kinh tế gắn với quốc phòng tại các địa bàn trọng điểm, chiến lược trên phạm vi cả nước

một cách hiệu quả, góp phần củng cố vững chắc thể trận quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh hơn.

4. Quá trình quân đội thực hiện phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng - an ninh ở Tây Nguyên đã khẳng định sự đúng đắn về chủ trương quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới.

Mô hình kết hợp kinh tế với quốc phòng mà các đơn vị quân đội thực hiện trên mảnh đất Tây Nguyên đã đáp ứng được đòi hỏi thực tiễn của nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới, góp phần phê phán những nhận thức không đúng, phiến diện khi cho rằng quân đội làm kinh tế không hiệu quả, quân đội không nên làm kinh tế, quân đội làm kinh tế làm giảm sức chiến đấu và khả năng sẵn sàng chiến đấu...; đồng thời góp phần làm thất bại âm mưu phi chính trị hoá Quân đội Nhân dân Việt Nam của các thế lực phản động.

Hoạt động tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế là một nhiệm vụ chính trị, một chức năng thuộc về bản chất truyền thống của Quân đội Nhân dân Việt Nam, là một mặt trận hoạt động quan trọng của quân đội để nâng cao bản lĩnh, kỷ luật và sức mạnh, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước.

Tận dụng đúng những thế mạnh của kỷ luật quân đội, phát huy vai trò tích cực trong tham gia lao động sản xuất, các đơn vị Kinh tế - Quốc phòng của quân đội đã đến với những vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, nơi mà chỉ có người lính “Bộ đội Cụ Hồ” có thể đến và trở thành lực lượng nòng cốt về xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo, tạo điều kiện cho hàng nghìn hộ dân định cư lâu dài, xây dựng và củng cố các khu Kinh tế - Quốc phòng hình thành thế bố trí chiến lược đặc biệt trên dọc tuyến biên giới từ Bắc vào Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.Abadop (1998), *Hoạt động kinh tế của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
2. Mẫn Hà Anh (2009), *Xây dựng khu Kinh tế Quốc phòng nhìn từ Binh đoàn 16*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 2 - 2009.
3. Đặng Nguyên Anh (2006), *Chính sách di dân trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh miền núi*, Nxb Thế giới, H.
4. Ban Giám đốc Công ty cà phê 15 (2001), *Công ty cà phê 15 - Mười lăm năm một chặng đường*, Nxb Quân đội nhân dân, H.
5. Ban Giám đốc Công ty 72 (2013), *Lịch sử Công ty 72 (1973 - 2013)*, Nxb Quân đội nhân dân, H.
6. Ban Giám đốc Công ty 74 (2013), *Công ty TNHH MTV 74 - Thấm đượm tình quân dân nâng tầm vóc anh hùng*, Nxb Thông tấn xã Việt Nam, H.
7. Ban Giám đốc Công ty 74 (2010), *Công ty 74 - 35 năm xây dựng và phát triển (8/3/1975 - 8/3/2010)*, Sở thông tin và truyền thông, Gia Lai.
8. Ban Giám đốc Công ty 74 (2015), *Lịch sử Công ty 74 (1975 - 2015)*, Nxb Công an nhân dân, H.
9. Ban Giám đốc Công ty 75 (2012), *Công ty 75 - Dấu ấn xanh Anh hùng trên đất đỏ Tây Nguyên*, Nxb Văn hóa thông tin, H.
10. Ban Giám đốc Công ty 78 (2014), *Công ty TNHH MTV 78 - 15 năm xây dựng và phát triển*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
11. Ban Giám đốc Công ty 715 (2011), *Công ty 715 - 25 năm xây dựng và phát triển*, Xưởng in Cục Chính trị - Quân đoàn 3, Gia Lai.
12. Ban Giám đốc Công ty 732 (2013), *Công ty TNHH MTV 732 - 40 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển (1973 - 2013)*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
13. Binh đoàn 15 (1985), *Biên bản bàn giao Công ty cao su Đức Cơ từ Tổng cục quản lý sang Bộ Quốc phòng quản lý*, số 985/QP, ngày 12/3/1985, Phòng Chính trị Binh đoàn 15, Gia Lai.
14. Binh đoàn 15 (1987), *Dự án đầu tư xây dựng vùng cao su Đức Cơ*, Phòng Chính trị Binh đoàn 15, Gia Lai.

15. Binh đoàn 15 (1987), *Luận chứng Kinh tế kỹ thuật Nông trường 732*, Phòng Chính trị Binh đoàn 15, Gia Lai.
16. Binh đoàn 15 (1989), *Tờ trình về bổ sung phần Luận chứng kinh tế, kỹ thuật vùng Cao su Đức Cơ*, ngày 17/12/1989, Phòng Chính trị Binh đoàn 15, Gia Lai.
17. Binh đoàn 15 (2013), *Báo cáo tổng kết 10 năm công tác dân vận (2003 - 2013)*, Phòng Chính trị Binh đoàn, Gia Lai.
18. Binh đoàn 16 (1999), *Tờ trình v/v dự án Nam Đắc Lắc Bình Phước*, số 17/BC, ngày 1/3/1999, Phòng Chính trị Binh đoàn 16, Bình Phước.
19. Binh đoàn 16 (2013), *Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 152/NQ-ĐUQSTW về tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác dân vận của lực lượng vũ trang trong thời kỳ mới*, Phòng Chính trị Binh đoàn, Bình Phước.
20. Bondan O.Szuprowicz (1977), *Vai trò của Quân giải phóng nhân dân trong nền kinh tế và đối ngoại Trung Quốc*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
21. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng (2012), *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Lâm Đồng*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
22. Bộ Chính Trị (1979), *Hồ sơ chỉ thị, quyết định về bàn giao cơ sở chuyên xây dựng kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng sang các ngành kinh tế năm 1979*, TTLTQG III, Hà Nội, kí hiệu 9273.
23. Bộ Kế hoạch đầu tư (2007), *Đề án sắp xếp doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 của số 8375 BKH-PTDN ngày 27/11/2007*, TTLTQG III, H, Kí hiệu 20618.
24. Bộ Nông nghiệp (1979), *Hồ sơ biên bản bàn giao khu Kinh tế Nông nghiệp của Đoàn 331 và Đoàn 333 - Quân khu 5 sang Bộ Nông nghiệp quản lý năm 1979*, TTLTQG III, H, kí hiệu 282.
25. Bộ Quốc phòng (1976), *Báo cáo trình Thường vụ Hội đồng Chính phủ về kế hoạch xây dựng kinh tế nông lâm nghiệp của quân đội trong kế hoạch 5 năm (1976 - 1980)*, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
26. Bộ Quốc phòng (1976), *Báo cáo gửi anh Tô*, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
27. Bộ Quốc phòng (1976), *Tờ trình về quân đội tham gia xây dựng khu kinh tế Tây Nguyên*, số 138/QP, ngày 12/3/1976, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.

28. Bộ Quốc phòng (1980), *Báo cáo về tình hình tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân đội xây dựng kinh tế*, số 1631/QP, ngày 29/11/1980, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
29. Bộ Quốc phòng (1980), *Hồ sơ báo cáo các dự án Quân đội tham gia sản xuất lương thực năm 1979 - 1980 ở Tây Nguyên và Đông Nam bộ*, TTLTQG III, H, kí hiệu 263.
30. Bộ Quốc phòng (1981), *Báo cáo về nhiệm vụ quân đội tham gia xây dựng kinh tế Tây Nguyên*, số 953/QP, ngày 15/1/1981, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
31. Bộ Quốc phòng (1983), *Hồ sơ báo cáo về kết quả bàn giao các đơn vị cơ sở sản xuất nông lâm nghiệp sang các cơ quan nông nghiệp năm 1983*, TTLTQG III, kí hiệu 9305.
32. Bộ Quốc phòng (1985), *Hồ sơ về tổ chức và bàn giao một số đơn vị xây dựng kinh tế sang Bộ Quốc phòng quản lý năm 1985*, TTLTQG III, kí hiệu 9331.
33. Bộ Quốc phòng (1985), *Tờ trình về việc dự trù vận chuyển đảm bảo thuộc Binh đoàn 15 làm kinh tế ở Tây Nguyên*, số 810/QP, ngày 10/5/1985, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
34. Bộ Quốc phòng (1987), *Quyết định về việc công nhận hoàn thành kế hoạch 1987 của Binh đoàn 15*, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
35. Bộ Quốc phòng (1985), *Báo cáo của việc triển khai tổ chức Binh đoàn 15 tham gia xây dựng kinh tế Tây Nguyên*, số 1157/QP, ngày 30/6/1985, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
36. Bộ Quốc phòng (1985), *Báo cáo về tình hình Quân đội tham gia sản xuất kinh tế năm 1985*, TTLTQG III, H, kí hiệu 17726.
37. Bộ Quốc phòng (1986), *Hồ sơ về việc tổ chức Binh đoàn 15 xây dựng kinh tế Tây Nguyên năm 1986*, TTLTQG III, H, kí hiệu 2514.
38. Bộ Quốc phòng (1991), *Hồ sơ về việc thẩm định luận chứng kinh tế kỹ thuật công trình cao su Đức Cơ thuộc Binh đoàn 15 năm 1987 - 1991*, TTLTQG III, H, kí hiệu 26964.
39. Bộ Quốc phòng (1992), *Hồ sơ xin thành lập các công ty, xí nghiệp thuộc Tổng Công ty Miền Trung thuộc Bộ Quốc phòng năm 1992*, TTLTQG III, H, kí hiệu 23356.

40. Bộ Quốc phòng (1992), *Hồ sơ xin thành lập các Nông trường cao su 701, 703, 706, 707, 732 thuộc Tổng công ty Miền Trung - Bộ Quốc phòng*, TTLTQG III, H, kí hiệu 23357.
41. Bộ Quốc phòng (1992), *Hồ sơ xin thành lập các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn - Bộ Quốc phòng năm 1992*, TTLTQG III, H, kí hiệu 23358.
42. Bộ Quốc phòng (1994), *Báo cáo tình hình sản xuất quốc phòng và làm kinh tế của quân đội (tài liệu báo cáo với Thường trực Chính phủ) số 643/QP, ngày 30/4/1994*, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
43. Bộ Quốc phòng (1994), *Biên bản Hội nghị giải quyết khó khăn cho các đoàn kinh tế ở Tây Nguyên năm 1984*, TTLTQG III, H, kí hiệu 17488.
44. Bộ Quốc phòng (1996), *Báo cáo Tổ chức lại các doanh nghiệp trong quân đội, số 14/QP, ngày 3/1/1996*, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
45. Bộ Quốc phòng (1996), *Hồ sơ về việc giao đất cho Binh đoàn 15 trồng cao su thuộc tỉnh Gia Lai năm 1996*, TTLTQG III, H, Kí hiệu 6395.
46. Bộ Quốc phòng (1997), *Hồ sơ v/v tình hình di dân tự do và quân đội làm kinh tế ở Tây Nguyên và một số tỉnh năm 1997*, TTLTQG III, H, Kí hiệu 6447.
47. Bộ Quốc phòng (1998), *Hồ sơ v/v thành lập Công ty 16 và 78 thuộc Bộ Quốc phòng năm 1998 - 2000*, TTLTQG III, H, Kí hiệu 5478
48. Bộ Quốc phòng (1999), *Báo cáo tóm tắt tình hình triển khai xây dựng và trình duyệt dự án đầu tư xây dựng khu Kinh tế - Quốc phòng Bình Phước - Nam Đắc Lắc, số 490/QP, ngày 2/3/1999*, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
49. Bộ Quốc phòng (1999), *Đề án quy hoạch tổng thể quân đội tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa gắn với xây dựng các khu quốc phòng – an ninh trên các địa bàn chiến lược biên giới, ven biển (Theo quyết định 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ), số 3887/BQP, ngày 27/12/1999*, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
50. Bộ Quốc phòng (2003), *Đề án Tổng thể sắp xếp doanh nghiệp nhà nước trong quân đội đến năm 2005 của Bộ Quốc phòng số 790/BQP ngày 13/3/2003*, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.

51. Bộ Quốc phòng (2003), *Tờ trình về chế độ chính sách đối với lực lượng quân đội trực tiếp tham gia đội công tác tăng cường cơ sở trên địa bàn Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ*, số 3067/TTr-BQP ngày 8/8/2003, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
52. Bộ Quốc phòng (2003) *Hồ sơ về di dân định cư vào khu Kinh tế quốc phòng - Binh đoàn 16*, TTLTQG III, H, Kí hiệu 16813
53. Bộ Quốc phòng (2003), *Hồ sơ về một số cơ chế hỗ trợ tài chính đối với khu Kinh tế Quốc phòng và cảng Sài Gòn*, TTLTQG III, H, Kí hiệu 15123
54. Bộ Quốc phòng (2004), *Kế hoạch sử dụng đất dự án phát triển kinh tế xã hội kết hợp quốc phòng an ninh trên địa bàn huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk của Binh đoàn 16 - Bộ Quốc phòng (số 443/KHSDD ngày 14/7/2004)*, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
55. Bộ Quốc phòng (2004), *Quyết định về quy chế hoạt động của đoàn Kinh tế Quốc phòng*, số 133/2004/QĐ-BQP, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
56. Bộ Quốc phòng (2004), *Từ điển bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
57. Bộ Quốc phòng (2004), *Hồ sơ chính sách đối với hộ dân kinh tế mới thuộc dự án Kinh tế Quốc phòng*, TTLTQG III, H, Kí hiệu 16800
58. Bộ Quốc phòng (2004), *Hồ sơ về xử lý khó khăn tài chính đối với Công ty 53 thuộc Bộ Quốc phòng năm 2004*, TTLTQG III, H, Kí hiệu 14940.
59. Bộ Quốc phòng (2005), *Hồ sơ xử lý khó khăn tài chính cho Tổng Công ty cà phê Việt Nam, Công ty cà phê 15 - Bộ Quốc phòng năm 2005*, TTLTQG III, H, Kí hiệu 14939.
60. Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15 (1998), *Quyết định điều vườn cao su của nông trường 708 - thuộc Công ty Bình Dương về Công ty 78 quản lý ngày 10/10/1998*, Phòng Chính trị Binh đoàn 15, Gia Lai.
61. Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15 (1998), *Quyết định điều vườn cao su năm 1989 của Công ty 72 về Công ty 78 quản lý, ngày 25/12/1998*, Phòng Chính trị Binh đoàn 15, Gia Lai.
62. Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15 (2003), *Binh đoàn 15 - Vì màu xanh Tây Nguyên*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
63. Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15 (2008), *Lịch sử Binh đoàn 15 (1985 - 2005)*, Nxb

Quân đội Nhân dân, H.

64. Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15 (2010), *Binh đoàn 15 - 20 năm xây dựng và phát triển*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
65. Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15 (2011), *Bản lĩnh anh hùng trên cao nguyên xanh*, Nxb Hội văn hóa, H.
66. Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15 (2011), *Lịch sử Đảng bộ Binh đoàn 15 (1985 - 2010)*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
67. Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15 (2015), *Lịch sử Binh đoàn 15 (1985 - 2015)*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
68. Bộ Tư lệnh Binh đoàn 16 (2005), *Lịch sử Đảng bộ Binh đoàn 16 (1996 - 2005)*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
69. Bộ Tư lệnh Binh đoàn 16 (2013), *Binh đoàn 16 - Biên niên sự kiện và những kỉ niệm sâu sắc (1998 - 2013)*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
70. Bộ Tư lệnh Binh đoàn 16 (2018), *Lịch sử Đảng bộ Binh đoàn 16 (1999 - 2019)*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
71. Hoàng Duy Chân (2009), *Binh đoàn 15 quan tâm xây dựng lực lượng tự vệ vững mạnh*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 8 - 2009.
72. Vũ Thanh Chế (1998), *Quân đội Nhân dân Việt Nam với sự nghiệp xây dựng nền kinh tế đất nước trong tình hình hiện nay*, Học viện Chính trị, H.
73. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (1986), *Quyết định về một số nhiệm vụ sản xuất nông lâm nghiệp của Binh đoàn 15, số 284CT ngày 3/1/1986*, Văn phòng Chính phủ, H.
74. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (1986), *Quyết định về một số nhiệm vụ sản xuất nông lâm nghiệp của Binh đoàn 15, Tổng cục xây dựng Kinh tế - Bộ Quốc phòng, số 284/CT, ngày 3/1/1986*, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
75. Cục Kinh tế (2015), *Báo cáo tham luận tại Hội thảo liên kết vùng Kinh tế ngày 24/7/2015*, Phòng Hành chính - Cục kinh tế - Bộ Quốc phòng, H.
76. Cục Kinh tế (2015), *Chỉ thị số 30/KT-KH Về việc xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng Tây Nguyên thời kì 2011 - 2020*, Phòng Hành chính - Cục Kinh tế - Bộ Quốc phòng, H.
77. *Chuyện mới ghi ở Tây Nguyên* (2005), Nxb Quân đội nhân dân, H.

78. Dương Chí Diễm (2018), *Nghiên cứu kết hợp hoạt động kinh tế với quốc phòng của binh đoàn kinh tế trên địa bàn Tây Nguyên*, Binh đoàn 16, Bình Phước.
79. Lê Văn Dũng (1997), *Kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh trên khu vực phía nam*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 7 - 1997.
80. Nguyễn Tiến Dũng (2012), *Hoạt động tham gia xây dựng cơ sở địa phương vững mạnh của các đơn vị quân đội trên địa bàn Tây Nguyên giai đoạn hiện nay*, Học viện Chính trị, H.
81. Trương Minh Dục (2016), *Thực trạng kinh tế - xã hội Tây Nguyên và những vấn đề đặt ra hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, Số 2 - 2016.
82. Lê Duy Đại (2006), *Dân cư - dân số Tây Nguyên trong sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá*, Tạp chí Dân tộc học, Số 4 - 2006
83. Nguyễn Xuân Đại (2017), *Đoàn Kinh tế - quốc phòng thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, nhà nước ta hiện nay*, Học viện Chính trị, H.
84. Nguyễn Xuân Đại (2014), *Hiệu quả công tác dân vận trên địa bàn Tây Nguyên từ mô hình “Gắn kết hộ”*, Tạp chí Kinh tế Quốc phòng, Số 4 - 2014.
85. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb Sự thật, H.
86. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, H.
87. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị Quốc gia, H.
88. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 34, Nxb Chính trị Quốc gia, H.
89. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 36, Nxb Chính trị Quốc gia, H.
90. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 37, Nxb Chính trị Quốc gia, H.
91. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 38, Nxb Chính trị Quốc gia, H.
92. Đảng ủy Binh đoàn 15 (2009), *Nghị quyết Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ hợp tác đầu tư phát triển cao su tại Campuchia*, số 34-NQ/ĐU, ngày 24/9/2009, Phòng Chính trị Binh đoàn 15, Gia Lai.

93. Đảng ủy Binh đoàn 16 (2000), *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Binh đoàn lần thứ nhất*, số 01/NQ-ĐH, ngày 13/12/2000, Phòng Chính trị Binh đoàn 16, Bình Phước.
94. Đảng ủy Binh đoàn 16 (2001), *Nghị quyết Hội nghị Đảng ủy Binh đoàn về nhiệm vụ Kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và công tác xây dựng Đảng*, số 07/NQ-ĐU, ngày 24/12/2001, Phòng Chính trị Binh đoàn 16, Bình Phước.
95. Đảng ủy Binh đoàn 16 (2003), *Nghị quyết về Công tác dân vận trong tình hình mới*, số 305/NQ-ĐU, ngày 01/12/2003, Phòng Chính trị Binh đoàn 16, Bình Phước.
96. Đảng ủy Quân sự Trung ương (2012), *Nghị quyết về lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng của quân đội đến năm 2020*, số 520-NQ/QUTW, ngày 25/9/2012, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
97. Đoàn 311 (1979), *Báo cáo về khu kinh tế Đoàn 311 ở Gia Lai - Kon Tum năm 1979*, số 3/KT, Phòng Hành chính - Cục Kinh tế - Bộ Quốc phòng, H.
98. Đoàn Kinh tế - Quốc phòng Bắc Lâm Đồng (2013), *Báo cáo về thực hiện nhiệm vụ KTQP đến năm 2013*, Phòng Chính trị - Bộ Chỉ huy Quân sự Lâm Đồng, Lâm Đồng.
99. Đoàn Kinh tế - Quốc phòng Bắc Lâm Đồng (2015), *Báo cáo kết quả thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu KTQP Bắc Lâm Đồng đến tháng 6 – 2015*, phòng Chính trị Bộ Chỉ huy Quân sự Lâm Đồng, Lâm Đồng.
100. Nguyễn Đường (1986), *Mấy vấn đề về bảo đảm kinh tế cho quốc phòng ở nước ta hiện nay*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
101. Lê Nhị Hòa (2013), *Kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng ở Tây Nguyên giai đoạn 1996 - 2010*, Nxb Chính trị Quốc gia, H.
102. *Học thuyết Mác Lê - nin về chiến tranh và quân đội* (1975), Nxb Quân đội Nhân dân, H.
103. Hồ Sĩ Hậu (2004), *Khu Kinh tế - Quốc phòng, một nguồn lực của đất nước, nòng cốt giải quyết các vấn đề khó khăn về kinh tế xã hội trên địa bàn chiến lược*, Tạp chí Lịch sử quân sự, số 12 – 2004.

104. Hội đồng Bộ trưởng (1981), *Nghị quyết về phát triển nông nghiệp - lâm nghiệp các tỉnh Tây Nguyên trong thời gian 1981 - 1985*, số 31 - HĐBT, ngày 22/2/1982, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
105. Hội đồng Bộ trưởng (1986), *Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Tổng cục Kinh tế và Binh đoàn 15 năm 1986 (22/1/1986 - 3/11/1986)*, TTLTQG III, H, Kí hiệu 9345
106. Hội đồng Bộ trưởng (1987), *Hồ sơ về cấp kinh phí, giới thiệu tư cách pháp nhân cho các đơn vị làm kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng năm 1987*, TTLTQG III, H, kí hiệu 9355.
107. Ngô Minh Hiệp (2018), *Đảng lãnh đạo đấu tranh chống Fulro trên địa bàn Tây Nguyên*, trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn – Đại học quốc, H.
108. Trần Mạnh Hùng (2008), *Đầu tư phát triển các khu kinh tế - quốc phòng ở Việt Nam hiện nay*, trường Đại học Kinh tế quốc dân, H.
109. Đỗ Mạnh Hùng (2011), *Bàn về tính đặc thù của khu Kinh tế Quốc phòng*, Tạp chí Kinh tế Quốc phòng, số 2 - 2011.
110. Nguyễn Mạnh Hùng (2006), *Xây dựng kinh tế quốc phòng - chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, một nhiệm vụ quan trọng của quân đội*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 6 - 2006.
111. Lê Thiết Hùng (2004), *Doanh nghiệp quốc phòng tham gia sản xuất kinh tế - Thế mạnh nào cần được phát huy*, Báo Quân đội Nhân dân, Số ngày 5/5/2004.
112. Nguyễn Mạnh Hưởng (2012), *Góp phần chống “Diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng*, Nxb Chính trị Quốc gia, H.
113. Nguyễn Minh Khai, *Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Tạp chí Cộng sản, Số 7 - 1996.
114. Đoàn Khuê (1992), *Kết hợp kinh tế với quốc phòng để xây dựng và bảo vệ tổ quốc*, Tạp chí Cộng Sản, Số 12 - 1992.
115. Lê Văn Kỳ (2010), *Phong tục tập quán cổ truyền một số dân tộc thiểu số ở Nam Tây Nguyên*, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, H.
116. Vũ Quang Lộc (1994), *Đổi mới kết hợp kinh tế với quốc phòng*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 3 - 1994.
117. Nguyễn Văn Lượng (2014), *Quốc phòng Việt Nam trong những năm đầu đổi mới đất nước (1986 - 1996)*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.

118. Hồ Tổ Lương (2010), *Chủ trương của Đảng về Quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế sau năm 1975*, Tạp chí Lịch sử quân sự, Số 2 – 2010.
119. Nguyễn Văn Lý (2011), *Vai trò quân đội trong quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
120. Lương Văn Mạnh (2012), *Đẩy mạnh xây dựng khu Kinh tế Quốc phòng trên các địa bàn chiến lược, biên giới, hải đảo*, Tạp chí Kinh tế Quốc phòng, số 1 - 2012.
121. Lã Văn Mùi (2009), *Thực hiện công tác dân vận trên một địa bàn Tây Nguyên ở một đơn vị kinh tế - quốc phòng*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 4 - 2009.
122. Đậu Tuấn Nam (2013), *Di cư của người Hmông từ Đổi mới đến nay*, NXB Chính trị Quốc gia, H.
123. Nguyễn Doãn Nãi (2008), *Binh đoàn 16 với nhiệm vụ xây dựng khu kinh tế - quốc phòng trên địa bàn chiến lược Nam Tây Nguyên - Bình Phước*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 11 - 2008.
124. Vũ Hữu Ngoạn (1995), *Mấy quan điểm chung về kết hợp kinh tế với quốc phòng*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 7 - 1995.
125. Nguyễn Duy Ngộ (2007), *Binh đoàn 15 phối hợp với địa phương và các lực lượng trên địa bàn tham gia xây dựng cơ sở chính trị - xã hội*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 5 - 2007.
126. Đồng Sỹ Nguyên (2012), *Sản xuất, xây dựng kinh tế của Quân đội không tách rời đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng*, Tạp chí Kinh tế Quốc phòng, số 4 - 2012.
127. Võ Văn Nguyên (2008), *Công ty 732 phấn đấu vì sự bình yên, phát triển của địa bàn nơi ngã ba biên giới*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 4 - 2008.
128. Nguyễn Nhâm, *Kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh - một nguồn lực quan trọng để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 8 – 1998.
129. Phòng Chính trị Binh đoàn 16 (2013), *Đề cương tuyên truyền Binh đoàn 16 - 15 năm xây dựng và phát triển*, Phòng Chính trị Binh đoàn 16, Bình Phước.
130. Nguyễn Xuân Phúc (2012), *Quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp Kinh tế - Quốc phòng*, Đại học Kinh tế quốc dân, H.
131. Bùi Phùng (1983), *Bài kết luận tại Hội nghị quân đội xây dựng kinh tế năm 1983*, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.

132. Đoàn Mạnh Phương (2003), *Vị tướng hai danh hiệu anh hùng*, Nxb Thông tấn xã Việt Nam, H.
133. *Quân đội nhân dân Việt Nam trên mặt trận xây dựng kinh tế* (2004), Nxb Quân đội Nhân dân, H.
134. Trần Ngọc Quế (1989), Tìm hiểu hoạt động của Fulro trên địa bàn Tây Nguyên từ 1975 đến nay, tạp chí Lịch sử quân sự số 3 – 1989.
135. Quân ủy Trung ương (1976), *Hồ sơ về tình hình Quân đội tham gia xây dựng kinh tế năm 1976*, TTLTQG III, H, kí hiệu 1852.
136. Nguyễn Văn Rinh (2003), *Kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế trong tiến trình Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
137. Đỗ Văn Sang (2008), *Tăng cường công tác dân vận, tham gia xây dựng địa bàn gắn với phát triển sản xuất, kinh doanh ở công ty 75*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 11 - 2008.
138. Nguyễn Xuân Sang (2004), *Binh đoàn 15 đoàn kết, gắn bó mật thiết với đồng bào Tây Nguyên, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 6 - 2004.
139. Nguyễn Xuân Sang (2005), *Khu Kinh tế - Quốc phòng trên địa bàn chiến lược, những vấn đề cơ bản qua 20 năm thực hiện ở Binh đoàn 15*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 8 - 2005.
140. Nguyễn Xuân Sang (2011), *Tổng Công ty 15 vượt lên khó khăn, phát triển bền vững*, Tạp chí Kinh tế Quốc phòng, Số 3 - 2011.
141. Nguyễn Xuân Sang (2012), *Mô hình gắn kết hộ ở Binh đoàn 15*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 1 - 2012.
142. Trần Sâm (1985), *Báo cáo gửi anh Lê Thiện Vụ I số 879/BCQP*, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
143. Hoàng Văn Sinh (2010), *Công ty 72 phát triển sản xuất - kinh doanh với xây dựng địa bàn vững mạnh*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 1 - 2010.
144. Nguyễn Trường Sơn (2016), *Phát huy vai trò của bộ đội địa phương trong xây dựng hệ thống chính trị cơ sở phòng, chống “Diễn biến hòa bình” ở Tây Nguyên*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
145. Đinh Văn Thiên (2010), *Tây Nguyên – vùng đất con người*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
146. Trần Quang Thống (2003), *Công ty 715, Binh đoàn 15 đẩy mạnh hoạt động*

- kinh tế, góp phần xây dựng cơ sở, giúp dân xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ vững chắc vùng biên giới*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 8 - 2003.
147. Hà Thiệu (2010), *Đề khu Kinh tế - Quốc phòng Bình đoàn 16 phát triển ổn định, vững chắc*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 9 - 2010.
 148. Thủ tướng Chính phủ (1976), *Quyết định về việc giao nhiệm vụ cho quân đội xây dựng kinh tế*, số 315-TTg, ngày 3/8/1976, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
 149. Thủ Tướng Chính phủ (2000), *Quyết định về phê duyệt Đề án Tổng thể quân đội tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa gắn với xây dựng các khu quốc phòng - an ninh trên địa bàn chiến lược, biên giới, ven biển*, số 277/QĐ-TTg, ngày 31/3/2000, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
 150. Thủ tướng Chính phủ (2001), *Quyết định về việc định hướng dài hạn, kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và những giải pháp cơ bản phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên*, số 168/2001/QĐ-TTG, ngày 30/10/2001, Văn phòng Chính phủ, H.
 151. Thủ tướng Chính phủ (2002), *Quyết định về việc giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên*, số 132/2002/QĐ-TTg, ngày 8/10/2002, Văn phòng Chính phủ, H.
 152. Thủ tướng Chính phủ (2002), *Quyết định phê duyệt chính sách hỗ trợ dân tỉnh Bến Tre di dân xây dựng kinh tế mới và hộ dân tộc Mông di cư tự do đến khu Kinh tế - Quốc phòng Bình đoàn 16 thuộc các xã biên giới huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk*, số 1060/QĐ-TTg, ngày 12/11/2002, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
 153. Thủ tướng Chính phủ (2004), *Quyết định quy hoạch tổng thể xây dựng và phát triển các khu Kinh tế - Quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo*, số 1391/QĐ-TTG ngày 9/8/2010, Văn phòng Thủ tướng, H.
 154. Trần Trung Tín (2008), *Kết hợp kinh tế với quốc phòng ở nước ta hiện nay*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
 155. Tổng cục Xây dựng Kinh tế (1987), *Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch năm 1987 của lực lượng chuyên xây dựng kinh tế và các nhiệm vụ làm kinh tế trong nông nghiệp*, số 71/KH, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
 156. Tổng cục Xây dựng Kinh tế (1989), *Hồ sơ luận chứng kinh tế - kỹ thuật Công trình cao su Đức Cơ, Nông trường 732*, TTLTQG III, H, kí hiệu 9377.

157. Hồ Quốc Toàn (2001), *Xây dựng khu Kinh tế - Quốc phòng trên các địa bàn chiến lược - những khó khăn, thách thức và kết quả bước đầu*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 7 - 2001.
158. Hồ Quốc Toàn (2001), *Xây dựng khu Kinh tế - quốc phòng, một kế sách dựng nước và giữ nước của dân tộc ta*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 6 —2001.
159. Phạm Văn Trà (2009), *Hồi kí Đồi chiến sĩ*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
160. Phạm Đình Triệu (2012), *Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia trên tuyến BG đất liền của bộ đội biên phòng Việt Nam hiện nay*, Học viện Chính trị, H.
161. Nguyễn Trung (2001), *Binh đoàn 15 - mô hình thành đạt khu kinh tế - quốc phòng trên địa bàn chiến lược*, Tạp chí quốc phòng toàn dân, Số 7 - 2006.
162. Trần Xuân Trường (2008), *Vấn đề kết hợp kinh tế với quốc phòng ở Việt Nam*, Nxb Quân đội Nhân dân, H.
163. Tư lệnh Binh đoàn 16 (2003), *Chỉ thị về việc giải quyết đất sản xuất cho dân vùng dự án*, số 519/CT-KH, ngày 25/8/2003, Phòng Chính trị Binh đoàn 16, Bình Phước.
164. Văn phòng Chính phủ (1976), *Báo cáo về Hội nghị phát triển kinh tế Tây Nguyên năm 1976 số 126/Fg ngày 14/1/1976*, TTLTQG III, H, Kí hiệu 61835.
165. Văn phòng Chính phủ (1977), *Hồ sơ về quy hoạch mở mang khu kinh tế Nông - lâm - công nghiệp Kon Nà Ngừng tỉnh Gia Lai - Kon Tum năm 1977*, TTLTQG III, H, Kí hiệu 1937
166. Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng (1985), *Tờ trình về việc thông báo Chỉ thị của Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về trách nhiệm của các ngành đối với Binh đoàn 15 tham gia xây dựng kinh tế ở Tây Nguyên*, ngày 6/7/1985, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
167. Văn phòng Thủ tướng (1989), *Tờ trình về việc bộ đội tham gia xây dựng kinh tế*, số 2020-NN, ngày 1/11/1989, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.
168. Văn phòng Thủ tướng (1994), *Biên bản phiên họp ngày 5/2/1994 về sản xuất quốc phòng và làm kinh tế của quân đội (1994)*, TTLTQG III, H, Kí hiệu A1/H.202/Q.2722.
169. Văn phòng Thủ tướng (1994), *Biên bản phiên họp ngày 3/5/1994 về sản xuất quốc phòng và làm kinh tế của quân đội (1994)*, TTLTQG III, H, Kí hiệu A1/H.207/Q.2776.

170. Văn phòng Thủ tướng (1999), *Hồ sơ về việc phê duyệt phát triển kinh tế - xã hội kết hợp quốc phòng an ninh Nam Đắc Lắc - Bình Phước* 1999, TTLTQG III, H, kí hiệu A'3/99/774.
171. Văn phòng Thủ tướng (1999), *Hồ sơ phiên họp 14h ngày 13/7/1999 về dự án phát triển kinh tế - xã hội kết hợp an ninh - quốc phòng vùng Nam Đắc Lắc - Bình Phước*, TTLTQG III, H, Kí hiệu A1.14h, 13/07/99 - 1028/94.
172. Văn phòng Thủ tướng (1999), *Hồ sơ phiên họp 8h ngày 04/3/1999 về dự án phát triển kinh tế xã hội gắn với quốc phòng an ninh vùng Nam Đắc Lắc - Bình Phước*, TTLTQG III, H, kí hiệu A1.8h.04/3/1999.
173. Văn phòng Thủ tướng (2003), *Hồ sơ phiên họp 8h ngày 10/4/2003 về Đề án Tổng thể sắp xếp, đổi mới Doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng*, TTLTQG III, H, Kí hiệu A1.8h, 10/4/2003 - 84.
174. Thủ tướng Chính phủ (2003), *Quyết định quy phạm về chế độ chính sách đối với lực lượng quân đội và công an trực tiếp tham gia các đội công tác tang cường cơ sở địa bàn Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Bắc và các tỉnh biên giới Việt - Lào năm 2003*, TTLTQG III, H, Kí hiệu 5036
175. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Quyết định cá biệt v/v phê duyệt dự án “Tăng cường tri thức trẻ tình nguyện đến công tác tại các khu Kinh tế Quốc phòng năm 2005” ngày 19/7/2005 - 31/10/2005*, TTLTQG III, H, Kí hiệu 3637.
176. Thủ tướng Chính phủ (2007), *Hồ sơ sắp xếp đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng* 26/9/2007 - 31/12/2007, TTLTQG III, H, Kí hiệu 20617
177. Chu Thế Võ (2011), *Công ty 72, Binh đoàn 15 nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh gắn với xây dựng địa bàn vững mạnh toàn diện*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 2 - 2011.
178. Viện Khoa học Xã hội Quân sự (2007), *Nghiên cứu nâng cao hiệu quả Quân đội tham gia xây dựng cơ sở chính trị - xã hội ở các khu Kinh tế - Quốc phòng*, Viện Khoa học Xã hội Quân sự - Bộ Quốc phòng, H.
179. Vongack Phanthanvong (2010), *Phát triển các doanh nghiệp quân đội nhân dân Lào trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế*, Đại học Kinh tế Quốc dân, H.
180. Vòng Khăm Phoommakon (2010), *Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh, xây dựng biên giới Lào - Việt Nam hòa bình, hữu nghị, phát triển*, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Số 10 - 2010.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

**BẢNG THỐNG KÊ CÁC DOANH NGHIỆP
KINH TẾ - QUỐC PHÒNG TẠI TÂY NGUYÊN**

TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA BÀN	VỐN NHÀ NƯỚC (Tỷ đồng)	LAO ĐỘNG (Người)
Công ty 72 – Tổng Công ty 15	Gia Lai	31.078	2.510
Công ty 74 – Tổng Công ty 15	Gia Lai	31.970	2.505
Công ty 75 – Tổng Công ty 15	Gia Lai	30.225	2.528
Công ty 78 – Tổng Công ty 15	Kon Tum	2.340	362
Công ty 711 – Tổng Công ty 15	Gia Lai	2.753	130
Công ty 715– Tổng Công ty 15	Gia Lai	2.591	1.102
Công ty 732 – Tổng Công ty 15	Kon Tum	8.387	622
Công ty Bình Dương – Tổng Công ty 15	Gia Lai	1.491	594
Công ty 16	Bình Phước	7.700	325
Công ty cà phê 15	Đắk Lắk	28.406	1.686

(Nguồn: Trích phụ lục 3 – Doanh mục doanh nghiệp quân đội theo phương án sắp xếp giai đoạn 2003 – 2005, Bộ Quốc phòng (2003), *Đề án Tổng thể sắp xếp doanh nghiệp nhà nước trong Quân đội đến năm 2005 của Bộ Quốc phòng số 790/BQP ngày 13/3/2003*, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.)

**BẢNG THỐNG KÊ CÁC KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG
TẠI TÂY NGUYÊN ĐẾN 2013**

<i>KHU KINH TẾ - QUỐC PHÒNG</i>	<i>ĐỊA BÀN</i>	<i>ĐƠN VỊ QUẢN LÝ</i>
Binh đoàn 15	Đức Cơ, Ia Grai, Chư Prông (Gia Lai) Sa Thầy, Ngọc Hồi (Kon Tum)Ia Grai (Gia Lai)	Binh đoàn 15 (trực thuộc Bộ Quốc phòng)
Binh đoàn 16	Tuy Đức, Đăk Ráp (Đăk Nông)	Binh đoàn 16 (trực thuộc Bộ Quốc phòng)
Easup	Ea Súp, Buôn Đôn, CưMga (Đăk Lăk)	Đoàn Kinh tế - Quốc phòng 737 (thuộc Quân khu 5)
CưMga	CưMga, Krông - Búk, KrôngPák (Đăk Lăk)	Công ty cà phê 15 (trực thuộc Quân khu 5)
Quảng Sơn	Đăk GLong (Đăk Nông)	Công ty cà phê 15 (trực thuộc Quân khu 5)
Bắc Lâm Đồng	Di Linh, Lâm Hà, Đam Rông (Lâm Đồng)	Đoàn Kinh tế - Quốc phòng Bắc Lâm Đồng (trực thuộc Quân khu 7)

Nguồn: Tác giả

Phụ lục 2

1. Bộ Quốc phòng (1976), *Báo cáo gửi anh Tô*, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H....
.....P5
2. Thủ tướng Chính phủ (1976), *Quyết định về việc giao nhiệm vụ cho quân đội xây dựng kinh tế*, số 315-TTg, ngày 3/8/1976, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H..... P10
3. Hội đồng Bộ trưởng (1985), *Quyết định về việc thành lập Binh đoàn xây dựng kinh tế Tây Nguyên*, số 67-CT, ngày 20/2/1985, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.....P16
4. Bộ Quốc phòng (1985), *Báo cáo của việc triển khai tổ chức Binh đoàn 15 tham gia xây dựng kinh tế Tây Nguyên*, số 1157/QP, ngày 30/6/1985, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.P19
5. Bộ Quốc phòng (1999), *Quyết định về việc thành lập các đơn vị trực thuộc Binh đoàn 16*, số 768/1999/QĐ-BQP, ngày 31/05/1999, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.....P31
6. Bộ Quốc phòng (1999), *Đề án quy hoạch tổng thể quân đội tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa gắn với xây dựng các khu quốc phòng – an ninh trên các địa bàn chiến lược biên giới, ven biển (Theo quyết định 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ)*, số 3887/BQP, ngày 27/12/1999, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.P33
7. Thủ Tướng Chính phủ (2000), *Quyết định về phê duyệt Đề án Tổng thể quân đội tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa gắn với xây dựng các khu quốc phòng - an ninh trên địa bàn chiến lược, biên giới, ven biển*, số 277/QĐ-TTg, ngày 31/3/2000, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.P54
8. Bộ Quốc phòng (2000), *Quyết định về việc thành lập Công ty 16 thuộc Binh đoàn 16*, số 575/2000QĐ-BQP, ngày 18/04/2000, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.....P58
9. Bộ Quốc phòng (2000), *Quyết định về việc thành lập Trung đoàn 737, Trung đoàn 739 và Bệnh viện 16 thuộc Binh đoàn 16*, số 3130/2000/QĐ-BQP, ngày 27/12/2000, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.P60

10. Bộ Quốc phòng (2001), *Quyết định về việc thành lập Trung đoàn 736 trực thuộc Binh đoàn 16*, số 2143/2001/QĐ-BQP, ngày 10/09/2001, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.P62
11. Bộ Quốc phòng (2003), *Quyết định về việc thành lập Trung đoàn 725 trực thuộc Binh đoàn 16*, số 236/2003/QĐ-BQP, ngày 19/09/2003, Văn phòng Bộ Quốc phòng, H.P63

BO QUOC PHONG

VIET NAM DAN CHU CONG HOA
Độc lập Tự do Hạnh phúc

Số: 67/QP

Ngày 6 tháng 2 năm 1976

/ (ính gửi Anh Tô,

7. Héo chỉ thị của anh, chúng tôi xin sơ bộ báo cáo với anh tình hình quân đội tham gia sản xuất xây dựng kinh tế trong thời gian vừa qua và những dự kiến trong thời gian sắp tới.

Để thực hiện Nghị quyết lần thứ 24 của Trung ương và Nghị quyết của Bộ Chính trị về tình hình và nhiệm vụ mới, Quân ủy Trung ương đã ra nghị quyết chuyên đề về quân đội tham gia xây dựng kinh tế, xác định quân đội phải tích cực tham gia sản xuất, coi việc tham gia sản xuất và xây dựng kinh tế là một nhiệm vụ chính trị của quân đội.

Các đơn vị trong toàn quân đã triển khai thực hiện, đã thu được những kết quả bước đầu và đang tăng thêm lực lượng để làm nhiều và tốt hơn.

Dưới đây xin báo cáo với anh một số điểm chính sau:

I. - MỘT SỐ KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU ĐÃ LÀM ĐƯỢC TRONG NĂM 1975

+ Đã triển khai được một lực lượng gồm 11 vạn người chuyên làm kinh tế (kể cả quân làm đường của 559), chưa kể lực lượng thường trực tham gia sản xuất.

+ Tham gia xây dựng vùng kinh tế mới 3 vạn người. Đã khai hoang được 16.000 ha, đã thi điểm trồng trọt thu hoạch trên 3.000 tấn lương thực, thực phẩm, nhân giống, cây trồng, con gia súc và tham gia quy hoạch vùng kinh tế mới ở Tây nguyên.

+ Tham gia làm thủy lợi hơn 1 vạn người. Đã đào đắp 1.600.000 m³ đất đá và làm 6 công trình đập mương.

+ Trồng được 120 ha rừng ở biên giới và làm 131 km đường vào rừng.

+ Tham gia làm đường bộ và đường sắt gồm 60.000 người. Đã làm được 1.120 km nền đường (đường 14). Trên nền đó đã rải cấp phối được 600 km và rải nhựa được 100 km, làm 12.000 m cầu cống. Tham gia làm hơn 300 km đường biên giới, hải đảo. Đang làm tuyến đường sắt Thống nhất đoạn Minh cầm - Tiên an, đường sắt Kép - Cửa Ong, đường ham mo Trảng Khê và đường trong khu mỏ Quảng ninh.

+ Sản xuất vật liệu xây dựng và xây dựng cơ bản gồm 7 ngàn người, đã sản xuất được 30.000.000 viên gạch ngói, 130.000 tấn đá, cát, vôi và đang xây dựng 8 nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng (tổng công suất 130 triệu viên/năm).

+ Tham gia đánh cá biển 1.700 người, đã đánh bắt được gần 3.900 tấn cá, 12 tấn bào ngư tươi, chế biến 172.000 lít nước mắm.

Ngoài ra các lực lượng thường trực trong năm đã sản xuất tự túc được một phần rau và thực phẩm. Các xí nghiệp quốc phòng đã tận dụng công suất máy móc để sản xuất được một số mặt hàng kinh tế trị giá 5 triệu đồng. Qua một thời gian xây dựng kinh tế Quân ủy Trung ương đã có nhận định, ý chính như sau:

Nhiệm vụ tham gia sản xuất xây dựng kinh tế còn rất mới mẻ đối với quân đội trong thời gian vừa qua. Các đơn vị vừa phải chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, vừa sản xuất nên có gặp nhiều khó khăn, do vậy kết quả đạt được chỉ là bước đầu. Cần phát huy những chỗ mạnh của quân đội trong xây dựng kinh tế như: Có Quyết tâm, có tổ chức, có kỷ luật, đồng thời cũng phải khắc phục những nhược điểm như: Ít hiểu biết về kỹ thuật sản xuất và quản lý kinh tế để làm tốt nhiệm vụ sản xuất, góp phần xứng đáng của mình xây dựng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

II.- DU KIẾN LỰC LƯỢNG VÀ CÔNG VIỆC MÀ QUÂN ĐỘI SẼ THAM GIA XÂY DỰNG KINH TẾ NĂM 1976 VÀ 5 NĂM (76-80)

Chấp hành Nghị quyết của Quân ủy Trung ương, trong khi chờ đợi, chủ trương rõ ràng của Nhà nước giao cho quân đội, để kịp triển khai một bước, chúng tôi sơ bộ dự kiến những nét lớn về kế hoạch quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế như sau:

1/ Về lực lượng:

Dựa vào quyết định của Quân ủy Trung ương về tổng số lực lượng sản xuất chuyên nghiệp sẽ có khoảng từ 25-30 vạn người, chúng tôi dự định phân bố như sau:

- Quân khu 1	20.000 - 22.000 người
- Quân khu 3	20.000 - 25.000 người
- Quân khu 4	15.000 - 20.000 người
- Quân khu 5	40.000 - 50.000 người
- Quân khu 7	30.000 - 40.000 (không kể 100.000 người cải tạo)
- Quân khu 9	30.000 - 40.000
- BTL Hải quân	3.000 - 5.000 người
- BTL Công trình	100.000 - 100.000 người

TỔNG CỘNG: 258.000 - 302.000 người

2/ Về công việc có thể làm:

+ Quân khu 1: Trọng tâm sử dụng lực lượng vào vùng biên giới.

Trồng 50.000 ha rừng
Làm 700 km đường (cấp phối) làm nghiệp ở B.giới
Làm 11.000 ha đất nông nghiệp, trồng cây công nghiệp, cây lương thực và chăn nuôi một số gia súc.

+ Quân khu 3: Xây dựng vùng kinh tế mới Quảng ninh, Hà bắc, bao gồm thủy lợi, lấn biển, làm muối, làm đường vào khu kinh tế mới.

Sản xuất vật liệu xây dựng, làm các nhà máy (đến năm 1980 có tổng công suất 119 triệu viên gạch ngói) khai thác đá, cát (37 vạn m³/năm).

Đánh 1.200 tấn cá biển và 15 tấn bào ngư tươi/năm.

Làm 600 km đường bộ biên giới, hải đảo, 24 km đường hầm ở mỏ than Trảng Khê.

+ Quân khu 4: Làm đường sắt đoạn Minh cãm-Tiên an: 144 km
Làm đường bộ Cửa rảo - Quý hợp 80 km
và đường Phú nhĩ-Quan thuộc (T.Hóa) 40 km
Làm thủy lợi (kê gồ Hà tỉnh) đảo đắp 1,5 triệu m³/năm
Làm khu kinh tế mới ở Tây Nghệ an và Tây Thừa thiên.

+ Quân khu 5: Hiện nay Đoàn 773 đã có 26.000 người, quản lý khoảng hơn hai vạn ha, riêng các đơn vị đã khai hoang được 10.389 ha, trong đó có 4.000 ha cây lương thực. Trong năm này sẽ chiêu thêm 5 vạn người. Dự kiến đề nghị với Nhà nước sẽ làm cây công nghiệp dài ngày như: Cao su, Cà phê, Chè, Mía; có một phần cây lương thực như Lúa, ngô, sắn; cây thực phẩm như: Đỗ, lạc và chăn nuôi đại gia súc. Trước mắt trong tình hình khó khăn về lương thực hiện nay, chúng tôi đa diện cho Quân khu cần tăng thêm diện tích trồng cây lương thực. Nhưng làm được bao nhiêu Quân khu chưa có báo cáo.

+ Quân khu 7: (Theo báo cáo của Quân khu) Sẽ xây dựng 4 vùng kinh tế mới:

- Vùng Bù gia mập (từ bắc đường 14 đến biên giới Campuchia)
- Vùng Đồng Nai thượng-Bồ khiêu (từ nam đường 14 đến Bắc đường 20)
- Vùng Võ Đắc-Tánh linh
- Vùng Đông xuyên mộc.

Trồng và khai thác cao su, trồng mía, làm đường, làm thủy lợi và trồng cây lương thực, thực phẩm, chăn nuôi. Cụ thể mỗi loại cây trồng bao nhiêu, chưa báo cáo cụ thể.

+ Quân khu 4: (Theo báo cáo của Quân khu) Sẽ xây dựng 4 vùng kinh tế mới:

- Vùng Đồng Tháp Mười
- Vùng Độc xây (Đồng Hà tiên)
- Vùng Uminh thượng, Uminh hạ (Cá mầu)
- Vùng Cỏ đỏ (Thấu sản).

Trên các vùng đó chủ yếu trồng lúa, ngô, mía. Có tham gia trồng rừng. Sẽ đào đắp 100 km kênh tưới tiêu ở đồng Tháp Mười và Hà Tiên. Ngoài ra sẽ tổ chức một lực lượng tham gia khai thác thủy sản.

+ Bộ tư lệnh Hải quân:

Năm 1976 sẽ đánh bắt 5.000 tấn cá biển. Nếu được Nhà nước cho trang bị tàu thuyền hoặc máy để đóng tàu thì có thể nâng sản lượng lên trong kế hoạch 5 năm từ 3-5 vạn tấn cá. Nhu cầu cần trang bị thêm khoảng 200-300 tàu loại 200-300 mã lực. Số tàu trên trong nước có thể đóng được bằng gỗ và sắt, chỉ cần xin trang bị máy (nếu sản lượng 3 vạn tấn cá thì cần 100-150 tàu cỡ 200 đến 300 mã lực).

+ Bộ tư lệnh Công trình:

Tiếp tục hoàn thành 2.000 km đường 14 (từ Nghệ an đến Chơn thành).

Xây dựng cơ bản khu vực Tây nguyên với trị giá xây lắp khoảng 4 triệu đồng.

Xây dựng tuyến đường sắt phía Tây (Nếu Nhà nước có kế hoạch)

Nếu được Nhà nước giao sẽ nhận nhiệm vụ xây dựng công trình thủy điện sông Đà, khu Apatit Lào cai, khai thác dầu khí và một số công trình xây lắp khác.

+ Ngoài ra Bộ Quốc phòng trực tiếp xây dựng 2 cơ sở sản xuất thuốc kích dục tố Prolan B cho cá đẻ nhân tạo, sản lượng 150-300 triệu đơn vị/năm.

+ Đối với Bộ đội thường trực sẽ tổ chức luân phiên tham gia làm các công trình, thủy lợi, các việc lao động đơn giản khác và tăng gia sản xuất để tự túc một phần lương thực thực phẩm.

Trên đây là những dự kiến lớn về phân phối lực lượng và công việc. Sau khi có những yêu cầu cụ thể của Nhà nước, chúng tôi xin tiếp tục nghiên cứu, lập kế hoạch báo cáo Quân ủy Trung ương và trình lên Chính phủ xét duyệt.

III.- NHUNG KHO KHAN VA DE NGHI

Để thực hiện được những nhiệm vụ trên, chúng tôi đề nghị Chính phủ giải quyết cho một số vấn đề sau đây:

1/ Có một bộ phận lực lượng đã được giao nhiệm vụ rõ và đang triển khai. Còn một phần lớn chưa được Nhà nước giao nhiệm vụ rõ, nhất là lực lượng xây dựng cơ bản, lực lượng ở Quân khu 9 và quân khu 7.

Chúng tôi đề nghị: Nhà nước nên giao cho quân đội làm tròn khâu để có thời gian xây dựng tổ chức, đào tạo cán bộ, xin trang thiết bị làm lâu dài.

2/ Về trang thiết bị: Quân đội sang sản xuất không có trang thiết bị như các đơn vị, thị công của Nhà nước đã được trang bị để làm lâu dài và có thể làm được bên B theo thông tư 120/ TTg của Chính phủ nên gặp nhiều khó khăn.

Chúng tôi đề nghị: Nếu Nhà nước giao cho quân đội làm công trình gì thì nên cấp vốn và trang thiết bị, coi như một xí nghiệp có tư cách pháp nhân nhân kế hoạch với Nhà nước và bảo đảm đúng theo hợp đồng đã ký kết.

3/ Quân đội muốn tham gia sản xuất xây dựng kinh tế, cần có một số lượng cán bộ, công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế rất lớn. Nếu đưa 30 vạn quân sang sản xuất thì cần có 1,7% cán bộ bậc đại học (5.000 người), 3,3% bậc trung học (10.000), và 30% công nhân kỹ thuật (90.000).

Hiện nay quân đội có thể có 1.000-1.200 cán bộ bậc đại học như vậy mới được 1/4 nhu cầu; cán bộ trung cấp công nhân kỹ thuật còn thiếu nhiều.

Trước mắt chúng tôi đề nghị Chính phủ cho 1/4 nhu cầu cán bộ đại học và trung học, một phần công nhân kỹ thuật. Còn 1/2 yêu cầu nữa quân đội sẽ lựa chọn cán bộ chiến sĩ có trình độ văn hóa để gửi sang các cơ quan Nhà nước đào tạo một phần và quân đội tự tổ chức đào tạo một phần.

X

X

X

Chúng tôi xin sơ bộ báo cáo với anh những tình hình chính như trên. Sau này khi đã tổng hợp được đầy đủ tình hình và đã xác định được kế hoạch cụ thể, chúng tôi xin báo cáo tiếp./.

Ngày 6/2/76

Trần Văn
Sinh

abaij
Bản sao
TTLTQG III

10

PHỦ THỦ TƯỚNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TH.130b

Số : 315-TTg

Hà-nội, ngày 3 tháng 8 năm 1976

Bản sao
TTLTQG III

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
về việc giao nhiệm vụ cho quân đội
xây dựng kinh tế

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Thực hiện nghị quyết số 250-NQ/TW ngày 17 tháng 3 năm 1976 của Bộ Chính trị và vấn đề quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế;

Căn cứ đề nghị của Bộ Quốc phòng và sau khi làm việc với các Bộ, các ngành hữu quan,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1.- Quân đội có nhiệm vụ xây dựng kinh tế dưới mấy hình thức tổ chức :

- Lực lượng chuyên xây dựng và sản xuất là lực lượng chính của quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế lâu dài (dưới đây gọi là lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế).

- Các xí nghiệp công nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng quản lý nhận thêm nhiệm vụ sản xuất các mặt hàng kinh tế dân sinh.

- Các lực lượng làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu kết hợp sản xuất, xây dựng.

Từng hình thức tổ chức được giao nhiệm vụ xây dựng và sản xuất như sau :

A. LỰC LƯỢNG QUÂN ĐỘI CHUYÊN XÂY DỰNG KINH TẾ.

1/ **Nông nghiệp** : Khai hoang, xây dựng, phát triển các khu kinh tế mới ở những địa bàn xung yếu theo quy hoạch và kế hoạch chung của Nhà nước và kết hợp kinh tế với quốc phòng, theo hướng xây dựng vùng chuyên canh, tổ chức thành các nông trường quốc doanh do quân đội làm, đảm nhiệm toàn bộ công tác xây dựng và sản xuất, chế biến nông sản thuộc phạm vi các nông trường đó; đồng thời, tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng và các cơ sở vật chất khác ở các địa bàn cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi thu hút nhân dân thành phố và vùng đồng bằng đông dân cư lên xây dựng thành những khu kinh tế mới.

Vùng tập trung chủ yếu là tây Nam Bộ, đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Thuận Hải, đồng thời tiến hành cả ở các vùng khác như tây Khu 4 cũ, Đông Bắc, Tây Bắc và Việt Bắc. Phương hướng sản xuất chính là cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, cây ăn quả. Nhưng năm trước mắt, chủ trương tập trung vào miền tây Nam Bộ, đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm để góp phần giải quyết nhu cầu cấp bách của xã hội.

2/ Lâm nghiệp : Xây dựng các lâm trường ở những địa bàn xung yếu, kết hợp kinh tế với quốc phòng thành các khu lâm nghiệp tập trung như khu Hàm Yên - Bắc Quang (Hà Tuyên), tây Quảng Bình (Bình Trị Thiên), Công Hà Nùng (Gia Lai - Công Tum), Gia Nghĩa (Đắk Lắk) ..., lâm toàn diện các khâu : lâm đường, kiến thiết cơ bản, trồng rừng, tu bổ, cải tạo rừng, khai thác, chế biến gỗ (chủ yếu là sơ chế) khai thác các lâm sản khác và vận tải. Trong khu kinh tế lâm nghiệp cũng kết hợp sản xuất nông nghiệp (cả trồng trọt và chăn nuôi) theo điều kiện cho phép.

3/ Đánh cá biển và nuôi tôm, cá : Hải quân và các quân khu có bờ biển, hải đảo kết hợp bảo vệ vùng biển và các đảo, tổ chức lực lượng chuyên đánh cá, khai thác và chế biến hải sản, (chủ yếu là sơ chế), nuôi tôm, cá với quy mô tương đối lớn để góp phần giải quyết nhu cầu thực phẩm trong nước và tăng thêm hải sản xuất khẩu. Oan tạn dụng các loại tàu cu, sửa chữa, cải tiến cấu h tầu đánh cá và vận tải cá; kết hợp chặt chẽ với ngành thủy sản xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, cân đối cả trên bờ và dưới nước.

4/ Lâm đường giao thông : Phát triển lực lượng lâm đường sắt, đường bộ, trong 5 năm (1976 - 1980) tiếp tục lâm đường Trường sơn, lâm mới các tuyến đường sắt dài, đường quốc lộ chính, đường biên giới, đường lâm nghiệp, đường trong các khu kinh tế mới của quân đội, lâm đường giúp bạn Lào.

Riêng về đường sắt, quân đội cần xây dựng một lực lượng chuyên môn có khả năng thi công toàn bộ các hạng mục công trình trên một tuyến đường sắt.

5/ Sản xuất vật liệu xây dựng : Huy động mọi khả năng sản xuất vật liệu xây dựng để bảo đảm nhu cầu xây dựng của quân đội và cung cấp một phần sản phẩm cho Nhà nước.

Phương hướng tối là phát triển rộng rãi các lò gạch cỡ 7 triệu viên/năm trở lên, sản xuất vật liệu kết dính thủy lực đồ-lô-mit, vôi thủy, xi-măng lò nhỏ, đá, vôi, cấu kiện bê-tông.

6/ Xây dựng : Tự bảo đảm toàn bộ khối lượng xây lắp của các công trình mà Nhà nước giao vốn đầu tư cho quân đội, trừ một số công trình kỹ thuật phức tạp cần kết hợp với các ngành kinh tế.

Tổ chức một số đơn vị chuyên nhận thầu xây dựng các sân bay, xây dựng đường ống, các công trình công nghiệp và dân dụng khác.

Về thủy lợi, thủy điện, cần tập trung bộ đội xây dựng thủy lợi, thủy điện cho những vùng nông nghiệp trọng điểm, như tây Nam Bộ, đồng Nam Bộ và Tây Nguyên. Chú ý xây dựng thủy lợi cho các khu kinh tế của quân đội, đồng thời nhận thầu một số công trình thủy lợi, thủy điện khác.

B. CÁC XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP DO BỘ QUỐC PHÒNG QUẢN LÝ.

Đi đôi với nhiệm vụ chính, là phục vụ yêu cầu quốc phòng, phải tận dụng công suất để sản xuất, máy móc, phụ tùng, thiết bị, lễ, công cụ lao động cầm tay, sửa chữa dụng cụ, thiết bị, xe máy cho lực lượng quân đội xây dựng kinh tế và nhận làm các mặt hàng kinh tế, dân sinh do Nhà nước giao, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng.

C. CÁC LỰC LƯỢNG LÀM NHIỆM VỤ SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU.

Phải kết hợp vừa làm tốt nhiệm vụ huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu, vừa dành được nhiều thời gian, nhiều sức lao động, sử dụng các dụng cụ, phương tiện cần thiết để lao động, sản xuất, có thể làm các việc :

- 1/ Sản xuất tự cung cấp một phần lương thực, thực phẩm; xây dựng doanh trại, kho tàng, trạm xương; trồng rừng ở gần khu vực đóng quân, sản xuất vật liệu xây dựng, v.v...
- 2/ Giúp đỡ nhân dân tại vùng đóng quân đẩy mạnh sản xuất; tham gia sản xuất với các đơn vị chuyển xây dựng kinh tế (làm một phần việc hoặc lúc thời vụ khẩn trương về lao động); tham gia xây dựng các công trình của các ngành, các địa phương có yêu cầu lao động khẩn trương.
- 3/ Sẵn sàng cơ động ứng phó với những trường hợp thiên tai, đột xuất như chống bão, lũ, lụt, v.v...

Điều 2.- Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Hội đồng Chính phủ về việc lập kế hoạch sản xuất và xây dựng của lực lượng quân đội xây dựng kinh tế và chỉ đạo thực hiện kế hoạch đó sau khi được Chính phủ duyệt. Bộ Quốc phòng là một đơn vị kế hoạch, đơn vị thống kê như các Bộ khác và là một đầu mối đầu tư xây dựng kinh tế của Nhà nước.

Tổng cục Xây dựng kinh tế chịu trách nhiệm trước Bộ Quốc phòng và được Bộ Quốc phòng ủy quyền quan hệ với các cơ quan Nhà nước trong việc lập kế hoạch và thực hiện mọi kế hoạch sản xuất và xây dựng do Nhà nước giao cho lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế.

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao ở điều 1, Bộ Quốc phòng khẩn trương tổ chức lại lực lượng hiện có, nhanh chóng triển khai thực hiện các nhiệm vụ ngay từ năm 1976, đồng thời chuẩn bị thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự kết hợp với nghĩa vụ lao động để phát triển lực lượng sản xuất và thay quân.

Bộ Quốc phòng phối hợp với các ngành, các địa phương tiến hành khảo sát, quy hoạch, lập kế hoạch cụ thể trình Chính phủ quyết theo đúng trình tự và tiến độ thời gian lập kế hoạch hàng năm đã được Nhà nước quy định; lập tờ trình đề nghị Chính phủ quyết định công nhận tư cách pháp nhân của các đơn vị sản xuất và mối quan hệ với các cơ quan Nhà nước.

Điều 3. - Khi giao kế hoạch, Thủ tướng Chính phủ sẽ giao tổng số vốn đầu tư và vốn xây lắp mà Bộ Quốc phòng phụ trách gồm 2 loại :

1/ Bộ Quốc phòng được Nhà nước cấp vốn đầu tư đối với các công trình mà khi đưa vào sử dụng sẽ do quân đội trực tiếp quản lý, như xây dựng các nông trường, lâm trường, các công trình sản xuất vật liệu xây dựng, cơ sở đánh cá và một số công trình mà Nhà nước giao cho quân đội xây dựng toàn bộ, như đường Trường Sơn, đường giúp bạn Lào, v.v.... Đồng thời Thủ tướng Chính phủ vẫn ghi số vốn đầu tư theo kế hoạch ngành cho các ngành, ví dụ : số vốn đầu tư cho nông trường thì ghi theo kế hoạch ngành cho Bộ Nông nghiệp.

Đối với các loại công trình trên, các Bộ, các ngành có liên quan có trách nhiệm khảo sát, quy hoạch chung cho từng vùng, trong đó xác định địa bàn và phương hướng sản xuất của những công trình giao cho quân đội để Bộ Quốc phòng có căn cứ lập quy hoạch, thiết kế cụ thể và lập kế hoạch thực hiện.

Những công trình mà quân đội không có khả năng khảo sát, thiết kế thì Bộ Quốc phòng có thể giao thầu theo hợp đồng kinh tế cho các Bộ, các ngành khác hoặc các Bộ, các ngành tăng cường lực lượng khảo sát, thiết kế cho quân đội để quân đội tự đảm nhiệm.

Vốn đầu tư cho quân đội xây dựng kinh tế không nằm trong ngân sách quốc phòng.

2/ Đối với các công trình của các Bộ, các ngành khác mà quân đội nhận thầu thi công thì Nhà nước giao cho Bộ Quốc phòng chỉ tiêu khối lượng vốn xây lắp nhận thầu. Chỉ tiêu này được thực hiện theo chế độ giao thầu, nhận thầu đã ban hành đối với công trình xây dựng cơ bản, thông qua các hợp đồng kinh tế giữa Bộ Quốc phòng (hoặc cơ quan, đơn vị được Bộ Quốc phòng ủy quyền) và các cơ quan chủ vốn đầu tư của các công trình này.

Điều 4. - Quân đội làm kinh tế phải tuân theo các nguyên tắc, chính sách, chế độ, thủ tục, thể lệ quản lý kinh tế, tài chính hiện hành của Nhà nước.

Các đơn vị quân đội xây dựng kinh tế có tư cách pháp nhân phải thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, chịu trách nhiệm về tài sản Nhà nước giao cho quản lý, được khen thưởng và chịu trách nhiệm về vật chất như các xí nghiệp và tổ chức kinh tế của Nhà nước.

Quân đội xây dựng kinh tế theo các quy mô lớn, vừa và nhỏ, phân đầu tiên lên sản xuất lớn; về trình độ kỹ thuật, phải kết hợp cơ giới, nửa cơ giới với thủ công, phân đầu theo hướng đẩy mạnh cơ giới hóa; về địa bàn hoạt động, chú trọng những vùng chiến lược quan trọng có nhiều khó khăn trong việc

điều động lực lượng lao động khác tới. Quân đội xây dựng kinh tế phải lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao, phấn đấu trở thành những đơn vị gương mẫu, đầu tàu trong phong trào thi đua lao động sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Bộ Quốc phòng cần soát xét lại và lập danh mục các loại vật tư, xe máy, thiết bị hiện có trong quân đội có thể huy động được vào nhiệm vụ xây dựng kinh tế và báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ việc phân phối cho các đơn vị quân đội chuyên xây dựng kinh tế.

Trên cơ sở khối lượng công việc và tính chất các loại công trình được giao trong kế hoạch, sau khi đã tận dụng xe máy, thiết bị hiện có trong quân đội, nếu còn cần thêm loại nào thì Bộ Quốc phòng lập tờ trình xin trưng bị thêm cho các đơn vị quân đội chuyên xây dựng kinh tế để dự sức làm trọng nhiệm vụ; nếu có loại vật tư, xe máy thiết bị nào thừa ra thì Chính phủ sẽ đưa vào kế hoạch cân đối chung của Nhà nước.

Quân đội xây dựng kinh tế được hưởng các chính sách, chế độ đã ban hành đối với các lực lượng vũ trang. Bộ Quốc phòng phối hợp với các ngành hữu quan nghiên cứu việc vận dụng cụ thể các chính sách, chế độ của Chính phủ đã ban hành nhằm bảo đảm sản xuất và khuyến khích sản xuất cho phù hợp với bộ đội chuyên xây dựng kinh tế, trình Chính phủ xét duyệt.

Bộ Quốc phòng cùng với các Bộ nghiên cứu phân định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và mối quan hệ giữa Bộ Quốc phòng với các Bộ khác trong lĩnh vực xây dựng kinh tế, trình Chính phủ xét duyệt.

Điều 5. - Các Bộ theo chức năng quản lý toàn ngành đã được nêu rõ trong ban quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các Bộ trong lĩnh vực quản lý kinh tế (ban hành theo Nghị định số 172-CP ngày 1 tháng 11 năm 1973 của Hội đồng Chính phủ), có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm đối với quân đội xây dựng kinh tế như sau :

- Các Bộ quản lý các ngành sản xuất : xây dựng và tổng hợp quy hoạch, kế hoạch toàn ngành, trong đó có phân giao cho quân đội; quyết định hoặc đề nghị Chính phủ quyết định các chính sách, chế độ quản lý áp dụng trong toàn ngành, trong đó có phân áp dụng đối với lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế; chỉ đạo về kỹ thuật của ngành; cung ứng vật tư, thiết bị chuyên ngành theo kế hoạch Nhà nước; bổ sung cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật; tạo điều kiện để đảng cho quân đội hoàn thành nhiệm vụ; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị quân đội chuyên xây dựng kinh tế về việc thực hiện kế hoạch sản xuất, chấp hành chính sách, chế độ quản lý kinh tế, tài chính của Nhà nước. Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp phải xúc tiến khảo sát, quy hoạch, giao gấp địa bàn cho quân đội có thể sản xuất ngay từ năm 1976.

- Các Bộ tổng hợp : hướng dẫn, giúp đỡ và kiểm tra các lực lượng quân đội xây dựng kinh tế, bảo đảm việc thi hành nghiêm chỉnh mọi luật pháp, chế độ, thể lệ của Nhà nước. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Vật tư và các Bộ có liên quan khác phải cân đối kế hoạch, giải quyết các điều kiện bảo đảm cho quân đội nhanh chóng triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, trước mắt cần nghiên cứu giải quyết sớm yêu cầu của Bộ Quốc phòng về phân phối, bổ sung cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ và công nhân kỹ thuật; về cấp ăn, vật tư và thiết bị.

Điều 6. - Các Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm đối với bộ đội làm kinh tế như đối với các đơn vị trực thuộc Trung ương khác trên lãnh thổ của mình, theo đúng Nghị định số 24-CP ngày 2 tháng 2 năm 1976 của Hội đồng Chính phủ. Cụ thể là:

- Tham gia công tác phân vùng, quy hoạch, xây dựng kế hoạch; tổ chức điều hòa các mối quan hệ kinh tế diễn ra trên lãnh thổ giữa các đơn vị kinh tế trong và ngoài quân đội; quản lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường.

- Tham gia ý kiến vào quy hoạch và kế hoạch phát triển của các đơn vị sản xuất của quân đội có liên quan đến quy hoạch chung trên lãnh thổ; tham gia ý kiến vào việc thiết lập, mở rộng, thu hẹp, bãi bỏ, di chuyển các đơn vị này, vào việc quyết định chọn địa điểm xây dựng các công trình sản xuất, xây dựng của quân đội; từng bước bảo đảm về kết cấu kinh tế hạ tầng cho hoạt động của các cơ sở trong và ngoài quân đội; cung cấp nguyên liệu, vật liệu do địa phương sản xuất theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, hoặc theo hợp đồng kinh tế; kiểm tra việc chấp hành đúng các chính sách, chế độ và luật pháp của Nhà nước, gồm cả những quyết định do chính quyền địa phương ban hành theo thẩm quyền của mình.

- Trong bước đầu, cần tạo điều kiện thuận lợi cho quân đội triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế, hết sức giúp đỡ giải quyết đất đai, giống ... Các tỉnh, thành phố có kế hoạch đưa dân đi vùng kinh tế mới cần bàn bạc với Tổng cục Xây dựng kinh tế để thống nhất kế hoạch đưa dân tới các khu kinh tế do quân đội xây dựng, trước hết là gia đình quân nhân.

Điều 7. - Các đồng chí Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

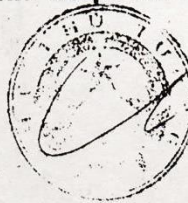
K/T THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

PHÓ THỦ TƯỚNG

Đã ký : Lê Thanh Nghị.

Sao nguyên văn bản chính

CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG PHỤ THỦ TƯỚNG



Phan Mỹ.

Nơi nhận :

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc HCQP,
- Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW,
- Văn phòng Phụ Thủ tướng : VP14, Công báo, lưu.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CV.60

Số : 68-CT

Hà-nội, ngày 20 tháng 02 năm 1985

QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Về việc thành lập binh đoàn xây dựng
kinh tế Tây Nguyên

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Quyết định số 47-CT ngày 5 tháng 2 năm 1985 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc giao nhiệm vụ cho Quân đội tham gia xây dựng kinh tế Tây Nguyên;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. - Thành lập Binh đoàn xây dựng kinh tế Tây Nguyên trực thuộc Bộ Quốc phòng lấy phiên hiệu là Binh đoàn 15. Binh đoàn xây dựng kinh tế Tây Nguyên là đơn vị quân đội chuyên xây dựng kinh tế, tổ chức sản xuất kinh doanh như một liên hiệp các xí nghiệp khu vực. Nhiệm vụ của Binh đoàn chủ yếu là sản xuất kinh doanh cây cao su kết hợp với kinh doanh tổng hợp ca trồng trọt chăn nuôi, sản xuất lâm nghiệp trên các địa bàn kết hợp kinh tế với quốc phòng tại Tây Nguyên, bảo đảm từ trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến đến tiêu thụ theo kế hoạch của Nhà nước, xây dựng cơ bản các công trình phục vụ sản xuất và đời sống cho các khu vực sản xuất của Binh đoàn.

Binh đoàn hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế, có tư cách pháp nhân, có tài khoản tại ngân hàng, là chủ đầu tư các công trình được giao, được Nhà nước cân đối tiền vốn, vật tư thiết bị, lao động và các điều kiện vật chất khác tương ứng với nhiệm vụ được giao.

Trụ sở của Binh đoàn đặt tại Plây-cu (tỉnh Gia Lai - Kontum).

Điều 2. - Binh đoàn xây dựng kinh tế Tây Nguyên có nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau đây :

1/ Trên cơ sở phân vùng quy hoạch chung và quy hoạch kế hoạch phát triển cây cao su tại Tây Nguyên đã được Hội đồng

Bộ trưởng phê chuẩn, dưới sự chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, Binh đoàn phối hợp với Tổng cục Cao su xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm của Binh đoàn.

2/ Sau khi kế hoạch được Nhà nước duyệt, Binh đoàn chịu trách nhiệm phân bổ chỉ tiêu và cân đối lao động vật tư, tiền vốn đối với các đơn vị trực thuộc. Đồng thời chỉ đạo theo dõi tổng hợp tiến độ thực hiện kế hoạch của các đơn vị trực thuộc.

3/ Tổ chức thực hiện liên kết kinh tế với các ngành, các địa phương và các đơn vị kinh tế khác, hợp tác kinh tế kỹ thuật với nước ngoài, và được tham gia xuất, nhập khẩu theo các chính sách, chế độ chung của Hội đồng Bộ trưởng.

4/ Quản lý và chỉ đạo thực hiện các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành cao su và các ngành kinh tế kỹ thuật khác của Nhà nước.

5/ Áp dụng các chính sách đã có của Nhà nước, và nghiên cứu đề xuất những điều bổ sung các chính sách về đầu tư, giá cả và các chính sách có liên quan đến việc khuyến khích phát triển sản xuất; khuyến khích quân nhân và người lao động ở lại lâu dài xây dựng Tây Nguyên và thu hút đồng bào các dân tộc vào các nông trường, lâm trường, xí nghiệp của đơn vị.

6/ Tổ chức nghiên cứu, thực hiện, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.

7/ Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật, cán bộ quản lý.

8/ Thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, tham gia cùng địa phương tổ chức tốt đời sống vật chất, văn hóa và xã hội của đồng bào các dân tộc. Tham gia bảo vệ trật tự an ninh, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ địa bàn, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với xây dựng căn cứ Tây Nguyên.

Điều 3. - Binh đoàn xây dựng kinh tế Tây Nguyên sản xuất và xây dựng trên các địa bàn được ghi trong điều 2 Quyết định số 47-CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ngày 5/2/1985, cụ thể là:

- Plây-cần - Đắc-tô - Kon-tum - Sa-thầy.

- Đắc-co.

- Buôn-hồ - Krông-búc.

Bộ Nông nghiệp, Tổng cục Cao su, Bộ Lâm nghiệp và Ủy ban Nhân dân các tỉnh Tây Nguyên nhanh chóng xác định cụ thể việc giao đất, giao rừng cho Binh đoàn kịp triển khai sản xuất.

Điều 4. - Tổ chức lực lượng trực thuộc của Binh đoàn gồm có:

- Các đoàn sản xuất (các nông trường, lâm trường, xí nghiệp).

- Các đơn vị xây dựng cơ bản.

- 3 -

- Trường công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý.
- Bộ máy quản lý về cơ sở trực thuộc khác.

Ngoài số sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp, căn cứ vào kế hoạch phát triển sản xuất hàng năm và kế hoạch 5 năm, Nhà nước giao chỉ tiêu tuyển dụng và đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật và nghiệp vụ cho Binh đoàn.

Binh đoàn xây dựng kinh tế Tây Nguyên do 1 Tư lệnh phụ trách, giúp việc Tư lệnh có 1 số Phó Tư lệnh.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức biên chế của Binh đoàn. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có thể ủy quyền cho Quân khu 5 trực tiếp lãnh đạo Binh đoàn để kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng trên địa bàn Quân khu và để phát huy sức mạnh tổng hợp toàn quân khu bao gồm cả các tỉnh trong Quân khu, nhằm bảo đảm cho Binh đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Điều 5. - Về bảo đảm nhu cầu đời sống cho lực lượng của Binh đoàn, căn cứ vào tiêu chuẩn chế độ hiện hành, Bộ Quốc phòng lập nhu cầu hàng năm, được Nhà nước duyệt ghi chỉ tiêu, giao cho các ngành và địa phương bảo đảm.

Đối với gia đình và người ăn theo của sĩ quan, cán bộ, công nhân viên của Binh đoàn, các địa phương có trách nhiệm tổ chức bảo đảm, như đối với gia đình và người ăn theo của các xí nghiệp Trung ương đóng tại địa phương.

Điều 6. - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng có liên quan và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh Gia-lai - Kon-tum, Đắc-lắc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

K/T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
PHÓ CHỦ TỊCH
Đã ký : Tô Hữu.

Nơi nhận :

- Các d/c Thường vụ HDBT,
- Ban Bí thư TW Đảng,
- Ban Tổ chức của Chính phủ,
- Quốc phòng (2 bản),
- Nông nghiệp, Lâm nghiệp,
- Tài chính, Nội thương,
- Ngoại thương, Vật tư, Thủy lợi,
- Lao động, Giao thông vận tải,
- Xây dựng, Điện lực,
- Ngân hàng NNVN, Ủy ban Kế hoạch NN,
- Ủy ban Phân vùng quy hoạch,
- Ban Xây dựng huyện, Tổng cục Cao su,
- UBND các tỉnh : Gia-lai - Kon-tum,
- Đắc-lắc, Lâm Đồng,
- Các d/c Phó Chủ nhiệm Văn phòng HDBT,
- Vụ 1 (2 bản), Vụ 2, V16, Văn thư.

Sao nguyên văn bản chính

K/T CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG HDBT

PHÓ CHỦ NHIỆM



Đặng Đình Long.

Đ/c Bộ trưởng

VN 1 ĐN 16 28
Bản sao
TTLTQG III

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 1157 /QT

Ngày 30 tháng 6 năm 1985

BÁO CÁO

ĐẾN SỐ	2024
NGÀY	1/7
BÌNH ĐOÀN 15	

Về việc triển khai tổ chức Bình đoàn 15
tham gia xây dựng kinh tế ở Tây Nguyên

Nhận ngày 5/8/85

Kính gửi Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Chấp hành quyết định số 47/QT ngày 5-2-1985 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc giao nhiệm vụ cho quân đội tham gia sản xuất xây dựng kinh tế ở Tây Nguyên và quyết định số 68/QT ngày 20-2-1985 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc tổ chức Bình đoàn 15, Bộ Quốc phòng xin báo cáo tình hình đã triển khai và những đề nghị lên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giải quyết để sớm xây dựng kế hoạch 1985 - 1990.

I- Tình hình triển khai tổ chức Bình đoàn 15 làm nhiệm vụ sản xuất xây dựng kinh tế ở Tây Nguyên

1- Nhận bàn giao xong công ty cao su Đức Cơ của Tổng cục Cao su và nông trường 732 (Flay Càn) của Bộ Nông nghiệp chuyển giao cho Bộ Quốc phòng quản lý.

2- Đã điều động và tập hợp cán bộ, bổ sung chiến sĩ mới hình thành bước đầu cơ quan binh đoàn và các đơn vị sản xuất và phục vụ sản xuất gồm :

- Công ty cao su Đức Cơ
- Nông trường 732
- 1 khung lâm trường
- 1 khung trung đoàn xây dựng cầu đường + thủy lợi.
- 1 khung trung đoàn sản xuất vật liệu và kiến trúc.
- 1 khung trường huấn luyện
- 1 khung trạm cơ khí sửa chữa

- 1 khung xí nghiệp vật tư
- 1 khung xí nghiệp đời sống.

Lực lượng của Binh đoàn đến 31/5/1985 có :

- + Lao động : 5.671 người, trong đó có 662 sĩ quan, 1.480 chiến sĩ mới; 3.529 công nhân viên.
- + Người ăn theo : 3.034 người
- + Số hộ gia đình: 1.343 hộ.

Thị trấn
thị trấn
năm 1985
20 triệu

3- Để bảo đảm cho Binh đoàn hoạt động, Bộ Quốc phòng đã cấp tạm ứng cho Binh đoàn : 20 triệu đồng tiền vốn và trên 100 tấn xăng dầu.

4- Những khó khăn của Binh đoàn hiện nay :

- Những yếu tố cơ bản để xây dựng kế hoạch chưa có.
- Do tác động nhiều lần bàn giao cơ quan quản lý nên 2 cơ sở : Công ty cao su Đức Cơ và Nông trường 732 chịu nhiều hậu quả nặng nề (như : quy hoạch thiết kế chưa được duyệt; đầu tư không liên tục và kém hiệu quả; đời sống khó khăn, quản lý kinh tế yếu, tư tưởng không an tâm...).
- Binh đoàn mới hình thành thực lực chưa có gì; cơ sở vật chất chưa có; trang bị, tiền vốn chưa được đầu tư...).

Sau hơn 3 tháng triển khai xây dựng Binh đoàn, tuy có nhiều khó khăn bước đầu, nhưng cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên của Binh đoàn đã biểu thị quyết tâm, nhanh chóng ổn định chỗ ăn, ở, sắp xếp bộ máy; cử cán bộ dự lớp tập huấn kỹ thuật cao su và quan hệ tốt với địa phương để tìm hiểu tình hình và hợp đồng công tác. Trước tình hình công ty cao su Đức Cơ có nhiều khó khăn, Binh đoàn đã tập trung sức chi viện, chỉ huy, lãnh đạo, quyết tâm đạt được vụ trồng mới cao su chất lượng tốt hơn các năm trước.

II- Kết quả làm việc với các ngành và địa phương để xác định nhiệm vụ cho Binh đoàn 15

Bộ Quốc phòng đã chủ động làm việc với các ngành

và địa phương để xác định rõ nhiệm vụ, địa bàn cho Binh đoàn 15.

1) Tổng cục cao su dự kiến bố trí cho quân đội làm cao su ở Tây Nguyên từ 7 đến 10 vạn ha (trên tổng số 27 đến 29 vạn ha cao su trồng ở Tây Nguyên trong chương trình 60 vạn ha cao su và 1 triệu tấn mủ khô đến năm 2000); nhưng khi bàn với địa phương tỉnh Đắk Lắk không đồng ý xác định quy hoạch diện tích cao su trong toàn tỉnh, mà chỉ đồng ý định diện tích trồng đến năm 1990. Riêng việc quân đội làm cao su ở Krông Buk tỉnh cũng không đồng ý vì ở đây đã có công ty cao su của Tổng cục cao su, diện tích còn lại để làm cà phê và giữ rừng. Tỉnh Gia Lai-Kon Tum đề nghị quân đội tập trung làm ở Đức Cơ, Sa Thầy, Đắk Tô độ 5 vạn ha, tỉnh và Tổng cục cao su làm 14 vạn ha. Qua ý kiến các địa phương, được tổng cục cao su đồng tình, quân đội chỉ làm 5 vạn ha cao su ở Gia Lai-Kon Tum trong chương trình 60 vạn ha cao su đến năm 2000.

b) Bộ Lâm nghiệp cho biết kế hoạch 1986-1990 đã bố trí cho các địa phương, quân đội muốn tham gia làm lâm nghiệp thì bàn với địa phương. Việc làm thông ở Lâm Đồng hiện nay địa phương vẫn giữ làm, Nhà nước chưa có kế hoạch đầu tư thêm.

c) Tỉnh Gia Lai-Kon Tum thống nhất đề nghị giao nhiệm vụ cho Binh đoàn 15 tập trung tham gia xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng dọc tuyến biên giới từ đường 18 đến nam đường 19 theo phương hướng:

+ Mở mang nông trường 732 (Plây Càn) thành 1 điểm tựa về lương thực-thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày. Phối hợp với tỉnh xây dựng thị trấn Bến Het và phát triển kinh tế và dân cư ở khu vực 3 biên giới; xây dựng đường 18 nối thông với hạ Lào.

+ Xây dựng các lâm trường, nông trường dọc lưu vực sông Sa Thầy. Phát triển kinh tế và dân cư dọc tuyến biên giới, tạo cơ sở vững chắc cho quốc phòng.

+ Sản xuất cao su kết hợp kinh doanh tổng hợp ở khu vực Đức Cơ (bao gồm cả 2 huyện Chư Pă và Chư Prông); phát triển kinh tế và dân cư, xây dựng thị trấn Đức Cơ trên đường 19.

+ Từ bàn đạp đường 18 và đường 19 để hợp tác kinh tế với Lào và Cam-pu-chia, trước mắt hợp tác làm cao su và khai thác lâm nghiệp để tạo vốn cho ta và cho bạn. Về cách làm, tính cũng thống nhất đề nghị :

- Phải sớm xác định quy hoạch đồng bộ kinh tế với quốc phòng. Trước mắt phải đầu tư xây dựng một số trục đường giao thông và một số cơ sở hạ tầng cho sản xuất và đời sống, tạo điều kiện để đưa thêm lao động và dân cư.

Quân đội làm nông cốt để củng cố địa phương tổ chức định canh định cư dân tại chỗ, thu hút dân tại chỗ và nơi khác đến vào làm ở các nông lâm trường.

- Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho phép địa phương liên kết với quân đội khai thác gỗ xuất khẩu và sản xuất khai thác một số nông lâm sản xuất khẩu để có vốn đầu tư trở lại xây dựng khu vực này.

- Kết hợp chặt chẽ với địa phương trong việc phát triển kinh tế với tổ chức đời sống dân cư, xây dựng xã hội, xây dựng chính quyền và cơ sở chính trị địa phương.

III- Đề nghị :

Sau khi làm việc với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Tổng cục cao su, Bộ Lâm nghiệp, các tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai-Kon Tum, Bộ Quốc phòng báo cáo lên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phương hướng nhiệm vụ cụ thể của Binh đoàn 15 và đề nghị giải quyết như sau :

1- Về làm cao su :

Giao cho quân đội sản xuất 5 vạn ha cao su (bao gồm trồng mới, khai thác, chế biến) trên các khu vực Đức Cơ, Chư Pă, Sa Thầy, Đắc Tô. Đến năm 2000 trồng mới xong.

Trong kế hoạch 1986-1990 trồng mới 1000 ha ở Đức Cơ và chuẩn bị cơ sở để đến kế hoạch 1991-1995 trồng mới tiếp 40.000 ha theo phương châm tập trung định hình sớm từng nông trường, từng công ty, không làm phân tán.

Xây dựng công trình đồng bộ với 10.000 ha trồng mới trong 5 năm 1986-1990 gồm có :

- 1 xưởng chế biến cao su 1 vạn tấn/năm.
- 1 trạm thủy điện 250 KW, 5 công trình thủy lợi nhỏ, 8 giếng khoan cấp nước sinh hoạt.
- Xây dựng cơ bản các đường trục của các nông trường.
- Xây dựng khu trung tâm thị trấn Đức Cơ.
- 1 xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và 1 trạm sửa chữa xe máy.

2- Về sản xuất lâm nghiệp.

Binh đoàn 15 phối hợp và liên kết với tỉnh Gia Lai-Kon Tum xây dựng khu kinh tế lâm-nông-công nghiệp ở khu vực Sa Thầy nhằm đạt được 3 mục tiêu sau đây :

- + Xây dựng khu kinh tế trù phú.
- + Định canh định cư và thu hút đồng bào dân tộc vào nông lâm trường, đưa thêm dân ở nơi khác đến, xây dựng thành khu dân cư có đời sống tốt.

- + Xây dựng quốc phòng và an ninh của khu căn cứ kháng chiến cũ.

Công việc trước tiên để mở mang khu vực này là mở được trục đường dọc nối từ đường 18 xuống đường 15 và một số trục ngang tỉnh và Quân khu đã giao cho Binh đoàn 15 làm chủ đầu tư xây dựng các trục đường ở khu vực này và đề nghị Hội đồng Bộ trưởng cho phép lấy tài nguyên rừng để làm vốn xây dựng mở mang đường sá.

Mục tiêu cụ thể xây dựng khu kinh tế lâm-nông-công nghiệp Sa Thầy 5 năm 1986-1990 là :

- 6 -

- Xây dựng định hình nông trường 732, cỡ diện tích trồng trọt 3000 - 3.500 ha, xây dựng một số công trình thủy lợi, mở rộng diện tích lúa 2 vụ từ 100 ha hiện nay lên khoảng 600 ha.

- Quản lý xây dựng một đến hai lâm trường, công suất khai thác mỗi lâm trường 2 vạn m³ gỗ tròn/năm, t tham gia làm gỗ lạng xuất khẩu (trong tổng số gỗ khai thác có 20% gỗ lạng xuất khẩu).

- Xây dựng xong trục đường dọc huyện Sa Thầy.

- Xây dựng một số trạm thủy điện nhỏ.

- Xây dựng vườn ươm cao su, chuẩn bị cơ sở để trồng mới cao su theo tiến độ 1991-1995.

- Xây dựng thị trấn Bến Hết (bao gồm khu hành chính, các cơ sở dịch vụ kỹ thuật và đời sống, các cơ sở chế biến).

- Thu hút đồng bào các dân tộc 3 xã biên giới vào nông lâm trường và chuyển dân từ nơi khác tới.

- Cho phép tỉnh Gia Lai-Kon Tum và Bình đoàn 15 khai thác mỗi năm 20.000 đến 30.000 m³ gỗ, kết hợp mở tuyến đường dọc Sa Thầy để có vốn trang bị vật tư làm tuyến đường gỗ.

3- Tham gia công tác định canh định cư : quân đội làm nông cốt, cùng địa phương thực hiện công tác định canh định cư 9 xã dọc biên giới (Sa Thầy 3 xã, Chư Pá 3 xã, Chư Pông 3 xã). Nội dung công tác định canh định cư gồm một số mặt cụ thể :

- Xây dựng công trình cấp nước cho sinh hoạt
- Xây dựng thủy lợi
- Xây dựng ruộng nước
- Xây dựng đường sá vào các bản làng, khu dân cư
- Xây dựng các công trình văn hóa, giáo dục, y tế, bưu điện, cửa hàng... Các công trình này được đầu tư xây dựng thống nhất với xây dựng các nông lâm trường.

Đề nghị Hội đồng Bộ trưởng giao cho Binh đoàn 15 bàn với tỉnh nhận làm chủ đầu tư cho công tác định canh, định cư 9 xã biên giới này. Tỉnh và Binh đoàn 15 phải thống nhất quy hoạch, kế hoạch đầu tư báo cáo lên Hội đồng Bộ trưởng.

4- Về hợp tác kinh tế với Lào và Cam-pu-chia:

Việc xây dựng căn cứ Tây Nguyên gắn với hạ Lào và đông bắc Cam-pu-chia để thực hiện nhiệm vụ liên minh chiến đấu và liên kết xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng của 3 nước ở khu vực này, Bộ Chính trị đã giao cho quân đội ta nhiệm vụ hợp tác kinh tế kết hợp củng cố quốc phòng với Cam-pu-chia và Lào, Bộ Quốc phòng sẽ giao cho Binh đoàn 15 hợp tác với bạn Lào ở (tập) sản xuất lâm nghiệp. Riêng hợp tác với bạn Cam-pu-chia ở Ratanakiri để làm cao su, đề nghị Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho phép Bộ Quốc phòng tham dự và bàn với bạn để đưa vào hiệp định chính thức với bạn trong kế hoạch 1986 - 1990.

5- Nhà nước giải quyết đầu tư ban đầu cho Binh đoàn 15 một số vốn và trang bị ban đầu, Bộ Quốc phòng đã có tờ trình lên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (tháng 4-1985).

Trước mắt để làm cao su cho Binh đoàn 15 được nhận đủ vốn theo hợp tác với bạn (qua Tổng cục cao su).

6- Sau khi Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xem xét và có những quyết định về các đề nghị trên, đề nghị tổ chức hợp với các Bộ, ngành có liên quan để thông báo rõ nhiệm vụ quân đội tham gia làm kinh tế ở Tây Nguyên và giao trách nhiệm cho các Bộ, ngành giúp đỡ, tạo điều kiện cho quân đội thực hiện tốt nhiệm vụ, cần đổi các nhiệm vụ được Hội đồng Bộ trưởng giao cho Binh đoàn 15 trong kế hoạch 1986-1990 của các ngành và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

K/T BỘ TRƯỞNG QUỐC PHÒNG



Trưởng

Trương Trần Sâm

Phụ lục : Tổng hợp số liệu nhận bàn giao 2 đơn vị :
Công ty cao su Đức Cơ và Nông trường 732.

Danh mục	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra		Ghi chú
			Công ty IN. trường cao su Đức Cơ	732	
A	B	1	2	3	4
I- Lao động và nhân khẩu					
1) Tổng số lao động	người	3.636	2.949	687	
Trong đó : - Nam	-	1.954	1.612	342	
- Nữ	-	1.682	1.337	345	
2) Số người ăn theo	-	2.973	2.271	702	
3) Số hộ gia đình	hộ	1.335	1.052	283	
II- Tài sản-tài chính.					
1) <u>Giá trị tài sản cố định (31/12/1984)</u>					
- Nguyên giá	1000đ	150.553,2	35.495,4	115.057,8	
- Đã khấu hao	-	12.752,0	6.988,7	5.763,3	
- Giá trị còn lại	-	137.801,1	28.506,6	9.294,5	
Phân theo công dụng :					
- Đang dùng trong s.xuất	-	126.353,1	16.793,3	9.559,8	
- Đang dùng ngoài s.xuất	-		10.437,9		
- Chưa dùng	-		64,2		
- Không cần dùng	-		27,3		
- Chờ thanh lý	-	576,8	64,5	512,3	
- Không khấu hao và	-	8.907,6	7.922,0	985,6	
2) <u>Tài sản cố định chủ yếu.</u>					
- Tổng diện tích cau su	ha	1.643,6	1.643,6		Trong đó
KTCB					1600 ha
- Diện tích cau su kinh doanh.	ha	286	286		thanh lý.
- Đất canh tác cây hàng năm.	ha	131		131	
- Nhà các loại	m2	41.179	17.392	23.787	
Trong đó : nhà lâu bền	-	7.800	5.864	1.936	

A	B	1	2	3	4
III- Kế hoạch năm 1985.					
1) Tổng vốn đầu tư XDGB	1000d	23.666	23.000	666	
Trong đó : - Xây lắp	-	20.666	20.000	666	
- Thiết bị	-	2.000	2.000	-	
- KTCE khác	-	1.000	1.000	-	
2) Sản phẩm chính.					
- Cao su mũ khô sơ chế	tấn	210	210		
Trong đó : Krếp	-	180	180		
Mũ miang+bát	-	30	30		
- Lương thực quy thóc	-	807		807	
Trong đó : thóc	-	750		750	
3) Công trình XDGB chủ yếu.					
- Trồng mới cao su	ha	400	400		
- Xây dựng nhà các loại	m2		11.129	1.000	
Trong đó : nhà lâu bền	-		537	1.000	
4) Sản phẩm giao nộp.					
- Cao su mũ khô	tấn	180	180		
Trong đó : Krếp	-	180	180		
- Lương thực quy thóc	-	650		650	
Trong đó : thóc	-	600		600	
Màu quy thóc	-	50		50	
5) Vật tư chủ yếu.					
- Xăng dầu	tấn	228	380	48	Đến hết
- Xi măng	-	120	100	20	tháng 5
- Phân đạm tiêu chuẩn	-	240	100	140	Đúc cơ mới
- Phân lân	-	140	100	40	nhận được
- Phân kali	-	90	50	40	30 tấn
- Sắt thép	-	20	15	5	xăng dầu.
- Tấm lợp Fibrô	m2	600	6.000		
- Tấm lợp tôn	tấm	760		760	

PHỤ LỤC

Bản sao
TTLTQG III

những đề nghị của Bộ Quốc phòng về nhiệm vụ
cụ thể của Binh đoàn 15 xây dựng kinh tế Tây Nguyên
(công văn số 1157-QP ngày 30/6/1985)

Sau khi làm việc với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Tổng cục
Cao-su, Bộ Lâm nghiệp, các tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai - Kontum,
Bộ Quốc phòng báo cáo lên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phương
hướng nhiệm vụ cụ thể của Binh đoàn 15 và đề nghị giải quyết
như sau :

1/ Về làm cao-su :

Giao cho Quân đội sản xuất 5 vạn ha cao-su (bao gồm trồng
mới, khai thác, chế biến) trên các khu vực Đức Cơ, Chư Pá,
Sa Thầy, Đắk Tô.

Trong kế hoạch 1986 - 1990 trồng mới 10.000 ha ở Đức Cơ và
chuẩn bị cơ sở để đến kế hoạch 1991 - 1995 trồng mới tiếp
40.000 ha theo phương châm tập trung định hình sớm từng nông
trường, từng công ty, không làm phân tán.

Xây dựng công trình đồng bộ với 10.000 ha trồng mới trong
5 năm 1986 - 1990 gồm có :

- 1 xưởng chế biến cao-su 1 vạn tấn/năm.
- 1 trạm thủy điện 250KW, 5 công trình thủy lợi nhỏ,
8 giếng khoan cấp nước sinh hoạt.
- Xây dựng cơ bản các đường trục của các nông trường.
- Xây dựng khu trung tâm thị trấn Đức Cơ.
- 1 xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và 1 trạm sửa chữa
xe máy.

2/ Về sản xuất lâm nghiệp :

Binh đoàn 15 phối hợp và liên kết với tỉnh Gia Lai - Kontum
xây dựng khu kinh tế lâm, nông, công nghiệp ở khu vực Sa Thầy
nhằm đạt được 3 mục tiêu sau đây :

- Xây dựng khu kinh tế trù phú.
- Định canh định cư và thu hút đồng bào dân tộc vào nông, lâm trường, đưa dân ở nơi khác đến, xây dựng thành khu dân cư có đời sống tốt.
- Xây dựng quốc phòng và an ninh của khu căn cứ kháng chiến cũ.

Công việc trước tiên để mở mang khu vực này là mở được trục đường dọc nối từ đường 18 xuống đường 15 và một số trục ngang tỉnh và Quân khu đã giao cho Binh đoàn 15 làm chủ đầu tư xây dựng các trục đường ở khu vực này và đề nghị Hội đồng Bộ trưởng cho phép lấy tài nguyên rừng để làm vốn xây dựng mở mang đường sá.

Mục tiêu cụ thể xây dựng khu kinh tế lâm, nông, công nghiệp Sa Thầy 5 năm 1986 - 1990 là :

- Xây dựng định hình nông trường 732, có diện tích trồng trọt 3.000 - 3.500 ha, xây dựng một số công trình thủy lợi, mở rộng diện tích lúa 2 vụ từ 100 ha hiện nay lên khoảng 600 ha.
- Quản lý xây dựng một đến hai lâm trường, công suất khai thác mỗi lâm trường 2 vạn m³ gỗ tròn/năm, tham gia làm gỗ lạng xuất khẩu (trong tổng số gỗ khai thác có 20% gỗ lạng xuất khẩu).
- Xây dựng xong trục đường dọc huyện Sa Thầy.
- Xây dựng một số trạm thủy điện nhỏ.
- Xây dựng vườn ươm cao-su, chuẩn bị cơ sở để trồng mới cao-su theo tiến độ 1991 - 1995.
- Xây dựng thị trấn Bến Hét (bao gồm khu hành chính, các cơ sở dịch vụ kỹ thuật và đời sống, các cơ sở chế biến).
- Thu hút đồng bào các dân tộc 3 xã biên giới vào nông, lâm trường và chuyển dân từ nơi khác tới.
- Cho phép tỉnh Gia Lai - Kontum và Binh đoàn 15 khai thác mỗi năm 20.000 đến 30.000 m³ gỗ, kết hợp mở tuyến đường dọc Sa Thầy để có vốn trang bị vật tư làm tuyến đường đó.

3/ Tham gia công tác định canh định cư :

Quân đội làm nòng cốt, cùng địa phương thực hiện công tác định canh định cư 9 xã dọc biên giới (Sa Thầy 3 xã, Chu Pá 3 xã, Chu Pông 3 xã). Nội dung công tác định canh định cư gồm một số mặt cụ thể :

- Xây dựng công trình cấp nước cho sinh hoạt.
- Xây dựng thủy lợi.
- Xây dựng ruộng nước.
- Xây dựng đường sá vào các bản làng, khu dân cư, bưu điện, cửa hàng ... các công trình này được đầu tư xây dựng thống nhất với xây dựng các nông, lâm trường.

Đề nghị Hội đồng Bộ trưởng giao cho Binh đoàn 15 bàn với tỉnh nhận làm chủ đầu tư cho công tác định canh, định cư 9 xã biên giới này. Tỉnh và Binh đoàn 15 phải thống nhất quy hoạch, kế hoạch đầu tư báo cáo lên Hội đồng Bộ trưởng.

4/ Về hợp tác kinh tế với Lào và Cam-pu-chia :

Việc xây dựng căn cứ Tây Nguyên gắn với hạ Lào và đông bắc Cam-pu-chia để thực hiện nhiệm vụ liên minh chiến đấu và liên kết xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng của 3 nước ở khu vực này, Bộ Chính trị đã giao cho Quân đội ta nhiệm vụ hợp tác kinh tế kết hợp củng cố quốc phòng với Cam-puchia và Lào. Bộ Quốc phòng sẽ giao cho Binh đoàn 15 hợp tác với bạn Lào ở Atô Pơ sản xuất lâm nghiệp. Riêng hợp tác với bạn Cam-pu-chia ở Ratanakiri để làm cao-su, đề nghị Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho phép Bộ Quốc phòng tham dự và bàn với bạn để đưa vào Hiệp định chính thức với bạn trong kế hoạch 1986 - 1990.

5/ Nhà nước giải quyết đầu tư ban đầu cho Binh đoàn 15 một số vốn và trang bị ban đầu, Bộ Quốc phòng đã có tờ trình lên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (tháng 4 năm 1985) ./.

BỘ QUỐC PHÒNG

Số: 468/1999/QĐ-BQP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Ngày 31 tháng 5 năm 1999

LĐTL

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Về việc thành lập các đơn vị trực thuộc Binh đoàn 16

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

- Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
- Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996;
- Căn cứ Nghị định số 41/CP ngày 05 tháng 7 năm 1996 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Quốc phòng;
- Xét đề nghị của đồng chí Tổng tham mưu trưởng, Tư lệnh Binh đoàn 16.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Thành lập các đơn vị sau đây trực thuộc Binh đoàn 16.

1- Các Trung đoàn :

- Trung đoàn 717.
Vị trí đóng quân : xã Thiện Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
- Trung đoàn 719.
Vị trí đóng quân : xã Đắk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Trung đoàn 720.
Vị trí đóng quân : xã Quảng Tín, huyện Đắk Rlấp, tỉnh Đắk Lắk
- Trung đoàn 726.
Vị trí đóng quân : xã Quảng Trục, huyện Đắk Rlấp, tỉnh Đắk Lắk
- Trung đoàn 735.
Vị trí đóng quân : xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Các Trung đoàn có nhiệm vụ :

- a)- Đảm bảo dân cư trên địa bàn được đảm nhiệm, phối hợp quản lý địa phương vận động dân, sắp xếp bố trí dân cư ổn định chỗ ở, chống du canh, du cư. Bảo vệ rừng, trồng rừng.

- b)- Cùng Đảng bộ, chính quyền địa phương xây dựng địa bàn kinh tế kết hợp quốc phòng, tham gia xoá đói giảm nghèo.
- c)- Khai hoang, trồng mới, chăm sóc, chế biến cây công nghiệp dài ngày.
- d)- Ổn định chỗ ở cho đơn vị và xây dựng khu vực thành khu Trung tâm kinh tế văn hoá, y tế tại địa phương.

2- Trung đoàn xây dựng 728.

- Vị trí đóng quân : xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Nhiệm vụ : Xây dựng hạ tầng cơ sở, giao thông thủy lợi, công nghiệp, quốc phòng an ninh.

3- Xí nghiệp khảo sát thiết kế :

- Vị trí đóng quân : Xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Nhiệm vụ : Lập dự án đầu tư, thiết kế dự toán các công trình nông, lâm nghiệp, giao thông thủy lợi.

4- Nhà máy sản xuất phân bón Komix :

- Vị trí đóng quân : Xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Nhiệm vụ : Sản xuất kinh doanh phân bón phục vụ cho trồng cây công nghiệp trên địa bàn.

Điều 2.- Tổ chức, biên chế các đơn vị trên giao cho Bộ Tổng tham mưu quyết định.

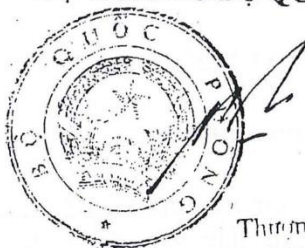
Điều 3.- Các đồng chí Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật, Tư lệnh Binh đoàn 16 và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Nơi nhận :

- BITM, TCCT, TCHC, TCKT,
- Tổng cục CNQP, BĐ16,
- Cục Kinh tế, Cục Quân lực,
- Cục Tài chính, Cục Cán bộ,
- Lưu (2b).

m3

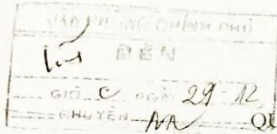


Thượng tướng
PHẠM VĂN LŨNG

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *KK/TBQP*Ngày *27* tháng *12* năm *1999***ĐỀ ÁN QUY HOẠCH TỔNG THỂ**

QUÂN ĐỘI THAM GIA XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ-
XÃ HỘI CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, VÙNG SÂU VÙNG XA
GẮN VỚI XÂY DỰNG CÁC KHU QUỐC PHÒNG-AN NINH
TRÊN CÁC ĐỊA BÀN CHIẾN LƯỢC BIÊN GIỚI, VEN BIỂN
(Theo quyết định 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ)

Thực hiện quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao cho Bộ Quốc phòng xây dựng các vùng kinh tế mới, đón nhận 100.000 hộ dân đến lập nghiệp ở những vùng đất còn hoang hoá nơi vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; Nghị quyết số 150/ĐUQSTW ngày 10/8/1998 của Đảng uỷ Quân sự Trung ương về việc Quân đội tham gia lao động sản xuất, làm kinh tế, phát huy vai trò nòng cốt tham gia xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an-an ninh trên các địa bàn chiến lược; (gọi tắt là Khu Kinh tế - Quốc phòng).

Bộ Quốc phòng đã lập kế hoạch, chỉ đạo các Quân khu tiến hành làm việc với các địa phương để thoả thuận về đất đai và sơ bộ quy hoạch nhiệm vụ sản xuất trên địa bàn để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao.

Nội dung của đề án gồm các phần sau:

- Phần 1:* Cơ sở thực tiễn của đề án - Kết quả và những bài học từ mô hình kinh tế - quốc phòng Bình đoàn 15.
- Phần 2:* Mục tiêu chủ yếu của đề án.
- Phần 3:* Sơ bộ quy hoạch phát triển và tiến độ thực hiện.
- Phần 4:* Cơ chế tổ chức và quản lý.
- Phần 5:* Tổ chức thực hiện.
- Phần 6:* Kết luận và kiến nghị.

Phần I
CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ ÁN - KẾT QUẢ VÀ NHỮNG BÀI HỌC
TỪ MÔ HÌNH KINH TẾ - QUỐC PHÒNG BINH ĐOÀN 15

Binh đoàn 15 được thành lập tháng 2 năm 1985 theo quyết định 68/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Ngay từ khi mới thành lập, nhiệm vụ cơ bản, lâu dài của Binh đoàn được xác định là: Phát triển kinh tế - xã hội gắn với nhiệm vụ quốc phòng an ninh, xây dựng dân cư xã hội trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên mà chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, kết hợp kinh doanh tổng hợp các ngành xây dựng cơ bản, dịch vụ thương mại, tập trung mũi nhọn là phát triển cây cao su, cà phê.

Suốt gần 15 năm kiên trì phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn thử thách, Binh đoàn 15 (Tổng công ty 15) đã từng bước đi lên vững chắc, đạt được những thành quả đáng kể trên tất cả các mặt kinh tế, xã hội và quốc phòng an ninh, khẳng định vai trò nòng cốt của Quân đội trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội trên những địa bàn chiến lược có nhiều khó khăn, phức tạp nơi vùng núi, biên giới, hải đảo.

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TỔNG CÔNG TY 15:

I.1. Về kinh tế:

Đã hình thành nên một vùng chuyên canh cây cao su, cây công nghiệp có giá trị lớn về kinh tế của cả nước. Diện tích cao su từ lúc thành lập 1985 chỉ có 1476 ha, trong đó chủ yếu là cao su trồng thực sinh thời kỳ 1981, đến cuối 1997 đã tăng lên 10 lần, đạt tới 15.651 ha; sản lượng từ chỗ chỉ đạt 1.149 tấn năm 1985 đến cuối năm 1997 đã đạt tới 16.710 tấn, tăng 14, 5 lần. Ngoài cao su Tổng Công ty 15 còn phát triển thêm diện tích cà phê, lúa...

Thời kỳ 1991-1994, bình quân mỗi năm đạt doanh thu 36,6 tỷ đồng, lợi nhuận 3,0 tỷ đồng, thu nộp ngân sách 3,7 tỷ đồng, lương bình quân 130.796 đồng năm 1991, tăng lên 350.000 đồng năm 1994.

Thời kỳ 1995-1997, bình quân mỗi năm đạt doanh thu 176,4 tỷ đồng. Lợi nhuận 10,7 tỷ đồng, thu nộp ngân sách 17,1 tỷ đồng, lương bình quân 402.000 đồng năm 1995, tăng lên 560.000 đồng năm 1997.

Năm 1998 doanh thu đạt 179.926 triệu đồng, nộp ngân sách đạt 18.398 triệu đồng, giá trị tăng thêm: 70.974 triệu đồng, lương bình quân đạt 600.000 đồng/ng/năm. Diện tích cao su tăng lên tới 22.651 ha. Trong đó đưa vào kinh doanh đạt 4.444 ha, sản lượng đạt 5.000 tấn.

1.2. Về xã hội:

Đã cơ bản cải thiện được các điều kiện hạ tầng về văn hoá xã hội cho cả hai vùng là Đức Cơ và 732 - Ngọc Hồi. Bằng việc xây dựng trường học (trung học cơ sở và phổ thông trung học), các trạm xá, trạm y tế ở các xã... và một mạng lưới giao thông đã góp phần cải thiện một bước cơ bản đời sống của bà con các dân tộc trong vùng.

Tổng Công ty 15 đã tiếp nhận và giải quyết việc làm cho khoảng 16.500 hộ dân cư, trong đó có khoảng 6.500 hộ đồng bào dân tộc ít người. Nếu như năm 1985 mới chỉ 348 hộ trong đó có 65 hộ đồng bào dân tộc ít người, thì đến năm 1997, đã có 9.262 hộ, trong đó có 6.500 hộ đồng bào dân tộc tham gia phát triển cao su cho Tổng Công ty 15.

1.3. Về quốc phòng an ninh:

Do giải quyết được vấn đề xã hội, thu hút được người lao động, hình thành nên một vùng dân cư mới, từ đó mà tạo những tiền đề cơ bản để giải quyết tốt các vấn đề về an ninh biên giới như phát triển dân quân tự vệ, nâng cao trình độ dân trí... Vì vậy an ninh trong vùng đã được giữ vững, nhân dân yên tâm phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống.

Với các dự kiến phát triển mới các vùng cao su, cả phê Tổng công ty 15 đã và đang tạo dựng nên một vùng cao su, cà phê lớn ở Tây nguyên, chạy dọc theo biên giới từ Kon Tum đến Gia Lai và sau này có thể xuống Đắc Lắc, vừa *tạo nên thế bố trí chiến lược cho nhiệm vụ bảo vệ an ninh và giữ gìn biên giới, vừa khẳng định chủ quyền biên giới Tổ quốc.*

II. NHỮNG BÀI HỌC RÚT RA TỪ MÔ HÌNH KINH TẾ - QUỐC PHÒNG CỦA BINH ĐOÀN 15:

1. Khẳng định quan điểm, chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng, lấy Quân đội làm lực lượng nòng cốt xây dựng các khu kinh tế quốc phòng trên các địa bàn chiến lược nhằm tạo ra một bước chuyển dịch cơ cấu ngành, vùng kinh tế, hướng tới việc cải thiện một bước cơ bản đời sống của bà con các dân tộc vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

2. Phải kiên định mục tiêu đã chọn để từ đó xây dựng được một đội ngũ cán bộ có ý chí quyết tâm cao, giỏi về chuyên môn; lấy cán bộ, đảng viên làm nòng cốt, đồng thời phải coi đây là nhiệm vụ quan trọng của Quân đội để có sự quan tâm đầu tư thích đáng về người và của, giúp cho cơ sở triển khai thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ trên giao.

3. Phải tìm ra mô hình kinh tế quốc phòng hợp lý, đem lại hiệu quả cao. Mô hình mà Tổng Công ty 15 đã tìm ra là đúng hướng vì:

Thứ nhất: Đạt được mục tiêu tổng hợp về kinh tế xã hội và quốc phòng-an ninh.

Thứ hai: Phù hợp với đặc điểm của sản xuất nông lâm nghiệp: Đó là kinh tế quốc doanh gắn chặt với kinh tế hộ gia đình, thực hiện giao khoán đến người lao động, đến từng hộ gia đình; kết hợp sản xuất kinh doanh tổng hợp với tập trung đầu tư cho các mũi nhọn, cho các loại cây trồng chính có giá trị kinh tế cao... Do vậy đã khai thác được tối đa tiềm năng về lao động, về đất đai, tạo ra nhiều sản phẩm, làm sống động đời sống kinh tế trong vùng.

Thứ ba: Giải quyết được nhiều vấn đề về xã hội như định canh, định cư cho đồng bào dân tộc, nâng cao dân trí, thay đổi cách nghĩ, cách làm, lối sống của đồng bào, giải quyết được việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần xoá đói giảm nghèo, từng bước nâng cao đời sống các mặt của đồng bào vùng biên giới, tăng cường tình đoàn kết các dân tộc, làm cho bà con gắn bó với địa phương, với mảnh đất mà mình đang sống; củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng, Nhà nước, Quân đội.

Thứ tư: Đáp ứng được các yêu cầu của việc bảo đảm an ninh khu vực và góp phần củng cố thể trận chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân trên toàn tuyến biên giới do Tổng Công ty 15 đứng chân.

4. Việc áp dụng mô hình kinh tế quốc phòng của Tổng Công ty 15 là hợp lý và hiệu quả nhưng việc vận dụng phải tùy thuộc vào từng điều kiện cụ thể của mỗi quân khu, mỗi vùng.

Qua mô hình Tổng công ty 15 có thể rút ra một số vấn đề cơ bản về tổ chức sản xuất ở các khu kinh tế quốc phòng như sau:

Một là, kinh tế tập thể phải đi đôi với kinh tế hộ gia đình, trong đó kinh tế hộ gia đình được đặc biệt coi trọng. Chính kinh tế hộ gia đình đã khai thác được tối đa tiềm năng về đất đai, khí hậu, thời tiết, mùa vụ và sử dụng được hết tiềm năng về lao động.

Hai là, phát triển kinh tế phải gắn chặt với địa bàn, trong đó có các cấp chính quyền địa phương và bà con các dân tộc trong vùng; qua việc tổ chức sản xuất mà tiến hành đào tạo nguồn nhân lực tại địa phương để có thể tự tổ chức sản xuất, đảm bảo lâu dài và phát triển bền vững.

Ba là, xây dựng hạ tầng phải gắn liền với phát triển sản xuất, xây dựng kinh tế hộ gia đình dân cư và cụm làng xã, điểm dân cư.

Mô hình Tổng Công ty - Công ty - Đội sản xuất - Hộ gia đình tạo ra sự gắn bó kinh tế phụ cùng với kinh tế chính của Công ty; giúp cho mỗi người dân, mỗi cơ sở điều kiện để tổ chức sản xuất trên diện tích đất đai mình quản lý, sử dụng hết lao động hiện có trong từng hộ, từng đơn vị để tạo thêm nhiều sản phẩm hàng hoá nâng cao đời sống của dân cư.

Phần 2

MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

I. NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:

- Căn cứ quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ nghị quyết 150/ ĐUQSTU ngày 01 tháng 8 năm 1998 của Đảng uỷ Quân sự Trung ương;
- Căn cứ kết quả làm việc bước đầu của các Quân khu với các tỉnh về khả năng đất đai và sơ bộ quy hoạch nhiệm vụ sản xuất và hướng đầu tư chủ yếu của vùng dự án;
- Căn cứ kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Công Tạn trong cuộc họp ngày 4/3/1999 và ý kiến của Chính phủ tại công văn số 3377/VPCP-NN ngày 27/7/1999 về việc rà soát, hoàn chỉnh đề án tổng thể Quân đội tham gia xây dựng các Khu kinh tế xã hội gắn với quốc phòng-an ninh trên các địa bàn chiến lược.

II. MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN:

Một: Bố trí lại dân cư theo quy hoạch của sản xuất và mục tiêu lâu dài của quốc phòng an ninh, hình thành nên các cụm làng xã biên giới, tạo nên một vành đai biên giới trong thế trận quốc phòng toàn dân bảo vệ Tổ quốc.

Hai: Giúp đỡ vào tạo điều kiện cho dân cư vùng dự án phát triển kinh tế gia đình; Cải thiện và từng bước nâng cao các điều kiện về xã hội như: Học hành, khám chữa bệnh, văn hoá, văn nghệ, giao thông đi lại, giao lưu kinh tế, chợ búa, phát thanh truyền hình, nước ăn, điện thấp sáng...

Ba: Tiếp nhận, thu hút, giải quyết việc làm, thực hiện xoá đói giảm nghèo cho khoảng 84.626 hộ dân cư trong đó thời kỳ 1999-2013: 67.304 hộ.

Bốn: Thực hiện khai thác tối đa tiềm năng đất đai được giao để đẩy mạnh phát triển kinh tế, từng bước chuyển dần sang nền kinh tế hàng hoá với những loại cây công nghiệp, cây đặc sản, cây ăn quả, sản phẩm từ chăn nuôi và nghề rừng. Trong đó tập trung đầu tư vào các loại cây trồng có giá trị kinh tế hàng hoá cao như: cao su, cà phê, chè, quế, hồi, lúa, cây dược liệu đặc sản... Đảm bảo nguồn thu nhập ổn định và bền vững cho các cán hộ gia đình vùng dự án từ kinh tế tập thể, doanh nghiệp, kinh tế hộ gia đình.

Năm: Bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái thông qua trồng mới, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ rừng, sử dụng bền vững, hợp lý các nguồn tài nguyên.

Sáu: Trên cơ sở cải thiện, nâng cao đời sống kinh tế - xã hội của dân cư mà phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số.

Phần 3**QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN****I. NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ LẬP QUY HOẠCH**

1. Căn cứ kết quả làm việc bước đầu của các Quân khu với các tỉnh về sơ bộ quy hoạch nhiệm vụ sản xuất các Khu kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng-an ninh trên các địa bàn.

2. Khái toán vốn đầu tư được xác định trên cơ sở các định mức, suất đầu tư bình quân đối với từng loại cây trồng, con nuôi như sau:

- Cao su: 23,5 triệu/1 ha (khai hoang, trồng mới và chăm sóc 7 năm).

- Cà phê: 40,5 triệu đồng/ha (khai hoang, trồng mới, chăm sóc 3 năm).

- Các loại cây trồng, công việc khác chưa xác định được cụ thể tạm khai toán trên cơ sở dựa vào khả năng, tiềm năng của vùng.

- Các cơ sở hạ tầng như: Giao thông, thủy điện... tạm xác định trên cơ sở mức đầu tư bình quân của các dự án hiện đang triển khai thực hiện.

- Riêng đối với rừng trồng mới và chăm sóc 3 năm, dự kiến tính ở mức 2,5 triệu đồng/ha, khoanh nuôi bảo vệ rừng tính ở mức 273.000 đồng cho 1 ha trong 5 năm.

- Vốn sự nghiệp di dân: Tạm tính bình quân ở mức 5 triệu đồng/hộ.

Từ các căn cứ trên, các chỉ tiêu sơ bộ quy hoạch phát triển và khái toán mức vốn đầu tư của dự án chỉ là định hướng và sẽ được nghiên cứu chi tiết, cụ thể trong từng các dự án khả thi cho từng Khu kinh tế-quốc phòng trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Nhà nước xem xét, phê duyệt.

II. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN:

Trong thời gian từ 1999 - 2013, triển khai và xây dựng 13 Khu KTQP (12 khu xây dựng mới và 01 khu BD15) trên các địa bàn chiến lược ở biên giới phía Bắc, miền Trung, Tây Nguyên, Đông và Tây Nam bộ, cụ thể là:

II.1. Các Khu kinh tế- quốc phòng (KTQP) dự án đã được phê duyệt, đã và đang triển khai thực hiện.

1. KHU KTQP BINH ĐOÀN 15.

Bao gồm vùng cao su Đức Cơ, cao su IAGRAI thuộc tỉnh Gia Lai, nông trường 732, khu cao su Moray thuộc tỉnh Kon Tum.

Các dự án thuộc Khu kinh tế quốc phòng của Binh đoàn 15 đều đã được Nhà nước thoả thuận và uỷ quyền. Bộ Quốc phòng đã phê duyệt và đang triển khai thực hiện.

Tổng diện tích đất tự nhiên đã được tỉnh thoả thuận cấp là: 115.853 ha.

Mục tiêu chủ yếu của dự án là:

- a) Phát triển trồng mới 32.650 ha cao su, 3.248 ha cà phê, kết hợp phát triển lúa mầu, cây ăn quả, cây đặc sản trong các vườn hộ gia đình.
- b) Tiếp nhận và giải quyết việc làm cho 25.296 hộ gia đình, trong đó có khoảng 8.000 hộ đồng bào dân tộc tại chỗ.

Tính đến hết 1998 đã thực hiện và đạt được một số kết quả sau:

- Trồng mới cao su đạt 22.651 ha, trong đó đưa kinh doanh đạt 4.444 ha, sản lượng đạt 5.000 tấn; trồng mới cà phê đạt gần 2.000 ha, trong đó quốc doanh đạt khoảng 1.100 ha, cà phê gia đình đạt khoảng 900 ha, sản lượng cà phê 1998 đạt gần 1.000 tấn.

- Đã tiếp nhận giải quyết việc làm cho được khoảng 17.354 hộ gia đình, trong đó có khoảng 6.500 hộ đồng bào dân tộc.

- Đã cơ bản cải thiện được các điều kiện hạ tầng về văn hoá xã hội cho cả hai vùng là Đức Cơ và 732 tỉnh Gia Lai, Ngọc Hồi tỉnh Kon Tum. Trẻ em đã có trường học; các vùng đã có trạm xá, trạm y tế... nỗi lo bệnh tật của bà con vùng xây dựng kinh tế mới đến nay không còn nữa... Ngoài ra Tổng Công ty 15 đã xây dựng được một mạng lưới hạ tầng cơ sở, đường giao thông khá phong phú, cải thiện một bước việc giao lưu hàng hoá, đi lại của bà con các dân tộc trong vùng.

Dự kiến kế hoạch 1999-2007.

1- Hoàn thành việc trồng mới diện tích cao su, cà phê theo quy hoạch. Tiếp tục tiếp nhận và giải quyết việc làm thêm cho khoảng 9.942 hộ gia đình.

2 - Sản phẩm chủ yếu khi định hình đạt 39.180 tấn cao su mủ khô, 5.300 tấn cà phê nhân và nhiều sản phẩm nông nghiệp khác.

3 - Nhu cầu vốn đầu tư bổ sung thêm thời kỳ 1999-2007 là: 619,7 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn vay để trồng mới và chăm sóc cây công nghiệp: 370,0 tỷ đồng.

- Vốn cấp để xây dựng cơ sở hạ tầng: 52 tỷ đồng.

- Vốn sự nghiệp di dân: 39,7 tỷ đồng.

- Vốn tự bổ sung của Binh đoàn 15: 158 tỷ đồng.

4 - Tổng tiến độ thực hiện: 1999 - 2007.

5 - Chủ đầu tư công trình: Tổng Công ty 15 - Quân khu 5.

2. KHU KTQP NAM ĐẮK LẮK - BÌNH PHƯỚC - BINH ĐOÀN 16

Nằm dọc theo biên giới, thuộc địa bàn các xã Quảng Trục, Quảng Tín, ĐăkBu So, huyện Đăk Lăp, tỉnh Đăk Lăk; các xã Lộc thành, Lộc Tấn, Thiện Hưng, Hưng Phước, Lộc An, Lộc Hoà, Tân Tiến, Thanh Hoà, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước; các xã Minh Hưng, Bom Bo, Đắc Nhau huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước. Dự án đã được Chính phủ phê duyệt.

Tổng diện tích tự nhiên khoảng 233.613 ha.

Mục tiêu chủ yếu của dự án:

1. Diện tích trồng trọt:
 - Cao su tổng số: 19.000 ha.
 - Cà phê tổng số: 4.000 ha.
2. Sản phẩm chủ yếu hàng năm đạt:
 - Cao su mủ khô: 23.000 tấn.
 - Cà phê nhân: 10.000 tấn.
3. Tiếp nhận giải quyết việc làm: 27.500 hộ.
4. Tổng mức vốn đầu tư: 1.270 tỷ đồng
 - Vốn ngân sách cấp: 638,9 tỷ đồng
 - Vốn vay để phát triển sản xuất: 631,1 tỷ đồng
5. Tiến độ thực hiện dự án: 1999-2006
6. Chủ đầu tư công trình: Binh đoàn 16 - Bộ Quốc phòng.

3. KHU KTQP BẮC HẢI SƠN - QUÂN KHU 3

Nằm trên địa phận xã Hải Sơn huyện Hải Ninh và xã Đồng Văn huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh, tổng diện tích tự nhiên 10.336 ha, trong đó đất phát triển nông lâm nghiệp là 9.548 ha.

Dự án đã được các cơ quan Nhà nước thoả thuận và Bộ Quốc phòng phê duyệt và đã được đầu tư từ kế hoạch 1999.

Mục tiêu của dự án:

1. Diện tích canh tác:
 - Lúa nước 1 và 2 vụ: 575 ha.
 - Mầu, cây ăn quả: 630 ha.
 - Đồng cỏ chăn nuôi: 3.400 ha.
 - Diện tích Quế, hồi, sớ: 1.100 ha.
 - Đất rừng: 3.843 ha.
2. Sản phẩm chủ yếu hàng năm đạt:
 - Thóc hạt khô: 1.550 tấn.
 - Hoa hồi khô: 2.200 tấn.
3. Tiếp nhận giải quyết việc làm : 1.000 hộ.
4. Tổng mức vốn đầu tư: 57,3 tỷ đồng.
 - Vốn ngân sách cấp: 41,3 tỷ đồng.
 - Vốn vay để phát triển sản xuất: 2,0 tỷ đồng.
 - Vốn tự có của Bộ Quốc phòng và QK 3: 14,0 tỷ đồng.
5. Tổng tiến độ thực hiện: 1999 - 2005.
6. Chủ đầu tư công trình: Quân khu 3.

4. KHU KTQP QUẢNG SƠN - CÔNG TY 53 (TCT XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN)

Nằm trên địa bàn xã Quảng Sơn, huyện Đắk Nông tỉnh Đắk Lắk, tổng diện tích tự nhiên theo văn bản số 1928 CV-UB ngày 17/9/1998 thoả thuận giao đất của UBND tỉnh Đắk Lắk là: 9.630 ha. Dự án đã được phê duyệt và đang triển khai thực hiện.

Mục tiêu chủ yếu của dự án:

1. Diện tích canh tác:
 - Cà phê: 1500 ha.
 - Trồng cây lương thực: 480 ha.
 - Khai thác gỗ: 2000 m³/năm
 - Rừng phòng hộ: 5.118 ha.
2. Sản phẩm chủ yếu hàng năm đạt:
 - Cà phê hạt khô: 6.950 tấn.
 - Thóc và lương thực khác quy thóc: 1.600 tấn.
3. Tiếp nhận giải quyết việc làm: 1.295 hộ.
4. Tổng mức vốn đầu tư: 96,033 tỷ đồng.
 - Vốn ngân sách cấp: 25,404 tỷ đồng.
 - Vốn vay để phát triển sản xuất: 33,587 tỷ đồng.
 - Vốn tự có và huy động của dân: 37,042 tỷ đồng.
5. Tiến độ thực hiện dự án: 1999- 2005.
6. Chủ đầu tư công trình: Công ty 53 - Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn.

II.2. Các Khu kinh tế-quốc phòng triển khai mới, đã và đang xây dựng dự án:**1. KHU KTQP MƯỜNG CHÀ - QUÂN KHU 2**

Nằm trên địa phận 5 xã biên giới Chà Cang, Chà Nưa, Si Pa Phìn huyện Mường Lay; Mường Toong, Mường Nhé huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu; tổng diện tích tự nhiên vùng dự án là: 222.177 ha, diện tích xây dựng dự án theo văn bản thoả thuận giao đất của tỉnh Lai Châu là 12.072 ha. Dự án đã xây dựng xong và đang trình Chính phủ phê duyệt.

Mục tiêu chủ yếu của dự án:

1. Diện tích canh tác:
 - Trồng chè : 12.000 ha.
 - Trồng cây lương thực... 72 ha.
2. Sản phẩm chủ yếu hàng năm đạt:
 - Chè búp khô: 1.800 tấn.
 - Lương thực khác quy thóc: 6.500 tấn.

BẢN SAO

- Đặc sản, dược liệu quý:	220 tấn.
3. Tiếp nhận giải quyết việc làm :	4.800 hồ
4. Tổng mức vốn đầu tư:	198,504 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách cấp:	145,214 tỷ đồng.
- Vốn vay để phát triển sản xuất:	53,29 tỷ đồng.
5. Tiến độ thực hiện dự án:	2000-2009.
6. Chủ đầu tư công trình:	Quân khu 2.

2. KHU KTQP BÙ GIA PHÚC - QUÂN KHU 7

Nằm trên địa phận 3 xã: Đức Hạnh, Đăk Ớ, Bù Gia Mập huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước, dọc con đường 741, theo biên giới Việt Nam - Campuchia, tổng diện tích tự nhiên là 7.854 ha trong đó đất phát triển nông lâm nghiệp là 6.907 ha (văn bản thuận giao đất của UBND tỉnh Bình Phước số: 128/UB-KSX ngày 01/02/1999). Dự án đã xây dựng xong.

Mục tiêu chủ yếu của dự án:

② BF

1. Diện tích trồng trọt:	
- Cao su:	310 ha.
- Cà phê:	822 ha.
- Cải tạo, trồng mới cây điều:	4.278 ha.
- Trồng tiêu:	108 ha.
- Cây ăn quả, lương thực và cây lâm nghiệp:	1.398 ha.
2. Sản phẩm chủ yếu hàng năm đạt:	
- Cao su mủ khô:	345 tấn.
- Cà phê nhân:	1.600 tấn.
- Hồ tiêu:	352 tấn.
- Hạt điều khô:	3.957 tấn.
3. Tiếp nhận giải quyết việc làm:	728 hộ.
4. Tổng mức vốn đầu tư:	135,0 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách cấp:	67,4 tỷ đồng.
- Vốn vay để phát triển sản xuất:	42,3 tỷ đồng.
- Vốn tự bổ sung của Công ty 778 và Quân khu 7:	25,3 tỷ đồng.
5. Tiến độ thực hiện dự án:	2000-2009.
6. Chủ đầu tư công trình:	Công ty 778 - Quân khu 7.

3. KHU KTQP KHE SANH - QUÂN KHU 4

Nằm trên địa phận 4 xã Hướng Lập, Hướng Sơn, Hướng Linh, Hướng Phùng thuộc phía bắc huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị, tổng diện tích tự nhiên trên cơ sở văn bản thoả thuận giao đất của UBND tỉnh Quảng Trị tại văn bản số: 892/CV-UB ngày 27/8/1998 là: 71.244 ha. Dự án đã xây dựng xong.

BẢN SAO

00019

Mục tiêu chủ yếu của dự án:

1. Diện tích canh tác:
 - Lúa nước 1 vụ và 2 vụ: 976 ha.
 - Mầu: 265 ha.
 - Cà phê: 1.958,5 ha.
 - Hồ tiêu: 35 ha.
 - Cây CN khác, cây ăn quả: 1.159,5 ha.
 - Rừng trồng mới: 15.000 ha.
 - Rừng khoanh nuôi, bảo vệ: 34.828 ha.
2. Sản phẩm chủ yếu hàng năm đạt:
 - Cà phê nhân: 4.000 tấn.
 - Thóc khô: 13.200 tấn.
 - Lương thực khác quy thóc: 3.600 tấn.
 - Lương thực khác quy thóc: 4.434 hộ.
3. Tiếp nhận giải quyết việc làm: 233,7 tỷ đồng.
4. Tổng mức vốn đầu tư: 206,5 tỷ đồng.
 - Vốn ngân sách cấp: 26,0 tỷ đồng.
 - Vốn vay để phát triển sản xuất: 1,2 tỷ đồng.
 - Vốn tự có của Bộ Quốc phòng và QK4: 2000-2009.
5. Tiến độ thực hiện dự án: Quân khu 4.
6. Chủ đầu tư công trình:

4. KHU KTQP MẪU SƠN - QUÂN KHU 1

Nằm trên địa bàn 6 xã: Công Sơn, Mẫu Sơn, Cao Lâu, Xuất Lễ thuộc huyện Cao Lộc và xã Mẫu Sơn, Yên Khoái thuộc huyện Lộc Bình tỉnh Lạng Sơn, tổng diện tích đất tự nhiên theo văn bản số 544TB/UBQK ngày 07/10/1998 thỏa thuận giao đất để quy hoạch của UBND tỉnh Lạng Sơn là 25.366 ha trong đó diện tích xây dựng dự án 6.854 ha. Dự án đã xây dựng xong.

Mục tiêu chủ yếu của dự án:

1. Diện tích canh tác:
 - Lúa nước 2 vụ: 28 ha.
 - Trồng mầu: 122 ha.
 - Diện tích cây công nghiệp: 600 ha.
 - Rừng trồng mới: 2.400 ha.
 - Khoanh nuôi tái sinh rừng: 1.549 ha.
2. Sản phẩm chủ yếu hàng năm đạt:
 - Quế vỏ khô: 920 tấn.
 - Hoa hồi khô: 9.800 tấn.
 - Thóc và lương thực quy thóc: 6.840 tấn.
3. Tiếp nhận giải quyết việc làm: 3.000 hộ.

③ ỹ di

4. Tổng mức vốn đầu tư: 71,61 tỷ đồng.
 - Vốn ngân sách cấp: 67,81 tỷ đồng.
 - Vốn vay để phát triển sản xuất: 2,1 tỷ đồng.
 - Vốn tự có của Bộ Quốc phòng và QK1: 1,7 tỷ đồng.
 5. Tiến độ thực hiện dự án: 2000- 2005.
 6. Chủ đầu tư công trình: Quân khu 1

5. KHU KTQP BÌNH LIÊU, QUẢNG HÀ, MÓNG CÁI - QUÂN KHU 3

Nằm trên địa bàn 6 xã: Lục Hồn, Đồng Văn, Hoàn Mô huyện Bình Liêu; Quảng Đức, Quảng Sơn huyện Quảng Hà và xã Hải Hoà thị xã Móng Cái tỉnh Quảng Ninh, tổng diện tích tự nhiên là 54.305 ha. Diện tích của vùng dự án: 17.344 ha trong đó đất nông lâm nghiệp là 15.950 ha. Đã xây dựng xong dự án tiền khả thi.

Mục tiêu chủ yếu của dự án:

40%

1. Diện tích canh tác:
 - Diện tích cây công nghiệp, ăn quả, đặc sản, màu: 3.000 ha.
 - Rừng trồng mới: 3.900 ha.
 - Rừng khoanh nuôi, bảo vệ: 8.730 ha.
 2. Sản phẩm chủ yếu hàng năm đạt:
 - Thóc và lương thực quy thóc: 1.900 tấn.
 3. Tiếp nhận giải quyết việc làm: 1.500 hộ.
 4. Tổng mức đầu tư:
 - Vốn ngân sách cấp: 207,0 tỷ đồng.
 - Vốn vay để phát triển sản xuất: 182,5 tỷ đồng.
 - Vốn tự có của Bộ Quốc phòng và QK3: 21,2 tỷ đồng.
 5. Tiến độ thực hiện dự án: 3,3 tỷ đồng.
 6. Chủ đầu tư công trình: 2000-2007.
 Quân khu 3.

6. KHU KTQP VÙNG TỨ GIÁC LONG XUYÊN - QUÂN KHU 9

Nằm chủ yếu địa phận hai huyện Hòn Đất và Hà Tiên thuộc tỉnh Kiên Giang và một phần trên địa phận tỉnh An Giang, tổng diện tích tự nhiên 10.872 ha. Dự án đã xây dựng xong.

Mục tiêu chủ yếu của dự án:

1. Diện tích canh tác:
 - Lúa nước 2 vụ: 4.847 ha.
 - Nuôi thủy sản, kết hợp trồng rừng và cây ăn quả: 4.531 ha
 2. Sản phẩm chủ yếu hàng năm đạt:
 - Thóc hạt khô: 39.000 tấn.
 - Thủy sản các loại: 800 tấn.

BẢN SAO

00020

3. Tiếp nhận, giải quyết việc làm:
4. Tổng mức đầu tư:
 - Vốn ngân sách cấp:
5. Tiến độ thực hiện dự án:
6. Chủ đầu tư công trình:

3000 hộ.
99 tỷ đồng.
99 tỷ đồng.
2000-2005.
Quận khu 9.

7. KHU KTQP ASO- ALUỒI - QUẬN KHU 4.

Nằm trên địa phận 5 xã Đông Sơn, Hương Lâm, Hương Phong, ARoàng, A Đốt huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, tổng diện tích tự nhiên theo văn bản thoả thuận giao đất số 456/BB ngày 18/8/1998 của tỉnh Thừa Thiên Huế là 23.094 ha. Đang khảo sát quy hoạch và xây dựng dự án.

Mục tiêu chủ yếu của dự án:

1. Diện tích canh tác:
 - Đất nông nghiệp: 1.200 ha.
 - Cà phê: 750 ha.
 - Quế: 500 ha.
 - Mía: 500 ha.
 - Trồng rừng mới: 2.000 ha.
 - Rừng khoanh nuôi bảo vệ: 2.000 ha.
2. Sản phẩm chủ yếu hàng năm đạt:
 - Thóc khô: 1.200 tấn.
 - Lương thực khác quy thóc: 1.800 tấn.
 - Quế vỏ khô: 4.200 tấn.
3. Tiếp nhận giải quyết việc làm: 2.860 hộ.
4. Tổng mức vốn đầu tư: 97 tỷ đồng.
 - Vốn ngân sách cấp: 62 tỷ đồng.
 - Vốn vay để phát triển sản xuất: 31 tỷ đồng.
 - Vốn tự có của Bộ Quốc phòng và QK4: 4 tỷ đồng.
5. Tiến độ thực hiện dự án: 2001- 2008.
6. Chủ đầu tư công trình: Quận khu 4.

⑤ *roa Hue.*

8. KHU KTQP BẢO LẠC - QUẬN KHU 1

Nằm trên địa bàn 6 xã Mông Ấn, Yên Thổ, Thái Hoạc Lý Bôn, Vĩnh Quang, Vĩnh Phong thuộc phía Tây Nam huyện Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng, tổng diện tích tự nhiên theo văn bản thoả thuận giao đất của tỉnh Cao Bằng là 63.857 ha.

Mục tiêu chủ yếu của dự án:

1. Diện tích canh tác:
 - Lúa nước 1 vụ và 2 vụ: 3.700 ha.

- Diện tích cây công nghiệp, cây ăn quả, đặc sản:	3.000 ha.
- Rừng trồng mới:	17.000 ha.
- Rừng khoanh nuôi, bảo vệ:	15.000 ha.
2. Sản phẩm chủ yếu hàng năm đạt:	
- Thóc và lương thực quy thóc:	7.500 tấn.
- Gia súc các loại:	6.000 con.
- Rừng trồng mới:	17.000 ha.
3. Tiếp nhận giải quyết việc làm:	6.000 hộ.
4. Tổng mức vốn đầu tư:	90,0 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách cấp:	45,0 tỷ đồng.
- Vốn vay để phát triển sản xuất:	40,0 tỷ đồng.
- Vốn tự có của QK1:	5,0 tỷ đồng.
5. Tiến độ thực hiện dự án:	2003- 20013.
6. Chủ đầu tư công trình:	Quân khu 1.

9. KHU KTQP VỊ XUYỀN - QUÂN KHU 2

Nằm trên địa phận huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, tổng diện tích tự nhiên khoảng 15.930 ha.

Mục tiêu chủ yếu của dự án:

1. Diện tích canh tác.	
- Lúa nước 1 vụ và 2 vụ:	390 ha.
- Diện tích chè:	2.500 ha.
- Diện tích cây ăn quả, đặc sản:	1.190 ha.
- Rừng trồng mới:	2.150 ha.
- Rừng khoanh nuôi, bảo vệ:	5.650 ha.
2. Sản phẩm chủ yếu hàng năm đạt:	
- Lương thực khác quy thóc:	3.920 tấn.
- Chè búp khô:	2.500 tấn.
3. Tiếp nhận giải quyết việc làm được:	1.245 hộ.
4. Tổng mức đầu tư:	73,0 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách cấp:	48,0 tỷ đồng.
- Vốn vay để phát triển sản xuất:	21,0 tỷ đồng.
- Vốn tự có của QK2:	4,0 tỷ đồng.
5. Tiến độ thực hiện dự án:	2003-2013.
6. Chủ đầu tư công trình:	Quân khu 2

⑥ Hggy

III. TỔNG HỢP CẤU VỐN ĐẦU TƯ CỦA 13 KHU KTQP:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Khu kinh tế - quốc phòng	Tổng số	Chia ra		
			Vốn NS	Vốn vay	Vốn tự có
1	Binh đoàn 15	619,700	91,700	370,000	158,000
2	Nam Đăk Lăk - Bắc Bình Phước	1.270,000	638,900	631,100	
3	Bắc Hải Sơn	57,300	41,300	2,000	14,000
4	Quảng Sơn	96,033	25,404	33,587	37,042
5	Mường Chà	198,504	145,214	53,290	
6	Bù Gia Phúc	135,000	67,400	42,300	25,300
7	Khe Sanh	233,700	206,500	26,000	1,200
8	Mẫu Sơn	71,610	67,810	2,100	1,700
9	Bình Liêu - Quảng Hà - Móng Cái	207,000	182,500	21,200	3,300
10	Tứ giác Long Xuyên	99,000	99,000		
11	ASo - ALưới	97,000	62,000	31,000	4,000
12	Bảo Lạc	90,000	45,000	40,000	5,000
13	Vị Xuyên	73,000	48,000	21,000	4,000
	Tổng cộng:	3.247,847	1.720,728	1.273,577	253,542

hà ba

Phần 4

CƠ CHẾ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN:

1. Dự án Khu KTQP của Binh đoàn 15 do Binh đoàn 15 là chủ dự án, tiếp tục phát triển theo mô hình tổ chức quản lý sản xuất và thực hiện dự án như hiện nay.

2. Đối với các dự án:

- Nam Đăk Lăk - Bình Phước - Binh đoàn 16,
- Quảng Sơn - Công ty 53 - Binh đoàn 12,
- Bù Gia Phúc - Bù Gia Mập Công ty 778 - Quân khu 7,

Sẽ tổ chức quản lý sản xuất và thực hiện dự án theo mô hình Khu KTQP của Binh đoàn 15.

a) Tại các địa bàn đã có doanh nghiệp của Quân đội.

- Công ty 778 ở dự án Khu KTQP Bù Gia Phúc - Bù Gia Mập,
- Công ty 53 ở dự án Khu KTQP Quảng Sơn,

Các doanh nghiệp trên là chủ đầu tư và là đơn vị đứng ra tổ chức triển khai thực hiện dự án.

b) Tại những địa bàn chưa có doanh nghiệp đứng chân gồm:

- Dự án Nam Đăk Lăk - Bình Phước,
- Dự án Khe Sanh,

Trước mắt giao cho Binh đoàn 16, Quân khu 4 là chủ đầu tư. Binh đoàn 16, Quân khu 4 là đơn vị đứng ra tổ chức thực hiện dự án. Trong quá trình tổ chức thực hiện dự án sẽ từng bước hình thành nên các tổ chức kinh tế như: Tổng Công ty 16 tại dự án Nam Đăk Lăk - Bình Phước, một Công ty thuộc Quân khu 4 tại địa bàn Khe Sanh để tổ chức sản xuất và về lâu dài là trụ cột, chỗ dựa cho vùng kinh tế.

3. Với các dự án còn lại:

- Bắc Hải Sơn,
- Mường Chà,
- Mẫu Sơn,
- Tứ giác Long Xuyên,
- Bình Liêu - Quảng Hà - Móng Cái,
- Bảo Lạc
- Vị Xuyên,
- ASo ALưới,

Bộ Quốc phòng giao cho Quân khu làm chủ đầu tư dự án, thành lập các Đoàn kinh tế - quốc phòng để giúp Quân khu đứng ra tổ chức cho dân sản xuất và thực hiện dự án. Sau khi hoàn thành về cơ bản các mục tiêu của dự án, các Quân khu sẽ bàn giao lại cho địa phương và tùy theo tình hình cụ thể các Đoàn kinh tế có thể sẽ rút đi hoặc vẫn tiếp tục ở lại và trở thành một tổ chức hoặc doanh nghiệp công ích làm nhiệm vụ dịch vụ phục vụ sản xuất cho vùng dự án.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT:

1. Ở mô hình Khu KTQP do các doanh nghiệp là chủ đầu tư và tổ chức thực hiện dự án, việc tổ chức sản xuất tập thể do doanh nghiệp tổ chức thực hiện. Mỗi hộ gia đình hoặc lao động đến vùng dự án được nhận khoán ổn định một số diện tích cây công nghiệp, ăn quả, đặc sản theo kế hoạch của doanh nghiệp và được trả công theo kết quả sản xuất và hợp đồng giữa doanh nghiệp và hộ gia đình.

Ngoài việc nhận khoán với doanh nghiệp các hộ gia đình được cấp thêm từ 1 đến 2 ha để triển khai kinh tế hộ gia đình, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, trồng lúa, màu ... để tận dụng sức lao động và tăng thu nhập.

2. Ở mô hình Khu KTQP do các Đoàn kinh tế là chủ đầu tư và tổ chức thực hiện dự án, việc tổ chức sản xuất là do từng hộ gia đình thực hiện, Đoàn kinh tế chỉ phối hợp với chính quyền địa phương để hướng dẫn hộ phát triển theo quy hoạch chung và theo khả năng của thị trường.

Việc giao đất cho từng hộ sẽ do địa phương cùng Đoàn kinh tế tổ chức thực hiện theo các chính sách quy định của địa phương. Đoàn kinh tế sau khi đã hoàn thành xây dựng các hạng mục hạ tầng cơ sở có thể sẽ từng bước bàn giao lại cho địa phương để tổ chức quản lý sử dụng.

III. TỔ CHỨC DI CHUYỂN, TIẾP NHẬN, XÂY DỰNG CÁC CỤM DÂN CƯ:

- Đơn vị chủ đầu tư sẽ phối hợp cùng các cơ quan chức năng của tỉnh để tổ chức việc tổ chức di chuyển dân theo tiến độ và kế hoạch Nhà nước giao hàng năm.

- Trong việc tổ chức di chuyển tiếp nhận dân, *ưu tiên cho các hộ gia đình tại chỗ, trong địa bàn huyện, tỉnh sở tại, đặc biệt là dân tộc ít người.* Trong tuyển dụng từ nơi khác đến, ưu tiên các hộ gia đình quân nhân, gia đình chính sách.

Đối với các dự án do doanh nghiệp là chủ đầu tư, ưu tiên tuyển chọn thêm một lượng lao động thanh niên có cả nam lẫn nữ (khoảng 30% nhu cầu tuyển dụng hàng năm), số còn lại tuyển dụng theo hộ gia đình, trong đó khoảng 30% các hộ gia đình có lao động trẻ từ 25 đến 45 tuổi, số còn lại khoảng 40% sẽ tuyển dụng theo hướng phân công của kế hoạch Nhà nước.

IV. CƠ CHẾ ĐẦU TƯ:

1. Các công trình hạ tầng cơ sở như: đường giao thông, trường học, trạm y tế, nước sạch, điện thấp sáng, các công trình thủy lợi, trồng chăm sóc, khoanh nuôi và bảo vệ rừng, phá hoang xây dựng đồng ruộng, việc di dân, bố trí lại dân cư kết hợp xây dựng các *Cụm làng xã biên giới*... được đầu tư bằng vốn ngân sách của Nhà nước.

Tại các vùng có điều kiện khó khăn, Nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ kinh phí hoặc cho vay không lãi để dân làm nhà ở, giếng nước sạch, mua sắm trang bị sản xuất như cây, bừa, cuốc, trâu bò kéo và giống trong một, hai năm đầu, tùy theo điều kiện cụ thể của từng dự án.

2. Các nhu cầu đầu tư cho sản xuất như: trồng cây công nghiệp, đặc sản, chăn nuôi, chế biến nông sản, các ngành nghề kinh doanh khác thực hiện bằng vốn vay tín dụng ưu đãi của Nhà nước.

3. Hàng năm, căn cứ theo đề nghị của Bộ Quốc phòng và tổng mức vốn cũng như khối lượng và tiến độ thực hiện của từng dự án, Nhà nước cân đối vốn từ các chương trình đầu tư của Nhà nước như: Giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, giáo dục, y tế, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng... và giao nhiệm vụ, kế hoạch trực tiếp cho Bộ Quốc phòng (bao gồm cả vốn ngân sách cấp, vốn sự nghiệp di dân, vốn vay tín dụng ưu đãi...)

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan được Chính phủ giao có trách nhiệm lồng ghép các chương trình đầu tư, các chương trình mục tiêu quốc gia vào chương trình xây dựng các khu kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng an ninh của Quân đội.

Sau khi được Nhà nước giao tổng mức vốn cho chương trình xây dựng các Khu KTQP của Quân đội, Bộ Quốc phòng cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai việc phân bổ cho từng dự án trình Chính phủ để giao cho đơn vị.

4. Ngoài phần vốn ngân sách do Nhà nước đảm bảo, Bộ Quốc phòng sẽ chỉ đạo Quân khu - chủ đầu tư huy động thêm bộ đội, trang thiết bị và dân cư trong vùng để triển khai một số nhiệm vụ sản xuất cũng như đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở trong vùng dự án. Công lao động được tính bằng nguồn vốn tự có của đơn vị và được xác định cụ thể trong quá trình lập và trình duyệt từng dự án khả thi thành phần.

Phần 5

TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

A. Tiến độ thực hiện đề án:

Đề án dự kiến được thực hiện và hoàn thành trong khoảng 15 năm, từ 1999-2013 với tiến độ dự kiến như sau:

I. TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ LỰC LƯỢNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

Trong thời gian từ 1998 - 2001 hoàn thành công việc tổ chức, ổn định nơi ăn ở của các Đoàn kinh tế - quốc phòng để cùng với các cơ quan chuyên ngành địa phương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn nghiên cứu các phương án sản xuất, di dân, triển khai việc khảo sát, lập các dự án khả thi để trình Chính phủ, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt dự án theo đúng các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng, cụ thể như sau:

1. Năm 1998:

- Hoàn thành việc tổ chức, ổn định nơi ăn ở của Đoàn kinh tế- quốc phòng 42 để thực hiện dự án Bắc Hải Sơn - Quân khu 3.

2. Năm 1999:

- Hoàn thành việc tổ chức, ổn định nơi ăn ở của Binh đoàn 16 để thực hiện dự án Bắc Bình Phước - Nam Đắc Lắc.

- Hoàn thành việc tổ chức ổn định nơi ăn ở của các Đoàn kinh tế - quốc phòng Mường Chà, Khe Sanh, Mẫu Sơn, Tứ Giác Long Xuyên để tổ chức thực hiện các dự án Khu KTQP Mường Chà, Khe Sanh, Mẫu sơn, Tứ Giác Long Xuyên.

Năm 2000 - 2001: Hoàn thành việc tổ chức và ổn định nơi ăn ở cho các Đoàn kinh tế quốc phòng còn lại.

II. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

Đề án dự kiến được triển khai thực hiện và hoàn trong 15 năm từ 1999 - 2013, cụ thể tiến độ như sau:

1. Năm 1999:

a) Triển khai đầu tư thực hiện theo kế hoạch Nhà nước giao cho các dự án:

- Khu KTQP Binh đoàn 15.
- Khu KTQP Bắc Hải Sơn - Quân khu 3.
- Khu KTQP Bắc Bình Phước - Nam Đắc Lắc.

b) Chuẩn bị đầu tư các dự án sau:

- Mường Chà - Quân khu 2.
- Quảng Sơn - Binh đoàn 12.
- Tứ Giác Long Xuyên - Quân khu 9.
- Bù Gia Phúc - Quân khu 7.
- Khe Sanh - Quân khu 4.
- Mẫu sơn - Quân khu 1.

2. Năm 2000:

a) Triển khai thực hiện đầu tư thêm các dự án sau:

- Mường Chà - Quân khu 2.
- Quảng Sơn - Binh đoàn 12.
- Bù Gia Phúc - Quân khu 7
- Khe Sanh - Quân khu 4.
- Mẫu Sơn - Quân khu 1.
- Tứ giác Long Xuyên - Quân khu 9.

b) Triển khai chuẩn bị đầu tư thêm các dự án:

- Bình Liêu - Quảng Hà - Móng Cái - Quân khu 3.
- A Sọ A Lưới - Quân khu 4.

3. Từ năm 2000 - 2005:

a) Từ 2000 - 2004: Triển khai xong việc chuẩn bị đầu tư các dự án còn lại.

b) Từ 2000 - 2005: Triển khai thực hiện đầu tư các dự án còn lại và hoàn thành việc đầu tư xây dựng các dự án trên vào 2013.

B. Tổ chức thực hiện đề án:

1. Sau khi đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, căn cứ vào quy hoạch chung của đề án và khả năng nguồn vốn Nhà nước cân đối, đảm bảo cho chương trình theo từng năm kế hoạch, Bộ Quốc phòng sẽ chỉ đạo các đơn vị triển khai xây dựng các dự án khả thi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để đưa vào kế hoạch đầu tư theo đúng các quy định của Nhà nước về Quản lý đầu tư và xây dựng.

2. Hàng năm, căn cứ vào khả năng Nhà nước cân đối trực tiếp tổng mức để đảm bảo thực hiện chương trình xây dựng các Khu KTQP cho Bộ Quốc phòng, Bộ Quốc phòng sẽ xem xét, phân bổ cụ thể cho từng dự án, khởi công mới, chuyển tiếp, hoàn thành và trình Chính phủ để giao kế hoạch chính thức cho các chủ dự án.

3. Việc đầu tư vốn thực hiện theo trình tự và các quy định của Nhà nước về Quản lý đầu tư và xây dựng; theo đúng mục tiêu, các khối lượng được phê duyệt trong đề án. Các trường hợp đặc thù Bộ Quốc phòng sẽ xem xét và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với từng trường hợp và dự án cụ thể.

4. Để tổ chức thực hiện đề án, Bộ Quốc phòng thành lập Ban chỉ đạo do một đồng chí Thứ trưởng làm trưởng ban, các đồng chí lãnh đạo các Tổng cục phó ban và có các cơ quan của Bộ giúp việc.

Các Quân khu, tùy theo số lượng dự án và khối lượng công việc thành lập Ban chỉ đạo do một đồng chí Phó Tư lệnh làm trưởng ban và Ban quản lý dự án để thực hiện đầu tư.

Phần 6

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN:

Đề án *Quân đội tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng sâu, vùng xa gắn với xây dựng các Khu quốc phòng - an ninh trên các địa bàn chiến lược biên giới, ven biển* khi triển khai thực hiện và hoàn thành sẽ mang lại lợi ích tổng hợp về kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, trực tiếp góp phần thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo, xoá mù, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, góp phần tích cực vào việc thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng từ nay đến 2010 của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện tốt đề án góp phần quan trọng để xây dựng và củng cố các cụm, điểm dân cư dọc biên giới; lập nên một vành đai, hình thành các khu vực hậu cứ,

hậu cần chiến lược phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; tạo ổn định về xã hội, giúp bà con các dân tộc vùng biên giới yên tâm sản xuất, thực hiện xóa đói giảm nghèo và từng bước làm giàu trên mảnh đất mình đang sống. Trên cơ sở đó mà từng bước xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân, bảo đảm chủ quyền, bảo vệ vững chắc, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Vì vậy việc tập trung đầu tư xây dựng các Khu kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh, gắn với nhiệm vụ quốc phòng bảo vệ biên giới là nhiệm vụ cần thiết, cấp bách không chỉ của Quân đội mà là nhiệm vụ chung của cả nước, của toàn Đảng, toàn dân. Việc tập trung đầu tư để giúp Bộ Quốc phòng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng 13 Khu KTQP thời kỳ 1999-2013 là rất cần thiết và cấp bách. Đảng và Nhà nước cần có các chính sách cụ thể để giúp Bộ Quốc phòng thực hiện thắng lợi chương trình lớn này.

II. CÁC KIẾN NGHỊ:

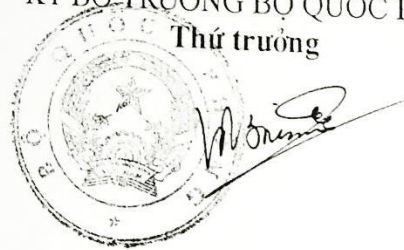
Để đề án có đủ điều kiện triển khai và hoàn thành, đề nghị Chính phủ xem xét giải quyết các vấn đề sau:

1. Phê duyệt đề án tổng thể và chính thức giao nhiệm vụ này cho Bộ Quốc phòng, cũng như các tỉnh liên quan để cùng nhau tổ chức thực hiện.
2. Nhà nước phải coi đây là một nhiệm vụ kinh tế - xã hội quốc phòng quan trọng, giao cho Quân đội tổ chức triển khai thực hiện và ưu tiên cân đối vốn hàng năm trực tiếp cho nhiệm vụ này của Bộ Quốc phòng.
3. Chính phủ có văn bản gửi các tỉnh có liên quan để phối hợp cùng Bộ Quốc phòng tạo điều kiện thuận lợi cho các Quân khu, đơn vị Quân đội trong việc thuận giao đất, giao rừng để triển khai các công việc khảo sát lập dự án và phối hợp cùng nhau trong quá trình tổ chức thực hiện để đảm bảo hoàn thành được các mục tiêu, nhiệm vụ được đề ra trong từng dự án khả thi.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ,
- Văn phòng Chính phủ,
- Bộ KH&ĐT,
- Văn phòng BQP
- Cục K.tế,
- Lưu VT(2)

KT BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG
Thứ trưởng



Trung tướng Nguyễn Văn Rinh

BẢN SAO

00001

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 277 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
về việc phê duyệt Đề án tổng thể quân đội tham gia xây dựng phát triển
kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa
gắn với xây dựng các khu quốc phòng an ninh
trên địa bàn chiến lược, biên giới, ven biển

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa;

Căn cứ Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ Quốc phòng (công văn số 3886/BQP ngày 27 tháng 12 năm 1999), của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (công văn số 971/BKH/VPTĐ ngày 22 tháng 02 năm 2000), về việc phê duyệt Đề án tổng thể quân đội tham gia xây dựng phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa gắn với xây dựng các khu quốc phòng-an ninh trên địa bàn chiến lược, biên giới, ven biển,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt Đề án tổng thể quân đội tham gia xây dựng phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa gắn với xây dựng các khu quốc phòng-an ninh trên địa bàn chiến lược, biên giới, ven biển, với nội dung chủ yếu sau :

1. Tên đề án : Đề án Tổng thể quân đội tham gia xây dựng phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa gắn với xây dựng các khu quốc phòng an ninh trên địa bàn chiến lược, biên giới, ven biển.

2. Mục tiêu.

Phát triển kinh tế-xã hội các vùng dự án góp phần cải thiện và từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, kết hợp bảo đảm quốc phòng an ninh ở địa bàn chiến lược, biên giới, ven biển, trên cơ sở bố trí lại dân cư theo quy hoạch của sản xuất và mục tiêu lâu dài của quốc phòng, an ninh, hình thành nên các cụm làng xã biên giới, tạo nên vành đai biên giới trong thế trận quốc phòng toàn dân bảo vệ tổ quốc.

3. Nhiệm vụ.

a) Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội vùng dự án được xác định;

b) Khai thác tối đa tiềm năng đất đai được giao để phát triển sản xuất phục vụ mục tiêu trước mắt và lâu dài, từng bước chuyển dần sang kinh tế hàng hoá với những loại cây công nghiệp, cây đặc sản, cây ăn quả, chăn nuôi, trồng và bảo vệ rừng, trong đó tập trung vào các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hoá cao.

Đối với những vùng xung yếu đặc biệt khó khăn quân đội trực tiếp tổ chức sản xuất, gắn phát triển sản xuất với quốc phòng, an ninh;

Đối với địa bàn khó khăn, dân chưa có điều kiện tổ chức sản xuất được, quân đội tổ chức sản xuất, trên cơ sở đó tiếp nhận dân đến, từng bước ổn định và chuyển dần cho chính quyền địa phương quản lý.

c) Tiếp nhận dân ở các vùng khác đến và tổ chức bố trí lại dân tại chỗ để phát triển kinh tế-xã hội ở địa bàn của dự án.

d) Bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái thông qua trồng mới, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ rừng, sử dụng bền vững, hợp lý các nguồn tài nguyên.

e) Cải thiện, nâng cao đời sống, phục hồi, bảo tồn và phát triển văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số.

4. Quy mô.

a) Tiếp tục hoàn thiện dự án khu kinh tế-quốc phòng Bình đoàn 15;

b) Đầu tư mới 11 dự án sau:

- Khu kinh tế-quốc phòng Bắc Hải Sơn, Quân khu 3;

- Khu kinh tế-quốc phòng Nam Đắc Lắc-Bình Phước, Binh đoàn 16;
 - Khu kinh tế-quốc phòng Mường Chà, Quân khu 2;
- Khu kinh tế-quốc phòng Quảng Sơn, Binh đoàn 12;
 - Khu kinh tế-quốc phòng Bù Gia Phúc, Quân khu 7;
 - Khu kinh tế-quốc phòng Khe Sanh, Quân khu 4;
 - Khu kinh tế-quốc phòng Mẫu Sơn, Quân khu 1;
 - Khu kinh tế-quốc phòng Bình Liêu-Quảng Hà-Móng Cái, Quân khu 3;
 - Khu kinh tế-quốc phòng Vị Xuyên, Quân khu 2;
 - Khu kinh tế-quốc phòng A Sô-A Lưới, Quân khu 4; *đã thêm vào*
 - Khu kinh tế-quốc phòng Bảo Lạc, Quân khu 1;

Đây là cơ sở để Bộ Quốc phòng chỉ đạo các chủ đầu tư lập dự án đầu tư cụ thể, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội gắn với quốc phòng an ninh và khả năng huy động các nguồn lực, Bộ Quốc phòng thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí đầu tư các dự án, các công trình cụ thể cho phù hợp, ưu tiên một số dự án, công trình ở vùng xung yếu, vùng trọng điểm thực hiện trước.

5. Nguồn vốn và cơ chế đầu tư.

a) Vốn ngân sách: hàng năm Nhà nước bố trí vốn ngân sách cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu như đường giao thông, thủy lợi, điện, cấp nước sinh hoạt, trạm y tế, trường học; trại giống mang tính chất của cụm, vùng; cơ sở chuyển giao khoa học và công nghệ theo từng dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Vốn tín dụng:

- Thực hiện tín dụng đầu tư của nhà nước theo quy định hiện hành về tín dụng đầu tư của nhà nước;

- Đối với vùng dự án hoặc công trình đặc thù cần phải có hỗ trợ của nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ quyết định từng trường hợp cụ thể.

c) Có chính sách thích hợp để thu hút vốn đầu tư của các tổ chức cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia các dự án hoặc công trình ở khu vực này.

d) Phối hợp với các địa phương để sử dụng có hiệu quả vốn của dự án và vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

e) Do yêu cầu bức xúc của nhiệm vụ xoá đói giảm nghèo, cùng với yêu cầu cấp bách của nhiệm vụ quốc phòng an ninh, các dự án cần được triển khai ngay cùng một lúc trên các địa bàn, nhưng việc thực hiện theo từng bước trên cơ sở khả năng bố trí vốn đầu tư, có giành vốn ưu tiên đầu tư cho một số dự án trọng điểm;

f) Các dự án đầu tư phải thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng, quy chế đấu thầu.

g) Bộ Tài Chính hướng dẫn cơ chế cấp phát vốn ngân sách cho phù hợp với đặc thù của các loại dự án này, bảo đảm việc triển khai dự án thuận lợi và quản lý vốn chặt chẽ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng Bộ: Quốc phòng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội, Khoa học Công nghệ và Môi trường, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính, Trưởng Ban Biên giới Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng dự án, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ: Quốc phòng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động-Thương binh và Xã hội, Khoa học, công nghệ và Môi trường,
- Ủy ban Dân tộc Miền núi,
- Ngân hàng Nhà nước Việt nam,
- Tổng cục Địa chính,
- Ban Biên giới Chính phủ,
- Các HĐND, UBND: Quảng Ninh, Cao Bằng, Lai Châu, Hà Giang, Lạng Sơn, Đắk Lắk, Kon Tum, Gia Lai, Bình Phước, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế,
- Công báo,
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Công Sự,
- các Vụ : KTTH, NC, ĐPI, ĐPIL, TTTT & BC , TH,
- Lưu NN (3), VT



Nguyễn Công Tạn

pháp
BỘ QUỐC PHÒNG
Số 75 /2000/QĐ-BQP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 18 tháng 4 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG
Về việc thành lập Công ty 16 thuộc Binh đoàn 16

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

- ính
ính
/.*
- Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
 - Căn cứ Nghị định số 41/CP ngày 5-7-1996 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Quốc phòng;
 - Căn cứ Luật doanh nghiệp nhà nước được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 20-4-1995;
 - Căn cứ Nghị định 50/CP ngày 28-8-1996 của Chính phủ về thành lập giải thể và phá sản doanh nghiệp nhà nước. Nghị định 38/CP ngày 28-4-1997 và sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định 50/CP;
 - Thực hiện văn bản số 12/CP-ĐMDN, ngày 2-2-2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc ủy quyền Bộ Quốc phòng ra quyết định thành lập Công ty 16;
 - Xét đề nghị của Bộ Tổng tham mưu,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Công ty 16 thuộc Binh đoàn 16.

1. Công ty 16 có:

- Trụ sở đặt tại xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Vốn sản xuất kinh doanh : 7.770 triệu đồng.

2. Công ty 16 là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích, có tư cách pháp nhân, thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tài khoản tại ngân hàng (kể tài khoản ngoại tệ), có con dấu riêng.

Điều 2. Công ty 16 được sản xuất kinh doanh các ngành nghề sau:

1. Khai hoang, trồng mới, chăm sóc, khai thác cao su, cà phê, điều.
2. Trồng mới, chăm sóc rừng nguyên liệu, rừng phòng hộ.
3. Chế biến, kinh doanh cao su, cà phê, điều, gỗ và lâm sản khác.
4. Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, bưu chính viễn thông.
5. Khảo sát thiết kế và tư vấn xây dựng.
6. San lấp mặt bằng.

7. Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.
8. Sản xuất kinh doanh phân bón vi sinh, phân NPK...
9. Dịch vụ cây giống, vật tư nông - lâm nghiệp phục vụ phát triển nông lâm nghiệp.
10. Dịch vụ kỹ thuật và hàng tiêu dùng phục vụ đời sống dân cư miền núi.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm có:

1. Cơ quan Công ty:
 - Giám đốc
 - Các Phó Giám đốc
 - Kế toán trưởng
 - Các cơ quan quản lý nghiệp vụ về kế hoạch, tổ chức lao động, kỹ thuật, tài chính, chính trị, hành chính...
2. Các đơn vị thành viên:
 - Nông trường 717
 - Nông trường 719
 - Nông trường 720
 - Nông trường 726
 - Nông trường 735
 - Xí nghiệp phân bón Tân Phước
 - Xí nghiệp khảo sát thiết kế 16
 - Xí nghiệp xây dựng

3. Chi nhánh ở thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh

Điều 4. Công ty 16 có trách nhiệm làm đầy đủ thủ tục đăng ký kinh doanh, hoạt động theo đúng pháp luật của Nhà nước, quy định của Bộ quốc phòng.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

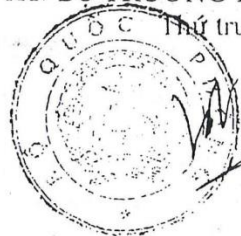
Điều 6. Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, Cục Kinh tế, Tư lệnh Binh đoàn 16, Giám đốc Công ty 16 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận

- BTMM, TCCT
- TCHC, TCKT
- Cục Kinh tế BQP
- Cục Tài chính BQP
- Cục Quân lực
- Binh đoàn 16 ✓
- Công ty 16
- Lưu (2b), PC, BM

KT/BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Thủ trưởng



Trung tướng Nguyễn Văn Rinh

BỘ QUỐC PHÒNG

BINH ĐOÀN 16

Số: 75 /SL

Nơi nhận:

- T/đoàn 728.
- Sở KHĐT B/phước

Ngày 27 tháng 4 năm 2005



BỘ QUỐC PHÒNG

Số 3139/2000/QĐ-BQP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 27 tháng 12 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Về việc thành lập Trung đoàn 737, Trung đoàn 739 và Bệnh viện 16
thuộc Binh đoàn 16.

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

- Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
- Căn cứ Nghị định số 41/CP ngày 05 tháng 7 năm 1996 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Quốc phòng;
- Thực hiện Quyết định 1788/1988/QĐ-BQP ngày 08/12/1998 của Bộ trưởng BQP về việc thành lập Binh đoàn 16;
- Xét đề nghị của đồng chí Tổng tham mưu trưởng, Tư lệnh Binh đoàn 16 (tại công văn số 768/TT ngày 19/9/2000).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Trung đoàn 737, Trung đoàn 739 và Bệnh viện 16 trực thuộc Binh đoàn 16.

Điều 2. Nhiệm vụ tổ chức biên chế của các Trung đoàn và bệnh viện :

1- Trung đoàn 737 và Trung đoàn 739 có nhiệm vụ :

a) Đảm bảo dân cư trên địa bàn được đảm nhiệm, phối hợp với chính quyền địa phương vận động dân, sắp xếp bố trí dân cư ổn định chỗ ở, chống du canh, du cư, bảo vệ rừng, trồng rừng.

b) Cùng Đảng bộ chính quyền địa phương xây dựng địa bàn kinh tế kết hợp với Quốc phòng, tham gia xóa đói giảm nghèo.

c) Khai hoang trồng mới, chăm sóc khai thác, chế biến tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp dài ngày.

d) Ổn định chỗ ở cho đơn vị và xây dựng khu vực thành khu trung tâm kinh tế- văn hoá- y tế.

2- Bệnh viện 16 có nhiệm vụ :

a) Thu dung, khám và điều trị bệnh cho quân nhân, công nhân viên của Binh đoàn và một phần nhân dân trên địa bàn đứng chân của đơn vị.

b) Giám định sức khoẻ cho quân nhân, công nhân viên của Binh đoàn.

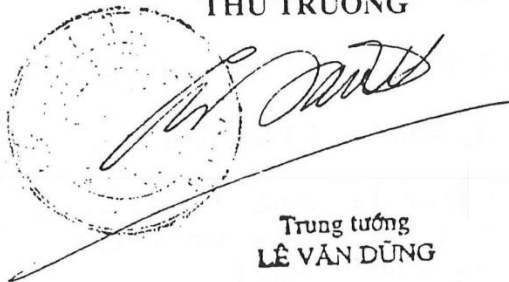
c) Tăng cường, chi viện cho các tuyến khi cần thiết.

3- Tổ chức, biên chế các đơn vị thành lập ở Điều 1 Quyết định này do Bộ Tổng tham mưu quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các đồng chí Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm các Tổng cục, Tư lệnh Binh đoàn 16 và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

K/T BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG



Trung tướng
LÊ VĂN DŨNG

Nơi nhận :
- BTM, TCCT, TCHC,
TCKT, TCCNQP,
- Binh đoàn 16,
- Các cục : Quân lực, tác chiến
Cán bộ, Kinh tế, KH-ĐT,
- Tổng cục BQP, Tòa án QSTW,
Viện kiểm sát QSTW,
- LHM206, NC, PC, BDI,
L-4

SAO LỤC BẢN CHÍNH

BỘ QUỐC PHÒNG
BINH ĐOÀN 16

-----***-----

Số: 0.7.../SL

Ngày 18 tháng 01 năm 2001



TU LỆNH BINH ĐOÀN
TƯ LỆNH CHÍNH TRỊ

Đại tá
TRƯƠNG VĂN HÒA

Nơi nhận:

BỘ QUỐC PHÒNG

-- * --

Số 2/43/2001/QĐ-BQP

THỜI NGÀY 13/09/2001
TỔNG 152/FL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập Tự do - Hạnh phúc

Ngày 10 tháng 9 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG
Về việc thành lập Trung đoàn 736 trực thuộc Binh đoàn 16.

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30/9/1992;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12/11/1996;
- Căn cứ Nghị định số 41/CP ngày 05/7/1996 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Quốc phòng;
- Xét đề nghị của đồng chí Tổng Tham mưu trưởng và Tư lệnh Binh đoàn 16.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Trung đoàn 736 trực thuộc Binh đoàn 16.

Điều 2.

1. Nhiệm vụ của Trung đoàn 736:

- Đảm bảo dân cư trên địa bàn được đảm nhiệm, phối hợp với chính quyền địa phương vận động dân, sắp xếp bố trí dân cư ổn định chỗ ở, chống du canh, du cư, bảo vệ rừng, trồng rừng.
- Cùng Đảng bộ chính quyền địa phương xây dựng địa bàn kinh tế kết hợp với quốc phòng, tham gia xoá đói giảm nghèo.
- Khai hoang trồng mới, chăm sóc khai thác, chế biến tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp dài ngày.
- Ổn định chỗ ở cho đơn vị và xây dựng địa bàn đóng quân thành khu trung tâm kinh tế - văn hoá - y tế vững về an ninh quốc phòng.

2. Tổ chức biên chế Trung đoàn 736 thực hiện theo Quyết định số 407/QĐ-TM ngày 26/6/2001 của Bộ Tổng Tham mưu về tổ chức biên chế Binh đoàn 16.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Các đồng chí Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm các Tổng cục, Tư lệnh Binh đoàn 16 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- BITM, TCCT, TTHC, TCKT, CNQP,
- Binh đoàn 16,
- Các Cục: Quân lực, Tác chiến, Cấn bộ, Tài chính, KH và Đầu tư, Kinh tế,
- Thanh tra BQP,
- Trung đoàn 736/BĐ 16,
- Lưu (NC, PC)

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

THỦ TRƯỞNG

Vai

T

1/1

Luật
BỘ QUỐC PHÒNG

Số: 236 /2003/QĐ-BQP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 19 tháng 9 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG
Về việc thành lập Trung đoàn 725 trực thuộc Binh đoàn 16

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

- Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ban hành ngày 25 tháng 12 năm 2001;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996; đã sửa đổi, bổ sung một số điều ngày 16 tháng 12 năm 2002;
- Căn cứ Nghị định số 41/CP ngày 05 tháng 7 năm 1996 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Quốc phòng;
- Xét đề nghị của đồng chí Tổng Tham mưu trưởng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Trung đoàn 725 trực thuộc Binh đoàn 16.

Điều 2. Nhiệm vụ và tổ chức biên chế của Trung đoàn 725 :

1. Nhiệm vụ :

- Đảm bảo dân cư trên địa bàn được đảm nhiệm, phối hợp với chính quyền địa phương vận động nhân dân, sắp xếp bố trí dân cư ổn định chỗ ở, chống du canh, du cư, bảo vệ rừng, trồng rừng.
- Cùng Đảng bộ chính quyền địa phương xây dựng địa bàn chiến lược kết hợp với quốc phòng, tham gia xóa đói giảm nghèo.
- Khai hoang trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến, tiêu thụ cây công nghiệp dài ngày theo đúng quy định của pháp luật.
- Ổn định chỗ ở cho đơn vị và xây dựng địa bàn đóng quân thành khu Trung tâm kinh tế- văn hoá- y tế, vững về an ninh- quốc phòng.

2. Tổ chức biên chế Trung đoàn 725 thực hiện theo Quyết định số 407/QĐ-TM ngày 26 tháng 6 năm 2001 của Tổng Tham mưu trưởng về tổ chức biên chế Binh đoàn 16.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2003.

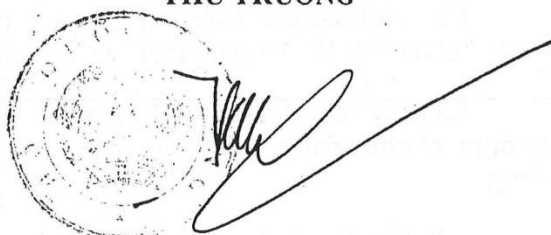
Các đồng chí : Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm các Tổng cục, Tư lệnh Binh đoàn 16 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**K/T BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG
THỦ TRƯỞNG**

Nơi nhận :

- BTM, TCCT, TCHC, TCKT,
- Tổng cục CNQP,
- Binh đoàn 16,
- Các Cục : Quân lực, Tác chiến
- Cán bộ, Tài chính, KH và ĐT,
- Kinh tế, Thanh tra BQP,
- Trung đoàn 725/BĐ 16,
- Lưu (NC, BĐ, PC),

T1

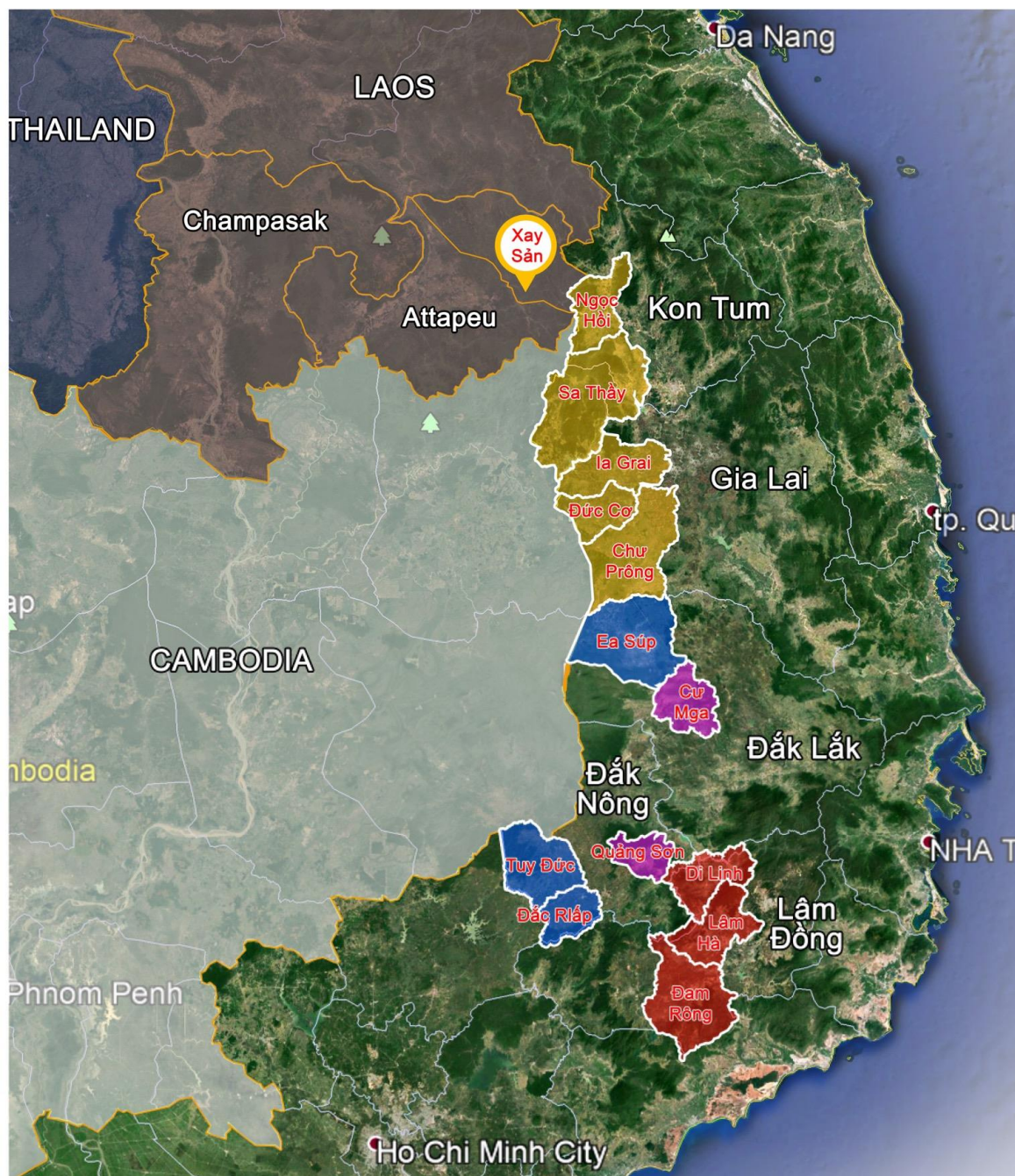


Thượng tướng Phùng Quang Thanh

[Handwritten signature]

Phụ lục 3
MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ HOẠT ĐỘNG
TẠI CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ - QUỐC PHÒNG

LƯỢC ĐỒ ĐỊA BÀN ĐÓNG QUÂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ
QUÂN ĐỘI KINH TẾ - QUỐC PHÒNG Ở TÂY NGUYÊN
(ĐẾN 2013)



BINH ĐOÀN 15
 BINH ĐOÀN 16
 CÔNG TY CÀ PHÊ 15
 ĐOÀN KT-QP BẮC LÂM ĐỒNG



Một trong những vườn cây cao su kinh doanh của Binh đoàn 15

(Nguồn: *Bản lĩnh anh hùng trên cao nguyên xanh*,

Nxb Hội văn hóa, H. 2011, tr.49)



Thi công cầu Đắc Phan (công trình Trường Sơn Đông) của Công ty 711

(Nguồn: *Bản lĩnh anh hùng trên cao nguyên xanh*,

Nxb Hội văn hóa, H. 2011, tr.63)



Hướng dẫn kỹ thuật khai thác mu cao su
cho công nhân người dân tộc thiểu số địa phương.
(Nguồn: *Bản lĩnh anh hùng trên cao nguyên xanh*,
Nxb Hội văn hóa, H. 2011, tr.81)



Cán bộ Binh đoàn 16 hướng dẫn đồng bào chăm sóc cây cà phê
(Nguồn: Phòng truyền thống, trụ sở Binh đoàn 16, Bình Phước)



Làng mới tại khu Kinh tế - quốc phòng
(Nguồn: *Bản lĩnh anh hùng trên cao nguyên xanh*,
Nxb Hội văn hóa, H. 2011, tr.177)



Khu định cư của đồng bào và công nhân Công ty 78 ở Moray
(Nguồn: *Bản lĩnh anh hùng trên cao nguyên xanh*,
Nxb Hội văn hóa, H. 2011, tr.38)



Khu trung tâm vui chơi của Công ty 732

(Nguồn: *Bản lĩnh anh hùng trên cao nguyên xanh*,
Nxb Hội văn hóa, H. 2011, tr.72)



Một trong những Lễ kết nghĩa quân dân ở Binh đoàn 15

(Nguồn: *Bản lĩnh anh hùng trên cao nguyên xanh*,
Nxb Hội văn hóa, H. 2011, tr.71)



Một lớp tiểu học nội trú của Công ty 78
(Nguồn: *Bản lĩnh anh hùng trên cao nguyên xanh*,
Nxb Hội văn hóa, H. 2011, tr.175)



Hoạt động chăm sóc sức khỏe cho đồng bào,
nhân dân địa phương tại Binh đoàn 16
(Nguồn: Phòng truyền thống, trụ sở Binh đoàn 16, Bình Phước)



Đồng bào Mông cùng Đoàn thanh niên tổ chức dọn đường
vào khu KTQP Đắc Rập
(Nguồn: Phòng truyền thống, trụ sở Binh đoàn 16, Bình Phước)



Lực lượng tự vệ của Binh đoàn 16 diễn tập chiến đấu hàng năm
(Nguồn: Phòng truyền thống, trụ sở Binh đoàn 16, Bình Phước)